

KINH
ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN
大般涅槃經

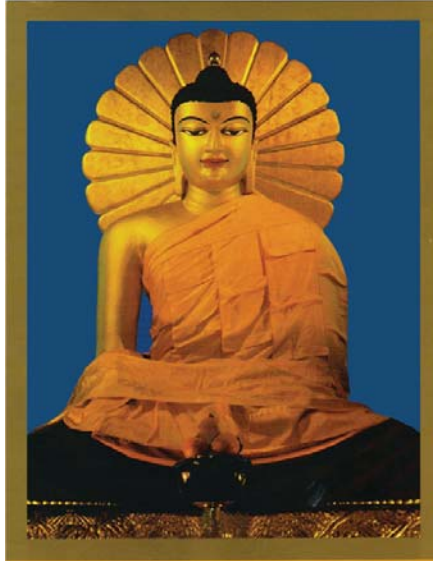
TẬP IV
(QUYỂN 19 - QUYỂN 24)

北涼天竺三藏曇無讖奉詔譯
BẮC LƯƠNG THIÊN TRÚC TAM TẠNG ĐÀM VÔ SẨM PHỤNG CHIẾU DỊCH
ĐOÀN TRUNG CÒN - NGUYỄN MINH TIẾN *Việt dịch và chú giải*
NGUYỄN MINH HIỂN *hiệu đính*

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

願
解
如
來
真
實
義

我
今
見
聞
得
受
持



無
上
甚
深
微
妙
法

百
千
萬
劫
難
遭
遇

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Kinh Phật dạy rằng: “*Thấy kinh như thấy Phật.*”

Kinh điển Đại thừa hiện ở nơi đây, tức mười phương chư Phật đều hiện hữu nơi đây, chư Bồ Tát hộ pháp cũng tụ hội quanh đây. Người đọc kinh này nếu muốn hiểu được ý nghĩa nhiệm mầu sâu xa trong văn kinh, trước hết phải có lòng tin sâu như vậy, sau đó nên chí thành phát lời nguyện rằng:

“*Chánh pháp Như Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được, dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp. Nay con đã nhận được Kinh điển Đại thừa Đại Bát Niết-bàn này để tu tập hành trì, nguyện khai mở trí tuệ để thấu hiểu nghĩa lý sâu xa chân thật trong từng lời thuyết giảng của đức Như Lai.*”

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN MƯỜI CHÍN

PHẨM HẠNH THANH TỊNH

Phẩm thứ tám – Phần năm

Đại có một vị quan khác tên là Tạng Đức cũng đi đến chỗ vua, tâu rằng: “Đại vương! Vì sao dung nhan ngài tiêu tụy, môi miệng khô bỏng, giọng nói nhỏ yếu dường như người nhút nhát khi gặp phải kẻ đại thù địch? Nay da mặt của ngài nhăn nhó, khô nứt, ắt có điều gì khổ sở lắm chăng? Là sự đau đớn nơi thân hay là đau đớn nơi tâm?”

Vua đáp: “Nay thân tâm của ta làm sao có thể không đau đớn? Ta thật là ngu si mù tối, không có mắt tuệ nên gần gũi thân thiện với kẻ ác, nghe theo lời kẻ ác là *Điều-bà-đạt*,¹ ngỗ nghịch muốn giết hại vị vua Chánh pháp.² Trước đây ta từng nghe bậc có trí thuyết kệ rằng:

*Người đối với cha mẹ,
Phật và đệ tử Phật,*

¹ Điều-bà-đạt: tức *Đê-bà-đạt-đa*, cũng gọi là Điều-đạt.

² Đây nhắc lại việc vua nghe lời *Đê-bà-đạt-đa*, dùng con voi say Hộ Tài muốn giết hại đức Phật nhưng không thành. Sự việc được kể rõ trong quyển 18, Tập II.

*Nếu sanh lòng bất thiện,
Làm những việc ác hại,
Ắt phải chịu tội báo,
Sanh địa ngục A-tỳ.*

“Vì việc như thế nên lòng ta sợ sệt, sanh khổ não lớn, lại không có vị lương y nào để ta tìm đến chữa trị.”

Đại thần ấy tâu rằng: “Xin Đại vương đừng ưu sầu sợ sệt. Pháp có hai loại, một là pháp của hàng xuất gia, hai là pháp của vua. Đối với pháp của vua thì kẻ giết hại cha ắt là cai trị được cả đất nước, nên tuy nói như thế là ngỗ nghịch nhưng thật không có tội! Như loài sâu *ca-la-la* cần phải phá thủng bụng mẹ rồi mới sanh ra được. Sự sanh ra như vậy, tuy phá thủng bụng mẹ nhưng thật không có tội. Con la¹ khi mang thai cũng giống như vậy. Về phép trị nước cũng nên như vậy. Dù có giết cha, giết anh cũng không có tội. Còn đối với pháp của hàng xuất gia thì cho đến con muỗi, con kiến mà giết chết cũng là có tội. Xin Đại vương mở lòng đừng sầu khổ nữa. Vì sao vậy?”

*Nếu thường sầu khổ,
Sầu khổ càng tăng;
Như người ham ngủ,
Ngủ càng thêm nhiều.
Tham dâm, nghiện rượu,
Cũng đều như vậy.*

“Như lời vua nói, trong đời không có lương y nào chữa trị được thân tâm của vua. Nay có một vị đại sư tên là

¹ Con la: con vật lai giữa hai loài lừa và ngựa.

Mạt-già-lê Câu-xá-ly tử,¹ thấy biết tất cả, thương xót chúng sanh đều như con mình. Vị ấy đã lìa khỏi phiền não, có thể nhổ bật mũi tên nhọn *ba độc*² cho chúng sanh. Hết thấy chúng sanh đối với các pháp đều không thấy, không biết, không hiểu được, chỉ duy nhất một vị này có thể thấy, biết và hiểu được.

“Vị đại sư ấy thường vì đệ tử mà thuyết pháp rằng: ‘Cái thân của hết thấy chúng sanh đều có bảy phần. Những gì là bảy? Đó là *đất, nước, lửa, gió, khổ, vui* và *mạng sống*. Bảy pháp ấy chẳng phải do biến hóa mà có, chẳng phải do tạo tác mà thành; không thể bị hủy hoại, như loài cỏ *y-sư-ca*,³ trụ yên chẳng động như núi *Tu-di*; chẳng buông bỏ, chẳng làm ra được như sữa hay kem sữa. Hết thấy đều không cần tranh cãi cho là khổ hay là vui, là thiện hay bất thiện, [thân này dù] ném vào lưỡi đao sắc cũng không bị thương tích, tổn hại. Vì sao vậy? Vì bảy phần nói trên là ở giữa hư không, chẳng bị ngăn ngại. Mạng sống cũng không bị tổn hại. Vì sao vậy? Vì không có người làm hại, không có người chết, không có người tạo tác, không có người nhận chịu, không có người nói, không có người nghe, không có người ghi nhớ, không có người thuyết dạy.’

¹ *Mạt-già-lê Câu-xá-ly tử*: Phiên âm từ Phạn ngữ là *Maskarī-gośāliputra*, cũng đọc là *Mạt-già-lê Câu-xá-la, Mạt-già-lê Câu-xá-lợi*... *Mạt-già-lê* là họ, Hán dịch là “thường hành”; *Câu-xá-ly* là tên người mẹ, nên gọi là *Câu-xá-ly tử*, Hán dịch là “ngưu xá”. Vị này là một trong 6 thầy ngoại đạo (lục sư) vào thời đức Phật.

² Mũi tên nhọn ba độc (tam độc lợi tiền): Ba độc là tham, sân và si, như mũi tên nhọn cắm vào thân tâm chúng sanh, khiến cho chúng sanh phải chịu nhiều khổ não, nên gọi là *mũi tên nhọn ba độc*.

³ Cỏ *y-sư-ca* (Iṣika), một loài cỏ có tính bền bỉ, chắc chắn, dùng để ví với những gì chắc chắn, không thể phá hoại. Sách *Du-già lược toàn* (瑜伽略纂) quyển 3 có viết: “有草名伊師迦，體性堅實” (*Hữu thảo danh y-sư-ca, thể tánh kiên thật* - Có loài cỏ tên y-sư-ca, bản tính bền chắc.)

“Đại sư ấy thường thuyết pháp như vậy, có thể khiến cho chúng sanh diệt trừ hết thấy vô số tội nặng. Nay vị thầy ấy đang ở tại thành lớn *Vương Xá*. Xin Đại vương ngự đến chỗ ở của vị ấy. Nếu vua gặp được vị ấy rồi, mọi tội lỗi đều sẽ được tiêu diệt.”

Vua nói: “Nếu thật vị ấy có thể dứt trừ được tội lỗi của ta, ta sẽ quy y.”

Lại có một vị quan khác tên là *Thật Đức*, cũng đi đến chỗ vua, đọc kệ rằng:

*“Đại vương vì sao,
Chẳng đeo chuỗi ngọc?
Đầu tóc rối bời,
Cho đến nỗi này?
Thân vua vì sao,
Run rẩy chẳng yên,
Như cơn gió lớn,
Lay động cành hoa?”*

“Hôm nay vì sao vẻ mặt của vua lại buồn rầu tiêu tụy, như người làm ruộng gieo giống rồi không gặp được cơn mưa? Ngài sầu khổ như vậy, là đau đớn trong tâm hay đau đớn nơi thân?”

Vua đáp rằng: “Nay thân tâm ta làm sao lại có thể không đau đớn? Đáng tiên vương cha ta vốn một lòng từ ái, đặc biệt thương yêu ta, thật không có tội lỗi chi cả. Ngày trước khi sanh ta ra, người có đến hỏi thầy tướng, thầy tướng nói rằng: ‘Đứa trẻ ấy sanh ra rồi, chắc chắn sẽ giết hại cha.’ Dù nghe nói như vậy nhưng người vẫn cương

chiều nuôi dưỡng ta. Ta từng nghe bậc có trí nói rằng: ‘Kẻ nào gian dâm với mẹ hoặc *tỳ-kheo* ni, hoặc trộm lấy tài vật của *Tam bảo*,¹ hoặc giết hại người phát tâm vô thượng *Bồ-đề*, hoặc giết hại cha mình, những kẻ ấy nhất định phải đọa vào địa ngục *A-tỳ*. Nay thân tâm ta làm sao lại có thể không đau đớn?’

Đại thần ấy tâu: “Xin Đại vương chớ nên sầu khổ. Về chuyện vua cha, nếu là người tu đạo giải thoát mà giết hại thì có tội, nếu theo phép trị nước mà giết thì không có tội. Đại vương! Không đúng pháp thì gọi là *phi pháp*, không có pháp thì gọi là *vô pháp*.”

“Ví như không có con thì gọi là không con, có con xấu ác cũng gọi là không con. Tuy nói là không con, nhưng thật chẳng phải không có con. Như trong thức ăn không có muối gọi là không muối, nếu thức ăn có ít muối, cũng nói là không muối. Như sông không có nước gọi là không nước, nếu sông có ít nước cũng nói là không nước. Như mỗi một khoảnh khắc đều nói nhau diệt mất gọi là *vô thường*, tuy tồn tại được một kiếp cũng gọi là *vô thường*.² Như người chịu khổ gọi là không vui, tuy được vui ít cũng gọi là không vui. Như người không được tự tại gọi là không có *ngã*, tuy có ít tự tại cũng gọi là không có *ngã*.³ Như khi đêm tối gọi là không có mặt trời, khi có nhiều mây mù, cũng nói là không có mặt trời.

¹ Nguyên văn dùng “Tăng-kỳ vật”, chỉ cho những vật thuộc quyền sở hữu của Tăng-già, hay Tăng đoàn, giáo hội, tức là những tài sản chung ở các ngôi chùa, tịnh xá... nói chung là tài vật thuộc về ngôi Tam bảo, không phải của riêng ai.

² Tuy thấy là tồn tại trong một kiếp, nhưng thật ra thì mỗi khoảnh khắc đều biến đổi, hoại diệt, nên gọi là vô thường.

³ Ở đây quan niệm rằng nếu thật có *ngã* thì phải làm chủ được cái *ngã* ấy, phải được tự do, tự tại.

“Đại vương! Tuy nói rằng ít pháp cũng gọi là không có pháp, nhưng thật chẳng phải là không có pháp. Xin vua lắng nghe thần diễn thuyết. Hết thấy chúng sanh đều có nghiệp đời trước còn lại. Do duyên có nghiệp nên phải chịu nhiều đời sanh tử. Ví như tiên vương có nghiệp đời trước còn lại, nay vua giết đi thì xét cho cùng đâu có tội gì? Xin đại vương mở lòng đừng sầu khổ. Vì sao vậy?

*“Nếu thường sầu khổ,
Sầu khổ càng tăng.
Như người ham ngủ,
Ngủ càng thêm nhiều.
Tham dâm, nghiện rượu,
Cũng đều như vậy.*

“Như lời vua nói, trong đời không có lương y nào chữa trị được thân tâm của vua. Nay có một vị đại sư tên là *San-xà-da Tỳ-la-chi tử*,¹ thấy biết tất cả, trí tuệ uyên thâm như biển lớn, có oai đức lớn, đủ phép thần thông lớn, có thể khiến cho chúng sanh lìa khỏi mọi sự nghi ngờ. Hết thấy chúng sanh đối với các pháp đều không thấy, không biết, không hiểu được; chỉ duy nhất một vị này thấy, biết và hiểu được. Hiện nay vị ấy ở gần thành *Vương Xá*, vì các đệ tử mà thuyết pháp như thế này: ‘Nếu là vị vua của chúng dân thì [có thể] tùy ý làm các việc thiện ác. Tuy làm các việc ác cũng không có tội. Như lửa thiêu đốt mọi

¹ San-xà-da Tỳ-la-chi tử: phiên âm từ Phạn ngữ là *Saṅjaya-vairāṭī putra*, cũng đọc là San-thệ-di Tỳ-lạt-tri tử, là một trong sáu vị thầy ngoại đạo (Lục sư ngoại đạo) vào thời đức Phật. Vì là con của bà Tỳ-la-chi nên gọi là Tỳ-la-chi tử, còn San-xà-da (刪闍耶) là tên, Hán dịch là Đẳng thắng, cũng viết là San-xà-dạ (刪闍夜).

vật, không kể là dơ hay sạch. Vị vua cũng vậy, cùng một tính chất với lửa.

“Như cội đất lớn, mọi thứ dơ sạch đều dung chứa. Tuy dung chứa như vậy mà không hề có sự giận tức hoặc vui mừng. Vị vua cũng vậy, cùng một tính chất với đất.

“Như tính chất của nước, mọi thứ dơ sạch đều có thể rửa. Tuy rửa như vậy mà không hề có sự buồn lo hoặc vui mừng. Vị vua cũng vậy, cùng một tính chất với nước.

“Như tính chất của gió, mọi thứ dơ sạch đều thổi như nhau. Tuy thổi như vậy mà không hề có sự buồn lo hoặc vui mừng. Vị vua cũng vậy, cùng một tính chất với gió.

“Như mùa thu xén tỉa cây cối, đến mùa xuân cây sanh trưởng trở lại. Tuy xén tỉa cành cây nhưng thật không có tội. Hết thảy chúng sanh cũng là như vậy, chết đi ở nơi này, rồi sanh trở lại cũng ở nơi này. Vì sanh trở lại nên đâu có tội gì?

“Hết thảy những quả báo khổ hoặc vui của chúng sanh đều không phải do nơi nghiệp của đời hiện tại. Do nhân từ quá khứ mà hiện tại mới chịu quả báo. Hiện tại không có nhân, tương lai không có quả. Vì có quả báo hiện tại nên chúng sanh phải trì giới, chuyên cần tu tập tinh tấn để ngăn ngừa quả xấu trong hiện tại. Nhờ trì giới nên được vô lậu.¹ Nhờ được vô lậu nên dứt hết nghiệp hữu lậu. Vì dứt hết nghiệp nên mọi khổ não đều dứt hết. Vì mọi khổ não đều dứt hết nên được giải thoát!

“Xin đại vương mau mau đến chỗ đại sư, để vị ấy liệu trị những nỗi đau đớn khổ não trong thân tâm của ngài. Nếu vua gặp được vị ấy rồi, mọi tội lỗi đều sẽ tiêu diệt.”

¹ Vô lậu: không có sự rỉ chảy những điều bất tịnh, được dùng chỉ sự ô nhiễm của sáu căn do tiếp xúc với sáu trần. Vô lậu tức là thanh tịnh, không còn bị ô nhiễm.

Vua đáp: “Nếu thật vị ấy có thể dứt trừ được tội của ta, ta sẽ quy y.”

Lại có một vị quan tên là Tất Tri Nghĩa, đi đến chỗ vua tâu rằng: “Vì sao hôm nay hình dung của vua không được đoan nghiêm, giống như kẻ mất nước, như suối cạn khô, như ao hồ không có hoa sen, như cây không hoa lá, như *tỳ-kheo* phá giới thân không có oai đức? Là đau đớn nơi thân chăng? Hay đau đớn trong tâm?”

Vua đáp: “Nay thân tâm ta làm sao lại có thể không đau đớn? Đấng tiên vương cha ta là người từ hòa trác ẩn, luôn thương yêu ta, nhưng ta đây bất hiếu, chẳng biết báo ơn. Người thường làm cho ta được yên vui, nhưng ta lại bội ơn, dứt mất sự yên vui của người. Tiên vương không có tội, ta lại ngỗ nghịch giết hại. Ta từng nghe bậc có trí nói rằng: ‘Nếu có người giết hại cha mình, người ấy sẽ phải chịu khổ báo lớn trong vô số kiếp. Không bao lâu nữa ắt ta phải đọa vào địa ngục. Lại không có vị lương y nào cứu chữa được [căn bệnh] tội lỗi của ta.’”

Đại thân tâu rằng: “Xin đại vương hãy buông bỏ đi sự sầu khổ. Lẽ nào đại vương không nghe việc ngày xưa có vua *La-ma* giết cha rồi nối ngôi. Lại còn các vị vua như *Bạt-đề*, *Tỳ-lâu-chân*, *Na-hâu-sa*, *Ca-đế-ca*, *Tỳ-xá-khư*, *Nguyệt Quang Minh*, *Nhật Quang Minh*, *Ái*, *Trì-đa-nhân*, đều đã giết hại cha để nối ngôi vua, nhưng không có một vị vua nào phải đọa vào địa ngục cả! Hiện nay có các vị vua như *Tỳ-lưu-ly*, *Ưu-đà-na*, *Ác Tánh*, *Thử*, *Liên Hoa*, đều đã giết hại cha, nhưng không một vị vua nào sanh tâm sầu não. Tuy nói có địa ngục, ngạ quỷ, cõi trời, nhưng có ai thấy được chăng?”

“Đại vương! Chỉ có hai cõi mà thôi: một là cõi người, hai là cõi súc sanh. Tuy có hai cõi ấy, nhưng không phải do nhân duyên mà sanh, không phải do nhân duyên mà chết. Nếu không do nhân duyên, làm sao lại có những việc thiện, ác? Xin Đại vương chớ ôm lòng lo buồn sợ sệt. Vì sao vậy?

*“Nếu thường sầu khổ,
Sầu khổ càng tăng.
Như người ham ngủ,
Ngủ càng thêm nhiều.
Tham dâm, nghiện rượu,
Cũng đều như vậy.*

“Như lời vua nói, trong đời không có lương y nào chữa trị được thân tâm của vua. Nhưng nay có một vị đại sư tên là *A-kỳ-đa Sí-xá Khâm-bà-la*,¹ thấy biết tất cả, xem vàng với đất đều bình đẳng không sai khác. Đối với kẻ dùng dao chém vào hông bên mặt với kẻ lấy bột thơm *chiên-dàn* thoa phết lên hông bên trái, đều xem như nhau, không phân biệt sai khác. Đối với kẻ oán, người thân đều xem như nhau. Vị thầy ấy quả thật là bậc lương y trong đời. Khi đi, đứng, ngồi, nằm đều thường ở trong *Tam-muội*, không phân tâm tán loạn. Vị ấy có dạy đệ tử rằng: ‘Như tự mình làm hoặc khuyên bảo kẻ khác làm, tự mình chém hoặc khuyên bảo kẻ khác chém, tự mình đốt hoặc khuyên bảo kẻ khác đốt, tự mình làm hại hoặc khuyên

¹ A-kỳ-đa Sí-xá Khâm-bà-la, phiên âm từ tên Phạn ngữ là *Ajita-keśa-kambara*, là một trong sáu vị thầy ngoại đạo thời đức Phật. Ngài Huyền Trang dịch nghĩa tên ông này là “Vô Thắng Phát Hạt”.

bảo kẻ khác làm hại, tự mình trộm cắp hoặc khuyên bảo kẻ khác trộm cắp, tự mình dâm dục hoặc khuyên bảo kẻ khác dâm dục, tự mình nói dối hoặc khuyên bảo kẻ khác nói dối, tự mình uống rượu hoặc khuyên bảo kẻ khác uống rượu, hoặc giết chết dân trong một làng, một thành, một nước, hoặc dùng vòng đao giết hết thầy chúng sanh, hoặc về phía nam sông *Hằng* bố thí cho chúng sanh, về phía bắc sông *Hằng* giết hại chúng sanh... hết thầy đều không có tội, không có phước. Không có bố thí, trì giới và định!

“Hiện nay vị thầy ấy đang ở gần thành *Vương Xá*, xin vua mau mau đến đó. Nếu vua được gặp vị ấy, mọi tội lỗi sẽ dứt trừ.”

Vua liền đáp: “Nếu thật vị ấy có thể dứt trừ được tội lỗi của ta, ta sẽ quy y.”

Lại có một vị đại thần tên là *Cát Đức*, cũng đến chỗ vua tâu rằng: “Hôm nay vì sao vẻ mặt vua không được tươi sáng, như ngọn đèn giữa ánh nắng, như mặt trăng giữa ban ngày, như ông vua mất nước, như ruộng đất bỏ hoang? Đại vương! Hiện nay bốn phương thanh bình vui vẻ, không có kẻ thù địch, sao ngài lại sầu khổ như thế? Ngài đau đớn nơi thân chăng? Hay đau đớn nơi tâm? Có những vương tử thường luôn nghĩ rằng: ‘Như ta biết đến bao giờ mới được tự do tùy ý thích?’ Còn đại vương đã toại ý nguyện, tự do tùy ý cai trị đất nước *Ma-già-đà*, kho báu của tiên vương, ngài đã có được đầy đủ. Chỉ nên thích ý, mặc tình hưởng sự vui sướng, sao lại ôm lòng buồn đau khổ sở như vậy làm gì?”

Vua đáp: “Nay ta làm sao lại có thể không sầu não? Đại thần! Ví như người ngu chỉ tham vị ngon mà chẳng thấy con dao bén, như người ăn các món độc chẳng thấy sự tai hại. Ta cũng như vậy. Như con nai thấy cỏ, chẳng thấy hố bẫy sâu; như con chuột tham ăn chẳng thấy con mèo. Ta cũng như vậy, thấy sự vui sướng trong hiện tại mà chẳng thấy quả báo bất thiện, khổ não trong tương lai. Ta từng nghe bậc có trí nói rằng: “Thà trong một ngày chịu đâm ba trăm mũi giáo, chứ không nẩy sanh dù chỉ một ý tưởng ác đối với cha mẹ. Nay ta đã ở kề bên lửa nóng địa ngục, làm sao có thể không sầu não?”

Đại thần lại tâu: “Ai đã đến đây dối gạt đại vương rằng có địa ngục? Như mũi gai nhọn, ai là người làm ra? Lại như các giống chim có màu khác nhau, có ai làm ra như vậy đâu? Như tính chất của nước là thấm ướt, tính chất của đá là cứng chắc, tính chất của gió là chuyển động, tính chất của lửa là nóng ấm... hết thảy muôn vật đều tự sanh ra, tự chết đi. Ai là người làm ra những việc ấy? Nói địa ngục đó, chính là lời bịa đặt của những người có trí. Nói địa ngục đó là có nghĩa gì? Thần sẽ nói đây:

“Chữ *địa* gọi là đất, chữ *ngục* gọi là phá; vì phá địa ngục không có tội báo nên gọi là *địa ngục*. Lại nữa, chữ *địa* gọi là người, chữ *ngục* gọi là trời; vì giết hại cha nên sanh lên cõi người, cõi trời.

“Vì những nghĩa ấy nên vị tiên nhân *Bà-tầu* nói rằng: ‘Giết dê được hưởng sự vui sướng ở cõi người, cõi trời.’ Cho nên gọi là địa ngục. Lại nữa, chữ *địa* gọi là mạng sống,

chữ *ngục* gọi là lâu dài. Nhờ giết hại mạng sống nên được mạng sống lâu dài, cho nên gọi là địa ngục. Đại vương! Vậy nên biết rằng thật không có địa ngục.

“Đại vương! Như gieo lúa thì được lúa, gieo lúa mì thì được lúa mì. Giết hại địa ngục lại mắc vào địa ngục; giết hại con người ta phải được trở lại làm người. Nay xin đại vương nghe thần nói đây: ‘Thật không có việc giết hại. Nếu có cái bản ngã thì thật chẳng có việc giết hại, như không có cái bản ngã thì cũng không có việc giết hại. Vì sao vậy? Nếu có *bản ngã* thì đó là thường còn, không biến đổi. Vì thường còn nên không thể giết hại, không thể phá hoại, không thể trói buộc, không giận tức, không vui mừng, dường như hư không. Như vậy làm sao có tội giết hại?’

“Nếu là không có *bản ngã* thì các pháp đều là vô thường. Vì là vô thường, nên mỗi khoảnh khắc đều nối nhau hoại diệt. Vì mỗi khoảnh khắc đều nối nhau hoại diệt nên kẻ giết, kẻ bị giết chết đều mỗi khoảnh khắc nối nhau hoại diệt. Nếu mỗi khoảnh khắc đều nối nhau hoại diệt thì ai là người có tội?

“Đại vương! Như lửa đốt cháy cây, lửa không có tội; như rìu đốn củi, rìu cũng vô tội; như liềm cắt cỏ, liềm thật vô tội. Như dao giết người, dao thật chẳng phải người; dao đã không có tội, người sao lại có tội? Như thuốc độc giết người, thuốc độc thật chẳng phải người; thuốc độc không có tội, người sao lại có tội? Hết thấy vạn vật cũng đều như vậy, thật không có việc giết hại, làm sao có tội? Xin đại vương đừng sanh sầu khổ. Vì sao vậy?

*Nếu thường sâu khổ,
Sâu khổ càng tăng.
Như người ham ngủ,
Ngủ càng thêm nhiều.
Tham dâm, nghiện rượu,
Cũng đều như vậy.*

“Như lời vua nói, trong đời không có lương y nào chữa trị được thân tâm của vua. Nay có một vị đại sư tên là *Ca-la-cưu-đà Ca-chiên-diên*,¹ thấy biết tất cả, hiểu rõ cả ba đời, chỉ trong một khoảnh khắc có thể thấy được vô lượng vô biên thế giới, nghe được âm thanh cũng nhiều như vậy, có thể khiến cho chúng sanh lìa xa những việc lỗi lầm, hung ác.

“Như sông Hằng có thể làm cho những sự dơ nhớp ở trong hoặc ở ngoài đều trở nên trong sạch, vị đại sư ấy lại cũng như vậy, có thể trừ dứt mọi tội lỗi ở bên trong và bên ngoài của chúng sanh. Vị ấy vì các đệ tử mà thuyết pháp rằng: ‘Nếu có người giết hại hết thảy chúng sanh mà lòng không hổ thẹn thì không bao giờ đọa vào đường ác, cũng như hư không chẳng tiếp nhận nước và bụi bặm. Nếu có hổ thẹn liền đọa vào địa ngục, cũng như nước thấm vào lòng đất. Hết thảy chúng sanh đều là do vị Tự Tại Thiên tạo ra. Vị Tự Tại Thiên vui thì chúng sanh được an vui; vị Tự Tại Thiên giận thì chúng sanh phải khổ não. Tội hay phước của hết thảy chúng sanh đều do vị Tự Tại Thiên làm ra. Sao lại nói rằng người ta có tội, có phước?’

¹ Ca-la-cưu-đà Ca-chiên-diên: phiên âm từ Phạn ngữ là *Kakuda-katyāyana*, cũng đọc là Cước-câu-đà Ca-na-diễn-na, Hán dịch là Hắc Lĩnh, là một trong 6 vị thầy ngoại đạo thời đức Phật.

“Vị như người thợ khéo làm ra người gỗ có máy móc, có thể đi, đứng, ngồi, nằm, chỉ không biết nói thôi. Chúng sanh cũng như người gỗ ấy. Vị TỰ TẠI THIÊN ví như người thợ khéo, người gỗ ví như thân chúng sanh. Biến hóa tạo ra như vậy thì ai là người có tội?”

“Vị đại sư ấy hiện nay đang ở gần thành *Vương Xá*. Xin đại vương mau ngự giá đến đó. Nếu vua gặp được vị ấy thì mọi tội lỗi đều sẽ diệt mất.”

Vua đáp: “Nếu quả thật vị ấy có thể dứt trừ được tội của ta, ta sẽ quy y.”

Lại có một vị quan tên Vô Sở Úy, đi đến chỗ vua tâu rằng: “Đại vương! Ở đời có kẻ ngu, trong một ngày mà trăm lần vui, trăm lần buồn, trăm lần ngủ, trăm lần thức, trăm lần sợ, trăm lần khóc. Người trí không có những việc như vậy. Vì sao đại vương ưu sầu đến thế, như kẻ đi đường lạc lối, như kẻ sa xuống bùn sâu chẳng ai cứu vớt, như kẻ khát cháy không gặp được nước, như kẻ mê lầm không ai dắt dẫn, như kẻ bệnh nặng không thầy cứu chữa, như thuyền đắm trên biển không người cứu vớt? Nay đại vương đau đớn nơi thân, hay là đau đớn trong tâm?”

Vua đáp: “Nay thân tâm ta làm sao có thể không đau đớn? Ta gần gũi bạn ác mà chẳng xét điều sai trái trong lời nói.¹ Tiên vương vốn không có tội, ta ngỡ nghịch dựng chuyện giết hại. Nay ta biết chắc sẽ phải vào địa ngục, lại không có vị lương y nào để ta tìm gặp xin cứu giúp.”

Vị quan ấy liền tâu: “Xin đại vương đừng sanh lòng sầu khổ. Dòng *sát-lợi* là dòng vua chúa, nếu vì đất nước, vì

¹ Đây chỉ việc vua nghe lời xúi giục của *Đê-bà-đạt-đa* mà giết cha, hại Phật.

hàng *sa-môn* hoặc *bà-la-môn*, vì sự an ổn của nhân dân, dù có giết hại cũng không có tội. Tiên vương tuy có cung kính hàng *sa-môn*, nhưng chẳng phụng sự hàng *bà-la-môn*, lòng không bình đẳng. Vì lòng không bình đẳng nên chẳng phải dùng *sát-lợi*. Nay đại vương vì muốn cúng dường các thầy *bà-la-môn* mà giết hại tiên vương thì nào có tội gì?

“Đại vương! Thật không có việc giết hại. Nói giết hại là giết hại mạng sống. Mạng sống ấy là hơi gió. Tánh của hơi gió không thể giết hại được, vậy làm sao giết hại mạng sống mà có tội? Xin đại vương đừng sầu khổ nữa. Vì sao vậy?

*Nếu thường sầu khổ,
Sầu khổ càng tăng.
Như người ham ngủ,
Ngủ càng thêm nhiều.
Tham dâm, nghiện rượu,
Cũng đều như vậy.*

“Như lời vua nói, trong đời không có lương y nào chữa trị được thân tâm của vua. Nhưng nay có một vị đại sư tên là *Ni-kiền-đà Nhã-đề tử*,¹ thấy biết tất cả, thương xót chúng sanh, khéo biết được căn tánh lạnh lợi và chậm lụt của chúng sanh, đạt đến chỗ thấu hiểu tất cả, biết tùy nghi phương tiện, *tám pháp thế gian*² không thể làm ô nhiễm, tu tập *Phạm hạnh* thanh tịnh vắng lặng. Vị ấy vì

¹ Ni-kiền-đà Nhã-đề tử: phiên âm từ Phạn ngữ *Nirgranthajñātiputra*, cũng gọi tắt là Ni-kiền, Hán dịch là Ly Hệ hoặc Bát Hệ, là một trong 6 vị thầy ngoại đạo (Lục sư) thời đức Phật.

² Tám pháp thế gian: cũng gọi là bát phong (tám ngọn gió), chỉ những điều kiện tác động làm ô nhiễm tâm thức. Tám pháp ấy là: lợi (những điều có lợi), suy (những sự bất lợi, suy kém), hủy (những sự mạ nhục, xúc phạm), dự (những danh

các đệ tử mà thuyết dạy rằng: ‘Không có bố thí, không có việc thiện, không có cha, không có mẹ, không có đời này, không có đời sau, không có *A-la-hán*, không có tu tập, không có đạo. Hết thấy chúng sanh [sau khi] trải qua đủ tám muôn kiếp trong vòng sanh tử rồi tự nhiên sẽ được thoát ra. Dù có tội hay không có tội cũng đều như nhau. Cũng như bốn con sông lớn: *Tân-đâu*, *Hằng hà*, *Bác-xoa*, *Tu-đà*, thấy đều chảy vào biển cả, không có sai khác. Hết thấy chúng sanh cũng như vậy, khi được giải thoát thì đều như nhau, không có gì sai khác.

“Vị thầy ấy nay đang ở tại thành *Vương Xá*. Xin đại vương mau mau đến đó. Nếu vua gặp được vị ấy, mọi tội lỗi đều sẽ diệt mất.”

Vua đáp: “Nếu quả thật vị ấy có thể dứt trừ được tội lỗi của ta, ta sẽ quy y.”

Bấy giờ có một vị đại lương y tên là *Kỳ-bà*,¹ đến chỗ vua ngự và tâu rằng: “Đại vương! Ngài ngủ có được yên giấc chăng?”

Vua liền đọc kệ đáp rằng:

*“Nếu ai trừ dứt được,
Hết thấy mọi phiền não,
Chẳng tham đắm Ba cõi,
Mới được giấc ngủ yên.”*

thơm, tiếng tốt), xưng (những sự khen ngợi, tán tụng), cơ (những sự chê trách, ghét bỏ), khổ (những sự đau đớn, khổ sở), lạc (những sự mừng vui, thích thú).

¹ Kỳ-bà: phiên âm từ Phạn ngữ là *Jīvaka*, cũng đọc là Kỳ-vực, Kỳ-bà-già, là lương y nổi danh đương thời. Theo Phật thuyết Nại nữ Kỳ-bà kinh (Đại Chánh tạng quyển 12, kinh số 554) do ngài An Thế Cao dịch vào thời Hậu Hán thì Kỳ-bà là anh trai cùng cha khác mẹ với vua A-xà-thế, là con của vua Tân-bà-sa-la (Bình Sa vương) với một người kỹ nữ. Ông theo học y thuật tinh thông, thường trị bệnh cho chúng tăng và là người am hiểu cũng như chí thành tin sâu Phật pháp.

*Nếu đạt Đại Niết-bàn,
Diễn thuyết nghĩa rất sâu,
Đích thật bà-la-môn,
Mới được giấc ngủ yên.*

*Thân không các nghiệp ác,
Miệng lia bốn lỗi lầm,¹
Lòng không có nghi nan,
Mới được giấc ngủ yên.*

*Thân tâm không nóng nảy,
Trụ yên nơi vắng lặng,
Được chỗ vui cao nhất,
Mới được giấc ngủ yên.*

*Lòng không có đấm cháp,
Lìa xa mọi oán thù,
Hiện hòa không tranh chấp,
Mới được giấc ngủ yên.*

*Nếu không tạo nghiệp ác,
Lòng thường biết hổ thẹn,
Tin việc ác có báo,
Mới được giấc ngủ yên.*

¹ Tức là bốn nghiệp ác của lời nói, gồm: nói dối (vọng ngữ), nói thêu dệt (ỷ ngữ), nói hai lưỡi (luông thiệt) và nói lời độc ác (ác khẩu).

*Cung kính nuôi cha mẹ,
Không giết hại vật sống,
Không cướp tài vật người,
Mới được giấc ngủ yên.*

*Điều phục được các căn,
Giữ gìn thiện tri thức,
Phá hoại Bốn chúng ma,¹
Mới được giấc ngủ yên.*

*Chẳng thấy việc lành, dữ,
Chẳng phân biệt khổ, vui,
Chỉ vì mọi chúng sanh,
Mà luân chuyển sanh tử.
Ai làm được như vậy,
Mới được giấc ngủ yên.*

*Ai được ngủ yên giấc?
Đó chính là chư Phật,
Quán sâu Không Tam-muội
Thân tâm yên chẳng động.*

¹ Bốn chúng Ma, cũng gọi là Bốn loại Ma (Tứ chủng ma), chỉ bốn thứ nghịch hại, gây rối loạn nơi thân tâm chúng sanh: 1. Phiền não ma (hết thảy mọi phiền não trong đời sống). 2. Ấm ma (hay ngũ ấm ma, chỉ các ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, là các yếu tố cấu thành thân tâm, cũng là nguyên nhân của đau khổ), 3. Tử ma (Ma chết, chấm dứt mạng sống của chúng sanh), 4. Tha hóa tự tại thiên tử ma (Ma trời dưới quyền Ma vương ở cõi trời Tha hóa tự tại, thường gây mọi trở ngại cho người tu tập chánh đạo.)

*Ai được ngủ yên giấc?
Là bậc có từ bi,
Thường tu không buông thả,
Thương muôn loài như con.*

*Chúng sanh do vô minh,
Không thấy quả phiền não,
Thường tạo các nghiệp ác,
Chẳng được giấc ngủ yên.*

*Nếu là vì thân mình,
Hoặc vì thân người khác,
Mà làm Mười nghiệp ác,¹
Chẳng được giấc ngủ yên.*

*Nếu nói: ‘Vì được vui,
Giết cha không có tội.’
Tin theo kẻ ác này,
Chẳng được giấc ngủ yên.*

*Ăn nhiều không điều độ,
Uống nước lạnh rất nhiều,
Như vậy phải bệnh khổ,
Chẳng được giấc ngủ yên.*

¹ Mười nghiệp ác (Thập bất thiện): cũng gọi là Thập ác, bao gồm: 1. Sát sanh, 2. Trộm cắp, 3. Tà dâm, 4. Vọng ngữ, 5. Ý ngữ, 6. Lừa dối, 7. Ác khẩu, 8. Tham dục, 9. Sân khuế, 10. Tà kiến.

*Nếu có lỗi với vua,
Gian dâm vợ người khác,
Hoặc đi đường vắng vẻ,
Chẳng được giấc ngủ yên.*

*Người giữ giới chưa thành,
Thái tử chưa nối ngôi,
Kẻ trộm chưa được của,
Chẳng được giấc ngủ yên.*

“Kỳ-bà! Nay ta bệnh nặng, đối với vị Vua Chánh pháp lại khởi lên việc ác làm hại, nên hết thầy lương y, thuốc hay, chú thuật, cùng việc giới chẩn đoán bệnh đều không thể trị được [bệnh của ta]. Vì sao vậy? Đấng tiên vương cha ta trị nước đúng phép tắc, thật không có lỗi, ta lại ngỗ nghịch giết hại. Ta nay như con cá nằm trên cạn, có vui sướng gì? Như con hươu mắc bẫy, có vui sướng gì? Lại cũng giống như người tự biết mình sắp chết trong ngày, như ông vua mất nước trốn sang nước khác, như người nghe biết bệnh mình không thể trị dứt, như kẻ phá giới nghe người khác nói ra tội lỗi.

“Trẫm từng nghe bậc có trí nói rằng: ‘Nếu ba nghiệp thân, khẩu và ý không được thanh tịnh, nên biết rằng người ấy chắc phải đọa địa ngục.’ Ta nay cũng vậy, làm sao được ngủ yên giấc? Nay ta lại không được vị *Vô thượng đại y*¹ diễn thuyết cho bài thuốc Chánh pháp để dứt trừ bệnh khổ của ta.”

¹ Vô thượng đại y: chỉ đức Phật, vì tôn xưng Phật là vị thầy thuốc trị liệu được tất cả mọi căn bệnh thân tâm của chúng sanh, không còn ai có thể vượt hơn được.

Kỳ-bà nói: “Lành thay! Tuy vua đã tạo tội nhưng sanh tâm hối hận mạnh mẽ, biết ôm lòng hổ thẹn.

“Đại vương! Chư Phật Thế Tôn thường dạy rằng: ‘Có hai pháp lành¹ có thể cứu được chúng sanh, một là biết xấu hổ với người khác, hai là biết tự thẹn. Biết xấu hổ thì tự mình không làm điều tội lỗi; biết tự thẹn thì không xúi giục người khác làm điều tội lỗi. Biết xấu hổ thì tự trong lòng mình thấy nhục, thấy xấu; biết tự thẹn thì [sẵn sàng] bày tỏ sự lỗi lầm của mình với người khác [để hối cải].

“Biết xấu hổ là cảm thấy xấu với mọi người khác; biết tự thẹn là cảm thấy xấu với chư thiên, [những người làm điều lành]. Đó gọi chung là hổ thẹn.

“Nếu ai không biết hổ thẹn thì không đáng gọi là người, nên gọi là loài súc sanh. Nếu biết hổ thẹn ắt sẽ biết cung kính các bậc cha mẹ, sư trưởng... Nhờ có sự hổ thẹn nên có thể nói là có đủ cha mẹ, anh em, chị em... Lành thay! Đại vương thật có đầy đủ lòng hổ thẹn.

“Xin đại vương hãy lắng nghe. Hạ thần có nghe đức Phật dạy rằng: Người trí có hai điều, một là không làm việc ác, hai là nếu lỡ phạm vào liền sám hối. Người ngu cũng có hai điều, một là làm những việc tội lỗi xấu ác, hai là [đã làm rồi lại] che giấu tội lỗi. Tuy trước có làm việc ác, nhưng sau đó nếu có thể bộc lộ, hối tiếc rồi hổ thẹn, [thì sẽ] không dám phạm vào nữa. Cũng như đặt hạt minh châu vào nước đục, nhờ công dụng của hạt châu nên nước liền lắng trong. Như khói mây tan hết thì vàng trắng sáng tỏ. Người làm việc ác rồi biết hối tiếc cũng

¹ Nguyên văn dùng “bach pháp”, chỉ chung các thiện pháp, pháp lành.

giống như vậy. Nếu vua có thể sám hối, ôm lòng hổ thẹn thì tội lỗi ắt sẽ được dứt trừ, trở nên trong sạch như trước.

“Đại vương! Những người giàu sang có hai loại. Một là có nhiều voi, ngựa và mọi thứ vật nuôi; hai là có nhiều vàng bạc và mọi thứ châu báu. Voi ngựa tuy nhiều cũng không thể sánh bằng chỉ một hạt châu. Đại vương! Chúng sanh cũng vậy, một là có nhiều việc ác, hai là có nhiều việc thiện; làm nhiều việc ác không bằng làm một việc thiện. [Vì thế,] thần có nghe Phật dạy rằng: ‘Tu tập một tâm thiện phá được trăm việc ác.’

“Đại vương! Cũng như một ít kim cương có thể phá hoại cả núi *Tu-di*, lại như một chút lửa có thể đốt cháy tất cả, như một chút thuốc độc có thể làm hại mạng chúng sanh. Việc thiện dù ít cũng vậy, có thể phá trừ được việc ác lớn. Tuy gọi là ít, nhưng thật ra lại là lớn. Vì sao vậy? Vì phá trừ được việc ác lớn.

“Đại vương! Như Phật có dạy, che giấu tội lỗi là phiền não,¹ không che giấu tội lỗi ắt không có phiền não. Nhờ bộc lộ và hối lỗi nên không có phiền não. Vậy nên, nếu đã lỡ phạm các tội lỗi thì đừng che giấu. Nhờ không che giấu, ắt tội [nặng] có thể thành ra nhẹ. Nếu biết ôm lòng hổ thẹn, ắt tội ấy có thể được trừ diệt mất.

“Đại vương! Giọt nước tuy nhỏ, nhưng dần dần làm đầy vật chứa lớn. Tâm lành cũng như vậy, mỗi một tâm lành đều có thể phá được điều ác lớn. Nếu mình che giấu tội,

¹ Nguyên văn dùng chữ *lậu* (漏), có nghĩa là rỉ chảy, chỉ cho những phiền não hiện hành làm thân tâm chúng sanh ngày đêm rỉ chảy không dứt những căn lành, nên gọi là *lậu*. Không che giấu tội lỗi thì có thể bộc lộ sám hối, không còn mắc phải lỗi lầm, không rơi vào nghiệp ác, nhờ đó mà dứt được phiền não.

ất tội càng lớn thêm. Nếu bộc lộ và biết hổ thẹn, ất tội phải diệt mất. Vì thế nên chư Phật dạy rằng: ‘Người có trí không che giấu tội lỗi.’

“Lành thay! Đại vương có thể tin vào nhân quả, tin vào nghiệp báo. Xin Đại vương đừng ôm lòng buồn rầu lo sợ. Nếu có chúng sanh nào làm những việc tội lỗi rồi che giấu, lòng không hối tiếc, không biết hổ thẹn, không thấy nhân quả và nghiệp báo, không biết thưa hỏi người có trí tuệ, không gần gũi những người bạn tốt, thì dù tất cả lương y có chẩn đoán bệnh cũng không điều trị được cho những người như vậy. Cũng như bệnh *ca-ma-la*,¹ thầy thuốc ở thế gian đành phải bó tay! Kẻ che giấu tội lỗi cũng giống như vậy!

“Thế nào là những kẻ có tội phải gọi là *nhất-xiển-đề*? *Nhất-xiển-đề* là kẻ không tin nhân quả, không biết hổ thẹn, không tin nghiệp báo, không thấy là có đời hiện tại và đời vị lai, không thân cận gần gũi những người bạn tốt, không vâng theo những lời răn dạy của chư Phật. Những kẻ như vậy gọi là *nhất-xiển-đề*. Chư Phật Thế Tôn không thể cứu chữa được. Vì sao vậy? Như người đã chết, y thuật thế gian không thể cứu chữa được. Kẻ *nhất-xiển-đề* cũng giống như vậy, chư Phật Thế Tôn cũng không thể cứu chữa gì được. Nay đại vương không phải kẻ *nhất-xiển-đề*, sao lại nói rằng không thể cứu chữa được?

“Như lời đại vương nói là không ai có thể chữa trị được

¹ Bệnh *ca-ma-la* (*kāmalā*), cũng đọc là *ca-mạt-la*, dịch là hoàng bệnh, là một loại bệnh làm cho người mắc bệnh nhìn thấy tất cả các màu sắc đều hóa ra màu vàng. Vào thời xưa không ai có thể trị dứt được. Huyền ứng âm nghĩa, quyển 23, gọi bệnh này là ác cấu. Nói “phúc trung ác cấu” là để biểu thị nghĩa “không thể trị được”.

[khổ não trong thân tâm đại vương]. Nhưng đại vương nên biết, có người con của vua *Tịnh-phạn* ở thành *Ca-tỳ-la*, họ *Cô-đàm*, tên là *Tất-đạt-đa*, không có thầy mà tự mình có thể giác ngộ, đạt được quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Ngài có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân hình. Ngài có đủ *Mười sức*, *Bốn đức chẳng sợ*, thấy biết rõ ràng tất cả, có lòng đại từ, đại bi thương xót muôn loài đồng như con một của ngài là *La-hầu-la*. Ngài luôn theo giúp những chúng sanh có lòng lành, cũng như ghé con luôn theo bò mẹ; ngài biết thuyết giảng đúng lúc, khi không thích hợp thì không nói ra, và chỉ nói lời những chân thật, trong sạch, tốt đẹp, có ý nghĩa, đúng Chánh pháp, không thay đổi và có thể giúp cho chúng sanh mãi mãi xa lìa phiền não. Ngài khéo biết mọi cội nguồn tâm tánh của chúng sanh, tùy nghi sử dụng nhiều phương tiện, tất cả đều thông đạt. Trí tuệ ngài cao lớn như núi *Tu-di*, sâu rộng mênh mông như biển lớn.

“Vị Phật Thế Tôn này có trí tuệ kim cương, có thể làm tiêu tan hết thảy mọi tội ác của chúng sanh, nếu nói Phật không thể [giải trừ tội lỗi cho đại vương] thì thật là vô lý!

“Hiện nay đức Phật đang ở cách đây 12 *do-tuần*, tại thành *Câu-thi-na*, chỗ có hai cây *sa-la* mọc sòng đôi, vì vô số các vị tăng Bồ Tát mà diễn thuyết đủ các pháp như *pháp có* hoặc *pháp không*, *hữu vi* hoặc *vô vi*, *hữu lậu* hoặc *vô lậu*, quả báo của phiền não hoặc quả báo của pháp lành; hoặc pháp thuộc về *hình sắc*, hoặc pháp *chẳng thuộc về hình sắc*, hoặc pháp *chẳng phải sắc* cũng không phải *chẳng phải sắc*; hoặc *ngã*, *chẳng phải ngã*

hoặc *chẳng phải ngã* cũng không phải *chẳng phải ngã*; hoặc *thường, chẳng phải thường*, hoặc *chẳng phải thường* cũng không phải *chẳng phải thường*; hoặc *lạc, chẳng phải lạc*, hoặc *chẳng phải lạc* cũng không phải *chẳng phải lạc*; hoặc *tướng, chẳng phải tướng*, hoặc *chẳng phải tướng* cũng không phải *chẳng phải tướng*; hoặc *dứt đoạn, chẳng phải dứt đoạn*, hoặc *chẳng phải dứt đoạn* cũng không phải *chẳng phải dứt đoạn*; hoặc *thế gian, xuất thế gian*, hoặc *chẳng phải thế gian* cũng chẳng phải *xuất thế gian*; hoặc *giáo pháp, chẳng phải giáo pháp*, hoặc *chẳng phải giáo pháp* cũng không phải *chẳng phải giáo pháp*; hoặc *tự mình làm tự mình chịu*; hoặc *tự mình làm người khác chịu*, hoặc *không có tạo tác không có nhận chịu*.

“Nếu đại vương đến chỗ Phật và được nghe giáo pháp *không tạo tác, không nhận chịu*, thì những tội nặng của đại vương sẽ tức thời diệt mất.

“Nay xin đại vương hãy nghe qua việc này. Khi thọ mạng của *Thích-đề-hoàn-nhân*¹ sắp hết liền có năm tướng suy mất hiện ra. Một là y phục như nhớp; hai là hoa trên đầu héo rũ; ba là thân thể hôi hám như nhớp; bốn là mồ hôi thường ra dưới nách; năm là không còn ưa thích ngại vị của mình.

“Bấy giờ vị *Thiên Đế-thích* ấy thấy ở những nơi vắng vẻ tịch tĩnh có vị *sa-môn* hoặc *bà-la-môn* nào đều tìm đến, nghĩ rằng những vị ấy là Phật. Nhưng những *sa-môn* hoặc *bà-la-môn* ấy khi nhìn thấy *Đế-thích* đều lấy làm mừng rỡ, nói rằng: ‘*Thưa đức vua cõi trời, nay tôi xin được quy*

¹ Thích-đề-hoàn-nhân: vị vua cõi trời, tức là *Đế-thích*.

y với ngài.’ *Đế-thích* nghe như vậy liền biết họ không phải là Phật, tự nghĩ rằng: ‘Nếu họ không phải là Phật thì không thể cứu chữa được năm tướng suy mất của ta.’

“Bấy giờ, vị quan đánh xe cho vua trời *Đế-thích* là *Bát-già-thi* liền tâu rằng: ‘*Kiều-thi-ca*!¹ Có vị vua *càn-thát-bà*² tên là *Đôn-phù-lâu*, có người con gái tên *Tu-bạt-đà*. Nếu ngài chịu ban cô công chúa ấy cho hạ thần, hạ thần sẽ chỉ cho ngài nơi có thể trừ dứt các tướng suy mất.’

“*Đế-thích* liền đáp: “Thiện nam tử! Vua *a-tu-la*³ là *Tỳ-ma-chát-đa* có công chúa *Xá-chỉ* là người ta yêu kính nhất; nếu khanh có thể chỉ cho ta nơi trừ dứt được các tướng xấu thì ta sẽ ban công chúa ấy cho khanh, hưởng chi là công chúa *Tu-bạt-đà*?”

“Quan đánh xe tâu rằng: ‘*Kiều-thi-ca*! Có đức Phật Thế Tôn là *Thích-ca Mâu-ni* nay đang ở tại thành lớn *Vương Xá*. Nếu ngài có thể đến đó thưa hỏi những điều chưa biết thì chắc chắn sẽ có thể diệt trừ được những tướng suy mất kia.’

“*Đế-thích* nói: “Thiện nam tử! Nếu quả đức Phật Thế Tôn có thể trừ dứt được các tướng suy cho ta thì khanh hãy đưa ta đến ngay chỗ của ngài.’

¹ *Kiều-thi-ca*: một trong các tên riêng của đức *Đế-thích*.

² *Càn-thát-bà* (*Gandharva*), một trong tám loài chúng sanh, thường được gọi chung là Tám bộ chúng, bao gồm: chư thiên, loài rồng, dạ-xoa, a-tu-la, càn-thát-bà, ca-lâu-la, khẩn-na-la và ma-hầu-la-già. Tên gọi này cũng được đọc là *kiền-thát-bà*, *kiển-đà-la*... dịch nghĩa là *hương thân*, là loài chuyên lo về âm nhạc trên cung trời *Đế-thích*. Loài *càn-thát-bà* không ăn thịt, không uống rượu, chỉ thích hương thơm, vì vậy nên trong thân thường tỏa ra mùi thơm, gọi là hương thân.

³ *A-tu-la* (*asura*), một trong tám bộ chúng vừa nói trên, cũng nói tắt là *tu-la*, dịch nghĩa là *phi thiên* (không phải chư thiên), vì loài này tuy có thần lực, có cung điện, song hình thể không được đoan chánh như chư thiên ở các cõi trời. Trong loài *a-tu-la*, nam giới mang hình tướng xấu nhưng nữ giới lại rất đẹp.

“Quan đánh xe vâng lời, liền quay xe hướng đến thành Vương Xá, núi Kỳ-xà-quật. Khi đến chỗ Phật, *Đế-thích* cúi đầu lễ bái dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên, bạch Phật rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Trong hai cõi trời người, có những gì là trói buộc?’

“Phật dạy: ‘*Kiều-thi-ca!* Tham tiếc keo lặn và ganh ghét ghen tỵ [là những sự trói buộc].’

“*Đế-thích* lại thưa hỏi: ‘Tham tiếc keo lặn và ganh ghét ghen tỵ do đâu mà sanh ra?’

“Phật dạy: ‘Do vô minh sanh ra.’

“Lại hỏi: ‘Vô minh do đâu mà sanh ra?’

“Phật dạy: ‘Do phóng túng buông thả sanh ra.’

“Lại hỏi: ‘Phóng túng buông thả do đâu mà sanh ra?’

“Phật dạy: ‘Do điên đảo sanh ra.’

“Lại hỏi: ‘Điên đảo do đâu mà sanh ra?’

“Phật dạy: ‘Do lòng nghi ngờ mà sanh ra.’

“*Đế-thích* liền bạch Phật: ‘Bạch Thế Tôn! Quả đúng như lời Phật dạy, pháp điên đảo là do lòng nghi ngờ sanh ra. Vì sao vậy? Vì con đây quả thật có lòng nghi, vì có lòng nghi nên sanh ra điên đảo, chẳng phải Thế Tôn lại tưởng là Thế Tôn. Nay con được gặp Phật, lòng nghi liền dứt trừ; lòng nghi dứt trừ nên sự điên đảo cũng dứt hết; điên đảo dứt hết nên không có lòng tham lam, cho đến không ghen tỵ.’

“Phật dạy: ‘Ông nói rằng không có lòng tham lam, ghen

ty, vậy đã đắc quả *A-na-hàm* rồi chăng? Người đắc quả *A-na-hàm* không có lòng tham. Nếu không có lòng tham, sao lại vì mạng sống mà tìm đến chỗ ta? Nếu thật là đắc quả *A-na-hàm* thì không tham cầu mạng sống.’

“*Đế-thích* thưa: ‘Bạch Thế Tôn! Nếu có diên đảo ắt có mong cầu mạng sống, người không diên đảo ắt không mong cầu mạng sống. Nay con thật không còn mong cầu mạng sống, chỉ cầu được pháp thân Phật và trí tuệ Phật mà thôi.’

“Phật dạy: ‘*Kiều-thi-ca!* Người cầu pháp thân Phật và trí tuệ Phật thì trong tương lai chắc chắn sẽ được.’

“Lúc ấy, *Đế-thích* nghe Phật thuyết pháp rồi, năm tướng suy tức thời diệt mất, liền đứng dậy kính lễ, đi quanh Phật ba vòng,¹ cung kính chấp tay bạch Phật: ‘Thế Tôn! Nay con vừa chết đi sống lại, mạng sống mất rồi nay có lại, còn được nghe Phật thọ ký sẽ đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Đó chính là được sanh ra lần nữa, được mạng sống lần nữa.

“Bạch Thế Tôn! Như tất cả trong loài người và chư thiên, phải làm thế nào để được tăng ích, lại do nhân duyên gì phải bị tổn giảm?”

“Phật dạy: ‘*Kiều-thi-ca!* Đấu tranh giành giật là nhân duyên làm tổn giảm trong cả hai cõi trời, người. Khéo tu tập phép hòa kính² ắt sẽ được sự tăng ích.’

¹ Đi quanh... ba vòng: Theo nghi thức Ấn Độ thời cổ là để biểu thị sự cung kính. Khi viếng các tháp Phật, người ta cũng dùng hình thức đi quanh như thế này để tỏ lòng cung kính, gọi là *nhĩều tháp*.

² Phép hòa kính, hay lục hòa kính, chỉ sáu pháp giúp người ta chung sống hòa hợp trong một cộng đồng, nhất là trong Tăng đoàn. Sáu pháp này gồm có: 1. Thân

“*Đế-thích* thưa: ‘Bạch Thế Tôn! Nếu sự đấu tranh làm tổn giảm thì từ nay con sẽ không đánh nhau với loài *A-tu-la* nữa.’

“Phật dạy: ‘Lành thay, lành thay! *Kiều-thi-ca*, chư Phật Thế Tôn dạy rằng pháp nhẫn nhục là nhân của quả *A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề*.’

“Lúc ấy, *Thích-đề-hoàn-nhân* liền lễ bái trước Phật rồi quay về.

“Thưa đại vương! Như Lai có thể dứt trừ các tướng xấu ác, vì thế nên tôn xưng Phật là đáng không thể nghĩ bàn. Nếu đại vương đến đó ắt là có bao nhiêu tội nặng đều sẽ được dứt trừ.

“Lại xin đại vương hãy nghe qua việc này.

“Có người dòng *bà-la-môn* tên *Bát Hại*, vì đã giết chết rất nhiều người nên mọi người đều gọi anh ta là *Ưong-quật-ma*.¹ Người này lại muốn giết mẹ, khi lòng ác khởi lên thì thân cũng theo đó mà động; thân tâm đều động [như thế] tức là nhân của *Năm tội nghịch*; do nhân là *Năm tội nghịch* nên chắc chắn phải đọa địa ngục.

hòa cộng trú; 2. Khẩu hòa vô tranh; 3. Ý hòa đồng sự; 4. Giới hòa đồng tu; 5. Kiến hòa đồng giải; 6. Lợi hòa đồng quân. Nếu mọi người trong một cộng đồng đều sống theo những nguyên tắc hòa kính này thì đời sống tập thể đó sẽ luôn có được sự hòa hợp, an ổn.

¹ *Ưong-quật-ma* (Aṅgulimālya), cũng đọc là *Ưong-quật-ma-la*, *Ưong-cừ-ma-la* hay *Ưong-quật-man*, dịch nghĩa là chỉ man (指鬘), nghĩa là dùng ngón tay người kết làm vòng để đội trên đầu. Gọi tên như thế là vì người này tin theo ngoại đạo tà thuyết, cho rằng giết chết nhiều người thì được vào Niết-bàn. Ông ta đã giết chết đến 999 người, đều chặt lấy ngón tay xâu lại thành chuỗi đội lên đầu. Mọi người đều sợ hãi, không còn ai dám đến gần để ông ta giết nữa, vì thế nên ông định giết mẹ mình cho đủ số 1.000 người. Đức Phật biết được việc này liền hiện đến giáo hóa, khiến ông ta cải tà quy chánh, từ bỏ việc giết hại và quy y theo Phật, phát tâm cầu Phật đạo.

“Sau đó, khi [người này] gặp Phật thì thân tâm cũng đều động, liền muốn làm hại Phật. Thân tâm đều động tức là nhân của *Năm tội nghịch*; do nhân là *Năm tội nghịch* nên chắc chắn phải đọa vào địa ngục.

“Nhưng khi người ấy được gặp bậc thầy lớn là đức Như Lai, tức thì được trừ dứt nhân duyên vào địa ngục, phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì thế nên tôn xưng Phật là bậc lương y cao trổi nhất, không giống như bọn Sáu thầy [ngoại đạo].¹

“Đại vương! Lại có vị vương tử là *Tu-tỳ-la*² bị vua cha nổi giận sai chặt hết tay chân rồi xô xuống giếng sâu. Người mẹ thương xót, sai người cứu lên và đưa đến chỗ Phật. Khi vừa gặp Phật, tay chân liền được lành lặn như cũ, liền phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Đại vương! Nhờ gặp Phật mà được những quả báo [tốt lành] ngay trong hiện tại như vậy, nên tôn xưng Phật là bậc lương y cao trổi nhất, không giống như bọn Sáu thầy [ngoại đạo].

“Đại vương! Như trên bờ sông Hằng có năm trăm ngạ quỷ, trải qua vô số năm không hề nhìn thấy nước. Tuy đứng trên dòng sông nhưng chỉ thấy toàn lửa đỏ cuộn chảy,³ bức bách vì đói khát nên kêu gào than khóc. Lúc

¹ Bọn Sáu thầy (Lục sư): chỉ bọn sáu thầy ngoại đạo cùng thời với Phật, mỗi người đều thuyết dạy một luận thuyết tà kiến, lôi kéo rất nhiều người tin theo họ. Trong các đoạn trước đã có nói đến các vị thầy ngoại đạo này và những tà thuyết của họ.

² Tu-tỳ-la: phiên âm từ Phạn ngữ là *Suvira*.

³ Những ngạ quỷ này do nghiệp lực nên phải chịu đói khát, không thể nhìn thấy nước nên chẳng bao giờ được uống. Dòng sông thật có nước mà nghiệp lực của họ khiến cho chỉ nhìn thấy toàn là lửa đỏ cuộn chảy.

ấy, Như Lai đang ở trong khu rừng *Uất-đàm-bát* ven sông, ngồi dưới một cội cây. Những ngạ quỷ này đi đến chỗ Phật, bạch rằng: ‘Thế Tôn! Chúng con quá đói khát, chẳng sống được bao lâu nữa!’ Phật dạy: ‘Nước chảy dưới sông Hằng, sao các người không uống?’ Bọn ngạ quỷ đáp: ‘Như Lai thấy đó là nước, nhưng chúng con thấy đó là lửa.’ Phật dạy: ‘Nước sông Hằng trong mát, thật không phải lửa! Vì nghiệp xấu ác của các người nên trong lòng tự điền đảo cho đó là lửa. Ta sẽ vì các người trừ dứt sự điền đảo, khiến các người nhìn thấy nước.’

“Lúc ấy, đức Thế Tôn vì bọn ngạ quỷ mà giảng thuyết chỗ sai lầm tai hại của lòng tham lam keo lặn. Bọn quỷ thưa rằng: ‘Nay chúng con đang khát nước, tuy được nghe giảng pháp nhưng chẳng thể nào đưa vào trong tâm.’ Phật dạy: ‘Các người khát nước thì trước hết có thể xuống sông, tùy ý mà uống.’ Khi ấy, bọn quỷ nhờ sức Phật liền uống được nước. Khi uống nước rồi, đức Như Lai lại vì chúng mà giảng thuyết đủ mọi pháp. Nghe thuyết pháp rồi, hết thấy đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, liền xả bỏ thân hình ngạ quỷ, [sinh về cõi trời] được thân chư thiên. Đại vương! Vì thế nên tôn xưng Phật là bậc lương y cao trổi nhất, chẳng phải như bọn Sáu thầy [ngoại đạo].

“Đại vương! Tại nước *Xá-bà-đê*¹ có bọn cướp năm trăm người, bị vua *Ba-tu-nặc* móc mắt, không nhìn thấy đường đi nên không thể tìm đến chỗ Phật. Đức Phật thương xót

¹ *Xá-bà-đê* (*Śrāvastī*), cách đọc khác thường gặp hơn là *Xá-vệ*, kinh đô của nước *Câu-tát-la* (*Kosala*), cũng đọc là *Kiêu-tát-la*. Đúng ra đây chỉ là tên thành, nhưng nhiều khi cũng được dùng để chỉ cả nước *Câu-tát-la*, như ở đây gọi là nước *Xá-bà-đê*, hoặc có nơi khác gọi là nước *Xá-vệ*, đều là để chỉ nước *Câu-tát-la*, vào thời ấy do vua *Ba-tu-nặc* cai trị.

liền hiện đến chỗ bọn cướp ấy, an ủi khuyên bảo rằng: “Thiện nam tử! Hãy khéo giữ gìn thân và miệng, đừng bao giờ làm việc ác nữa.”¹

“Bọn cướp nghe được giọng nói của Như Lai trong trẻo, mâu nhiệm, thấu suốt mọi nơi, trong phút chốc được sáng mắt trở lại, liền đến trước đức Phật, chấp tay lễ kính, bạch rằng: “Thế Tôn! Nay chúng con biết rằng Phật đem lòng từ che chở tất cả chúng sanh, chẳng riêng gì trong hai cõi trời người.”

“Lúc ấy, đức Như Lai liền vì họ mà thuyết pháp. Nghe thuyết pháp rồi, họ đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Vì thế nên đức Như Lai quả thật là bậc lương y cao trổi nhất của thế gian, chẳng phải như bọn Sáu thầy [ngoại đạo].

“Đại vương! Tại nước *Xá-bà-đề* có người dòng *chiên-đà-la* tên là *Khí Hu*, đã giết hại rất nhiều người. Khi gặp được đệ tử Phật là ngài Đại *Mục-kiền-liên* liền trừ dứt nhân duyên địa ngục, được sanh lên cõi trời *Ba mươi ba*.² Vì có hàng đệ tử bậc thánh như vậy nên đức Phật Như Lai được tôn xưng là vị thầy thuốc cao trổi nhất, chẳng phải như bọn sáu thầy [ngoại đạo].

“Đại vương! Tại thành *Ba-la-nại* có người con nhà trưởng giả tên *A-dật-đa*, lén lút loạn dâm với mẹ, rồi vì việc ấy mà nhẫn tâm giết cha. Người mẹ sau đó lại thông

¹ Câu chuyện về bọn cướp này cũng đã được đức Phật nhắc đến trong phần giảng về đức từ trước đây. Xem lại trang 391 của Tập 3.

² Cõi trời Ba mươi ba (Tam thập tam thiên): tức cõi trời Đạo-lợi (*Trāyastriṃśa*), thuộc Dục giới.

dâm với người ngoài. Khi biết được sự việc, người ấy liền giết chết mẹ.

“Người ấy có quen biết với một vị *A-la-hán*, lại sanh lòng xấu hổ, thẹn nhục nên giết cả vị *A-la-hán* ấy. Giết xong, liền đi đến tinh xá *Kỳ-hoàn*¹ xin xuất gia. Lúc ấy, chư *tỳ-kheo* đều biết rằng người ấy có ba tội nghịch² nên không dám nhận cho. Không được phép xuất gia, người ấy càng thêm tức giận, ngay trong đêm liền phóng hỏa thiêu rụi chỗ ở của chư tăng, làm chết rất nhiều người vô tội.

“Sau đó, người ấy lại vào thành *Vương Xá*, tìm đến chỗ Phật cầu xin Phật thương xót cho được xuất gia. Như Lai liền chấp thuận, vì người ấy diễn thuyết pháp yếu, khiến cho tội nặng dần dần thành nhẹ, liền phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì thế nên tôn xưng Phật là bậc lương y của thế gian, chẳng phải như bọn Sáu thầy [ngoại đạo].

“Đại vương! Tánh tình của ngài vốn là hung bạo độc ác, lại tin lời kẻ xấu ác là *Đề-bà-đạt-đa* mà thả con voi lớn đang say rượu, muốn đạp chết Phật. Nhưng khi voi thấy Phật liền tức thời tỉnh táo, Phật đưa tay ra xoa đầu, lại thuyết pháp cho voi nghe, khiến nó phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.³

¹ Tinh xá *Kỳ-hoàn*, tức tinh xá *Kỳ-viên* (*Jetavanānāthapiṇḍadasyārāma*), cũng gọi là tinh xá Kỳ-đà, hoặc *Kỳ-thọ Cấp Cô Độc viên*.

² Ba tội nghịch: Có Năm tội nghịch là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng và làm thân Phật chảy máu. Trong số này thì người này đã phạm đủ ba tội.

³ Chuyện này cũng đã được đức Phật nhắc đến trong phần giảng về đức từ. Xem lại Tập 3, trang 326.

“Đại vương! Loài súc sanh được thấy Phật còn phá trừ được nghiệp quả súc sanh, huống chi loài người? Đại vương nên biết, nếu được gặp Phật thì có bao nhiêu tội nặng cũng đều trừ diệt hết.

“Đại vương! Khi đức Thế Tôn chưa đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, Ma vương cùng với vô số quyến thuộc cùng đến chỗ của Bồ Tát.¹ Bấy giờ, Bồ Tát dùng sức nhẫn nhục để trừ hết tâm ác của ma, khiến ma nhận lãnh Chánh pháp, mau chóng phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Đức Phật có sức công đức lớn lao đến như vậy!

“Đại vương! Có quý Khoáng Dã đã giết hại rất nhiều chúng sanh. Bấy giờ, Như Lai vì tưởng giả Thiện Hiền² nên hiện đến thôn Khoáng Dã, thuyết pháp với quý. Lúc ấy, quý Khoáng Dã nghe pháp rồi hoan hỷ, liền đem trưởng giả dâng cho Như Lai, rồi sau đó phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Đại vương! Ở nước *Ba-la-nại*³ có người đồ tể tên là *Quảng Ngạch*, mỗi ngày đều giết chẳng biết bao nhiêu con dê. Đến khi gặp ngài *Xá-lợi-phát*, người ấy liền thọ giữ *Tám giới*⁴ trong suốt một ngày một đêm. Nhờ nhân

¹ Bồ Tát: Đây nói đức Phật khi còn trong giai đoạn tu hạnh Bồ Tát, chưa chứng đắc quả Phật.

² Chuyện quý Khoáng Dã đã kể rõ ở quyển 16, Tập 3, từ trang 404. Trưởng giả Thiện Hiền khi ấy là người đến phiên phải nộp mạng cho quý ăn thịt, được Phật cứu thoát, đổi tên cho là Thủ Trưởng giả.

³ Ba-la-nại (*Vārāṇasī*): tên nước thuộc lưu vực sông Hằng, trong nước có vườn Lộc uyển là nơi đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên.

⁴ Tám giới (Bát giới), tức là Bát quan trai giới, là những giới được truyền cho người thọ giới (giới tử) trong một thời gian nhất định, thường là một ngày một đêm. Các giới này gồm: 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cắp, 3. Không dâm dục, 4. Không nói dối, 5. Không uống rượu, 6. Không dùng các thứ trang sức, hương hoa,

duyên ấy, đến khi mạng chung được làm con của vị Thiên vương *Tỳ-sa-môn* ở phương bắc. Đệ tử của Như Lai còn có quả công đức lớn lao như vậy, huống chi là Phật?

“Đại vương! Ở miền bắc nước Thiên Trúc¹ có thành *Tế Thạch*, trong thành có vua Long Ẩn. Vua ấy trước vì tham muốn ngôi vua nên giết hại cha mình. Giết cha rồi trong lòng sanh ra hối hận, bỏ cả việc nước tìm đến chỗ Phật, cầu Phật thương xót cho xuất gia. Phật dạy: ‘Lành thay, đã đến đây!’ Lời nói vừa dứt thì vua lập tức hóa thành một vị *tỳ-kheo*, tội nặng diệt mất, liền phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề*. Đại vương nên biết, đức Phật có quả công đức lớn lao vô lượng vô biên như thế!

“Đại vương! Như Lai có người em họ là *Đề-bà-đạt-đa* phạm ba tội nghịch là phá hoại chúng tăng, làm thân Phật chảy máu và hại bà *tỳ-kheo ni* Liên Hoa. Như Lai vì ông ấy mà thuyết giảng mọi lẽ pháp yếu, khiến cho tội nặng chẳng bao lâu đã thành ra nhẹ. Vì thế nên đức Như Lai là bậc đại lương y, chẳng phải như bọn Sáu thầy [ngoại đạo].

“Đại vương! Nếu có thể tin lời hạ thân, xin mau mau đến chỗ Như Lai. Nếu chưa tin được cũng xin suy xét kỹ.

“Đại vương! Lòng đại bi của chư Phật Thế Tôn bao trùm khắp cả, chẳng trừ bất cứ một ai. Chánh pháp trải rộng,

phấn sáp, dầu thơm để tô điểm thân thể, 7. Không nằm ngời trên giường ghế cao rộng và không ca hát nhảy múa hoặc đi xem người khác ca hát nhảy múa, 8. Không ăn phi thời. Năm giới đầu giống như Ngũ giới của cư sĩ, nhưng khác một điểm là dứt hẳn việc dâm dục trong thời gian giữ giới, còn Ngũ giới chỉ quy định là không tà dâm, nghĩa là không làm việc dâm dục với người không phải là vợ hoặc chồng mình.

¹ Thiên Trúc: một tên khác trước đây người Trung Hoa dùng để chỉ Ấn Độ.

chẳng nơi nào là không bao quát. [Đức Thế Tôn có lòng] bình đẳng đối với người thân, kẻ oán, lòng không phân biệt thương ghét, chẳng bao giờ thiên vị người nào để khiến cho riêng người ấy được thành tựu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* mà những người khác lại không được. Như Lai không chỉ là thầy của *Bốn chúng*,¹ mà cũng là thầy của tất cả chư thiên, nhân loại, các loài rồng, loài quỷ, địa ngục, súc sanh, quỷ đói... Hết thấy chúng sanh nhìn thấy Phật đều khởi sanh tư tưởng [cung kính thương yêu] như [nhìn thấy] cha mẹ mình.

“Đại vương nên biết, Như Lai không chỉ vì những người giàu có cao quý như vua *Bạt-đề-ca*² mà thuyết pháp, cũng vì người hạ tiện như *Ưu-ba-ly*.³ Như Lai không chỉ nhận thức ăn do *Tu-đạt-đa A-na-bân-đàn*⁴ dâng cúng, mà cũng nhận thức ăn của ông *Tu-đạt-đa* rất nghèo khó,⁵ không

¹ Bốn chúng (Tứ chúng): Bốn chúng đệ tử Phật, gồm hai chúng xuất gia là tỳ-kheo và tỳ-kheo ni, hai chúng tại gia là cư sĩ nam và cư sĩ nữ.

² Phiên âm từ Phạn ngữ là *Bhadrika*, cũng đọc tắt là *Bạt-đề*.

³ *Ưu-ba-ly*, phiên âm từ Phạn ngữ là *Upāli*, về sau là một trong Mười đại đệ tử của đức Phật. Ngài vốn xuất thân hạ tiện nhưng được Phật cho xuất gia đồng thời với các vương tử dòng họ Thích-ca như các ngài A-nan, Nan-đà... Quyết định này của đức Phật vừa khích lệ sự phát tâm của ngài *Ưu-ba-ly*, vừa trừ được tâm kiêu mạn của các vị vương tử vào lúc đó.

⁴ *Tu-đạt-đa A-na-bân-đàn* (*Sudatta Anāthapiṇḍada*), cũng đọc là *Tu-đạt-đa A-na-bân-đề*, là tên và hiệu của một vị trưởng giả giàu có, hiền thiện, cũng là đại thần của vua *Ba-tư-nặc*. Tên ông là *Tu-đạt-đa*, nhưng vì thường làm việc cấp thí cho những người cô độc, đói thiếu, nên được dân chúng xưng hiệu là *A-na-bân-đàn*, Hán dịch là *Cấp Cô Độc*, nghĩa là người thường chu cấp, bố thí cho những kẻ cô độc.

⁵ *Tu-đạt-đa* rất nghèo: người này tuy cùng tên với trưởng giả *Tu-đạt-đa*, nhưng là người hết sức nghèo khó. Một hôm bói trong đồng phân hôi được khúc gỗ chiên đàn quý, mang bán lấy tiền mua được 4 đấu gạo, vui mừng bảo vợ nấu ngay một đấu gạo để cùng ăn. Đức Phật quán xét nhân duyên biết đã đến lúc cứu độ được người này, liền bảo ngài *Xá-lợi-phất* ngay khi ấy đến khát thực. Người vợ *Tu-đạt-đa* hoan hỷ cúng dường trọn số cơm ấy cho ngài. Lại nấu một đấu gạo nữa,

chỉ thuyết pháp vì những người căn tánh sáng suốt như *Xá-lợi-phất*, mà cũng vì những người căn tánh ngu độn như *Châu-lợi-bàn-đặc*; không chỉ cho những người tánh không tham lam như *Đại Ca-diếp* xuất gia cầu đạo, mà cũng cho những kẻ rất tham lam như *Nan-đà* cũng được xuất gia; không chỉ nhận những người ít phiền não như nhóm ông *Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp* xuất gia cầu đạo, mà cũng cho những kẻ nhiều phiền não, tạo tội nặng như em vua *Ba-tư-nặc* là *Tu-đà-da* cũng được xuất gia.

“Ngài không phải vì ông *Sa Thảo* cung kính cúng dường mà dứt trừ tận gốc lòng sân hận, còn như *Ương-quật-ma-la* có lòng ác muốn làm hại thì buông bỏ không cứu độ; ngài không chỉ thuyết pháp vì những nam nhân có trí tuệ, mà cũng vì những nữ nhân rất kém trí nữa. Ngài không chỉ giúp cho người xuất gia được bốn quả đạo,¹ mà cũng giúp cho người tại gia được ba quả đạo.² Không chỉ thuyết pháp vì những người như *Phú-đa-la*, đã buông bỏ hết mọi việc, chuyên tâm suy xét ở nơi vắng vẻ yên tĩnh, mà cũng vì những người như vua *Tần-bà-sa-la*, đang [bận rộn] cai quản việc nước, làm vua cai trị một nước. Ngài không chỉ

Phật bảo ngài Mục-kiền-liên đến khát thực. Người vợ cũng vui vẻ cúng dường. Nấu lần thứ ba, Phật lại bảo ngài Ca-diếp đến khát thực, người vợ lại cũng vui vẻ cúng dường. Đến khi nấu chín đấu gạo cuối cùng, đức Phật tự đến khát thực, vợ chồng Tu-đạt-da cũng hoan hỷ cúng dường cả phần cơm cuối cùng này. Phật thọ nhận, chú nguyện cho hai người, ngay trong ngày đó liền diệt hết mọi tội chướng trước đây, sanh đại phước đức, các thứ trần bảo quý giá tự nhiên sanh ra đầy nhà, trở nên giàu có. Họ lại thường xuyên thỉnh Phật và chư tăng đến thọ cúng dường. Phật vì họ mà thuyết pháp, khiến cho đều được hiểu đạo. Câu chuyện này có ghi chép trong kinh Tạp thí dụ, quyển hạ; kinh Tạp bảo tạng, quyển 2 và Kinh luật dị tướng, quyển 35.

¹ Tức là Bốn thánh quả: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.

² Ba quả đạo: là ba trong số bốn thánh quả, trừ ra quả A-la-hán chỉ người xuất gia mới có thể chứng đắc.

thuyết pháp vì những người đã bỏ uống rượu, mà cũng vì những người đang nghiện rượu như trưởng giả *Úc-già*. Ngài không chỉ thuyết pháp vì những người nhập thiền định như *Ly-bà-đa*, mà cũng vì những người rối loạn tâm trí vì mất con như cô *bà-la-môn* tên *Bà-tư-tra*.

“Như Lai không chỉ thuyết pháp vì đệ tử của ngài, mà cũng vì ngoại đạo như phái *Ni-kiên*; không chỉ thuyết pháp vì những người thanh xuân tráng kiện, tuổi chưa quá hai mươi lăm, mà cũng vì những người già suy ở tuổi tám mươi. Ngài không chỉ thuyết pháp vì những người căn tánh thuần thực, mà cũng vì cả những người căn lành chưa thuần thực. Ngài không chỉ thuyết pháp vì hàng phu nhân cao quý như bà *Mạt-lợi*, mà cũng vì hạng dân nữ như cô Liên Hoa. Ngài không chỉ thọ nhận các món ngon quý thịnh soạn của vua *Ba-tư-nặc*, mà cũng thọ nhận cả thức ăn hỗn tạp có độc của trưởng giả *Thi-lợi-cúc-đa*. Đại vương nên biết, *Thi-lợi-cúc-đa* thở trước cũng tạo nhân duyên tội nghịch, nhưng nhờ gặp Phật và nghe pháp, liền phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề*.

“Đại vương! Ví như trong suốt một tháng thường dùng y phục, vật thực để cúng dường cung kính hết thầy chúng sanh, cũng không bằng người niệm Phật chỉ trong một khoảnh khắc; công đức có được của người cúng dường kia so với người niệm Phật chỉ bằng được một phần mười sáu mà thôi!¹

“Đại vương! Ví như đúc vàng thành hình người, dùng xe ngựa chở đồ quý báu, mỗi thứ đều đến số trăm, rồi mang

¹ Một phần mười sáu: cách nói biểu trưng thường gặp trong nhiều kinh điển khác, có ý nói là rất nhỏ nhoi, không thể so bằng.

hết ra bố thí, cũng không bằng người phát tâm tìm đến chỗ Phật [nhưng chỉ vừa] nhắc chân đi một bước.¹

“Đại vương! Lại ví như dùng một trăm cỗ xe kéo bằng voi để chở các thứ trân bảo của nước Đại Tần, cùng hàng trăm nữ nhân thân đeo vòng chuỗi, mang hết ra bố thí, cũng không bằng người phát tâm tìm đến chỗ Phật [nhưng chỉ vừa] nhắc chân đi một bước.

“Lại ví như dùng đủ *bốn thứ nhu yếu*² mà cúng dường cho hết thảy chúng sanh trong cõi Tam thiên đại thiên, cũng không bằng người phát tâm tìm đến chỗ Phật [nhưng chỉ vừa] nhắc chân đi một bước.

“Đại vương! Ví như ngài cung kính cúng dường vô lượng chúng sanh nhiều như số cát sông Hằng cũng không bằng một lần đến chỗ giữa hai cây *sa-la* mọc sòng đôi, gặp đức Như Lai và thành tâm nghe thuyết pháp.”

Lúc ấy, vua *A-xà-thế* đáp rằng: “*Kỳ-bà!* Như Lai Thế Tôn tánh đã điều hòa nhu thuận, nên quanh ngài chỉ toàn là những người đã được điều hòa nhu thuận; cũng như rừng chiên đàn chỉ toàn có những cây *chiên-đàn* bao quanh. Như Lai là thanh tịnh nên chung quanh ngài cũng toàn là những người thanh tịnh, cũng như con rồng lớn, chung quanh đều là rồng. Như Lai là vắng lặng yên tĩnh, nên chung quanh ngài cũng chỉ toàn là những người vắng

¹ Công đức của người này có được chưa phải là do gặp Phật, mà chỉ vừa khởi tâm muốn đến chỗ Phật, chỉ mới đi được một bước đầu tiên mà thôi, nhưng đã là lớn lao đến như thế!

² Bốn thứ nhu yếu: 1. Y phục, 2. Thức ăn uống, 3. Chỗ ngủ, đồ ngủ, 4. Thuốc men trị bệnh.

lặng yên tĩnh. Như Lai không tham lam, nên chung quanh ngài cũng chỉ toàn là những người không tham lam. Phật không có phiền não, nên chung quanh ngài cũng chỉ toàn là những người không có phiền não. Nay ta đã là người hết sức xấu xa, mang nặng nghiệp ác, thân thể hôi thối, thuộc về cảnh địa ngục, làm sao có thể được đến chỗ Như Lai? Dù ta có đến đó e cũng không được tiếp đón chuyện trò. Tuy khanh khuyên ta đến chỗ Phật, nhưng hôm nay ta rất lấy làm xấu hổ, đau xót, không lòng dạ nào mà đi đến đó được.”

Bấy giờ, giữa không trung liền phát ra tiếng nói rằng: “Pháp Phật cao cả nhất nay sắp suy mất rồi! Con sông Chánh pháp sâu thẳm nay sắp cạn khô! Ngọn đèn Đại pháp cũng gần tắt! Ngọn núi Chánh pháp gần sụp đổ! Con thuyền Chánh pháp sắp chìm mất! Nhịp cầu Chánh pháp sắp hư gãy! Ngôi đền Chánh pháp sắp sập đổ! Ngọn cờ Chánh pháp sắp ngã! Cội cây pháp sắp gãy đổ! Bậc giúp ta sanh khởi mọi điều lành đã sắp ra đi!¹ Mọi lo sợ lớn sắp tới rồi! Cơ đối thiếu Chánh pháp của chúng sanh sắp đến! Bệnh dịch phiền não sắp hoành hành! Thời tối tăm u ám sắp đến! Thời khát khao Chánh pháp sắp tới! Ma vương vui mừng cởi bỏ áo giáp! Mặt trời Phật pháp sắp lặn khuất sau núi Đại Niết-bàn!

¹ Nguyên bản Hán văn dùng thiện hữu, là dịch từ Phạn ngữ *kalyānamitra*, không chỉ đơn giản là người bạn lành, mà chỉ chung những người giúp chúng ta sanh khởi các hạnh lành. Sách Tham huyền ký, quyển 6 nói: “Khởi ngã hạnh cố danh thiện hữu.” (Làm sanh khởi công hạnh của ta nên gọi là thiện hữu.) Trong văn cảnh này là chỉ đến đức Phật nên chúng tôi dịch như trên.

“Đại vương! Nếu đức Phật rời khỏi thế gian này, tội ác nặng nề của vua sẽ không còn ai trừ diệt được. Đại vương! Nay vua đã tạo nghiệp nặng nề nhất, ắt phải đọa vào địa ngục A-tỳ. Do nghiệp duyên ấy nên phải thọ tội báo, không còn nghi ngờ gì nữa.

“Đại vương! A-tỳ nghĩa là *không gián đoạn*.¹ Vì không có lúc nào được tạm an vui, nên gọi là *không gián đoạn*. Đại vương! Ví như chỉ có một người đọa vào ngục ấy, thì thân thể cũng tự nhiên dài rộng ra choán trọn cả ngục, không có chỗ hở, và khắp thân thể đều phải chịu mọi nỗi khổ. Dù khi có nhiều người vào ngục, thân thể của mỗi người cũng choán đầy cả ngục, không chướng ngại nhau.

“Đại vương! Trong địa ngục lạnh, nếu tạm thời gặp cơn gió nóng liền cho là vui sướng. Trong địa ngục nóng, nếu tạm thời gặp cơn gió lạnh cũng cho là vui sướng. Trong địa ngục *Đẳng hoạt*,² ví như chết rồi mà nghe một âm thanh sống liền sống lại. Trong địa ngục A-tỳ hoàn toàn không có những việc ấy!

“Đại vương! Trong địa ngục A-tỳ, bốn hướng đều có cửa, phía ngoài mỗi cửa đều có lửa dữ, lửa từ bốn hướng đông, tây, nam, bắc qua lại giao nhau khắp hết. Tường sắt bao quanh đến tám vạn *do-tuần*, phía trên có lưới sắt che trùm, mặt đất cũng toàn bằng sắt. Lửa trên phủ xuống tận bên dưới, lửa dưới bùng lên tận bên trên. Đại vương!

¹ A-tỳ (*Avīci*), Hán dịch là *vô gián* (無間), nghĩa là không gián đoạn, vì sự thọ hình trong địa ngục này liên tục không có lúc nào gián đoạn nên gọi là *vô gián*.

² Địa ngục Đẳng hoạt (*Samjīva*), một trong 8 cảnh địa ngục nóng (Nhiệt địa ngục). Trong địa ngục ấy, các tội nhân đánh đập, tàn hại lẫn nhau, xâu xé thân thể nhau nhưng chẳng bao giờ chết. Mỗi khi họ đau đớn quá mà chết đi thì lập tức sống lại, tiếp tục chịu khổ, nên gọi là *đẳng hoạt*.

Như con cá bị chiên nóng thì mỡ chảy ra cháy sạch, tội nhân trong địa ngục ấy cũng giống như vậy!

“Đại vương! Ai phạm vào một tội nghịch, sẽ phải vào đó chịu đủ hình phạt của một tội. Nếu phạm vào hai tội nghịch, phải chịu tội gấp hai lần. Người phạm vào năm tội nghịch sẽ phải chịu tội gấp năm lần.

“Đại vương! Nay ta biết chắc rằng nghiệp ác của vua sẽ không tránh khỏi [đọa vào địa ngục *A-tỳ*], nên chỉ cầu mong cho vua mau đến chỗ Phật. Trừ đức Phật Thế Tôn ra không còn ai khác có thể cứu vớt được vua. Nay ta thương vua nên mới khuyên bảo dẫn dắt. như vậy!”

Lúc ấy, vua *A-xà-thế* nghe những lời đó rồi, trong lòng khiếp sợ, toàn thân run rẩy, năm vóc¹ gieo xuống đất như cây chuối đổ, nhưng cố gắng mặt lên hỏi rằng: “Người là ai, sao chẳng hiện hình chỉ nghe tiếng nói?”

[Liên có tiếng đáp rằng:] “Đại vương! Ta là *Tần-bà-sa-la*, cha của con đây. Nay con nên nghe theo lời khuyên của *Kỳ-bà*, đừng tin lời sáu viên quan tà kiến.”

Vua *A-xà-thế* vừa nghe xong liền té nhào xuống đất, gẻ độc nơi thân bộc phát kịch liệt, hôi thối gấp nhiều lần trước đó. Tuy dùng nhiều loại thuốc mát thoa lên mà gẻ nóng cứ bộc phát, không giảm bớt chút nào!

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN MƯỜI CHÍN

¹ Năm vóc (ngũ thể): năm phần của thân thể, bao gồm: đầu, hai tay và hai chân.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN HAI MƯỜI¹

PHẨM HẠNH THANH TỊNH

Phẩm thứ tám - Phần sáu

Đấy giờ, đức Thế Tôn đang ở chỗ hai cây *sa-la* mọc sòng đôi, thấy được việc vua *A-xà-thế* té nhào xuống đất bất tỉnh liền bảo đại chúng rằng: “Nay ta vì vua *A-xà-thế* mà sẽ trụ thế đến vô lượng kiếp, không nhập *Niết-bàn*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai nên vì vô lượng chúng sanh mà không nhập *Niết-bàn*, sao lại chỉ riêng vì vua *A-xà-thế*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong đại chúng này không một ai cho rằng ta nhất định sẽ nhập *Niết-bàn*; chỉ có vua *A-xà-thế* tin chắc rằng ta sẽ vĩnh viễn tịch diệt, nên mới té nhào xuống đất bất tỉnh.

“Thiện nam tử! Như lời ta nói: ‘Vì vua *A-xà-thế* mà không nhập *Niết-bàn*,’ ý nghĩa sâu kín như thế ông chưa thể hiểu nổi. Vì sao vậy? Ta nói ‘vì’, đó là vì hết thấy những kẻ phạm phũ, [nghĩa là] vua *A-xà-thế* cùng với tất cả những ai phạm vào *năm tội nghịch*.

“Lại nữa, nói ‘vì’ tức là vì hết thấy chúng sanh *hữu vi*.

¹ Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 18, tiếp tục phẩm Phạm hạnh thứ 20, phần thứ 5.

Ta không bao giờ vì những chúng sanh *vô vi* mà trụ thế. Vì sao vậy? *Vô vi* chẳng phải là chúng sanh.

“Nói *A-xà-thế* là chỉ chung [tất cả] những người có đủ các loại phiền não. Lại nữa, nói ‘*vi*’ tức là vì những chúng sanh chưa thấy được *tánh Phật*. Nếu ai thấy được *tánh Phật*, ta không bao giờ vì họ mà ở lâu nơi thế gian. Vì sao vậy? Thấy được *tánh Phật* thì không còn là chúng sanh.

“Nói *A-xà-thế* cũng là nói hết thấy những ai chưa phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Lại nữa, nói ‘*vi*’ tức là vì hai chúng đệ tử của *A-nan* và *Ca-diếp*. Nói *A-xà-thế* đó cũng tức là chỉ chung hoàng hậu, cung phi mỹ nữ trong hậu cung của vua *A-xà-thế* cùng với hết thấy phụ nữ trong thành *Vương Xá*. Lại nữa, nói ‘*vi*’ đó tức là *tánh Phật*; nói *A-xà* đó tức là không sanh; nói *thế* đó tức là oán thù. Vì không sanh *tánh Phật* nên oán thù là phiền não sanh ra; vì oán thù phiền não sanh ra nên không thấy *tánh Phật*. Nhờ không sanh phiền não nên chắc chắn thấy được *tánh Phật*; nhờ thấy được *tánh Phật* nên được trụ yên nơi *Đại Niết-bàn*. Đó gọi là không sanh. Vì thế nên ta nói là ‘*vì A-xà-thế*’.

“Thiện nam tử! Nói *A-xà* đó gọi là không sanh; nói *không sanh* gọi là *Niết-bàn*. Nói *thế* gọi là pháp thế gian. Nói ‘*vi*’ đó, gọi là không ô nhiễm. Vì tám pháp¹ của thế

¹ Tám pháp: tám món vật chất bất tịnh. Có nhiều thuyết nói khác nhau về tám món bất tịnh này, theo sách Án Luật (案律) thì bao gồm: 1. ruộng vườn, đất đai (điền viên), 2. các loại giống cây trồng (chủng thực) 3. lúa thóc, tơi lụa (cốc bạch) 4. tôi tớ, người giúp việc (nhân bộc), 5. các loại chim thú, gia súc (cầm thú) 6. tiền bạc, cửa cải (tiền bảo) 7. chăn đệm, nồi chảo (nhục phủ) 8. vàng bạc, đồ trang sức và hết thấy các vật nặng (tượng kim sức sàng cập chử trọng vật). Theo giới luật thì vị tỳ-kheo không được sở hữu các vật bất tịnh này, vì gây trở ngại cho việc tu tập và làm mất oai nghi, đạo hạnh. Tuy nhiên, Tám pháp này cũng

gian không làm ô nhiễm được nên trong vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* kiếp không nhập *Niết-bàn*. Vì thế nên ta nói là ‘vì vua *A-xà-thế* mà trong vô lượng ức kiếp không nhập *Niết-bàn*’.

“Thiện nam tử! Lời nói sâu kín của Như Lai không thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng cũng không thể nghĩ bàn. Bồ Tát *ma-ha-tát* cũng không thể nghĩ bàn. Kinh Đại *Niết-bàn* cũng không thể nghĩ bàn!”

Bấy giờ, bậc Đạo sư Đại bi Thế Tôn liền vì vua *A-xà-thế* mà nhập *tam-muội* Nguyệt Ái. Khi nhập *tam-muội* ấy rồi liền phóng ra hào quang chói sáng. Hào quang ấy trong sạch mát mẽ, chiếu đến chỗ thân vua, [khiến cho] những ghẻ độc liền được khỏi, hơi nóng tích tụ đều dứt sạch.

Vua tự biết ghẻ độc đã khỏi, thân thể sạch sẽ, mát mẽ, liền bảo *Kỳ-bà*: “Ta từng nghe nói rằng, khi kiếp số sắp tận sẽ ba mặt trăng cùng hiện ra. Trong lúc ấy, hoạn khổ của tất cả chúng sanh đều dứt hết. Nhưng nay thời kỳ ấy chưa đến, vậy hào quang này từ đâu chiếu ra mà khi chạm vào thân ta lại khiến cho nổi khổ vì ghẻ độc lập tức dứt trừ, thân thể được an vui?”

Kỳ-bà tâu: “Đại vương! Đây chẳng phải lúc kiếp tận, ba mặt trăng cùng chiếu. Cũng chẳng phải ánh lửa, mặt trời, tinh tú, cỏ thuốc, hạt châu quý hay hào quang chư thiên.”

Vua lại hỏi: “Nếu hào quang này chẳng phải do ba mặt

được hiểu là tám điều kiện gây ô nhiễm, tán loạn tâm thức, còn gọi là Tám ngọn gió (Bát phong), bao gồm những điều như: lợi (những điều có lợi), suy (những sự bất lợi, suy kém), hủy (những sự mạ nhục, xúc phạm), dự (những danh thơm, tiếng tốt), xứng (những sự khen ngợi, tán tụng), cơ (những sự chê trách, ghét bỏ), khổ (những sự đau đớn, khổ sở), lạc (những sự mừng vui, thích thú). Trong văn cảnh này chúng tôi nghĩ là ý nghĩa được trình bày sau thích hợp hơn.

trắng cùng chiếu, cũng chẳng phải do ánh sáng của hạt châu quý... vậy là hào quang của ai?”

“Đại vương nên biết, đó là hào quang do đức *Thiên Trung Thiên*¹ chiếu ra. Hào quang ấy không có nguồn gốc, không có giới hạn, không nóng, không lạnh, không phải *thường*, không phải *diệt*, không phải *sắc*, không phải *vô sắc*, không phải *tướng*, không phải *vô tướng*, không xanh, không vàng, không đỏ, không trắng... Vì muốn độ chúng sanh nên khiến cho chúng sanh có thể nhìn thấy được, có hình tướng để mô tả, có nguồn gốc, có giới hạn, có nóng, có lạnh, có xanh, vàng, đỏ, trắng... Đại vương! Hào quang ấy tuy là như vậy, nhưng thật không thể mô tả, không thể nhìn thấy, cho đến không có xanh, vàng, đỏ, trắng...”

Vua hỏi: “*Kỳ-bà*! Vì nhân duyên gì mà đức Thiên Trung Thiên phóng ra hào quang ấy?”

Kỳ-bà tâu: “Đại vương! Điềm lành hôm nay là vì đại vương đó. Trước đây đại vương có nói rằng thế gian không có vị lương y nào liệu trị được [bệnh khổ trong] thân tâm của ngài, nên [đức Phật] phóng hào quang này trước để trị lành thân thể, sau đó mới liệu trị trong tâm cho ngài.”

Vua lại hỏi: “*Kỳ-bà*! Như Lai Thế Tôn cũng biết được ý nghĩ ấy [của ta] sao?”

Kỳ-bà đáp: “Ví như một người có bảy đứa con. Trong bảy đứa con ấy, có một đứa mắc bệnh. Lòng cha mẹ không phải là không bình đẳng, nhưng đối với đứa con có bệnh ắt phải có phần đặt nặng hơn.

¹ Thiên Trung Thiên: một trong các danh hiệu để tôn xưng đức Phật. Như đối với loài người thì chư thiên là tôn quý, nhưng đức Phật còn tôn quý hơn tất cả chư thiên, nên gọi ngài là vị cao quý nhất trong tất cả chư thiên.

“Đại vương! Như Lai cũng thế, đối với chúng sanh ngài không phải là không bình đẳng. Nhưng đối với người có tội ắt phải thương tưởng đến nhiều hơn. Đối với những kẻ phóng túng buông thả, Phật sẽ đem lòng từ mà nhớ tưởng đến. Đối với người không phóng túng buông thả, lòng Phật ắt buông xả không lo. Những ai là không phóng túng buông thả? Đó là nói hàng Bồ Tát trụ ở sáu địa vị.¹

“Đại vương! Chư Phật Thế Tôn đối với chúng sanh không phân biệt chủng tộc, tuổi tác già, trẻ hoặc trung niên; nghèo khó hay giàu sang, cũng không phân biệt thời tiết, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, người khéo léo, kẻ hạ tiện, tôi trai, tớ gái... chỉ quán xét lòng lành của chúng sanh. Nếu ai có lòng lành, Phật đều đem lòng từ mà hộ niệm.

“Đại vương nên biết, diễm lành này là ánh hào quang Như Lai phóng ra trong khi nhập *tam-muội Nguyệt ái*.”

Vua hỏi: “Sao gọi là phép *tam-muội Nguyệt ái*?”

Kỳ-bà đáp: “Ví như ánh sáng mặt trăng có thể khiến cho tất cả hoa *utu-bát-la* đều nở ra tươi sáng. Phép *tam-muội Nguyệt ái* cũng giống như vậy, có thể khiến cho căn lành của chúng sanh khai mở. Vì thế nên gọi là phép *tam-muội Nguyệt ái*.

“Đại vương! Ví như ánh sáng mặt trăng có thể khiến

¹ Bồ Tát trụ ở sáu địa vị (lục trụ Bồ Tát): sự tu tập chứng đắc của hàng Bồ Tát chia làm sáu địa vị, đều đã đạt đến chỗ vững vàng không thối lui nữa, nên gọi là sáu trụ (*lục trụ*). Sáu trụ ấy cũng tương đương với Thập địa, phân ra như sau: 1. Chứng tánh trụ, là hàng Bồ Tát tu thập hạnh; 2. Giải hạnh trụ, là hàng Bồ Tát tu Thập hồi hướng; 3. Tịnh tâm trụ, là hàng Bồ Tát tu chứng Sơ địa; 4. Hành đạo trụ, là hàng Bồ Tát tu chứng từ Nhị địa cho đến Thất địa; 5. Quyết định trụ, là hàng Bồ Tát tu chứng Bát địa và Cửu địa; 6. Cứu cánh trụ, là hàng Bồ Tát tu chứng Thập địa.

cho tất cả những người đi đường sanh lòng vui thích. Phép *tam-muội Nguyệt ái* cũng giống như vậy, có thể khiến cho những người tu tập tâm đạo *Niết-bàn* sanh lòng hoan hỷ. Vì thế nên gọi là phép *tam-muội Nguyệt ái*.

“Đại vương! Ví như mặt trăng từ đầu tháng cho đến đêm rằm, hình dáng và độ sáng cứ tăng dần. Phép *tam-muội Nguyệt ái* cũng giống như vậy, khiến cho căn lành của người mới phát tâm cứ dần dần tăng trưởng, cho đến được đầy đủ Đại Bát *Niết-bàn*. Vì thế nên gọi là phép *tam-muội Nguyệt ái*.

“Đại vương! Ví như mặt trăng từ sau đêm rằm cho đến cuối tháng, hình dáng và độ sáng cứ giảm dần. Phép *tam-muội Nguyệt ái* cũng giống như vậy, hào quang chiếu đến nơi nào thì khiến cho các phiền não dần dần diệt mất. Vì thế nên gọi là phép *tam-muội Nguyệt ái*.

“Đại vương! Ví như lúc thời tiết nóng nực, hết thảy chúng sanh thường nhớ đến ánh sáng mặt trăng. Khi ánh trăng chiếu sáng thì sự nóng nực liền dứt mất. Phép *tam-muội Nguyệt ái* cũng giống như vậy, có thể giúp cho chúng sanh trừ dứt sự khổ não nóng nảy do lòng tham dục.

“Đại vương! Ví như mặt trăng tròn là vua của các tinh tú, là món *cam lộ* mà tất cả chúng sanh ưa thích. Phép *tam-muội Nguyệt ái* cũng giống như vậy, là vua trong các điều lành, là món *cam lộ* mà tất cả chúng sanh ưa thích. Vì thế nên gọi là phép *tam-muội Nguyệt ái*.”

Vua *A-xà-thế* nói: “Trẫm nghe rằng Như Lai không cùng đi đứng, nằm ngồi, nói năng, trò chuyện với những kẻ xấu ác, cũng như biển lớn không giữ lại xác chết, như

chim uyên ương không đậu nơi nhà xí,¹ như *Thích-đề-hoàn-nhân* không ở chung với loài quỷ, như chim *cưu-sí-la* không đậu trên cây khô. Như Lai cũng thế, [không gần gũi những kẻ xấu ác]. Nay ta làm sao có thể đến gặp ngài? Ví như có được gặp rồi, thì thân ta đây há chẳng phải sắp đọa vào địa ngục đó sao? Ta thấy rằng đức Như Lai thà gần gũi với voi say, sư tử, cọp, sói, lửa dữ bùng bùng, chứ không bao giờ gần gũi những kẻ tội ác nặng nề. Nay ta nghĩ thế, còn lòng dạ nào đến đó gặp đức Như Lai?”

Kỳ-bà thưa: “Đại vương! Ví như người khát nước phải mau tìm đến suối nước trong, người đói cầu được thức ăn, người sợ hãi cầu được cứu giúp, người bệnh cầu gặp lương y, người nóng nực cầu chỗ mát mẻ, người rét lạnh cầu được lửa ấm. Nay vua cầu Phật cũng nên cầu như vậy.

“Đại vương! Như Lai còn vì kẻ *nhất-xiển-đê* mà diễn giảng pháp yếu, hướng chi đại vương chẳng phải *nhất-xiển-đê*, sao lại không mong được đức từ bi cứu độ?”

Vua nói: “*Kỳ-bà*! Ta từng nghe rằng, kẻ *nhất-xiển-đê* không có lòng tin, không chịu nghe, không chịu quan sát, không hiểu nghĩa lý. Vì sao Như Lai lại vì họ mà thuyết pháp?”

Kỳ-bà đáp: “Đại vương! Ví như có người mắc bệnh nặng, đêm nằm mộng thấy mình đi lên cung điện một cột, ăn những kem sữa, dầu, mỡ và dùng những chất ấy thoa lên thân mình, nằm lên tro, ăn tro, trèo lên cây khô; hoặc cùng đi chơi, cùng ngồi, nằm với loài khỉ; hoặc chìm xuống nước, ngập dưới bùn lầy; hoặc té từ trên lầu cao, núi cao;

¹ Bản tính loài chim này không thích mùi hôi hám; còn biển cả không giữ xác chết là nói hiện tượng tất cả xác chết trên biển đều bị sóng đưa dân vào bờ.

hoặc thấy rừng cây, voi, ngựa, bò, dê; hoặc thấy mặc áo xanh, vàng, đỏ, đen, cười đùa, ca múa; hoặc thấy các loài chim ó, chồn cáo, thấy răng rụng, tóc rụng, hình thể lờ lờ gồi đầu trên mình chó, nằm trong phần dơ, lại cùng với những người đã chết đi, đứng, nằm, ngồi, nắm tay nhau ăn uống; hoặc thấy phải đi qua đường đầy rắn độc; hoặc thấy cùng với người đàn bà xoa tóc ôm ấp nhau, dùng lá cây *đá-la* làm quần áo; hoặc thấy cưỡi chiếc xe lừa hư hỏng mà đi về hướng nam...

“Người ấy nằm mộng như vậy rồi, sanh lòng sầu não. Vì sầu não nên thân bệnh càng tăng. Vì bệnh nặng thêm nên thân thuộc trong nhà bèn cho người đi mời lương y. Người được sai đi mời lương y có hình thể lùn thấp, các căn chẳng đủ, đầu tóc rối bời bám đầy bụi đất, mặc áo cũ rách, đi xe hư xấu, đến nơi nói với lương y rằng: ‘Ông mau mau lên xe!’

“Lúc ấy, lương y liền tự suy xét rằng: ‘Nay người đi mời ta tướng mạo không tốt đẹp, nên biết rằng bệnh nhân rất khó trị.’ Rồi lại xét rằng: ‘Cho dù người đi mời ta không được xinh đẹp, cũng nên xem qua ngày để biết có thể trị bệnh được hay chẳng.’ Nếu rơi vào các ngày mồng bốn, mồng sáu, mồng tám, mười hai, mười bốn thì biết bệnh cũng khó trị. Rồi [lương y ấy] lại xét rằng: ‘Cho dù ngày chẳng được tốt, cũng nên xem thiên văn để biết có thể trị bệnh được chẳng.’ Nếu xem rồi thấy rơi vào sao Hỏa, sao Khuê, sao Mão, sao Diêm-la vương, sao Thấp, sao Mãn, những sao như vậy thì bệnh cũng khó trị. Rồi [lương y ấy] lại xét rằng: ‘Cho dù xem sao chẳng được tốt, cũng nên xem qua thời tiết.’ Nếu rơi vào mùa thu, mùa đông, khi

mặt trời lặn, lúc nửa đêm, khi trăng lặn, nên biết những lúc ấy bệnh cũng khó trị.

“Rồi [lương y ấy] lại nghĩ rằng: ‘Cho dù các tướng như thế đều chẳng tốt, nhưng có khi là đúng, cũng có khi là không đúng, ta nên đến xem qua người bệnh. Nếu có phước đức thì có thể trị được. Nếu không có phước đức thì điềm tốt cũng có ích gì?’ Nghĩ như vậy rồi liền cùng đi với người nhà bệnh nhân. Trên đường đi lại suy nghĩ rằng: ‘Nếu người bệnh kia có tướng trường thọ thì có thể trị được. Nếu là tướng đoản thọ, ắt không thể trị được.’ Ngay khi ấy trên đường đi bỗng thấy hai đứa trẻ đánh nhau, nắm đầu giật tóc, dùng gạch, đá, dao, gậy mà ném nhau, đánh nhau; lại thấy người cầm lửa, tự nhiên lửa tắt; hoặc thấy người đốn cây, hoặc thấy người kéo lê tấm da thú đi dọc theo đường, hoặc thấy vật rơi trên đường, hoặc thấy người cầm bồn chậu trồng không, hoặc thấy thầy *sa-môn* đi một mình, không có người cùng đi; hoặc thấy cọp, sói, quạ, ó, chồn, cáo... Thấy những việc [xấu] ấy rồi, lại suy nghĩ rằng: ‘Từ người đi mời cho đến mọi hình tướng mà ta thấy trên đường, thấy đều là chẳng lành. Vậy nên biết chắc là khó trị được bệnh.’

“Rồi [lương y ấy] lại nghĩ rằng: ‘Nếu ta không đến thì chẳng phải lương y, nhưng dù có đến cũng không thể trị được.’ Rồi lại nghĩ rằng: ‘Tuy các tướng như vậy đều là chẳng lành, nhưng hãy tạm bỏ qua, cứ đến chỗ người bệnh trước đã.’ Nghĩ như vậy rồi, liền nghe thấy bên đường vang lên những tiếng như: mất mát, chết chôn, rơi nát, hư gãy, lột da, rớt té, đốt cháy, chẳng đến, không thể liệu trị, không thể cứu giúp... Lại nghe từ hướng nam có những

tiếng kêu của quạ, ó, chim *xá-lợi*, hoặc tiếng chó sủa, chuột kêu, tiếng chồn, thỏ, heo... Nghe những tiếng ấy rồi, ông lại nghĩ: ‘Nên biết rằng bệnh ấy rất khó chữa trị.’

“Bấy giờ, lương y liền vào nhà, thấy bệnh nhân ấy khi lạnh khi nóng từng chập, đau nhức từng lóng xương, mắt đỏ rơi lệ, tai nghe tiếng ngoài xa, yết hầu thất lại và đau, lưỡi hư rách, nhan sắc đen sậm, không tự nhắc đầu lên nổi, thân thể khô héo không có mồ hôi, đại tiện, tiểu tiện đều ngăn bít chẳng thông. Thân thể sưng phù, có sắc hồng, đỏ khác thường. Giọng nói chẳng đều, khi to khi nhỏ. Khắp người nổi lên những mảng màu lẫn lộn xanh, vàng rất lạ. Bụng trướng đầy lên, lời nói không rõ nghĩa.

“Thấy như vậy rồi, lương y mới hỏi để đoán bệnh: ‘Người bệnh này từ trước đến nay ý chí thế nào?’ Đáp rằng: ‘Thưa thầy, người này từ trước vốn kính tin *Tam bảo* và chư thiên, nhưng nay thay đổi, lòng kính tín không còn nữa. Từ trước vốn thường vui vẻ bố thí, nhưng nay lại keo kiệt, bủn xỉn. Từ trước vốn ăn ít, nhưng nay lại ăn quá nhiều. Từ trước vốn hiền hòa, nhưng nay lại xấu ác. Từ trước vốn thương yêu, hiếu thuận, cung kính cha mẹ, nhưng nay đối với cha mẹ không có lòng cung kính.’

“Lương y nghe vậy rồi, liền đến trước người bệnh để ngửi xem có những mùi như mùi hương *ưu-bát-la*, mùi hương trầm thủy lẫn tạp, mùi hương *tất-lăng-ca*, mùi hương *đa-già-la*, mùi hương *đa-ma-la-bạt*, mùi hương *uất-kim*, mùi hương *chiên-đàn*, mùi hôi thịt nướng, mùi hôi rượu bồ đào, mùi hôi gân cốt bị đốt, mùi cá tanh, mùi phần thối... hay không. Khi đã biết được mùi của người bệnh rồi, liền đến

sờ vào thân người bệnh để xem là mềm mại như lụa, như bông gòn, như hoa *kiếp-bối-ta*; hoặc cứng như đá, hoặc lạnh như băng, hoặc nóng như lửa, hoặc nhám như cát...

“Lúc ấy, lương y thấy biết hết mọi tướng trạng như vậy rồi, biết chắc là người bệnh sẽ chết, không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng ông cũng không nói chắc rằng: ‘Người này sẽ chết.’ Ông chỉ nói với người nuôi bệnh rằng: ‘Nay tôi có việc gấp phải đi, ngày mai sẽ trở lại. Bệnh nhân có muốn gì xin cứ chiều ý, đừng ngăn cản.’ Rồi ông trở về nhà.

“Hôm sau, người nhà bệnh nhân đến đón, lương y nói rằng: ‘Công việc của tôi chưa xong, thuốc cũng chưa chế được.’ Người có trí nên biết rằng như vậy là bệnh nhân chắc chắn phải chết, không còn nghi ngờ gì nữa.

“Đại vương! Thế Tôn cũng như vậy. Đối với những kẻ *nhất-xiển-đề*, biết rõ căn tánh nhưng cũng vì họ mà thuyết pháp. Vì sao vậy? Nếu ngài không vì họ mà thuyết pháp thì hết thầy người thế gian đều sẽ nói rằng: ‘Như Lai không có lòng đại từ bi. Bởi có lòng từ bi nên mới được xưng là Bạc biết hết tất cả. Nếu không có lòng từ bi, sao được gọi là Bạc biết hết tất cả?’ Vì thế nên Như Lai vì những kẻ *nhất-xiển-đề* mà thuyết pháp.

“Đại vương! Như Lai Thế Tôn thấy những người bệnh thường ban cho món thuốc Chánh pháp. Nếu người bệnh không chịu uống, đó chẳng phải lỗi của Như Lai!

“Đại vương! Những kẻ *nhất-xiển-đề* phân ra hai hạng. Một là được căn lành trong hiện tại, hai là được căn lành vào đời sau. Như Lai khéo rõ biết những kẻ *nhất-xiển-đề*, nên có thể vì những người được căn lành trong hiện tại

mà thuyết pháp. Đối với những người sẽ được căn lành vào đời sau ngài cũng thuyết pháp. Tuy hiện thời không ích lợi gì nhưng có thể gieo nhân cho đời sau. Vì thế nên Như Lai vì những người *nhất-xiển-đề* mà thuyết giảng những điều pháp yếu.

“Những kẻ *nhất-xiển-đề* lại còn phân ra hai hạng. Một là những người căn tánh lạnh lợi, hai là những người căn tánh trung bình. Những người căn tánh lạnh lợi, trong đời hiện tại có thể được căn lành. Những người căn tánh trung bình, đến đời sau ắt sẽ được căn lành. Chư Phật Thế Tôn không thuyết pháp một cách vô ích.

“Đại vương! Ví như có người sạch sẽ bị rơi xuống hố xí. Bậc tri thức hiện thiện thấy vậy thương xót liền lập tức đến nắm tóc người ấy kéo ra khỏi hố xí. Chư Phật Như Lai cũng giống như vậy, thấy chúng sanh đọa vào *ba đường ác* liền dùng phương tiện mà cứu giúp, khiến cho được ra khỏi. Cho nên đức Như Lai vì những kẻ *nhất-xiển-đề* mà thuyết pháp.”

Vua bảo Kỳ-bà: “Nếu quả đúng Như Lai là như vậy, ngày mai ta sẽ chọn ngày tốt giờ lành rồi mới đến gặp ngài.”

Kỳ-bà tâu rằng: “Đại vương! Trong giáo pháp của Như Lai không có sự lựa chọn ngày tốt giờ lành. Đại vương! Như người mang bệnh nặng còn chẳng xem ngày giờ, thời tiết lành dữ, chỉ cầu được lương y. Nay vua cũng mang bệnh nặng, cầu vị lương y là Phật, không nên lựa chọn ngày tốt giờ lành.

“Đại vương! Như lửa từ cây *chiên-đàn* và cây *y-lan*¹ cũng

¹ Gỗ *chiên-đàn* có mùi rất thơm, còn gỗ cây *y-lan* lại có mùi rất hôi thối.

đều có tính chất thiêu đốt, chẳng khác gì nhau. Ngày lành ngày dữ cũng là như vậy. Nếu tìm đến chỗ Phật thì dù là ngày nào cũng được dứt trừ tội lỗi. Xin đại vương ngay hôm nay hãy mau đến đó.”

Lúc ấy, vua liền cho gọi một viên quan tên là Cát Tường, bảo rằng: “Ông nên biết là nay ta muốn đi đến chỗ Phật Thế Tôn. Hãy mau chóng sắp đặt đầy đủ những vật cần cúng dường.”

Viên quan tâu rằng: “Đại vương! Lành thay, lành thay! Những vật cần cúng dường thầy đều đã có đủ.”

Vua *A-xà-thế* và phu nhân ngự giá ra đi, có mười hai ngàn cỗ xe theo hầu nghiêm trang, lại có đến năm mươi ngàn thớt voi lớn đẹp đi theo. Trên mỗi thớt voi đều có ba người ngồi, cầm những thứ phướn, lọng, hương, hoa, kỹ nhạc... Các món vật cúng đều đầy đủ, không thiếu món gì. Quân cưỡi ngựa theo hầu có đến một trăm tám mươi ngàn. Nhân dân nước *Ma-già-đà* nhanh chóng tụ tập đi theo vua có đến năm trăm tám mươi ngàn người.

Lúc ấy, hết thầy đại chúng ở thành *Câu-thi-na* trong khoảng mười hai *do-diên*¹ đều được trông thấy vua *A-xà-thế* từ xa cùng với quyến thuộc trên đường nhanh chóng đi về hướng Phật.

Bấy giờ, đức Phật bảo đại chúng rằng: “Nhân duyên gần gũi của hết thầy chúng sanh muốn cầu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* không gì hơn bạn tốt. Vì sao vậy? Vua *A-xà-thế* nếu chẳng nghe lời *Kỳ-bà* thì ngày mồng bảy tháng tới đây chắc chắn sẽ phải chết, đọa vào

¹ Do-diên (*Yojana*), cũng đọc là do-tuần, một đơn vị đo chiều dài thời cổ Ấn Độ.

địa ngục A-tỳ. Vì thế nên nhân duyên gần gũi không có gì hơn bạn tốt!”

Vua *A-xà-thế* trên đường đi lại nghe rằng: Vua *Tỳ-lưu-ly* ở *Xá-bà-đề* đi thuyền ra biển gặp nạn lửa mà chết; *tỳ-kheo Cô-ca-ly* đang còn sống bị chìm sâu xuống đất đến tận địa ngục A-tỳ; *Tu-na-sát-đa* làm đủ mọi việc ác, nhờ đến chỗ Phật mà trừ diệt hết mọi tội lỗi.

“Nghe những việc ấy rồi, vua bảo *Kỳ-bà*: “Nay tuy ta nghe hai việc khác nhau ấy,¹ nhưng chưa biết chắc là có đúng thật hay không. *Kỳ-bà* hãy đến đây, ta muốn cùng với khanh ngồi chung một thớt voi. Ví như ta có phải rơi xuống địa ngục A-tỳ, khanh hãy nắm giữ ta lại, đừng để ta rơi xuống. Vì sao vậy? Trước đây ta có nghe rằng người đắc đạo thì không phải vào địa ngục.”²

Bấy giờ, đức Phật bảo đại chúng rằng: “Vua *A-xà-thế* vẫn còn tâm nghi. Nay ta sẽ vì vua ấy mà khiến cho sanh tâm quyết định.”

Lúc ấy, trong hội có một vị Bồ Tát tên là Trì Nhất Thiết bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Như trước đây Phật có dạy, hết thảy các pháp đều không có tướng nhất định, ấy là: sắc không có tướng nhất định, cho đến *Niết-bàn* cũng không có tướng nhất định. Tại sao hôm nay Như Lai nói là vì vua *A-xà-thế* mà làm cho sanh tâm quyết định?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Nay ta định làm cho vua *A-xà-thế* sanh tâm quyết định. Vì sao

¹ Là việc những người làm ác phải chịu quả báo, phải dọa địa ngục và việc tìm đến gặp Phật được dứt trừ mọi tội lỗi.

² Vua *A-xà-thế* tin rằng *Kỳ-bà* là người đắc đạo nên không phải vào địa ngục, vì thế muốn nhờ ông này níu giữ mình lại.

vậy? Nếu tâm nghi của vua có thể bị phá hoại thì nên biết rằng các pháp không có tướng cố định. Vì vậy nên ta vì vua *A-xà-thế* mà làm cho [ông ấy] sanh tâm quyết định. Nên biết rằng tâm ấy là không cố định.

“Thiện nam tử! Nếu tâm của vua ấy là cố định thì tội nghịch của vua làm sao có thể phá trừ? Bởi không có tướng cố định, nên tội của vua mới có thể phá hoại được. Vì vậy nên ta mới vì vua *A-xà-thế* mà làm cho sanh tâm quyết định.”

Bấy giờ, vua *A-xà-thế* đi đến chỗ hai cây *sa-la* mọc sừng đôi, đến tận chỗ Phật rồi chiêm ngưỡng Như Lai với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, như một tòa núi bằng vàng ròng đẹp đẽ mẫu nhiệm.

Lúc ấy, đức Thế Tôn phát ra tiếng nói có tám loại âm thanh¹ gọi rằng: “Đại vương!”

Vua *A-xà-thế* ngay khi đó liền quay nhìn hai bên, nghĩ rằng: “Trong đại chúng đây, có ai là đại vương? Ta đã là người đã phạm tội, lại không có phước đức, Như Lai hẳn không gọi ta là đại vương!”

Lúc ấy, Như Lai lại gọi một lần nữa: “Đại vương *A-xà-thế*!”

Vua nghe như vậy rồi hết sức vui sướng, liền nói rằng: “Hôm nay Như Lai đoái tưởng đến con mà trò chuyện,

¹ Tiếng nói có tám loại âm thanh (Bát chủng thanh): Tiếng nói của Phật có đủ tám loại mang tám tính chất khác nhau là: 1. Cực hảo âm: Tiếng nói rất tốt, rất vi diệu. 2. Nhu nhuyễn âm: Tiếng nói êm dịu, nhu thuận. 3. Hòa thích âm: Tiếng nói điều hòa, đúng mực. 4. Tôn tuệ âm: Tiếng nói làm người nghe tôn trọng và khai sáng trí tuệ. 5. Bất nữ âm: Tiếng nói hùng hồn, khác với tiếng nữ nhân. 6. Bất ngộ âm: Tiếng nói rõ rệt, không thể lẫn lộn. 7. Thâm viễn âm: Tiếng nói rất sâu xa, ở gần nghe không quá lớn, ở xa nghe không quá nhỏ. 8. Bất kiệt âm: Tiếng nói không bao giờ cạn kiệt, dứt mất.

khiến con biết chắc rằng Như Lai đối với chúng sanh thật có lòng đại bi thương xót bình đẳng như nhau.”

Vua liền bạch Phật: “Thế Tôn! Nay tâm nghi của con đã dứt hẳn. Con biết chắc rằng Như Lai thật là bậc đại sư cao trội hơn hết của tất cả chúng sanh.”

Lúc ấy, Bồ Tát *Ca-diếp* nói với Bồ Tát Trì Nhất Thiết: “Như Lai đã khiến cho vua *A-xà-thế* có tâm quyết định.”

Bấy giờ, vua *A-xà-thế* bạch Phật: “Thế Tôn! Ví như con được đứng ngồi, ăn uống cùng với đấng Phạm vương, *Thích-đề-hoàn-nhân*, cũng không lấy làm vui sướng, nhưng được gặp đức Như Lai, được Như Lai gọi đến một tiếng, thật hết sức hân hoan vui sướng.”

Vua *A-xà-thế* khi đó liền đem những phướn, lọng, hoa, hương, kỹ nhạc... mang theo dâng lên cúng dường, lễ bái dưới chân Phật và đi nhiễu quanh ba vòng cung kính về bên phải. Lễ kính xong liền ngồi sang một bên.

Lúc ấy, Phật dạy vua *A-xà-thế*: “Đại vương! Nay ta vì ông mà nói ra chỗ cốt yếu của Chánh pháp. Ông hãy hết lòng lắng nghe cho kỹ, lắng nghe cho kỹ!

“Người phạm phu thường nên chú tâm quán xét thân mình có hai mươi việc:

1. Trong thân này vốn là trống không, không có các phiền não.
2. Trong thân này không có cội gốc của những căn lành.
3. Thân này đang ở trong sanh tử, chưa được điều thuận.
4. Thân này như rơi xuống hố sâu, không có nơi nào mà không đáng sợ.
5. Thân này biết dùng phương tiện gì để thấy được tánh Phật?

6. Thân này làm thế nào tu định để thấy được tánh Phật?
7. Thân này ở trong sanh tử thường chịu khổ, không có thường, ngã, tịnh.
8. Tám nạn¹ là khó tu, nhưng thân này rất khó tránh xa [tám nạn ấy].²
9. Thân này thường bị những kẻ oán thù truy đuổi.³
10. Trong thân này không có pháp nào có thể ngăn được các pháp hiện hữu.⁴
11. Thân này đối với ba đường ác⁵ còn chưa được giải thoát.
12. Thân này có đủ mọi thứ tà kiến xấu ác.⁶

¹ Tám nạn (Bát nạn): Tám hoàn cảnh rất khó tu tập, nên gọi là tám nạn, gồm có: 1. Địa ngục, 2. Ngạ quỷ, 3. Súc sanh, 4. Châu uất-dan-việt (vì được hưởng sự sung sướng mãi nên khó tu tập), 5. Cảnh trời Trường thọ (tức là Vô tưởng thiên), 6. Làm người bị dui, diếc, câm, ngọng, 7. Làm người thế trí biện thông (vì thông minh, giỏi biện luận thế sự nên kiêu mạn, không muốn tu tập), 8. Không gặp Phật ra đời.

² Do nghiệp duyên dẫn dắt mà chúng sanh thường phải sanh vào tám cảnh khó tu như trên, nếu không biết tu tập thì rất khó tránh được những cảnh ấy.

³ Do tham lam, sân hận và si mê mà tất cả chúng sanh thường giết hại lẫn nhau, vì thế trôi lăn trong nhiều đời thường luôn theo đuổi nhau để trả những mối oán thù từ trước. Oan oan tương báo chẳng bao giờ dứt được, chỉ trừ khi biết thức tỉnh tu tập.

⁴ Hết thấy các pháp hữu vi đều là tướng biến đổi, hoại diệt nên không thể dựa vào đó để đạt được giải thoát. Nhưng thân này vốn cũng là pháp hữu vi, tự nó không có pháp nào trừ được các pháp hữu vi. Quán xét như vậy, hành giả sẽ biết rằng chỉ có thể mượn thân này như một phương tiện để tu tập chứ không thể đắm chấp, nương cậy vào nó.

⁵ Ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

⁶ Nguồn gốc của hết thấy mọi kiến chấp sai lầm (62 tà kiến) đều bắt nguồn từ việc nhận thức sai lầm về tính chất không thật có của thân này.

13. Thân này cũng chưa được tạo lập¹ để có thể vượt qua năm nghịch.²
14. Thân này ở trong vòng sanh tử không bờ bến chưa vượt qua được.
15. Thân này nếu không tạo các nghiệp thì không phải chịu quả báo.
16. Thân này tự làm tự chịu, không có việc mình làm mà người khác phải nhận chịu quả báo.
17. Thân này nếu chẳng gieo nhân an vui thì không bao giờ được quả an vui.
18. Thân này nếu có tạo nghiệp thì nghiệp quả ấy không bao giờ mất.
19. Thân này do vô minh mà có sanh ra, cũng do vô minh mà có diệt đi.
20. Thân này trước đây, hiện nay và mai sau thường phóng túng buông thả.

“Đại vương! Người phạm phu thường nên thực hành hai mươi phép quán như vậy đối với thân này. Quán xét

¹ Chưa được tạo lập: ở đây có nghĩa là tạo lập chánh tín và chánh kiến, những điều kiện thiết yếu để giúp chúng sanh không phạm vào năm nghịch như sẽ kể ra dưới đây.

² Năm nghịch (ngũ nghịch): năm tội nghịch, theo Tiểu thừa thì năm tội nghịch là: 1. Giết cha, 2. Giết mẹ, 3. Giết A-la-hán, 4. Phá hòa hợp tăng, 5. Làm thân Phật chảy máu. Tuy nhiên, theo Đại thừa thì khái niệm năm tội nghịch rộng hơn, do đó cũng có nhiều chúng sanh dễ phạm vào hơn. Chúng tôi nghiêng về việc hiểu khái niệm năm tội nghịch ở đây theo Đại thừa, bao gồm: 1. Phá hoại tháp Phật, chùa, tịnh xá... hoặc trộm, cướp tài vật của Tam bảo, hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm, hoặc thấy người khác làm như vậy mà sanh tâm vui mừng. 2. Phỉ báng, khinh chê giáo pháp của Phật, bao gồm cả giáo pháp Tiểu thừa và Đại thừa. 3. Cưỡng bức, ép buộc tỳ-kheo hoàn tục, hoặc giết hại tỳ-kheo. 4. Phạm vào một trong 5 tội nghịch của Tiểu thừa như vừa kể trên. 5. Khinh chê nhân quả, cho rằng không có nghiệp thiện, nghiệp ác, thường làm 10 nghiệp bất thiện, không sợ quả báo đời sau, thường tự làm hoặc bảo người khác làm 10 nghiệp ác. Theo cách hiểu này thì hầu hết chúng sanh tà kiến đều rất dễ dàng phạm vào năm nghịch, và như thế có phần phù hợp với văn cảnh của kinh văn ở đây hơn.

như vậy rồi thì không còn ưa thích sanh tử. Không còn ưa thích sanh tử, ắt sẽ được hai phép *chỉ* và *quán*.¹ Bấy giờ sẽ lần lượt quán các tướng *sanh*, *trụ* và *diệt* của tâm. Lần lượt quán các tướng *sanh*, *trụ* và *diệt* của tâm rồi lại quán các tướng của *định*, *tuệ*, *tinh tấn*, *giới* cũng giống như vậy. Quán các tướng *sanh*, *trụ*, *diệt* rồi thì rõ biết các tướng của tâm cho đến các tướng của *giới*. Bấy giờ sẽ không bao giờ làm các việc ác, không còn sợ chết, không sợ *ba đường ác*. Nếu không chú tâm quán sát hai mươi việc như vậy, trong lòng sẽ phóng túng buông thả, không điều ác nào không làm.”

Vua *A-xà-thế* thưa: “Theo như con hiểu nghĩa Phật vừa nói, từ trước đến nay con chưa từng quán sát hai mươi việc như vậy nên mới làm mọi việc ác. Vì làm mọi việc ác nên phải sợ chết, sợ *ba đường ác*.”

“Thế Tôn! Tự con chước lấy tai ương, đã làm việc ác lớn lao như thế này: cha con không có tội, con ngỡ nghịch giết hại. Nay đối với hai mươi việc ấy, dù có quán xét hay không thì cũng nhất định sẽ đọa vào địa ngục *A-tỳ*.”

Phật dạy: “Đại vương! Tánh và tướng của hết thảy các pháp đều là *vô thường*, không có sự nhất định. Vì sao vua lại nói rằng nhất định sẽ đọa vào địa ngục *A-tỳ*?”

Vua *A-xà-thế* bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu hết thảy các pháp đều không có tướng nhất định thì tội giết hại của

¹ Chỉ và quán (*samatha* và *vipassāna*): phiên âm là xa-ma-tha và tỳ-bà-xá-na, cũng dịch là *định tuệ*. Chỉ (止) có nghĩa là dừng, ở đây là dừng mọi sự loạn động của tâm ý, nên đạt được trạng thái định, hay định tâm. Quán (觀) có nghĩa là quán xét, suy xét, do đó mà thấu rõ, hiểu biết được thật tánh, bản chất của sự việc, nên đạt được trạng thái sáng suốt, tức là trí tuệ.

con hản cũng là không nhất định. Nếu tội giết hại là nhất định thì hết thấy các pháp ắt chẳng phải là không nhất định.”

Phật dạy: “Đại vương! Lành thay, lành thay! Chư Phật Thế Tôn dạy rằng hết thấy các pháp đều không có tướng nhất định. Vua lại có thể biết rằng việc giết hại cũng là không nhất định. Vậy nên biết rằng việc giết hại không có tướng nhất định.

“Đại vương! Như lời vua vừa nói, vua cha không có tội nhưng ngài đã ngộ nghịch giết hại. Vậy *cha* đó là gì? Chẳng qua là cái tên gọi giả tạo, chúng sanh đối với năm ấm mà hư vọng cho đó là *cha*. Trong mười hai nhập, mười tám giới, cái gì là *cha*? Nếu *sắc* là cha, thì bốn ấm kia lẽ ra không phải. Nếu bốn ấm kia là cha, thì *sắc* lẽ ra không phải. Nếu *sắc* và không phải sắc hợp lại là cha thì không có lý. Vì sao vậy? Vì tánh của *sắc* và không phải sắc không hợp lại.

“Đại vương! Chúng sanh phạm phu đối với *sắc ấm* lại hư vọng cho đó là cha! Cái *sắc ấm* như vậy cũng không thể bị hại. Vì sao vậy? Vì có mười loại *sắc*. Trong mười loại ấy, chỉ có một loại có thể nhìn thấy, có thể cầm nắm, có thể cân đong, có thể đo lường, có thể lôi kéo, buộc trói. Tuy có thể nhìn thấy... cho đến có thể buộc trói, nhưng tánh vốn chẳng trụ. Vì chẳng trụ nên không thể thấy, không thể cầm nắm, cân lường, lôi kéo, buộc trói. Tướng của *sắc* là như vậy, làm sao có thể giết hại? Nếu *sắc* là ‘*cha*’, là có thể giết, có thể hại, nhận chịu tội báo, thì chín thứ khác lẽ ra không phải. Vì chín thứ kia không phải, nên theo lẽ là không có tội.

“Đại vương! Có ba loại *sắc*: quá khứ, vị lai và hiện tại. [Sắc của] quá khứ và hiện tại không thể giết hại. Vì sao vậy? Quá khứ đã qua rồi, còn hiện tại trong từng khoảnh khắc luôn nối nhau diệt mất. Việc ngăn cản cái *sắc* tương lai [hiện hữu] nên gọi là giết. Một cái *sắc* như vậy, hoặc có thể giết hại, hoặc không thể giết hại. Không giết thì *sắc* ấy là không nhất định. Nếu cái *sắc* ấy là không nhất định, thì việc giết [hại nó] cũng không nhất định. Việc giết hại là không nhất định thì tội báo cũng không nhất định. Vì sao lại nói rằng nhất định phải vào địa ngục?”

“Đại vương! Hết thảy những tội nghiệp chúng sanh gây ra có hai loại: một là nhẹ, hai là nặng. Nếu do nơi tâm ý và miệng gây ra thì gọi là *nhẹ*; nếu do nơi thân, miệng và tâm ý cùng gây ra thì gọi là *nặng*.”

“Đại vương! Trong tâm ý suy nghĩ, miệng nói ra, nhưng thân không làm thì chịu tội báo nhẹ. Ngày trước, miệng của đại vương không ra lệnh giết, chỉ bảo chặt chân. Ví như đại vương có ra lệnh cho quan thị thần chém đứng vua cha, nhưng khi ngồi xuống mới chém thì cũng không có tội. Huống chi vua không ra lệnh, sao lại có tội?”¹

“Nếu vua có tội thì chư Phật Thế Tôn lẽ ra cũng phải có tội. Vì sao vậy? Tiên vương *Tần-bà-sa-la* trước đây thường đối trước chư Phật gieo trồng các căn lành, nên ngày nay mới được ở ngôi vua. Nếu chư Phật không nhận sự cúng dường thì ông ấy đã không được làm vua. Nếu không được làm vua thì đại vương không thể vì muốn trị nước mà giết hại ông ấy. Nếu nay vua giết cha mà có tội, thì chư Phật

¹ Đoạn này muốn chỉ rõ tính chất không nhất định của tất cả các pháp, trong đó có cả những việc đã làm của vua A-xà-thế.

Thế Tôn theo lẽ cũng phải có tội! Nếu chư Phật Thế Tôn không có tội, vì sao chỉ riêng một mình vua có tội?

“Đại vương! [Trong một tiền kiếp] xưa kia, *Tần-bà-sa-la* vốn có lòng ác, một hôm đi săn hươu ở núi *Tỳ-phú-la*, đi đã khắp vùng rừng núi mà không săn được con nào, chỉ gặp một vị tiên¹ đã đạt được đủ năm phép thần thông.² Khi gặp vị tiên ấy rồi, *Tần-bà-sa-la* sanh lòng giận tức, độc ác, nghĩ rằng: ‘Ta đi săn khắp nơi mà chẳng được con mồi nào, chính là do người này đã đuổi thú đi hết.’ Liền ra lệnh cho kẻ tả hữu giết chết vị tiên. Người ấy lúc lâm chung sanh lòng giận tức độc ác, mất hết phép thần thông, phát lời thề rằng: ‘Ta thật không có tội mà ông dùng tâm ý và miệng ngang ngược giết hại ta. Trong tương lai ta cũng sẽ làm như ông, cũng sẽ dùng tâm ý và miệng mà giết hại ông.’

“Bấy giờ, vua *Tần-bà-sa-la* nghe như vậy rồi sanh lòng hối hận, liền cúng dường xác người đã chết. Tiên vương làm như vậy còn được chịu tội nhẹ, không đọa địa ngục, huống chi đại vương nay chẳng như thế, lại đáng đọa địa ngục chịu quả báo sao? Tiên vương tự làm, trở lại tự chịu, vì sao lại khiến cho đại vương phải chịu tội giết hại?

“Theo như lời vua nói là vua cha không có tội. Đại vương! Sao lại nói rằng không? Phàm người có tội, tức có tội báo; người không tạo nghiệp ác, ắt không có tội báo. Tiên vương cha của ngài nếu không có tội, vì sao có quả báo? *Tần-bà-sa-la* ngay trong đời này có cả quả báo thiện

¹ Tức là người ẩn cư trên rừng núi để tu theo tiên đạo.

² Năm phép thần thông: Ở đây chỉ Ngũ thông do tu theo tiên đạo mà có được.

và quả báo ác. Cho nên tiên vương cũng là không nhất định. Vì tiên vương không nhất định nên việc giết hại cũng không nhất định. Việc giết hại đã là không nhất định, vì sao lại nói rằng nhất định vào địa ngục?

“Đại vương! Chúng sanh điên cuồng mê hoặc có bốn loại: một là điên cuồng vì tham lam, hai là điên cuồng vì thuốc độc, ba là điên cuồng vì chú thuật, bốn là điên cuồng vì nghiệp duyên từ trước.

“Đại vương! Trong các đệ tử của ta cũng có bốn loại điên cuồng ấy. Tuy họ làm nhiều việc ác, nhưng ta không bao giờ nói rằng những người này phạm giới. Những việc làm của họ không đưa họ đến *ba đường ác*. Nếu họ dứt điên cuồng, được sáng suốt trở lại, cũng không nói rằng họ đã phạm tội. Đại vương vì tham trị nước nên ngỡ nghịch giết hại vua cha. Đó là điên cuồng vì tham lam mà làm như vậy, sao lại có tội?

“Đại vương! Ví như người say rượu, ngỡ nghịch giết hại mẹ mình. Đến khi tỉnh rượu rồi, sanh lòng hối hận. Nên biết rằng nghiệp như vậy cũng không có quả báo. Vua ngày nay là trong cơn say bởi lòng tham, chẳng phải tự bản tâm muốn làm. Nếu chẳng phải bản tâm làm, sao lại có tội?

“Đại vương! Ví như người làm ảo thuật, đứng ở ngã tư đường tạo ra các hình ảo hóa như nam, nữ, voi, ngựa, xâu chuỗi, y phục... Kẻ ngu si cho đó là thật, người có trí biết là chẳng phải thật. Việc giết hại cũng như thế. Người phạm phước cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rằng đó chẳng phải thật.

“Đại vương! Ví như trong khe núi có tiếng vang. Kẻ ngu si cho đó là tiếng thật, người có trí biết rằng đó chẳng phải tiếng thật. Việc giết hại cũng vậy, kẻ phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rằng đó chẳng phải thật.

“Đại vương! Như người có thù oán nên giả vờ đến thân cận. Kẻ ngu si cho đó thật là thân, người có trí thấu rõ mới biết rằng đó là dối trá. Việc giết hại cũng vậy, kẻ phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rằng đó chẳng phải thật.

“Đại vương! Ví như người cầm gương soi tự thấy được hình tượng khuôn mặt mình. Kẻ ngu si cho đó là khuôn mặt thật, người có trí thấu rõ, biết đó chẳng phải thật. Việc giết hại cũng vậy, kẻ phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rằng đó chẳng phải thật.

“Đại vương! Ví như khi nắng nóng có hơi nóng bốc lên lung linh. Kẻ ngu si cho đó là nước, người có trí thấu rõ, biết rằng đó chẳng phải nước. Việc giết hại cũng vậy, kẻ phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rằng đó chẳng phải thật.

“Đại vương! Ví như thành quách của loài *càn-thát-bà* tạo ra,¹ kẻ ngu si cho đó là thật, người có trí thấu rõ, biết rằng đó chẳng phải thật. Việc giết hại cũng vậy, kẻ phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rằng đó chẳng phải thật.

“Đại vương! Như người nằm mộng thấy được thọ hưởng năm món dục lạc.² Kẻ ngu si cho đó là thật, người có trí

¹ Loài càn-thát-bà thường dùng phép biến hóa để tạo ra những cảnh thành quách giống như thật, nhưng khi đến gần mới biết là không có gì cả.

² Năm món dục lạc: sự thỏa mãn đối với năm giác quan, như mắt được thấy sắc đẹp, tai được nghe âm thanh êm dịu, mũi được ngửi mùi thơm thích ý, lưỡi được nếm vị ngon ngọt, thân được xúc chạm mềm mại trơn láng...

thấu rõ, biết rằng đó chẳng phải thật. Việc giết hại cũng vậy, kẻ phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rằng đó chẳng phải thật.

“Đại vương! Về pháp giết hại, nghiệp giết hại, người giết hại, quả báo giết hại cùng với sự giải thoát ta đều rõ biết, ắt là không có tội. Đại vương tuy biết việc giết hại nhưng làm sao lại có tội?”

“Đại vương! Ví như người chủ tiệm rượu, nếu như không uống rượu ắt không thể say. Như người tuy biết về lửa nhưng không [vì thế mà] bị đốt cháy. Đại vương cũng như thế, tuy có biết việc giết hại nhưng làm sao lại có tội?”

“Đại vương! Có những chúng sanh khi mặt trời mọc thì làm đủ mọi tội lỗi, khi trăng mọc lại đi ăn trộm. Nếu mặt trời, mặt trăng không mọc thì họ không tạo tội. Tuy là nhân nơi mặt trời, mặt trăng mà họ tạo tội, nhưng mặt trời, mặt trăng thật không có tội. Việc giết hại cũng như thế, tuy nhân nơi nhà vua mà có, nhưng vua thật không có tội.

“Đại vương! Như ở trong cung, vua thường sai làm thịt dê, nhưng trong lòng không hề sợ sệt, vì sao riêng đối với chuyện giết vua cha lại sanh lòng sợ sệt? Tuy giữa con người và súc vật có chỗ cao quý và hèn kém khác nhau, nhưng chỗ tham sống sợ chết thì hai bên đều không khác. Vì sao đối với dê lại xem nhẹ không sợ, còn đối với vua cha lại nặng lòng lo âu, buồn khổ?”

“Đại vương! Người thế gian làm tội tứ cho luyến ái nên không được tự do tùy ý. Do luyến ái sai khiến nên làm chuyện giết hại. Nếu như có quả báo, đó chính là tội của

luyện ái. Đại vương không được tự do tùy ý, há có lỗi gì sao?

“Đại vương! Ví như *Niết-bàn*, chẳng phải có, chẳng phải không, nhưng cũng là có. Việc giết hại cũng vậy, tuy chẳng phải có, chẳng phải không, nhưng cũng là có. Với người biết hổ thẹn ắt là *chẳng phải có*, với người không biết hổ thẹn ắt là *chẳng phải không*. Với người chịu quả báo thì gọi là có. Với người chấp không ắt là *chẳng phải có*. Với người chấp có, ắt là *chẳng phải không*. Người có chấp có cũng gọi là có. Vì sao vậy? Người có chấp có thì có quả báo, người không chấp có thì không có quả báo. Với người chấp thường ắt là *chẳng phải có*, với người chấp vô thường ắt là *chẳng phải không*. Với người thường giữ thường kiến thì *chẳng phải không*. Vì sao vậy? Vì người thường giữ thường kiến thì có nghiệp quả ác. Cho nên với người thường giữ thường kiến thì *chẳng phải không*. Vì những nghĩa ấy, tuy chẳng phải có, chẳng phải không, nhưng cũng là có.

“Đại vương! Nói chúng sanh đó là những hơi thở ra vào, dứt mất hơi thở ra vào thì gọi là giết hại. Chư Phật vì tùy theo người thế gian nên cũng nói là có sự giết hại.

“Đại vương! *Sắc* là vô thường, nhân duyên của *sắc* cũng là vô thường. Do nơi nhân *vô thường* mà sanh ra thì *sắc* làm sao là *thường* được? Cho đến *thức* cũng là *vô thường*, nhân duyên của *thức* cũng là *vô thường*. Do nơi nhân *vô thường* mà sanh ra thì *thức* làm sao là *thường* được? Vì là *vô thường* cho nên khổ, vì khổ cho nên là *không*, vì là *không* cho nên *vô ngã*. Nếu là *vô thường*, *khổ*, *không*, *vô ngã*, làm sao có chỗ [gọi là] giết hại?

“Người giết mất vô thường thì được *Niết-bàn* thường tôn; giết mất khổ thì được vui; giết mất pháp không thì được pháp thật; giết mất vô ngã thì được chân ngã. Nếu đại vương giết mất *vô thường, khổ, không, vô ngã*, ắt cũng sánh bằng như ta. Ta cũng giết mất *vô thường, khổ, không, vô ngã* nhưng không vào địa ngục, sao đại vương lại phải vào?”

Lúc ấy, vua *A-xà-thế* theo lời Phật dạy mà quán xét từ sắc cho đến *thức*.¹ Sau khi quán xét rồi, liền bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nay con mới biết rằng sắc là *vô thường*, cho đến *thức* cũng là *vô thường*. Trước đây nếu con biết được như vậy, ắt đã không tạo tội.

“Bạch Thế Tôn! Trước đây con có nghe rằng, chư Phật Thế Tôn thường vì chúng sanh mà làm bậc cha mẹ. Tuy nghe như vậy nhưng con chưa biết có đúng thật hay không. Nay con đã biết chắc đúng là như vậy!

“Thế Tôn! Con cũng từng nghe rằng, núi chúa *Tu-di* do bốn món báu hợp thành, ấy là: vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Nếu có các loài chim tụ tập về đó thì cũng sẽ có cùng màu sắc như bốn món báu. Tuy nghe như vậy nhưng con chưa biết là có đúng hay không. Nay con đến chỗ Phật cũng như núi chúa *Tu-di*, liền có cùng một màu sắc với Phật. Vì cùng màu sắc nên biết được rằng các pháp là *vô thường, khổ, không, vô ngã*.

“Thế Tôn! Con thấy trong thế gian, hạt *y-lan* sanh ra cây *y-lan*, không thấy có hạt *y-lan* nào sanh ra cây *chiên-đàn*. Nay con mới thấy được hạt *y-lan* sanh ra cây *chiên-*

¹ Tức là quán xét đủ năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

đàn. Hạt *y-lan* tức là thân con đây, mà cây *chiên-đàn* tức là tâm con, [trước đây] không có cội rễ của lòng tin. Nói không có cội rễ là vì [trước đây] con không biết cung kính Như Lai, không tin Chánh pháp, Chư tăng. Như vậy gọi là không có cội rễ [của lòng tin].

“Bạch Thế Tôn ! Nếu con không gặp Như Lai Thế Tôn thì trong vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp ắt phải đọa vào địa ngục lớn, chịu vô số sự khổ não. Nay con được gặp Phật, nhờ công đức của việc gặp Phật mà phá tan được hết thảy những phiền não do tâm xấu ác của chúng sanh gây ra.”

Phật dạy: “Đại vương! Lành thay, lành thay! Nay ta biết rằng vua có thể phá tan được tâm xấu ác của chúng sanh.”

Vua *A-xà-thế* thưa: “Bạch Thế Tôn! Nếu con thật có thể phá tan được các tâm xấu ác của chúng sanh, thì dù con có thường ở tại địa ngục *A-tỳ* trong vô lượng kiếp, vì chúng sanh mà chịu khổ não lớn cũng không cho đó là khổ.”

Lúc ấy, trong nước *Ma-già-đà* có vô số nhân dân đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì có vô số nhân dân phát tâm lớn lao như thế, nên tội nặng của vua *A-xà-thế* liền trở nên nhẹ. Vua và phu nhân cùng với những thể nữ ở hậu cung thấy đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Lúc ấy, vua *A-xà-thế* bảo *Kỳ-bà*: “Nay ta chưa chết mà đã được thân cõi trời, buông bỏ mạng sống ngắn ngủi mà được đời sống lâu dài, buông bỏ cái thân vô thường mà được cái thân thường còn. Ta giúp cho chúng sanh phát

tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đó là được thân cõi trời. Mạng sống lâu dài và cái thân thường còn tức là được làm đệ tử của hết thầy chư Phật.”

Vua nói như vậy rồi, liền đem các món cờ quý, phướn, lọng, hương, hoa, vòng chuỗi, kỹ nhạc tốt đẹp mà dâng lên cúng dường Phật, rồi đọc kệ tán thán rằng:

*Lời chân thật, mâu nhiệm,
Khéo léo ở nghĩa câu,
Tặng vô cùng sâu kín,
Vì đại chúng nói rõ.*

*Biết bao lời rộng nghĩa,
Vì đại chúng lược bày.
Đầy đủ lời như thế,
Khéo chữa trị chúng sanh.*

*Nếu có chúng sanh nào,
Được nghe lời như thế,
Hoặc tin, hoặc không tin,
Cũng biết chắc lời Phật.*

*Phật dùng lời êm ái,
Vì chúng nên nặng lời.
Nặng lời hay êm ái,
Cũng đều nói nghĩa thật.*

*Vì thế nay con xin,
Quy y đức Thế Tôn.
Lời Phật đồng một vị,
Như nước trong biển lớn,
Gọi là nghĩa chân thật,
Nên không lời vô nghĩa.*

*Nay Như Lai giảng thuyết
Vô lượng, đủ mọi pháp,
Dù nam nữ, già trẻ,
Nghe rồi hiểu nghĩa thật,
Không nhân cũng không quả,
Không sanh và không diệt,
Đó là đại Niết-bàn,
Nghe rồi trừ phiền não.*

*Như Lai vì tất cả,
Thường làm bậc cha mẹ.
Nên biết các chúng sanh,
Đều là con Như Lai.*

*Thế Tôn đại từ bi,
Vì chúng mà khổ hạnh.
Như người vương quý mỹ,
Làm nhiều việc cuồng loạn;*

*Nay con được gặp Phật,
Ba nghiệp đều được lành.
Nguyện đem công đức này,
Hướng về đạo vô thượng.*

*Nay con xin cúng dường,
Phật, Pháp và Chúng tăng,
Nguyện nhờ công đức ấy,
Tam bảo thường tại thế.*

*Hết thấy mọi công đức,
Mà nay con sẽ được,
Nguyện dùng để phá tan,
Bốn ma của chúng sanh.*

*Con gặp phải bạn ác,
Nên tạo tội ba đời.
Nay sám hối trước Phật,
Nguyện từ nay không phạm.
Nguyện hết thủy chúng sanh,
Đều phát tâm Bồ-đề;
Thường chú tâm nghĩ nhớ,
Chư Phật khắp mười phương.
Lại nguyện cho chúng sanh
Dứt hẳn mọi phiền não,
Thấy rõ được tánh Phật,
Như Bồ Tát Diệu Đức.¹*

Lúc ấy, Phật khen ngợi vua *A-xà-thế* rằng: “Lành thay, lành thay! Nếu người nào có thể phát tâm *Bồ-đề*, nên biết rằng người ấy là sự trang nghiêm cho đại chúng của chư Phật.

“Thuở xưa đại vương đã từng đối trước Phật *Tỳ-bà-thi*² lần đầu phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Trong quãng thời gian từ đó cho đến khi ta ra đời hôm nay, đại vương chưa từng phải đọa vào địa ngục chịu khổ. Đại vương nên biết, chỉ có tâm *Bồ-đề* mới có được quả báo vô lượng như vậy. Từ nay trở đi đại vương thường nên tinh tấn tu tâm *Bồ-đề*. Vì sao vậy? Nhờ nhân duyên ấy sẽ tiêu diệt được vô số những điều xấu ác.”

¹ Bồ Tát Diệu Đức, tức Bồ Tát *Văn-thù-sư-lợi* (*Mañjuśrī*), vì danh xưng Phạm ngữ này được dịch nghĩa là “diệu đức”, cũng dịch là “diệu thủ”, “diệu cát tường”.

² Phật *Tỳ-bà-thi* (*Vipaśyin*): một vị Phật quá khứ, đã ra đời trong kiếp Trang nghiêm. Sau kiếp Trang nghiêm mới đến kiếp Hiền. Đức Phật Thích-ca-Mâu-ni ra đời trong kiếp Hiền này.

Lúc ấy, vua *A-xà-thế* và nhân dân cả nước *Ma-già-đà* cùng đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đi quanh Phật ba vòng cung kính, rồi vua từ biệt trở về cung.

Về *Hạnh chư thiên* thì như trong kinh *Tạp hoa* đã giảng nói.¹

PHẨM HẠNH ANH NHI

*Phẩm thứ chín*²

“Thiện nam tử! Vì sao gọi là hạnh *Anh nhi*?³

“Thiện nam tử! Không thể khởi dậy, không thể trụ yên, không thể đến, không thể đi, không thể nói năng, đó gọi là trẻ thơ.

“Như Lai cũng như thế. Nói không thể khởi dậy, đó là Như Lai chẳng bao giờ khởi dậy các tướng của pháp. Nói không thể trụ yên, đó là Như Lai không vướng mắc hết thảy các pháp. Nói không thể đến, đó là Như Lai tuy thân có đi nhưng không hề có sự dao động. Nói không thể đi, đó là Như Lai đã đến [và trụ yên] nơi Đại Bát *Niết-bàn*. Nói không thể nói năng, đó là Như Lai tuy vì hết thảy

¹ Kinh *Tạp hoa*: tên khác của kinh *Hoa nghiêm*. Hạnh chư thiên (Thiên hạnh) là một trong năm hạnh mà đức Phật đang giảng thuyết. Theo như trong một đoạn trước, đức Phật dạy có năm hạnh là: 1. Thánh hạnh, 2. Phạm hạnh, 3. Thiên hạnh, 4. Anh nhi hạnh, 5. Bệnh hạnh. Đến đây đã giảng xong phần Phạm hạnh, nhưng thay vì nói tiếp phần Thiên hạnh, kinh văn chuyển chú sang kinh *Tạp hoa*, tức là kinh *Hoa nghiêm*. Vì thế, phần tiếp theo của kinh này sẽ nói về Anh nhi hạnh mà bỏ qua phần Thiên hạnh.

² Theo Nam bản thì từ đây cũng bắt đầu phẩm Anh nhi hạnh, nhưng là phẩm thứ 21.

³ Anh nhi: trẻ thơ, đứa trẻ sanh ra còn hồn nhiên chưa biết gì.

chúng sanh mà diễn thuyết các pháp nhưng thật không có chỗ thuyết giảng.

“Vì sao vậy? Nếu có chỗ thuyết giảng thì gọi là pháp *hữu vi*. Như Lai Thế Tôn chẳng phải *hữu vi*, nên không có chỗ thuyết giảng. Lại nữa, không nói năng đó cũng như đứa trẻ thơ chưa rõ biết ngôn ngữ, tuy có nói nhưng thật cũng không nói. Như Lai cũng như thế. Chưa rõ biết ngôn ngữ, tức là lời sâu kín của chư Phật, tuy có chỗ nói ra nhưng chúng sanh không hiểu được nên gọi là không nói.

“Lại nữa, trẻ thơ gọi tên vật không chuẩn nhất, chưa biết đúng tên. Tuy gọi tên vật không chuẩn nhất, chưa biết đúng tên, nhưng vẫn nhờ đó mà hiểu biết được vật. Như Lai cũng như thế. Hết thấy chúng sanh ở các địa phương, chủng tộc khác nhau, lời nói khác nhau. Như Lai phương tiện, tùy theo mỗi chúng sanh mà thuyết giảng khác nhau, nhưng cũng khiến cho hết thấy chúng sanh đều nhờ sự thuyết giảng đó mà hiểu được.

“Lại nữa, trẻ thơ có thể nói được những âm chính. Như Lai cũng thế, nói ra những âm chính, như âm *bà*, âm *hòa*. Nói *hòa* tức là *hữu vi*, nói *bà* tức là *vô vi*. Đó gọi là như trẻ thơ. Nói *hòa* gọi là *vô thường*, nói *bà* gọi là *hữu thường*. Như Lai nói *thường*, chúng sanh nghe rồi liền vì pháp *thường* mà trừ bỏ *vô thường*. Đó gọi là hạnh *Anh nhi*.

“Lại nữa, trẻ thơ không biết phân biệt khổ, vui, ngày, đêm, cha, mẹ... Bồ Tát *ma-ha-tát* cũng vậy, vì chúng sanh mà không biết khổ vui, không nghĩ đến đêm ngày. Lòng bình đẳng đối với chúng sanh nên không có các tướng như cha, mẹ, kẻ thân, người sơ...

“Lại nữa, trẻ thơ không thể làm ra mọi việc lớn nhỏ. Bồ Tát *ma-ha-tát* cũng vậy; không tạo nghiệp sanh tử, gọi là không làm ra việc lớn. Việc lớn đó, tức là *năm tội nghịch*. Bồ Tát *ma-ha-tát* không bao giờ làm năm tội nghịch nặng nề. Việc nhỏ đó, tức là tâm *Nhị thừa*. Bồ Tát không bao giờ suy mất tâm *Bồ-đề* mà hướng theo các thừa Thanh văn, Phật *Bích-chi*.

“Lại nữa, hạnh *Anh nhi* đó, ví như đứa trẻ thơ kia đang khi kêu khóc, cha mẹ liền lấy chiếc lá cây dương màu vàng đưa cho mà nói rằng: ‘Đừng khóc, đừng khóc! Ta cho con vàng đây.’ Đứa trẻ nhìn thấy tưởng là vàng thật, liền thôi khóc. Nhưng lá cây dương thật chẳng phải vàng. Cho đến trẻ thơ nhìn thấy con bò gỗ, ngựa gỗ, búp bê [có hình] con trai, con gái... cũng đều tưởng đó là bò, ngựa, con trai, con gái... liền nín khóc. Thật không phải là con trai, con gái... mà sanh ra những ý tưởng cho đó là con trai, con gái... Như vậy nên gọi là trẻ thơ.

“Như Lai cũng vậy. Nếu có chúng sanh muốn làm những việc ác, Như Lai bèn vì họ mà nói rằng cõi trời *Ba mươi ba*¹ là *thường, lạc, ngã, tịnh*, đoan chánh, được tùy ý phóng túng, cư trú trong cung điện xinh đẹp, hưởng thụ *năm món dục lạc*, chỗ tiếp xúc của *sáu căn* không gì là không vui thích. Chúng sanh nghe rằng có những sự vui thích như vậy, trong lòng ham muốn liền thôi không làm việc ác, siêng làm các nghiệp lành để được sanh lên cõi trời *Ba mươi ba*. Nhưng thật ra thì ở đó cũng là nằm trong vòng sanh tử, không có *thường, lạc, ngã, tịnh*; vì cứu độ chúng sanh nên Phật dùng phương tiện mà nói là có *thường, lạc, ngã, tịnh*.

¹ Tức là cõi trời Đao-lợi (Đao-lợi thiên).

“Lại nữa, nói trẻ thơ đó là nếu có chúng sanh chán sợ sanh tử, Như Lai liền vì họ mà giảng thuyết về *Hai thừa*. Nhưng thật ra không có lẽ chân thật trong *Hai thừa*. Tuy thế, nhờ vào *Hai thừa* mà chúng sanh rõ biết được những tội lỗi trong sanh tử, thấy được sự vui *Niết-bàn*. Nhờ thấy biết như vậy nên có thể tự phân biệt sự dứt mất, không dứt mất; chân thật, không chân thật; có tu tập, không tu tập; có chứng đắc, không chứng đắc.

“Thiện nam tử! Như đứa trẻ thơ kia, đối với vật không phải là vàng lại tưởng là vàng. Như Lai cũng như vậy, đối với sự bất tịnh mà thuyết dạy là thanh tịnh, nhưng vì Như Lai đã rõ biết nghĩa chân thật rốt ráo nên [thuyết dạy như vậy mà] không phải là hư dối.

“Như đứa trẻ thơ kia, tuy không phải là bò, ngựa... lại tưởng là bò, ngựa... Nếu có chúng sanh nào ở nơi không phải đạo mà tưởng là đạo chân thật, Như Lai cũng thuyết dạy rằng chỗ không phải đạo đó là đạo. Nhưng ở nơi không phải đạo thì thật không có đạo! Chỉ vì [thuyết dạy như thế] có thể làm sanh ra nhân duyên rất nhỏ của đạo, nên không phải đạo mà nói đó là đạo.

“Như đứa trẻ thơ kia, ở nơi những búp bê con trai, con gái mà tưởng là con trai, con gái. Như Lai cũng như vậy, tuy rõ biết không phải chúng sanh mà nói chỗ lầm tưởng là chúng sanh; nhưng thật không có tướng chúng sanh. Nếu Phật Như Lai nói rằng không có chúng sanh, hết thấy chúng sanh ắt phải rơi vào tà kiến. Vì thế nên Như Lai nói là có chúng sanh. Người nào ở trong chỗ chúng

sanh mà cho rằng đó là chúng sanh thì không thể phá trừ được tướng chúng sanh. Nếu ở trong chỗ chúng sanh mà phá trừ được tướng chúng sanh thì có thể được *Đại Bát Niết-bàn*. Vì được *Đại Bát Niết-bàn* như vậy nên thôi không còn kêu khóc [như trẻ thơ]. Đó gọi là hạnh *Anh nhi*.

“Thiện nam tử! Nếu có kẻ nam, người nữ thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng thuyết năm hạnh¹ này, nên biết rằng người ấy nhất định sẽ đạt được năm hạnh như vậy.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu nghĩa Phật vừa thuyết dạy thì con đây chắc chắn cũng sẽ được năm hạnh này.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Không riêng gì ông được năm hạnh này, mà hôm nay trong chúng hội đây còn có chín trăm ba mươi ngàn người cũng đạt được năm hạnh giống như ông.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN HAI MƯƠI

¹ Năm hạnh: tức là nhắc lại năm hạnh mà Phật giảng thuyết trong kinh này: 1. Thánh hạnh, 2. Phạm hạnh, 3. Thiên hạnh (dẫn chú kinh Hoa nghiêm), 4. Anh nhi hạnh, 5. Bệnh hạnh.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN HAI MƯƠI MỐT¹

PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG Phẩm thứ mười – Phần một

Đấy giờ, đức Thế Tôn bảo Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương rằng: “Thiện nam tử! Nếu có vị Đại Bồ Tát nào tu hành kinh Đại *Niết-bàn* này sẽ được mười công đức không thể nghĩ bàn, không cùng chia sẻ với hàng Thanh văn và Phật *Bích-chi*, khiến người nghe đến đều phải kinh ngạc quái lạ, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải khó chẳng phải dễ, chẳng phải tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải pháp thế gian, không có tướng mạo, thế gian không có được!

“Những gì là mười? Trong công đức thứ nhất² có năm điều. Những gì là năm? Một là nghe được những điều không [thể] nghe.³ Hai là được nghe rồi có thể làm lợi

¹ Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 19, phẩm Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát thứ 22, phần 1.

² Chỉ riêng công đức thứ nhất này được trình bày suốt trong 3 quyển, từ quyển 21 đến cuối quyển 23.

³ Nguyên bản ở đây dùng “bất văn”, nghĩa là “không nghe”, nhưng theo ý nghĩa được diễn giảng về sau thì chúng tôi hiểu đây là “không thể nghe”, tức là những điều “không thể giảng thuyết” (bất khả thuyết), là những ý nghĩa vượt ra khỏi phạm trù diễn đạt của ngôn ngữ thế gian.

ích. Ba là có thể trừ dứt lòng nghi hoặc. Bốn là tâm sáng suốt ngay thẳng không tà vạy. Năm là có thể biết được ý nghĩa sâu kín của Như Lai. Đó là năm điều [trong công đức thứ nhất].

“Thế nào là *nghe được những điều không [thể] nghe*? Đó là nói những ý nghĩa hết sức sâu kín như: Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; Phật, Pháp, chư Tăng không có gì khác nhau; tánh tướng của *Tam bảo* là *thường, lạc, ngã, tịnh*; hết thảy chư Phật đều không dứt tất cả để nhập *Niết-bàn* mà luôn thường còn, không biến đổi.

“*Niết-bàn* của Như Lai chẳng phải có, chẳng phải không; chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi; chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu; chẳng phải sắc, chẳng phải không sắc; chẳng phải tên gọi, chẳng phải không tên gọi; chẳng phải tướng, chẳng phải không tướng; chẳng phải có, chẳng phải không có; chẳng phải vật, chẳng phải không vật; chẳng phải nhân, chẳng phải quả; chẳng phải chờ đợi, chẳng phải không đợi; chẳng phải sáng, chẳng phải tối; chẳng phải xuất, chẳng phải không xuất; chẳng phải thường, chẳng phải không thường; chẳng phải dứt, chẳng phải không dứt; chẳng phải khởi đầu, chẳng phải kết thúc; chẳng phải quá khứ, chẳng phải tương lai, chẳng phải hiện tại; chẳng phải các ấm, chẳng phải không các ấm;¹ chẳng phải các nhập, chẳng phải không các nhập;² chẳng phải các giới, chẳng phải không các giới;³ chẳng phải mười hai nhân duyên, chẳng phải không mười hai nhân duyên.

¹ Tức là năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

² Tức là 12 nhập, do sáu căn thiệp nhập với sáu trần.

³ Tức là 18 giới, do sáu căn ở trong, sáu trần ở ngoài với sáu thức ở giữa.

“Các pháp như vậy là hết sức sâu kín, từ trước [vị Bồ Tát ấy] chưa từng nghe được mà nay có thể nghe được.

“Lại nữa, *không [thể] nghe đó [cũng]* là nói tất cả kinh sách của ngoại đạo, như bốn bộ luận *Tỳ-đà*,¹ luận *Tỳ-già-la*,² luận *Vệ-thế-sư*,³ luận *Ca-tỳ-la*,⁴ cùng tất cả những chú thuật, y phương, kỹ nghệ, nhật thực, nguyệt thực, tinh tú vận chuyển, sách địa lý, sách ký... Những thứ kinh sách ấy, từ trước chưa từng nghe được ý nghĩa sâu kín, nay ở trong kinh Đại *Niết-bàn* này đều được [nghe] biết rõ.

“Lại nữa, trong *Mười một bộ kinh*, trừ kinh *Tỳ-phật-lược*,⁵ cũng không có nghĩa sâu kín như thế này. Nay nhân nơi kinh này mà được biết những nghĩa ấy. Thiện nam tử! Đó gọi là *nghe được những điều không [thể] nghe*.

“Thế nào là *nghe rồi có thể làm lợi ích*? Những ai có thể nghe và tin nhận kinh Đại *Niết-bàn* này ắt đều có thể rõ biết đầy đủ những nghĩa rất sâu của hết thảy kinh điển Phương đẳng Đại thừa. Ví như người đàn ông hay đàn bà khi nhìn vào tấm gương sáng sạch liền thấy được rõ ràng

¹ Luận *Tỳ-đà* (*Veda*), cũng đọc là *Vi-đà*, *Phê-đà*, một bộ luận rất cổ của đạo Bà-la-môn, có từ trước thời đức Phật.

² Luận *Tỳ-già-la* (*Vyākaraṇa*), cũng đọc là *Tỳ-da-yết-thích-nam* hay *Tỳ-hà-yết-lợi-nā*, Hán dịch là *Thanh minh ký luận* (聲明記論), cũng là tên chỉ chung các bộ luận về ngữ học của thế tục.

³ Luận *Vệ-thế-sư* (*Vaiśeṣika*), cũng đọc là *Tỳ-thế-sư* hay *Phê-thế-sử*, Hán dịch là *Thắng luận* (勝論), một trong các bộ luận rất nổi tiếng của ngoại đạo thời đức Phật.

⁴ Luận *Ca-tỳ-la* (*Kapila*), cũng đọc là *Ca-tỳ-lê* hay *Kiếp-tỳ-la*, Hán dịch nghĩa là *Hoàng đầu* (黃頭) hay *Xích sắc* (赤色), đúng ra là tên của vị luận sư ngoại đạo đã chế tác bộ luận căn bản của phái *Số luận*, còn có tên là *Tăng-khư luận*, nêu lên ý nghĩa nhị thập ngũ đế. Ở đây lấy tên người làm tên bộ luận.

⁵ *Tỳ-phật-lược* (*Vaipulya*), cũng đọc là *Tỳ-phú-la*, xếp thứ mười trong 12 bộ kinh, dịch nghĩa là *kinh Phương quảng*, lấy nghĩa “*phương chánh quảng đại*” (ngay thẳng chân chánh và rộng lớn). Xem chú giải về 12 bộ kinh ở trang 217, Tập 1.

hình sắc, dáng vẻ của họ. Kinh Đại *Niết-bàn* cũng như tấm gương sáng, vị Bồ Tát cầm gương ấy liền thấy rõ được ý nghĩa rất sâu của kinh điển Đại thừa. Lại như người ở trong nhà tối cầm cây đuốc lớn liền soi thấy rõ hết thấy mọi vật. Kinh Đại *Niết-bàn* cũng như cây đuốc, Bồ Tát cầm đuốc ấy liền thấy được ý nghĩa sâu xa khó hiểu của Đại thừa. Lại như khi mặt trời hiện ra, có cả muôn ngàn tia sáng, ắt có thể soi rõ cả những chỗ tối tăm trong rừng núi, khiến hết thấy mọi người đều thấy được mọi vật ở xa. Mặt trời trí tuệ thanh tịnh Đại *Niết-bàn* này cũng vậy, soi rõ những chỗ sâu xa kín đáo của Đại thừa, khiến cho người theo *Hai thừa* có thể từ xa nhìn thấy *Phật đạo*. Vì sao vậy? Vì có thể nghe và tin nhận kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* này.

“Thiện nam tử! Nếu có vị Bồ Tát *ma-ha-tát* nào nghe và tin nhận kinh Đại *Niết-bàn* này, liền biết được tên gọi của hết thấy các pháp. Nếu có thể sao chép, tụng đọc thông suốt, vì người khác mà giảng rộng, suy xét ý nghĩa trong kinh, ắt rõ biết được nghĩa lý của hết thấy các pháp.

“Thiện nam tử! Người nghe và tin nhận kinh này chỉ biết được tên gọi, không biết được ý nghĩa. Nếu sao chép, tụng đọc, vì người khác giảng rộng, suy xét ý nghĩa trong kinh, ắt có thể biết được nghĩa.

“Lại nữa, thiện nam tử! Người vừa nghe qua kinh này, tuy biết rằng tự mình có *tánh Phật* nhưng không thể thấy được. Nếu sao chép, tụng đọc, vì người khác giảng rộng, suy xét ý nghĩa trong kinh, ắt có thể thấy được *tánh Phật*.

“Người nghe qua kinh này tuy có nghe tên gọi pháp bố thí nhưng không thể được thấy pháp Bố thí *Ba-la-mật*.

Nếu sao chép, tụng đọc, vì người khác giảng rộng, suy xét ý nghĩa trong đó, ắt có thể thấy được pháp Bồ thí *Ba-la-mật*. Cho đến pháp Trí tuệ *Ba-la-mật* cũng vậy.¹

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* nếu có thể nghe được kinh Đại *Niết-bàn* này ắt rõ biết các pháp và ý nghĩa của pháp, đầy đủ *hai đức không ngăn ngại*,² đối với các *sa-môn*, *bà-la-môn*, hoặc chư thiên, ma, *Phạm thiên*, hết thấy các loài trong thế gian đều không có sự sợ sệt; [có thể] mở mang chỉ bày, phân biệt *Mười hai bộ kinh*, diễn thuyết ý nghĩa không chút sai lệch; không nghe nơi người khác mà có thể tự rõ biết, đến gần quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Đó gọi là *nghe rồi có thể làm lợi ích*.

“Thế nào là *có thể trừ dứt lòng nghi hoặc*? Lòng nghi có hai loại, một là *nghi tên gọi*, hai là *nghi ý nghĩa*. Người nghe qua kinh này dứt được lòng nghi về tên gọi. Người suy xét ý nghĩa kinh này dứt được lòng nghi về ý nghĩa.

“Lại nữa, thiện nam tử! Có năm mối nghi. Một là nghi việc Phật có chắc chắn nhập *Niết-bàn* hay không? Hai là nghi việc Phật có thường trụ hay không? Ba là nghi việc Phật có phải *chân lạc* hay không? Bốn là nghi việc Phật có phải *chân tịnh* hay không? Năm là nghi việc Phật có phải *chân ngã* hay không? Người nghe qua kinh này liền

¹ Đây nói tóm cả sáu pháp ba-la-mật: 1. Bồ thí Ba-la-mật 2. Trì giới Ba-la-mật 3. Nhẫn nhục Ba-la-mật 4. Tinh tấn Ba-la-mật 5. Thiên định Ba-la-mật 6. Trí tuệ Ba-la-mật

² Tức là hai đức Pháp không ngăn ngại và Nghĩa không ngăn ngại, trong bốn đức không ngăn ngại của Bồ Tát được giảng rõ ở Tập 3. Hai đức còn lại là Lời lẽ không ngăn ngại và Vui thích thuyết diễn không ngăn ngại. Xin xem lại phần này bắt đầu từ trang 418 của Tập 3.

dứt trừ mãi mãi mỗi nghi về việc Phật nhập *Niết-bàn*. Nếu sao chép, tụng đọc, vì người khác giảng rộng, suy xét ý nghĩa trong kinh thì mãi mãi dứt trừ được cả bốn mỗi nghi kia.

“Lại nữa, thiện nam tử! Có ba việc nghi. Một là nghi việc có thừa *Thanh văn* hay không? Hai là nghi việc có thừa *Duyên giác* hay không? Ba là nghi việc có *Phật thừa* hay không? Người nghe qua kinh này, cả ba việc nghi ấy liền dứt sạch. Nếu sao chép, tụng đọc, vì người khác giảng rộng, suy xét ý nghĩa trong kinh, ắt có thể biết rõ rằng tất cả chúng sanh đều có *tánh Phật*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có những chúng sanh không được nghe kinh Đại *Niết-bàn* này thì trong lòng có nhiều sự nghi hoặc, như là *thường* hay *vô thường*; *lạc* hay *bất lạc*; *tịnh* hay *bất tịnh*; *ngã* hay *vô ngã*; *mạng* hay *chẳng phải mạng*; *chúng sanh* hay *chẳng phải chúng sanh*; *rốt ráo* hay *không rốt ráo*; hoặc đời khác, hoặc đời đã qua, hoặc có, hoặc không, hoặc *khổ*, hoặc *chẳng phải khổ*; hoặc *tập*, hoặc *chẳng phải tập*; hoặc *diệt*, hoặc *chẳng phải diệt*; hoặc *đạo*, hoặc *chẳng phải đạo*; hoặc *pháp*, hoặc *chẳng phải pháp*; hoặc *thiện*, hoặc *chẳng phải thiện*; hoặc *không*, hoặc *chẳng phải không*. Ngay khi được nghe kinh này, những sự nghi hoặc như thế ắt đều dứt sạch.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có người không được nghe kinh này, trong lòng lại có đủ mọi sự nghi hoặc, như là: *Sắc* có phải là ta hay chẳng? *Thọ*, *tướng*, *hành*, *thức* có phải là ta hay chẳng? Là con mắt có thể nhìn thấy, hay *bản ngã* nhìn thấy? Cho đến là *thức* có thể nhận biết, hay *bản ngã* nhận biết? Là *sắc* thọ báo hay *bản ngã* thọ

báo? Cho đến là *thức* thọ báo, hay *bản ngã* thọ báo? Là *sắc* đi đến một đời sống khác, hay *bản ngã* đi đến đời sống khác? Cho đến là *thức* ¹cũng nghi hoặc như vậy. [Lại nghi về việc] pháp sanh tử có khởi đầu, có kết thúc; hay là không có khởi đầu, không có kết thúc? Người được nghe qua kinh này rồi thì những sự nghi hoặc như thế cũng đều được dứt hẳn.

“Lại có người nghi ngờ rằng: những kẻ *nhất-xiển-đề*, kẻ phạm *bốn giới cấm nặng*, tạo *năm tội nghịch*, phỉ báng kinh *Phương đẳng*, những kẻ như vậy có *tánh Phật* hay không có *tánh Phật*? Người được nghe qua kinh này rồi thì những sự nghi hoặc như thế đều được dứt hẳn.

“Lại có người nghi rằng: Thế gian là có giới hạn hay không giới hạn? Có các thế giới mười phương hay không có các thế giới mười phương? Người được nghe qua kinh này rồi thì những sự nghi hoặc như thế cũng đều được dứt hẳn.

“Như vậy gọi là *có thể dứt trừ lòng nghi hoặc*.

“Thế nào là *tâm sáng suốt ngay thẳng không tà vạy*? Nếu trong lòng có nghi ngờ ắt chỗ thấy biết không chân chánh. Hết thấy người thế gian nếu không được nghe kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* này thì chỗ thấy biết đều sai lệch, tà vạy. Cho đến hàng Thanh văn, Phật *Bích-chi*, chỗ thấy biết cũng đều sai lệch.

“Thế nào gọi là chỗ thấy biết sai lệch, tà vạy của tất cả người thế gian? Trong chỗ hữu lậu mà thấy có *thường, lạc*,

¹ Cách nói “là sắc... .. cho đến là thức...” nghĩa là nói tóm về cả sáu căn và sáu thức. Ở đây nói sự nghi hoặc về tính tồn tại độc lập của *căn*, *thức* hay *bản ngã*.

ngã, tịnh; đối với Như Lai mà thấy là *vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã*; thấy có chúng sanh, mạng sống, chỗ thấy biết, cho rằng có cõi trời *phi hữu tướng phi vô tướng*¹ là *Niết-bàn*; thấy vị trời *Tự tại*² có *Tám thánh đạo*, có chấp có, chấp đoạn diệt. Những chỗ thấy như vậy gọi là sai lệch, tà vạy. Bồ Tát *ma-ha-tát* nếu nghe được kinh *Đại Niết-bàn* này, tu tập và thực hành *Thánh hạnh* ắt dứt trừ được những chỗ thấy sai lệch, tà vạy như vậy.

“Thế nào gọi là chỗ thấy biết sai lệch, tà vạy của hàng Thanh văn, Duyên giác?”³ Họ thấy Bồ Tát từ cung trời *Đâu-suất* xuống, cưỡi voi trắng giáng thân vào thai mẹ, có cha là *Tịnh-phạn*, mẹ là *Ma-da* ở thành *Ca-tỳ-la*. Ngài ở trong thai đủ mười tháng rồi sanh ra. Khi ngài sanh ra chưa rơi xuống đất thì có *Đế-thích* đón lấy giữa hư không, có hai vị Long vương là *Nan-đà* và *Bạt-nan-đà* phun nước tắm. Đại quý thần vương là *Ma-ni-bạt-đà* cầm lọng báu đứng hầu phía sau. Thần đất hóa ra hoa đở dưới chân ngài. Ngài đi theo đủ bốn hướng, mỗi hướng bảy bước. Khi đến *Thiên miếu*, các tượng chư thiên đều đứng dậy nghinh tiếp. Vị tiên *A-tu-đà* bồng ngài lên xem tướng. Xem tướng xong liền sanh lòng buồn đau thảm thiết, tự đau xót rằng mình sắp qua đời, không được thấy *Phật đạo* hưng thịnh.

¹ Túc cõi trời *Phi tướng phi phi tướng*, là cõi trời thứ tư thuộc *Sắc giới*, là cõi trời cao nhất trong Tam giới, cũng gọi là cõi trời Hữu đỉnh (Hữu đỉnh thiên).

² Vị trời *Tự tại* (*Tự tại thiên*), dịch từ Phạn ngữ là *Maheśvara*, phiên âm là *Ma-hê-thủ-la*, là vị thiên chủ ở cảnh trời cao nhất thuộc *Sắc giới*, cũng là cao nhất trong Tam giới, cũng gọi là Đại tự tại thiên. Ngoại đạo cho rằng chính vị này tạo tác ra hết thấy chúng sanh trong ba cõi.

³ Đoạn trước có nói là Thanh văn và Phật Bích-chi, ở đây gọi là Duyên giác, vì hai tên gọi này là một. Bích-chi hay Bích-chi-ca là phiên âm từ tiếng Phạn là *Pratyeka*, còn Duyên giác là dịch nghĩa, vị này chứng ngộ do quán lý nhân duyên nên gọi là “duyên giác”.

“[Họ cũng thấy] Bồ Tát theo thầy học sử sách, toán pháp, bắn tên, cưỡi ngựa, địa lý, sách ký, các môn kỹ nghệ. Ngài ở trong cung có sáu mươi ngàn cung nữ để giúp vui. Ngài ra khỏi thành dạo chơi quán sát, đến vườn *Catỳ-la*, trên đường gặp người già yếu cho đến vị *sa-môn* mặc pháp phục mà đi.¹ Khi trở về trong cung, ngài thấy hình thể và dung mạo của các cung nữ dường như những bộ xương khô, cung điện hiện có chẳng khác gì gò mộ trong bãi tha ma. Ngài nhàm chán, muốn xuất gia, giữa đêm liền vượt thành tìm đến chỗ những vị đại tiên nhân như các ông *Uất-đà-già*,² *A-la-la*³... nghe dạy về cảnh giới của *thức* và cảnh giới *phi hữu tướng phi vô tướng*. Nghe như vậy rồi, ngài quán sát kỹ những cảnh giới ấy, thấy cũng là *vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã*, liền từ bỏ mà đến ở dưới cội cây tu khổ hạnh đủ sáu năm.⁴

¹ Đây nói tóm lược các chuyến đi ra ngoài thành của thái tử Tất-đạt-đa, kể đầy đủ trong các chuyến đi này thì ngài đã gặp một người già yếu, một người bệnh, một người chết và cuối cùng là một vị *sa-môn* sống cuộc sống không nhà. Thông qua đó ngài thấy rõ được rằng những nỗi khổ “sinh, lão, bệnh, tử” luôn bao trùm lên cuộc sống của tất cả mọi chúng sanh, và chỉ có con đường xuất thế mới có thể cứu thoát chúng sanh ra khỏi vòng sanh tử.

² *Uất-đà-già* (*Udraka Rāmaputra*), cũng đọc là *Uất-dâu* Lam-phát, *Uất-đà-la* La-ma tử hay *Uất-đà* La-già, *Ốt-đạt* Lạc-ca, *Ưu-đà-la* La-ma tử... đều chỉ là những cách đọc khác nhau để chỉ cùng một người, Hán dịch nghĩa là *Mãnh Hỷ* hay *Cục Hỷ*, là một trong các vị tiên nhân mà đức Phật đã tìm đến để hỏi đạo. Vị này tu thiền đã chứng đắc cảnh giới *Phi tướng định*, được năm phép thần thông.

³ *A-la-la* (*Ārāḍa-kālāma*), cũng đọc là *A-lam*, *A-lam-ca-lam* hay *Ca-la-ma*, Hán dịch nghĩa là *Tự dẫn* hay *Giải đãi*, là vị tiên nhân mà đức Phật đã đến hỏi đạo trước tiên. Đức Phật đã ở lại chỗ vị này nhiều tháng, sau đó không hài lòng với giáo pháp do ông truyền dạy nên mới từ giã mà tìm đến chỗ ông *Uất-đà-già*. Khi Phật thành đạo, có ý muốn hóa độ các vị này trước hết, nhưng khi ấy thì các ông đều đã qua đời.

⁴ Khoảng thời gian tu khổ hạnh này, Phật ở trong một khu rừng gọi là rừng *Khổ hạnh* (*Khổ hạnh lâm*), tên Phạn ngữ là *Tapovana*, thuộc địa phận xứ *Ưu-lâu-tần-loa* (*Uruvelā*), ngày nay nằm về phía đông của thôn *Mục-chi-lân-đà* (*Mucilinda*), cho đến thời gian gần đây vẫn còn tồn tại một vùng cây rậm rạp ở đó.

“Sau đó biết rằng khổ hạnh như thế không thể thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, Bồ Tát liền đi đến sông *A-lợi-bạt-đề*¹ tắm rửa sạch sẽ, rồi thọ nhận món cháo sữa do cô gái chăn bò phụng hiến. Dùng cháo xong, ngài đến ngồi dưới gốc cây *Bồ-đề*, phá ma *Ba-tuần*,² được thành tựu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Ở thành *Ba-la-nại*,³ ngài vì năm vị *tỳ-kheo*⁴ mà *Chuyển bánh xe pháp* lần đầu tiên, cho đến khi tại thành *Câu-thi-na* này thị hiện *Niết-bàn*.

“Những chỗ thấy như vậy của hàng Thanh văn, Duyên giác gọi là sai lệch, tà vạy.

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát*, nghe và thọ nhận kinh Đại *Niết-bàn* này ắt được dứt trừ những chỗ thấy biết như vậy. Nếu có thể sao chép, đọc tụng kinh này thông suốt, vì người khác giảng nói, suy xét nghĩa kinh, ắt được chỗ thấy biết ngay thẳng, không sai lệch, tà vạy.

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hành kinh Đại *Niết-bàn* này biết rõ rằng: Từ vô lượng kiếp đến nay, đức

¹ Sông A-lợi-bạt-đề. Các kinh sách khác đều gọi đây là sông Ni-liên-thiên (*Nairāñjana*), cũng đọc là Ni-liên-thiên-na. Đức Phật sau khi từ bỏ pháp tu khổ hạnh đã xuống tắm ở sông này. Kinh Quá khứ hiện tại nhân quả (過去現在因果經), quyển 3, quyển 4 kể rằng khi ngài xuống sông tắm rửa xong thì do thân thể quá suy nhược nên không thể lên được, liền có chư thiên xuất hiện nâng đỡ ngài lên, sau đó mới thọ nhận bát sữa cúng dường của nàng Nan-đà-ba-la (難陀波羅).

² Ma Ba-tuần (*Pāpīyas*), cũng đọc là Ba-tuần-du hay Ba-ty-diện, Hán dịch nghĩa là Sát giả hay Ác giả, là tên gọi của Ma vương.

³ Ba-la-nại (*Vārāṇasī*), là địa danh thuộc miền Trung Ấn Độ cổ, nơi có khu vườn Lộc uyển mà đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên.

⁴ Năm vị tỳ-kheo: là nhóm ông Kiều-trần-như, trước có cùng đức Phật tu khổ hạnh trong rừng, sau vì thấy Phật từ bỏ cách tu khổ hạnh nên cho rằng ngài đã thối chí, liền bỏ đi nơi khác. Do nhân duyên này nên đức Phật hóa độ cho năm vị này trước nhất. Đó là các ông: *Kiều-trần-như*, *Át-bệ*, *Thập-lực Ca-diếp*, *Ma-nam Câu-ly* và *Bạc-đề*.

Bồ Tát chẳng hề giáng thân từ cung *Đâu-suất* vào thai mẹ, cho đến cũng có việc nhập *Niết-bàn* tại thành *Câu-thi-na* này. Đó gọi là chỗ thấy biết ngay thẳng của hàng Bồ Tát *ma-ha-tát*.

“[Thế nào là] *có thể hiểu được ý nghĩa sâu kín* của Như Lai? Đó là [những ý nghĩa về] Đại Bát *Niết-bàn*; là tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, [nhưng phải] sám hối *bốn giới cấm nặng*, trừ bỏ lòng chê bai giáo pháp, dứt hết *năm tội nghịch*, trừ bỏ tâm bất tín,¹ sau đó mới chứng đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Như vậy gọi là những ý nghĩa rất sâu xa kín đáo.

“Này thiện nam tử! Vì sao gọi là ý nghĩa rất sâu xa? Tuy biết chúng sanh thật không có *tự ngã*, nhưng nghiệp quả trong tương lai không hề dứt mất. Tuy biết rằng *năm ám tan* rã trong đời này, nhưng nghiệp lành nghiệp dữ đều chẳng mất. Tuy có các nghiệp nhưng không có người tạo tác; tuy có chỗ đến nhưng không có người đi đến; tuy có sự trói buộc nhưng không có người bị trói buộc; tuy có *Niết-bàn* nhưng không có người nhập *Niết-bàn*. Đó gọi là ý nghĩa rất sâu kín.”

Lúc ấy, Bồ Tát *ma-ha-tát* Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Theo như con hiểu nghĩa Phật đã dạy về chỗ *nghe* và *không nghe* thì không phải như thế! Vì sao vậy? Nếu pháp là *có*, liền phải xác định là *có*; nếu pháp là *không*, liền phải xác định là *không*. Cái *không* lẽ ra chẳng sanh, cái *có* lẽ ra chẳng diệt. Như

¹ Nguyên bản Hán văn dùng “diệt nhất-xiển-đê”, ở đây phải hiểu là diệt tâm nhất-xiển-đê, tức là tâm bất tín, không có lòng tin nơi Tam bảo, nơi nhân quả.

có nghe tức là *nghe*; *không nghe* tức là *không nghe*, vì sao nói rằng *nghe được những điều không [thể] nghe*?

“Bạch Thế Tôn! Nếu không thể nghe, đó là *không nghe*; nếu đã nghe rồi, xét cho cùng cũng là *không nghe*. Vì sao vậy? Vì đã nghe rồi [nên hiện nay không nghe]! Vì sao nói rằng *nghe được những điều không [thể] nghe*?

“Ví như có người đi, khi đến rồi ắt là không đi, khi đang đi ắt là không đến. Cũng như khi đã *sinh* rồi là không có sự *sinh*, [nếu] không *sinh* cũng không có sự *sinh*. Khi đạt được rồi là không [còn gì để] được, [nếu] không đạt được cũng là không được. Khi nghe rồi là không [còn sự] nghe, [nếu] không nghe [cũng] là không nghe, [ý nghĩa] đều là như vậy!

“Bạch Thế Tôn! Nếu *không nghe* [cũng là] *nghe* thì tất cả chúng sanh chưa có *Bồ-đề* lẽ ra phải có, chưa được *Niết-bàn* lẽ ra phải được, chưa thấy tánh Phật lẽ ra phải thấy. Vì sao [Như Lai] nói rằng hàng Bồ Tát ở *Mười trụ địa* tuy thấy tánh Phật nhưng chưa [thấy] được rõ ràng?

“Thế Tôn! Nếu *không nghe* [cũng là] *nghe*, Như Lai trong quá khứ từng được nghe [Chánh pháp] từ nơi ai? Nếu là được nghe, sao trong kinh *A-hàm* Như Lai nói rằng không có thầy dạy?

“Nếu không nghe [là] không nghe mà Như Lai thành tựu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, thì tất cả chúng sanh không nghe [là] không nghe, lẽ ra cũng đều thành tựu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*! Nếu Như Lai chưa nghe kinh *Đại Niết-bàn* này mà thấy được tánh Phật, thì tất cả chúng sanh chưa nghe kinh này lẽ ra cũng phải thấy được tánh Phật!

“Bạch Thế Tôn! Phàm là hình sắc thì hoặc có thể thấy, hoặc không thể thấy. Âm thanh cũng vậy, hoặc có thể nghe, hoặc không thể nghe.

“Đại *Niết-bàn* này chẳng phải hình sắc, chẳng phải âm thanh, sao lại nói rằng có thể thấy, có thể nghe?

“Bạch Thế Tôn! Quá khứ đã dứt rồi nên không thể nghe, tương lai chưa đến nên cũng không thể nghe. Vào lúc đang nghe trong hiện tại cũng không gọi là nghe, vì vừa nghe rồi thì âm thanh liền diệt mất, nên xét cho cùng là không thể nghe!

“Đại *Niết-bàn* này cũng không thuộc về quá khứ, tương lai, hiện tại. Nếu không thuộc về quá khứ, tương lai, hiện tại thì không thể thuyết giảng. Nếu không thể thuyết giảng ắt là không thể nghe! Vì sao [Như Lai] nói rằng Bồ Tát tu hành kinh *Đại Niết-bàn* này nghe được những điều không [thể] nghe?”

Lúc ấy, đức Thế Tôn khen ngợi Bồ Tát *ma-ha-tát* Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Nay ông biết rõ rằng tất cả các pháp dường như ảo hóa, như tia lửa lóe ra, như cảnh thành quách biến hóa, như hình vẽ trên mặt nước, lại cũng như bọt sóng, bọt nước, như thân cây chuối, rỗng không chẳng thật, chẳng phải mạng sống, chẳng phải ta, không khổ không vui, đồng như chỗ thấy biết của hàng Bồ Tát ở *Mười trụ địa*.”

Lúc ấy, giữa đại chúng bỗng trong khoảnh khắc xuất hiện ánh hào quang rực rỡ. Trong ánh hào quang ấy, không phải màu xanh lại thấy là xanh, không phải màu vàng lại thấy là vàng, không phải màu đỏ lại thấy là đỏ,

không phải màu trắng lại thấy là trắng, không có hình sắc lại thấy là hình sắc, không phải sáng tỏ lại thấy là sáng tỏ, không phải sự thấy mà lại nhìn thấy.

Bấy giờ, đại chúng thấy hào quang ấy rồi, thân tâm đều khoái lạc, như vị *tỳ-kheo* nhập phép thiền định *Su tử vương*.

Đại Bồ Tát *Văn-thù-sư-lợi* liền bạch Phật: “Thế Tôn! Nay ánh hào quang này là do ai phát ra?”

Lúc ấy, đức Như Lai lặng thinh chẳng nói.

Bồ Tát *Ca-diếp* lại hỏi Bồ Tát *Văn-thù-sư-lợi*: “Do nhân duyên gì mà có ánh hào quang này chiếu soi đại chúng?”

Bồ Tát *Văn-thù-sư-lợi* lặng thinh chẳng đáp.

Lúc ấy, Bồ Tát Vô Biên Thân lại hỏi Bồ Tát *Ca-diếp*: “Ánh hào quang hôm nay là của ai vậy?”

Bồ Tát *Ca-diếp* lặng thinh chẳng đáp.

Bồ Tát Tịnh Trụ Vương Tử lại hỏi Bồ Tát Vô Biên Thân: “Do nhân duyên gì mà trong đại chúng có ánh hào quang này?”

Bồ Tát Vô Biên Thân lặng thinh chẳng đáp.

Cứ như vậy, năm trăm vị Bồ Tát lần lượt hỏi nhau, nhưng chẳng ai trả lời!

Bấy giờ, đức Thế Tôn hỏi Bồ Tát *Văn-thù-sư-lợi*: “Do nhân duyên gì mà trong đại chúng có ánh hào quang này?”

Bồ Tát *Văn-thù-sư-lợi* đáp: “Bạch Thế Tôn! Hào quang ấy gọi là trí tuệ. Trí tuệ tức là thường trụ; pháp thường trụ không do nhân duyên, sao Phật lại hỏi do nhân duyên gì có hào quang ấy?”

“Hào quang ấy gọi là Đại *Niết-bàn*. Đại *Niết-bàn* tức là thường trụ, pháp thường trụ không do nhân duyên, sao Phật lại hỏi do nhân duyên gì có hào quang ấy?

“Hào quang ấy tức là Như Lai. Như Lai tức là thường trụ. Pháp thường trụ không do nhân duyên, sao Phật lại hỏi nơi nhân duyên?

“Hào quang ấy gọi là đại từ đại bi. Đại từ đại bi gọi là thường trụ. Pháp thường trụ không do nhân duyên, sao Phật lại hỏi nơi nhân duyên?

“Hào quang ấy tức là nghĩ nhớ đến Phật. Nghĩ nhớ đến Phật gọi là thường trụ. Pháp thường trụ không do nhân duyên, sao Phật lại hỏi nơi nhân duyên?

“Hào quang ấy là đạo không chung cùng với hết thảy hàng Thanh văn, Duyên giác. Đạo chẳng chung cùng với Thanh văn, Duyên giác tức là thường trụ. Pháp thường trụ không do nhân duyên, sao Phật lại hỏi nơi nhân duyên?

“Bạch Thế Tôn, thật cũng có nhân duyên. Đó là nhân dứt trừ vô minh liền thắp sáng được ngọn đèn *A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề*.”

Phật dạy: “*Văn-thù-sư-lợi*! Nay ông chớ nên đi vào ý nghĩa rốt ráo sâu xa nhất của các pháp, hãy theo ý nghĩa chân thật [tương đối] của thế gian mà giảng nói về [hào quang] ấy.”

Văn-thù-sư-lợi thưa: “Bạch Thế Tôn! Về phương đông của thế giới này, trải qua số thế giới nhiều như số cát của hai mươi sông Hằng, có một thế giới Phật tên là Bất Động. Nơi ở của đức Phật tại thế giới ấy hai bề ngang dọc

đều rộng đủ mười hai ngàn *do-tuần*.¹ Mặt đất nơi cõi ấy bằng bảy báu, không có các loại đất đá; bằng phẳng, mềm mại, không có hầm hố. Cây cối nơi ấy đều do bốn món báu² tạo thành. Hoa quả um tùm tươi tốt, mùa nào cũng có. Chúng sanh ngửi được mùi thơm của hoa thì thân tâm an lạc như vị *tỳ-kheo* vào cảnh thiền thứ ba.³

“Bao quanh cõi ấy lại có ba ngàn con sông lớn, nước sông màu nhiệm, có đủ tám vị.⁴ Chúng sanh tắm trong nước sông ấy liền được vui vẻ khoái lạc, như vị *tỳ-kheo* vào cảnh thiền thứ hai.⁵ Các sông ấy có rất nhiều đủ mọi loại hoa như hoa *ưu-bát-la*, hoa *ba-đâu-ma*, hoa *câu-vật-đầu*, hoa *phân-đà-lợi*, hoa hương, hoa hương loại lớn, hoa vi diệu hương, hoa thường, các loại hoa không cần tất cả chúng sanh che chở, bảo vệ.

“Hai bên bờ sông cũng có đủ các loại hoa như hoa *a-đề-mục-đa-già*, hoa *chiêm-bà*, hoa *ba-trá-la*, hoa *bà-sư-la*, hoa *ma-lợi-ca*, hoa *ma-lợi-ca* loại lớn, hoa *tân-ma-lợi-ca*, hoa *tu-ma-na*, hoa *do-đề-ca*, hoa *đàn-nậu-ca-lợi*, hoa thường, các loại hoa không cần tất cả chúng sanh che chở, bảo vệ. Đáy sông đầy cát bằng vàng, có bốn bậc thang đi lên bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê đủ màu. Có nhiều loài chim tụ tập vui đùa trên bờ sông.

¹ Nguyên bản dùng *do-diên*, là cách phiên âm khác của *do-tuần*.

² Bốn món báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê.

³ Cảnh thiền thứ ba (đệ tam thiền): người tu thiền khi đạt đến cảnh thiền thứ ba thì thân thức vào ba cảnh giới là Thiếu tịnh thiên (*Parīṭṭa-sūbha*), Vô lượng tịnh thiên (*Apramāṇa-sūbha*) và Biến tịnh thiên (*Sūbha-kṛtsna*), đều thuộc Sắc giới.

⁴ Nước có đủ tám vị: cũng gọi là nước có tám công đức.

⁵ Cảnh thiền thứ hai (đệ nhị thiền): người tu thiền khi đạt đến cảnh thiền thứ hai thì thân thức vào ba cảnh giới là Thiếu quang thiên (*Parīṭṭābha*), Vô lượng quang thiên (*Apramāṇābha*), Quang âm thiên (*Ābhassara*), đều thuộc Sắc giới.

“Lại có vô số cọp, sói, sư tử và các giống thú dữ, chim dữ, nhưng chúng nhìn nhau hiền hậu và thương nhau như mẹ con.

“Trong thế giới ấy không có một người nào phạm các điều *trọng cấm*¹ hoặc phỉ báng Chánh pháp, cũng không có những kẻ *nhất-kiến-đề*, không có *năm tội nghịch*.²

“Thế giới ấy điều hòa thích hợp, không có những nỗi khổ vì nóng, lạnh, đói, khát. Không có những mối tham dục, giận tức, lừa nhác buông thả, ghen ghét ganh tỵ. Không có mặt trời, mặt trăng, ban ngày, ban đêm, không phân biệt thời tiết, giống như ở cõi trời *Đao-lợi*, cõi trời thứ hai trong *Dục giới*.

“Nhân dân ở thế giới ấy đều có hào quang, hết thấy đều không có lòng kiêu mạn. Tất cả đều là những vị Đại sĩ Bồ Tát, đều đã chứng đắc thần thông, đầy đủ công đức lớn, lòng tôn trọng Chánh pháp, nương theo Đại thừa, yêu mến nghĩ nhớ đến Đại thừa, ham thích Đại thừa, trân trọng gìn giữ Đại thừa. Thấy đều thành tựu trí tuệ lớn lao, được phép *Đại tổng trì*, trong lòng thường thương xót tất cả chúng sanh.

“Đức Phật nơi ấy hiệu là Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Tùy nơi an trụ mà ngài tuyên giảng Chánh pháp, chúng sanh ở cõi ấy thấy đều được nghe.

¹ Trọng cấm: chỉ bốn trọng cấm, gồm giết hại, trộm cắp, dâm dục và nói dối.

² Năm tội nghịch: chỉ các tội giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng và làm thân Phật chảy máu.

“Đức Phật ấy đã vì Đại Bồ Tát Lưu Ly Quang mà tuyên giảng kinh *Đại Niết-bàn* này. Ngài dạy: ‘Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát *ma-ha-tát* có thể tu hành kinh *Đại Niết-bàn* thì đối với những điều không [thể] nghe đều có thể nghe được.’

“Đại Bồ Tát Lưu Ly Quang thưa hỏi Phật Mãn Nguyệt Quang Minh cũng không khác với câu hỏi của Bồ Tát *ma-ha-tát* Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương ở cõi này.

“Phật Mãn Nguyệt Quang Minh liền dạy Bồ Tát Lưu Ly Quang rằng: ‘Thiện nam tử! Về phương tây của thế giới này, cách đây số cõi Phật nhiều như số cát của hai mươi sông Hằng, có một thế giới tên là *Ta-bà*. Cõi ấy có nhiều núi đồi gò nong, đất cát đá sỏi, gai góc và chông độc đầy dẫy khắp nơi, thường có những nỗi khổ vì đói, khát, nóng, lạnh.

“Nhân dân ở cõi ấy không biết cung kính hàng *sa-môn*, *bà-la-môn*, cha mẹ, thầy dạy; họ tham đắm những việc không đúng pháp, ưa muốn những việc không đúng pháp, tu hành theo tà pháp, chẳng tin vào chánh pháp, tuổi thọ ngắn ngủi. Có những kẻ làm việc gian trá bị phép vua trừng phạt. Những vị vua tuy có đất đai cai trị nhưng không thấy thỏa mãn, nhìn sang nước của vua khác mà sanh lòng tham muốn rồi khởi binh đánh nhau, người chết oan rất nhiều. Bậc vua chúa làm việc không đúng pháp như thế, các vị thiện thần ở bốn cõi trời không có lòng hoan hỷ, cho nên giáng xuống nạn hạn hán, lúa thóc mất mùa, nhân dân nhiều bệnh tật, khổ não vô cùng.

“Nơi cõi ấy có đức Phật hiệu là *Thích-ca-Mâu-ni* Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Vì lòng đại bi thuần hậu, thương xót chúng sanh nên ngài ở tại thành *Câu-thi-na*, trong rừng có cây *sa-la* mọc sồng đôi mà giảng rộng với đại chúng kinh *Đại Niết-bàn* này.

“Cõi ấy có vị Bồ Tát tên là Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương, cũng thưa hỏi về việc này giống như lời ông hỏi. Nay đức Phật *Thích-ca Mâu-ni* sắp trả lời câu hỏi ấy, ông mau đến đó, tự nhiên sẽ được nghe.’

“Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Lưu Ly Quang nghe vậy rồi liền cùng với tám vạn bốn ngàn vị Đại Bồ Tát sắp đến đây, cho nên trước hết hiện ra điềm lành. Do nhân duyên ấy nên có ánh hào quang này. Như thế gọi là nhân duyên, cũng không phải nhân duyên.”

Lúc ấy, Bồ Tát Lưu Ly Quang cùng tám vạn bốn ngàn vị Đại Bồ Tát, thấy đều cầm phướn, lọng, hương hoa, chuỗi anh lạc, các món kỹ nhạc, tốt đẹp thù thắng hơn nhiều lần so với các món đã được cúng dường [ở pháp hội này] trước đây. Tất cả cùng đến thành *Câu-thi-na*, chỗ hai cây *sa-la* mọc sồng đôi, mang các thức cúng dường dâng lên phụng hiến Phật, cúi đầu và mặt lễ bái sát chân Phật, chấp tay cung kính đi nhiễu quanh theo chiều bên phải ba vòng. Lễ kính xong, các vị đều ngồi sang một bên.

Bấy giờ, đức Thế Tôn hỏi các vị Bồ Tát kia: “Thiện nam tử! Các ông đến đây như vậy là có [sự] đi đến hay không có [sự] đi đến?”

Bồ Tát Lưu Ly Quang thưa: “Bạch Thế Tôn! Có đi đến cũng chẳng đến; không đi đến cũng chẳng đến. Chúng con quán xét trong nghĩa này hoàn toàn không có việc đến đây.

“Bạch Thế Tôn! Nếu các hành là thường, cũng không có việc đến đây; nếu là vô thường, lại cũng không có việc đến đây. Nếu người thấy có tánh chúng sanh thì có việc đến hay không đến. Chúng con nay không thấy có tánh nhất định của chúng sanh, làm sao nói rằng có việc đến hay không đến?

“Kẻ có lòng kiêu mạn liền thấy rằng có đi, có đến; người không có lòng kiêu mạn ắt không có đi, không có đến.

“Người chấp giữ các hành thì thấy rằng có đi, có đến; người không chấp giữ các hành ắt không có đi, không có đến.

“Nếu thấy rằng đức Như Lai dứt hết tất cả mà nhập *Niết-bàn*, ắt là có đi, có đến; nếu thấy đức Như Lai không dứt hết tất cả mà nhập *Niết-bàn* thì không có đi, không có đến.

“Không nghe biết tánh Phật ắt là có đi, có đến; người nghe biết được tánh Phật thì không có đi, không có đến.

“Nếu thấy hàng Thanh văn và Phật *Bích-chi* có *Niết-bàn*, ắt là có đi, có đến; nếu không thấy Thanh văn và Phật *Bích-chi* có *Niết-bàn* thì không có đi, không có đến.

“Nếu thấy hàng Thanh văn và Phật *Bích-chi* là *thường, lạc, ngã, tịnh*, ắt là có đi, có đến; nếu người không thấy như vậy thì không có đi, không có đến.

“Nếu thấy Như Lai không có *thường, lạc, ngã, tịnh*, ắt là có đi, có đến; nếu thấy Như Lai là *thường, lạc, ngã, tịnh*, ắt là không có đi, không có đến.

“Bạch Thế Tôn! Xin hãy tạm gác việc đó lại. Nay con có chỗ muốn thưa hỏi, xin Như Lai rủ lòng thương xót cho phép con được hỏi.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông cứ tùy ý mà hỏi, nay chính là lúc thích hợp. Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng thuyết. Vì sao vậy? Chư Phật thật khó gặp, cũng như hoa *ưu-đàm*. Chánh pháp cũng vậy, rất khó được nghe. Trong *Mười hai bộ kinh*, kinh *Phương đẳng* lại càng khó được nghe hơn hết. Cho nên phải hết lòng lắng nghe và nhận lãnh.”

Lúc ấy, Bồ Tát *ma-ha-tát* Lưu Ly Quang được Phật cho phép và ân cần răn dạy, liền bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hành kinh *Đại Niết-bàn* lại nghe được những điều không [thể] nghe?”

Bấy giờ, đức Như Lai ngợi khen rằng: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Nay ông muốn thấu triệt kinh điển *Đại thừa Đại Niết-bàn* sâu rộng như biển lớn này, lại gặp được ta có thể khéo léo giảng thuyết. Nay ông đang bị trúng mũi tên độc nghi ngờ, ta là vị đại lương y có thể khéo nhổ mũi tên ấy ra. Ông đối với tánh Phật chưa được sáng rõ, ta có ngọn đuốc trí tuệ có thể vì ông soi sáng. Nay ông muốn vượt qua dòng sông lớn sanh tử, ta có thể vì ông làm vị đại thuyền sư. Ông đối với ta sanh ý tưởng xem như cha mẹ, ta đối với ông cũng có lòng thương như con đẻ. Nay lòng ông ham muốn Chánh pháp, lại gặp được Như Lai có nhiều cửa quý, sắp ban cho ông.

“Hãy lắng nghe cho kỹ! Hãy nghe cho kỹ! Và hãy suy xét cho rõ. Ta sẽ vì ông mà phân biệt phân biệt giảng thuyết.

“Thiện nam tử! Nay ông muốn được nghe pháp thật là đúng lúc. Nếu được nghe pháp rồi nên sanh tâm cung kính, tin theo, hết lòng lắng nghe và nhận lãnh, tôn trọng cung kính. Đối với Chánh pháp đừng tìm chỗ lỗi lầm, đừng nhớ nghĩ những sự tham dục, sân khuể, ngu si. Đừng xét tìm những chỗ tánh nét tốt xấu của người thuyết pháp. Được nghe pháp rồi đừng sanh lòng kiêu mạn. Đừng vì sự cung kính, danh dự hay lợi dưỡng; hãy vì sự cứu độ thế gian, vì lợi ích của món cam lộ Chánh pháp. Cũng đừng sanh ý nghĩ rằng: ‘Ta được nghe pháp rồi, trước tiên sẽ tự độ mình, sau đó mới độ người khác. Trước tiên sẽ giải thoát cho mình, sau đó mới giải thoát cho người khác. Trước tiên sẽ tự an ổn cho mình, sau đó mới làm an ổn người khác. Trước tiên sẽ tự mình có *Niết-bàn*, sau đó mới khiến cho người khác được *Niết-bàn*.’

“Đối với Phật, Pháp và Chư tăng nên sanh ý tưởng bình đẳng như nhau. Đối với cuộc sanh tử nên sanh ý tưởng cho là hết sức khổ não. Đối với Đại *Niết-bàn*, nên sanh ý tưởng là *thường, lạc, ngã, tịnh*.

“Trước hết nên vì người khác, sau đó mới vì bản thân mình. Nên vì Đại thừa, đừng vì hai thừa Thanh văn và Duyên giác. Đối với tất cả các pháp nên không có chỗ trụ, cũng đừng chuyên chấp vào tướng trạng của tất cả các pháp. Đối với các pháp đừng sanh lòng tham muốn. Thường sanh những ý tưởng rõ biết pháp, thấy pháp.

“Thiện nam tử! Nếu ông có thể giữ tâm như vậy mà hết lòng nghe pháp thì có thể gọi là nghe được những điều chưa nghe.

“Thiện nam tử! Có các trường hợp là: *không nghe [cũng là] nghe, không nghe [là] không nghe, nghe [cũng là] không nghe và nghe [là] nghe.*

“Thiện nam tử! Cũng giống như các trường hợp *không sanh [cũng là] sanh, không sanh [là] không sanh, sanh [cũng là] không sanh và sanh [là] sanh*; hoặc như *không đến [cũng là] đến, không đến [là] không đến, đến [cũng là] không đến và đến [là] đến.*”

[Bồ Tát Lưu Ly Quang thưa hỏi:] “Bạch Thế Tôn! Thế nào là *không sanh [cũng là] sanh*?”

[Phật dạy:] “Thiện nam tử! [Khi Bồ Tát] trụ yên nơi lý chân thật của thế gian, lúc [thị hiện] vừa ra khỏi bào thai, đó gọi là *không sanh [cũng là] sanh.*”

[Lại hỏi:] “Còn thế nào là *không sanh [là] không sanh*?”

[Phật dạy:] “Thiện nam tử! Đại Niết-bàn này không hề có tướng sanh, đó gọi là *không sanh [là] không sanh.*”

[Lại hỏi:] “Thế nào là *sanh [cũng là] không sanh*?”

[Phật dạy:] “Thiện nam tử! Theo lẽ chân thật [tương đối] của thế gian thì lúc chết đi gọi rằng *sanh [cũng là] không sanh.*”

[Lại hỏi:] “Còn thế nào gọi rằng *sanh [là] sanh*?”

[Phật dạy:] “Thiện nam tử! Hết thủy phàm phu đều thuộc về trường hợp *sanh [là] sanh.* Vì sao vậy? Vì sự sanh này nối tiếp sự sanh kia, không hề gián đoạn. Hết

thảy các pháp hữu lậu trong từng giây phút đều sanh ra, nên gọi rằng *sanh [là] sanh*.

“Hàng Bồ Tát ở trụ vị thứ tư thì *sanh [cũng là] không sanh*. Vì sao vậy? Vì sanh ra một cách tự do tùy ý nên gọi rằng *sanh [cũng là] không sanh*.

“Thiện nam tử! Như vậy gọi là những pháp trong [Phật pháp]. Còn thế nào là những pháp ngoài [Phật pháp]? Đó là các trường hợp *chưa sanh [cũng là] sanh, chưa sanh [là] chưa sanh, sanh [cũng là] chưa sanh* và *sanh [là] sanh*.

“Thiện nam tử! Ví như hạt giống chưa nảy mầm, được có đủ bốn đại hòa hợp, được người ra công chăm sóc, sau đó mới sanh ra mầm. Như vậy gọi rằng *chưa sanh [cũng là] sanh*.

“Thế nào gọi là *chưa sanh [là] chưa sanh*? Ví như hạt giống bị hỏng, cùng với hạt giống chưa gặp đủ điều kiện nhân duyên. Các trường hợp như vậy gọi rằng *chưa sanh [là] chưa sanh*.

“Thế nào là *sanh [cũng là] chưa sanh*? Như hạt nảy mầm rồi nhưng không tăng trưởng. Như vậy gọi rằng *sanh [cũng là] chưa sanh*.

“Thế nào gọi rằng *sanh [là] sanh*? Như hạt giống nảy mầm thì mới tăng trưởng, nếu không nảy mầm thì không tăng trưởng. Tất cả pháp hữu lậu cũng đều như thế. Như vậy là những trường hợp *sanh [là] sanh* của các pháp ngoài [Phật pháp].”

Bồ Tát *ma-ha-tát* Lưu Ly Quang bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Các pháp hữu lậu nếu như có sanh thì [sự sanh] đó là *thường* chăng? Hay là *vô thường*?”

“Nếu sự sanh là *thường* thì các pháp hữu lậu ắt không có sự sanh. Nếu sự sanh là *vô thường* thì các pháp hữu lậu ắt phải là *thường*.

“Bạch Thế Tôn! Nếu cái sanh có thể tự sanh ra, thì sự sanh không có tự tánh. Nếu có thể sanh ra cái khác thì do nhân duyên gì không sanh ra *vô lậu*?”

“Bạch Thế Tôn! Nếu trong khi chưa sanh mà có sự sanh, vì sao đến nay mới gọi là sanh? Nếu khi chưa sanh mà không có cái sanh, sao chẳng nói rằng hư không là sanh?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! [Những điều như] *không sanh [cũng là] sanh* là không thể thuyết giảng; *sanh [là] sanh* cũng không thể thuyết giảng. [Các trường hợp] *sanh [là] không sanh* cũng không thể thuyết giảng; *không sanh [là] không sanh* cũng không thể thuyết giảng!

“Sự sanh cũng không thể thuyết giảng; sự không sanh cũng không thể thuyết giảng. Nhưng vì có nhân duyên nên cũng có thể thuyết giảng.

“Thế nào là *không sanh [là] sanh* không thể thuyết giảng? [Cái] không sanh đó gọi là sanh, làm sao còn có thể thuyết giảng? Vì sao vậy? Vì cái không sanh đó đã sanh rồi.

“Thế nào gọi rằng *sanh [là] sanh* không thể thuyết giảng? Vì sanh [là] sanh nên có sự sanh; vì sanh [là] sanh nên có sự không sanh. [Như vậy] cũng là không thể thuyết giảng.

“Thế nào là *sanh [là] không sanh* không thể thuyết

giảng? [Có sự] sanh nên gọi tên là sanh, sự sanh không tự nó sanh ra nên không thể thuyết giảng.

“Thế nào gọi rằng *không sanh [là] không sanh* cũng không thể thuyết giảng? *Không sanh* đó gọi là *Niết-bàn*. *Niết-bàn* không sanh ra nên không thể thuyết giảng. Vì sao vậy? Vì nhờ tu tập theo Chánh đạo mà được *Niết-bàn* [chứ không có sự sinh ra].

“Thế nào là sự sanh cũng không thể thuyết giảng? Vì [tuy nói là có] sự sanh [nhưng vốn thật] là không.

“Thế nào là sự *không sanh* cũng không thể thuyết giảng? Vì [tuy nói là *không sanh* nhưng thật] có sự chứng đắc.

“Thế nào là vì có nhân duyên nên có thể thuyết giảng? Vì có mười pháp nhân duyên làm nhân cho sự sanh ra. Vì nghĩa ấy nên cũng có thể thuyết giảng.

“Thiện nam tử! Nay các ông chớ nên nhập phép *Không định*¹ rất sâu xa. Vì sao vậy? Vì đại chúng nơi đây căn tánh chậm lụt.

“Thiện nam tử! Sự sanh ra của các pháp hữu vi cũng là *thường*, [nhưng] vì sự tồn tại [của chúng] không thường nên sự sanh ra đó cũng là *vô thường*.

“Sự tồn tại của các pháp hữu vi cũng là *thường*, [nhưng] vì sanh [tiếp nối] sanh, [liên tục biến đổi] nên sự tồn tại [của chúng] cũng là *vô thường*.

“Sự biến đổi cũng là *thường*, [nhưng] vì pháp là *vô thường* nên sự biến đổi cũng là *vô thường*.

“Sự hoại diệt cũng là *thường*, [nhưng] vì vốn [từ chỗ] không mà nay thành có nên sự hoại diệt cũng là *vô thường*.

¹ Không định: phép thiền định quán sát thấy thật tánh của tất cả các pháp đều là không, không thật có tự tánh.

“Thiện nam tử! Do nơi thật tánh [mà nói] thì sự sanh ra, tồn tại, biến đổi, hoại diệt thấy đều là *thường*. [Nhưng] vì trong từng khoảnh khắc luôn tiếp nối nhau diệt mất nên không thể nói là *thường*. Vì *Đại Niết-bàn* này có công năng trừ dứt [các pháp ấy], nên gọi [chúng] là *vô thường*.”

“Thiện nam tử! Các pháp *hữu lậu* khi chưa sanh ra vốn sẵn có tánh sanh, nên sự sanh mới có thể sanh ra. Các pháp *vô lậu* vốn không có tánh sanh, nên sự sanh không thể sanh ra. Cũng như lửa sẵn có tánh [cháy], gặp đủ điều kiện ắt sẽ bùng cháy. Mất sẵn có tánh thấy, nhân có đủ các điều kiện như hình sắc, ánh sáng, tâm thức nên [có sự] thấy.”

“Pháp sanh ra của chúng sanh cũng là như vậy, do sẵn có tánh [sanh], gặp đủ [các điều kiện] nhân duyên, nghiệp lực, cha mẹ hòa hợp, liền có sự sanh ra.”

Lúc ấy, Bồ Tát *ma-ha-tát* Lưu Ly Quang cùng tám mươi bốn ngàn vị Bồ Tát *ma-ha-tát* nghe pháp ấy rồi liền vọt lên hư không, cao bằng bảy cây *đa-la*,¹ cung kính chấp tay bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con nhờ ơn Như Lai ân cần dạy bảo, nhân nơi kinh *Đại Niết-bàn* mà lần đầu tiên nhận hiểu được ý nghĩa nghe được những điều không [thể] nghe, lại cũng giúp cho tám mươi bốn ngàn vị Bồ Tát *ma-ha-tát* hiểu sâu được sự *sanh*, *không sanh*... của các pháp.”

“Bạch Thế Tôn! Nay con đã hiểu rõ, trừ dứt mọi sự nghi ngờ. Nhưng trong hội này còn có một vị Bồ Tát tên là Vô

¹ Đa-la: tên cây phiên âm từ Phạn ngữ là *tāla*, tên khoa học là *borassus flabelliformis*, mọc phổ biến ở Ấn Độ, Myanma, *Srī Lanka* và một số vùng nhiệt đới thuộc châu Phi. Sách Tuệ uyển âm nghĩa nói rằng người xưa ước lệ chiều cao cây này là 10 trượng (tức 100 thước cổ) để làm đơn vị đo chiều cao. Nếu vậy thì ngang tầm một cây đa-la là khoảng hơn 30 mét, bảy cây là khoảng 210 mét.

Úy muốn thưa hỏi, xin Phật rủ lòng thương cho phép vị ấy được thưa hỏi.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Vô Úy: “Thiện nam tử! Ông cứ tùy ý chất vấn, ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng thuyết.”

Bấy giờ, Bồ Tát Vô Úy cùng với tám mươi bốn ngàn vị Bồ Tát đều từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh trang y phục, rồi quỳ xuống chấp tay bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng sanh ở cõi này cần phải thực hiện những nghiệp lành nào để được sanh về cõi Phật Bất Động kia? Bồ Tát ở cõi này làm thế nào để được thành tựu trí tuệ, thành bậc oai dũng vượt trội trong loài người; có oai đức lớn, tu tập đầy đủ các hạnh, tâm trí sáng suốt nhanh lẹ, vừa nghe qua liền có thể hiểu rõ?”

Đức Thế Tôn liền nói kệ đáp rằng:

*Không giết hại chúng sanh,
Giữ theo mọi giới cấm,
Tin pháp Phật nhiệm mầu,
Ắt sanh cõi Bất Động.*

*Không cướp đoạt tiền tài,
Thường bố thí khắp cả,
Xây chùa khắp bốn phương,¹
Ắt sanh cõi Bất Động.
Không dan díu vợ người,*

¹ Nguyên bản Hán văn là “tạo chiêu đề tăng phường”. Danh từ chiêu đề viết đủ là chiêu-dấu-dê-xá (拓門提舍) dịch âm từ tiếng Phạn là *Caturdeśa*, có nghĩa là bốn phương. Vì thế, chiêu đề tăng phường chỉ chung tất cả những nơi chư tăng cư trú khắp bốn phương.

*Không tham dâm vợ mình,
Cúng dường bậc trì giới,
Ắt sanh cõi Bất Động.*

*Chẳng vì mình, vì người,
Mưu cầu lợi, khủng bố.
Chỉ nói lời chân thật,
Ắt sanh cõi Bất Động.*

*Chớ nghịch hại người lành,
Lìa xa mọi kẻ ác,
Thường nói lời hòa hợp,
Ắt sanh cõi Bất Động.*

*Như các vị Bồ Tát,
Dứt bỏ lời nói độc,
Chỉ nói lời dễ nghe,
Ắt sanh cõi Bất Động.*

*Ngay cả lúc đùa vui,
Cũng nói khi thích hợp,
Nói năng thường thận trọng,
Ắt sanh cõi Bất Động.*

*Thấy người được tài lợi,
Lòng cũng mừng vui theo,
Không khởi lòng ganh ghét,
Ắt sanh cõi Bất Động.*

*Chẳng gây sự phiền giận,
Thường khởi lòng thương yêu,*

*Chẳng tìm cách làm ác,
Ắt sanh cõi Bất Động.*

*Tà kiến phủ nhận thí,
Không cha mẹ, xưa nay.
Chẳng thấy biết như vậy,
Ắt sanh cõi Bất Động.*

*Đào giếng trên đường vắng,
Trồng cây trái rừng sâu,¹
Cúng dường người khát thực,
Ắt sanh cõi Bất Động.*

*Cúng dường Phật, Pháp, Tăng,
Một nén hương, ngọn đèn,
Hoặc chỉ một cành hoa,
Ắt sanh cõi Bất Động.*

*Dù chỉ do sợ hãi,
Hoặc cầu lợi, cầu phước,
Mà sao chép kinh này,
Ắt sanh cõi Bất Động.*

*Nếu vì cầu phúc lộc,
Dù chỉ trong một ngày,*

¹ Đào giếng trên đường vắng, trồng cây trái rừng sâu: Do lòng vị tha nên làm các việc ấy, để khách đi đường vắng có giếng nước uống đỡ khát, người đi qua rừng sâu có trái cây ăn đỡ đói.

*Tụng đọc kinh điển này,
Ắt sanh cõi Bất Động.*

*Nếu vì đạo Vô thượng,
Trong suốt một ngày đêm,
Thọ trì tám trai giới,
Ắt sanh cõi Bất Động.*

*Những kẻ phạm cấm giới,
Hoặc chê bai Đại thừa,
Chớ chung đưng, gần gũi,
Ắt sanh cõi Bất Động.*

*Bố thí người bệnh tật,
Dù chỉ một trái cây,
Vui vẻ mà thãm nom,
Ắt sanh cõi Bất Động.*

*Không đoạt của bố thí,¹
Khéo giữ vật cúng Phật,
Quét dọn nơi chùa tháp,
Ắt sanh cõi Bất Động.*

*Tạo tượng và tháp Phật,
Dù nhỏ như ngón tay,*

¹ Không đoạt của bố thí: nguyên bản Hán văn dùng “bất phạm tăng-man vật”. Danh từ tăng-man được dịch âm từ tiếng Phạn. Từ điển Đinh Phúc Bảo dẫn Giới số, quyển 2, tập thượng, ghi rõ danh từ này dịch nghĩa là “đối diện vật thí”, nhưng không thấy ghi nguyên ngữ. Như vậy, hiểu theo nghĩa này là “tài sản được bố thí trong hiện tại”. Các bản trước đây đều hiểu chữ tăng trong tăng-man là chỉ chư tăng, vì câu tiếp theo nói đến Phật. Nhưng như vậy thì chữ man (鬘 – mái tóc mượt) ở đây hoàn toàn không có nghĩa.

*Thường khởi lòng hoan hỷ,
Ất sanh cõi Bất Động.*

*Nếu vì kinh điển này,
Mang thân thể, tài vật,
Cúng dường người thuyết pháp,
Ất sanh cõi Bất Động.*

*Nếu nghe rồi sao chép,
Thọ trì và tụng đọc,
Nghĩa sâu kín Phật dạy,
Ất sanh cõi Bất Động.*

Lúc ấy, Bồ Tát Vô Úy bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nay con đã biết được những nghiệp duyên tốt đẹp để sanh về cõi Bất Động.

“Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đúc Vương vì thương xót khắp cả chúng sanh nên đã có lời thưa hỏi. Nếu Như Lai giảng thuyết việc ấy ắt có thể làm lợi ích, an lạc cho lời người và chư thiên cùng các loài *a-tu-la*, *càn-thát-bà*, *ca-lâu-la*, *khẩn-na-la*, *ma-hầu-la-già*.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền bảo Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đúc Vương: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Đối với việc này ông nên hết lòng lắng nghe. Nay ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng thuyết. Có những trường hợp: vì có nhân duyên nên *chưa đến [là] không đến*; vì có nhân duyên nên *đến [cũng là] không đến*; vì có nhân duyên nên *không đến [cũng là] đến*; vì có nhân duyên nên *đến [là] đến*.

“Do nhân duyên gì mà *chưa đến [là] không đến?* Thiện nam tử! Nói *không đến* đó là nói kẻ phàm phu chưa đến được Đại Niết-bàn vì có những sự tham dục, sân khuể, ngu si; vì các nghiệp thân, miệng chẳng trong sạch; vì nhận lãnh hết thấy những vật bất tịnh, phạm bốn tội nặng, chê bai phỉ báng kinh Phương đẳng, làm kẻ *nhất-xiển-đề* dứt mất lòng tin, phạm vào năm tội nghịch. Vì những nghĩa ấy nên [họ] *chưa đến [là] không đến*.

“Thiện nam tử! Do nhân duyên gì mà *không đến [cũng là] đến?* Không đến đó gọi là Đại Niết-bàn. Vì nghĩa gì mà [nói là] đến [được Đại Niết-bàn]? Đó là vì đã dứt hẳn tham dục, sân khuể, ngu si và những nghiệp ác của thân, của miệng; vì không nhận lãnh hết thấy những vật bất tịnh; vì không phạm vào bốn tội nặng; vì không chê bai phỉ báng kinh *Phương đẳng*; vì không làm kẻ *nhất-xiển-đề* đoạn dứt niềm tin; vì không tạo năm tội nghịch. Vì những nghĩa ấy nên gọi là *không đến [cũng là] đến*.

“Hàng *Tu-đà-hoàn* tuy chưa đến nhưng trải qua tám vạn kiếp thì đến; hàng *Tu-đà-hàm* trải qua sáu vạn kiếp thì đến; hàng *A-na-hàm* trải qua bốn vạn kiếp thì đến; hàng *A-la-hán* trải qua hai vạn kiếp thì đến; hàng Phật *Bích-chi* trải qua một vạn kiếp thì đến. Vì nghĩa ấy nên gọi là *không đến [cũng là] đến*.

“Thiện nam tử! Vì nhân duyên gì mà *đến [cũng là] không đến?* [Chỗ] đến đó gọi là *hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu*. Tất cả chúng sanh thường bị vô lượng phiền não trói buộc, che lấp, không ra khỏi được sự luân chuyển đến đi trong các cảnh giới ấy, như cái bánh xe quay tròn mãi, nên gọi đó là [chỗ] đến. Hàng Thanh văn, Duyên

giác và các vị Bồ Tát đều đã vĩnh viễn dứt trừ [sự luân chuyển trong các cõi ấy] nên gọi là *không đến*. Nhưng vì muốn hóa độ chúng sanh nên thị hiện vào trong đó, cũng gọi là *đến*. [Vì nghĩa ấy nên nói rằng *đến cũng là không đến*.]

“Thiện nam tử! Vì nhân duyên gì mà *đến [là] đến?* [Chỗ] *đến* đó tức là *hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu*. Hết thấy phàm phu, từ *Tu-đà-hoàn* cho đến *A-na-hàm*, vì nhân duyên phiền não nên gọi rằng *đến [là] đến [chỗ ấy]*.

“Thiện nam tử! [Về ý nghĩa] nghe được những điều không [thể] nghe cũng là như vậy. Có các trường hợp *không nghe [cũng là] nghe, không nghe [là] không nghe, nghe [cũng là] không nghe và nghe [là] nghe*.

“Thế nào là *không nghe [cũng là] nghe?* Thiện nam tử! *Không nghe* đó, gọi là *Đại Niết-bàn*. Vì sao [nói là] *không nghe?* Vì không phải pháp hữu vi, vì không phải âm thanh, vì không thể thuyết giảng. [Nhưng] vì sao *cũng là nghe?* Vì nghe được các danh xưng [của *Đại Niết-bàn*] như là *thường, lạc, ngã, tịnh*. Vì nghĩa ấy nên gọi rằng *không nghe [cũng là] nghe*.”

Lúc ấy, Bồ Tát *ma-ha-tát* Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Như Phật có nói, *Đại Niết-bàn* không thể nghe được, vì sao lại nói rằng *thường, lạc, ngã, tịnh* là có thể nghe được?

“Vì sao vậy? Thế Tôn! Người dứt trừ phiền não gọi là đạt được *Niết-bàn*, chưa dứt trừ thì gọi là không đạt được [Niết-bàn]. Vì nghĩa ấy nên tánh của *Niết-bàn* trước vốn là không mà sau thành có. Nếu pháp thế gian trước vốn

là không mà nay thành có ắt phải gọi là *vô thường*. Ví như các loại bình chứa... trước vốn là không, sau lại thành có, đã có rồi sau lại [hư hoại] thành không, nên gọi là *vô thường*. *Niết-bàn* nếu cũng như thế thì sao lại nói là *thường, lạc, ngã, tịnh*?

“Lại nữa, bạch Thế Tôn! Thường thì hết thấy những việc do nhân duyên tu tập [trang nghiêm] mà thành đều gọi là *vô thường*. *Niết-bàn* nếu cũng như thế thì lẽ ra là *vô thường*. Là những nhân duyên gì [thành tựu *Niết-bàn*]? Đó là *ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu pháp ba-la-mật, bốn tâm vô lượng*; là pháp quán tưởng tướng xương trắng, là pháp quán đếm hơi thở, là *sáu niệm xứ*, là phân tích chia chẻ sáu đại...¹ Những pháp như vậy đều là nhân duyên tạo thành *Niết-bàn*, cho nên [*Niết-bàn*] gọi là *vô thường*.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn! Sự hiện hữu gọi là *vô thường*. Nếu như *Niết-bàn* là hiện hữu, thì lẽ ra phải là *vô thường*. Như trước đây Phật có dạy trong kinh *A-hàm*: ‘Hàng Thanh văn, Duyên giác, các đức Phật Thế Tôn đều có *Niết-bàn*.’ Do nơi nghĩa ấy nên [*Niết-bàn*] gọi là *vô thường*.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các pháp có thể nhìn thấy được gọi là *vô thường*. Như trước đây Phật có dạy: ‘Người nào thấy được *Niết-bàn* ắt đoạn trừ hết thấy phiền não.’

“Lại nữa, bạch Thế Tôn! Ví như hư không, đối với hết thấy chúng sanh đều bình đẳng không chướng ngại, nên gọi là *thường*. Nếu *Niết-bàn* là *thường* và bình đẳng, vì sao chúng sanh lại có kẻ được, người không được? *Niết-*

¹ Sáu đại: sáu chất lớn, gồm tứ đại: địa, thủy, hỏa, phong, thêm vào hai đại nữa là không và thức. Theo vũ trụ quan này thì tất cả các sự vật hữu tình, vô tình đều do nơi sáu đại này tạo thành.

bàn nếu là như thế, đối với chúng sanh không bình đẳng như nhau, ắt không thể gọi là thường.

“Thế Tôn! Ví như có trăm người cùng oán hận một người. Nếu kẻ bị oán hận ấy bị hại, ắt có nhiều người được vui. Nếu như *Niết-bàn* là pháp bình đẳng thì khi một người đạt được, lẽ ra cũng có nhiều người được; khi một người dứt trừ những sự trói buộc, lẽ ra cũng có nhiều người được dứt trừ. Nếu không phải như vậy, làm sao gọi là thường?”

“Ví như có người cung kính cúng dường, tôn trọng, ca ngợi vị quốc vương hay vương tử, cha mẹ, sư trưởng... người ấy ắt được sự lợi dưỡng. [Việc] như vậy không gọi là thường. *Niết-bàn* cũng giống như vậy nên không gọi là thường. Vì sao vậy? Như Phật trước đây trong kinh *A-hàm* có dạy *A-nan* rằng: “Nếu ai thường cung kính *Niết-bàn* thì người ấy dứt trừ được phiền não trói buộc, thọ hưởng niềm vui vô lượng.’ Do nơi nghĩa ấy nên không gọi là thường.

“Bạch Thế Tôn! Nếu trong *Niết-bàn* có những danh xưng như *thường, lạc, ngã, tịnh* thì không gọi là thường. Còn như không có [những danh xưng ấy] thì [*Niết-bàn*] làm sao có thể thuyết giảng?”

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo Bồ Tát *ma-ha-tát* Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương: “Thực thể của *Niết-bàn* chẳng phải trước là không mà sau thành có. Nếu thực thể của *Niết-bàn* là trước không sau có thì ắt không phải pháp *vô lậu* thường trụ. Dù có Phật hay không có Phật thì tánh và tướng [của *Niết-bàn*] vẫn là thường trụ, chỉ vì chúng sanh bị phiền não che lấp nên không thấy được *Niết-bàn*, liền nói là không có. Hàng Bồ Tát *ma-ha-tát* dùng *giới, định, tuệ*, chuyên cần tu sửa trong tâm, khi

dứt hết phiền não rồi liền thấy được *Niết-bàn*. [Vì thế] nên biết rằng *Niết-bàn* là pháp thường trụ, chẳng phải là trước vốn không mà sau thành có; vì thế nên gọi [*Niết-bàn*] là *thường*.

“Thiện nam tử! Ví như dưới giếng nước trong căn nhà tối, có đủ bảy báu. Người ta cũng biết là có, nhưng vì tối nên không nhìn thấy. Người khôn ngoan khéo biết phương cách liền thắp lên ngọn đèn lớn, mang đến soi sáng, thấy được tất cả. Người ấy đối với việc đó không hề nghĩ rằng: ‘Nước và bảy món báu trước là không mà nay thành có.’

“*Niết-bàn* cũng như thế, vốn luôn sẵn có, chẳng phải đến nay mới có. Vì phiền não tối tăm nên chúng sanh không thấy. Bạc Như Lai trí tuệ lớn lao khéo dùng phương tiện, thắp lên ngọn đèn trí tuệ, khiến cho các vị Bồ Tát thấy được *Niết-bàn*, *thường*, *lạc*, *ngã*, *tịnh*. Vì thế, người có trí tuệ đối với *Niết-bàn* không nên nói rằng trước vốn là không mà nay mới có.

“Thiện nam tử! Ông nói rằng do nhân duyên tu tập [trang nghiêm] mà được thành tựu *Niết-bàn*, nên [*Niết-bàn*] là vô thường. Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy?

“Thiện nam tử! Thực thể của *Niết-bàn* là chẳng phải sanh ra, chẳng phải xuất hiện, chẳng phải chân thật, chẳng phải hư dối; không do sự tạo tác các nghiệp mà sanh, [nên] không phải là pháp *hữu lậu*, *hữu vi*.

“*Niết-bàn* cũng không phải nghe, không phải thấy; không sa đọa, không chết mất; không phải tướng riêng biệt, cũng không phải tướng tương đồng. *Niết-bàn* cũng không đi qua, không trở lại; không phải quá khứ, tương lai hay hiện tại; không phải duy nhất cũng không phải

hiều; không dài, không ngắn, không tròn, không vuông, không sắc nhọn, không tà lệch; không phải có tướng, cũng không phải không có tướng; không phải tên gọi, không phải hình sắc; không phải nhân, không phải quả; không phải ta và vật của ta.

“Vì những nghĩa ấy nên *Niết-bàn* là thường còn không hề biến chuyển, thay đổi. [Nhưng] phải dùng sự tu tập các pháp lành trong vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp để trang nghiêm tự thân rồi sau mới thấy được *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Ví như dưới lòng đất có [mạch] nước đủ tám vị¹ nhưng chúng sanh chẳng ai lấy được. Người có trí tuệ liền ra công đào xuyên qua đất, lấy được [mạch] nước ấy. *Niết-bàn* cũng giống như thế.

“Ví như người mắt mù không thấy được mặt trời, mặt trăng. Nhờ thầy thuốc điều trị rồi liền thấy được. Nhưng mặt trời, mặt trăng ấy không phải trước vốn là không mà nay thành có. *Niết-bàn* cũng thế, từ trước vẫn tự sẵn có, không phải đến nay mới có.

“Thiện nam tử! Ví như người có tội, bị trói giữ trong ngục tù, lâu lắm mới được thả ra. Khi trở về nhà liền thấy được cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc. [Những cha mẹ, anh em... đó thật không phải trước vốn là không mà nay thành có.] *Niết-bàn* cũng là như thế.

“Thiện nam tử! Ông nói rằng *Niết-bàn* là do nhân duyên mà có được nên lẽ ra phải là vô thường. Điều này cũng không đúng. Vì sao vậy?

¹ Nước có tám vị, hay tám công đức, đó là: 1. Trừng tịnh: lắng gạn trong sạch; 2. Thanh lãnh: trong trẻo mát lạnh; 3. Cam mỹ: mùi vị ngon ngọt; 4. Khinh nhuận: nhẹ nhàng mềm mại; 5. Nhuận trạch: thấm nhuần tươi mát; 6. An hòa: yên ổn hòa nhã; 7. Trừ được đói khát và vô số khổ não; 8. Trưởng dưỡng thân tứ đại, tăng trưởng các thiện căn.

“Thiện nam tử! Có năm loại nguyên nhân. Những gì là năm? Một là nguyên nhân sanh ra, hai là nguyên nhân hòa hợp, ba là nguyên nhân tồn tại, bốn là nguyên nhân tăng trưởng, năm là nguyên nhân bên ngoài.

“Thế nào là nguyên nhân sanh ra? Nguyên nhân sanh ra tức là các thứ nghiệp phiền não [trong tâm], các loại hạt giống cây cỏ bên ngoài. Những thứ ấy gọi là nguyên nhân sanh ra.

“Thế nào là nguyên nhân hòa hợp? Như tâm thiện với tâm thiện cùng hòa hợp; tâm bất thiện với tâm bất thiện cùng hòa hợp, tâm vô ký với tâm vô ký cùng hòa hợp. Đó gọi là nguyên nhân hòa hợp.

“Thế nào là nguyên nhân tồn tại? Như nhờ có những cây cột chống giữ bên dưới nên mái nhà không sập; núi sông, cây cối, nhờ có mặt đất chống giữ nên mới đứng vững; trong thân chúng sanh có bốn đại với vô lượng phiền não nên mới tồn tại. Đó gọi là nguyên nhân tồn tại.

“Thế nào là nguyên nhân tăng trưởng? Như nhờ có các điều kiện quần áo, thức ăn uống... nên chúng sanh mới tăng trưởng. Như các hạt giống ngoài trời nếu không bị lửa thiêu cháy, không bị chim ăn mất... thì mới được tăng trưởng. Như các vị *sa-môn*, *bà-la-môn* nhờ nương theo hòa thượng, thiện tri thức mà được tăng trưởng. Như con nhờ cha mẹ mà được tăng trưởng. Đó gọi là nguyên nhân tăng trưởng.

“Thế nào là nguyên nhân [khác] từ bên ngoài? Ví như nhờ có thần chú mà ma quỷ, chất độc đều không thể làm hại; như nhờ vị quốc vương mà không có giặc cướp; như hạt nảy mầm nhờ các điều kiện: đất, nước, độ ẩm, không khí...

“Như để làm ra món bơ sữa thì cần phải có nước, sự khuấy đảo, công người làm, đó là nguyên nhân [khác] bên ngoài. Như ánh sáng, hình sắc... là nguyên nhân bên ngoài của nhãn thức. Như tinh huyết cha mẹ là nguyên nhân bên ngoài của chúng sanh. Như các điều kiện thời tiết đều gọi là nguyên nhân bên ngoài.

“Thiện nam tử! Thực thể của *Niết-bàn* chẳng phải do năm loại nguyên nhân như vậy mà thành, sao lại nói rằng *Niết-bàn* là vô thường?

“Thiện nam tử! Lại có hai loại nguyên nhân, một là nguyên nhân tạo thành, hai là nguyên nhân làm rõ. Như các dụng cụ vòng, dây... của người thợ làm đồ gốm, đó gọi là nguyên nhân tạo thành. Như đèn, đuốc... soi sáng những vật trong chỗ tối, đó gọi là nguyên nhân làm rõ.

“Thiện nam tử! Đại *Niết-bàn* không do nhân tạo thành mà có, chỉ do nhân làm rõ [để thấy được]. Nhân làm rõ *Niết-bàn* là *ba mươi bảy pháp trợ đạo, sáu pháp ba-la-mật*... Đó gọi là nguyên nhân làm rõ, [vì nhân đó mà thấy được *Niết-bàn*.]

“Thiện nam tử! Bồ thí là nhân *Niết-bàn*, chẳng phải là nhân Đại *Niết-bàn*. Pháp *Bồ thí ba-la-mật* mới được gọi là nhân Đại *Niết-bàn*. Ba mươi bảy phẩm là nhân *Niết-bàn*, chẳng phải là nhân Đại *Niết-bàn*. Vô lượng vô số pháp trợ *Bồ-đề* mới được gọi là nhân Đại *Niết-bàn*.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN HAI MƯƠI MỐT

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN HAI MƯƠI HAI

PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG

Phẩm thứ mười – Phần hai

Ấy giờ, Bồ Tát *ma-ha-tát* Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Bồ thí thế nào không được gọi là Bồ thí *ba-la-mật*? Bồ thí thế nào được gọi là Bồ thí *ba-la-mật*? Tương tự cho đến *Bát-nhã ba-la-mật*,¹ thế nào không được gọi là *Bát-nhã ba-la-mật*? Thế nào được gọi là *Bát-nhã ba-la-mật*? Thế nào gọi là *Niết-bàn*? Thế nào gọi là *Đại Niết-bàn*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Hàng Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hành kinh *Phương đẳng Đại Bát Niết-bàn* không nghe đến bồ thí, không thấy có bồ thí, không nghe đến Bồ thí *ba-la-mật*, không thấy có Bồ thí *ba-la-mật*, cho đến không nghe *Bát-nhã*, không thấy có *Bát-nhã*, không nghe *Bát-*

¹ Tương tự cho đến *Bát-nhã ba-la-mật*: Câu này nói tóm lại, có nghĩa là thừa hỏi tương tự như vậy về cả sáu pháp *ba-la-mật*, từ Bồ thí *ba-la-mật*, Trì giới *ba-la-mật*, Tinh tấn *ba-la-mật*, Nhẫn nhục *ba-la-mật*, Thiên định *ba-la-mật* cho đến *Bát-nhã ba-la-mật*.

nhã ba-la-mật, không thấy có *Bát-nhã ba-la-mật*; không nghe đến *Niết-bàn*, không thấy có *Niết-bàn*, không nghe đến Đại *Niết-bàn*, không thấy có Đại *Niết-bàn*.

“Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hành Đại *Niết-bàn*, thấy biết pháp giới, hiểu rõ tướng chân thật vốn là *không*, không có vật sở hữu, không có các tướng tri giác hòa hợp; đạt đến chỗ thấy được các tướng vô lậu, tướng không tạo tác, tướng như ảo hóa, tướng như hơi nắng nóng, như cảnh thành biến hóa mà có, tướng rỗng không.

“Khi Bồ Tát thấy được những tướng như vậy thì không còn có *tham, sân, si*; không nghe, không thấy. Đó gọi là tướng chân thật của Bồ Tát *ma-ha-tát*.

“Bồ Tát trụ yên nơi tướng chân thật liền tự biết phân biệt: đây là bố thí, đây là Bố thí *ba-la-mật*, cho đến đây là *Bát-nhã*, đây là *Bát-nhã ba-la-mật*; đây là *Niết-bàn*, đây là Đại *Niết-bàn*...

“Thiện nam tử! Thế nào là bố thí, không phải [Bố thí] *ba-la-mật*? Thấy có người đến xin rồi sau mới cho, đó gọi là bố thí, không phải [Bố thí] *ba-la-mật*. Nếu người không đến xin mà tự mình mở rộng lòng cho, đó gọi là Bố thí *Ba-la-mật*.

“Nếu thường bố thí theo thời gian [có gián đoạn], đó cũng gọi là bố thí, không phải [Bố thí] *ba-la-mật*. Như tu tập trong tâm lúc nào cũng bố thí, đó gọi là Bố thí *Ba-la-mật*.

“Nếu bố thí cho người khác rồi sanh lòng tiếc nuối, đó gọi là bố thí, không phải là [Bố thí] *ba-la-mật*. Bố thí rồi không hề tiếc nuối, đó gọi là Bố thí *ba-la-mật*.

“Hàng Bồ Tát *ma-ha-tát* quán xét rằng giữ lấy tài vật thì sanh ra bốn điều lo sợ: một là sợ vua quan thu mất, hai là sợ giặc cướp lấy mất, ba là sợ nước lụt cuốn mất, bốn là sợ nạn lửa thiêu mất. [Quán xét như vậy rồi] liền hoan hỷ bố thí cho kẻ khác, đó gọi là Bố thí *ba-la-mật*.

“Nếu bố thí mà mong cầu được báo đáp thì gọi là bố thí, không phải [Bố thí] *ba-la-mật*. Bố thí không mong cầu báo đáp, đó gọi là Bố thí *Ba-la-mật*.

“Nếu bố thí vì sự khiếp sợ, vì cầu được danh tiếng, lợi dưỡng, vì cầu cho phép nhà truyền nối chẳng dứt, vì mong cầu năm món dục ở cõi trời, hoặc vì lòng kiêu mạn, vì muốn hơn kẻ khác, vì tình quen biết, vì cầu được báo đáp... [những cách bố thí như vậy] đều chỉ giống như sự đổi chác nơi chợ búa mà thôi!¹

“Thiện nam tử! Như người trồng cây là vì muốn có bóng mát, vì muốn được hoa quả, hoặc để có cây gỗ. Nếu người tu hành bố thí theo những cách như vậy thì gọi là bố thí, không phải là [Bố thí] *ba-la-mật*.

“Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hành pháp *Đại Niết-bàn* này không thấy có người bố thí, không thấy có người thọ nhận [vật bố thí], không thấy có tài vật bố thí; không thấy có thời điểm thích hợp hay không thích hợp; không thấy [người nhận bố thí] là phước điền hay không phải phước điền; không thấy có nhân, không thấy có duyên, không thấy có quả báo; không thấy có người tạo tác, không thấy có kẻ thọ nhận; không thấy là nhiều, không thấy là ít; không thấy là trong sạch hay không trong sạch; không khinh

¹ Vì đưa cái này ra để mong có được cái kia nên chỉ là sự đổi chác, trao đổi.

thường người thọ nhận, không khinh thường thân mình hay tài vật; không thấy có người thấy hay người không thấy; chẳng phân biệt mình và người khác; chỉ vì pháp thường trụ *Phương đẳng Đại Bát Niết-bàn* nên tu hành bố thí. Vì lợi ích hết thảy chúng sanh nên thực hành bố thí. Vì dứt trừ phiền não của tất cả chúng sanh nên thực hành bố thí. Vì chúng sanh nên thực hành việc bố thí mà không thấy có kẻ thọ nhận, có người bố thí và tài vật bố thí.

“Thiện nam tử! Như người rơi xuống biển sâu, ôm lấy xác chết mà được thoát nạn. Bồ Tát *ma-ha-tát* tu pháp *Đại Niết-bàn* thực hành việc bố thí cũng vậy, giống như người ôm lấy xác chết kia.

“Thiện nam tử! Như người bị nhốt trong ngục kín, cửa nẻo kiên cố, chỉ có một lỗ trống nơi nhà xí, liền chui theo lỗ ấy mà thoát ra, không còn bị giam cầm. Bồ Tát *ma-ha-tát* tu pháp *Đại Niết-bàn* thực hành việc bố thí cũng vậy, [giống như người chui theo lỗ trống ở nhà xí kia.]

“Thiện nam tử! Như người thuộc dòng quý tộc, gặp nạn khủng bố cấp bách, không có chỗ nương cậy, phải nương theo kẻ hạ tiện dòng *chiên-đà-la*. Bồ Tát *ma-ha-tát* tu pháp *Đại Niết-bàn* thực hành việc bố thí cũng vậy, [giống như người quý tộc nương theo kẻ hạ tiện kia].

“Thiện nam tử! Như người có bệnh, vì muốn dứt bệnh khổ, được an vui, nên phải uống loại thuốc như nhớp. Bồ Tát *ma-ha-tát* tu pháp *Đại Niết-bàn* thực hành việc bố thí cũng vậy, [giống như người bệnh phải uống loại thuốc như nhớp kia].

“Thiện nam tử! Như người *bà-la-môn* gặp lúc cơm gạo đất đỏ, vì sự sống nên phải ăn thịt chó. Bồ Tát *ma-ha-*

tát tu pháp Đại Niết-bàn thực hành việc bố thí cũng vậy, [giống như người bà-la-môn bắt đực dī phải ăn thịt chó kia].

“Thiện nam tử! Trong Đại Niết-bàn, những việc như vậy từ vô lượng kiếp tới nay, không [thể] nghe mà được nghe. Về giới luật và Trì giới *ba-la-mật*, cho đến *bát-nhã* và *Bát-nhã ba-la-mật*, ta đã giảng rộng trong kinh *Hoa nghiêm*.¹

“Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hành pháp Đại Niết-bàn được nghe những điều không [thể] nghe? *Mười hai bộ kinh*, nghĩa lý thâm thúy, xưa nay chưa từng nghe, nay nhân nơi kinh này mà được nghe đầy đủ. Trước đây dù có được nghe cũng chỉ được nghe tên kinh mà thôi, nay ở kinh Đại Niết-bàn này mới được nghe ý nghĩa. Hàng Thanh văn và Duyên giác chỉ nghe tên gọi *Mười hai bộ kinh* chứ không được nghe nghĩa lý, nay ở nơi kinh này được nghe đầy đủ. Đó gọi là không [thể] nghe mà được nghe.

“Thiện nam tử! Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác đều chưa từng nghe trong kinh nói rằng Phật có những đức *thường, lạc, ngã, tịnh*, không dứt bỏ tất cả mà nhập diệt; rằng *Tam bảo* và tánh Phật không có tướng khác biệt; rằng những kẻ phạm *bốn tội nặng*, phỉ báng kinh *Phương đẳng*, tạo năm tội nghịch và những kẻ *nhất-xiển-đề*, thầy đều có tánh Phật. Nay ở nơi kinh này được nghe đủ những điều ấy. Đó gọi là không [thể] nghe mà được nghe.”²

¹ Nguyên bản dùng “Tạp hoa kinh”, là tên gọi khác của kinh Hoa nghiêm.

² Theo Nam bản thì từ đây dứt quyển 19, bắt đầu quyển 20, phần thứ hai của phẩm Cao Quý Đức Vương Bồ Tát (Cao Quý Đức Vương Bồ Tát phẩm chi nhị).

Lúc ấy, Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu những kẻ phạm giới cấm nặng, phỉ báng kinh *Phương đẳng*, tạo năm tội nghịch và những kẻ *nhất-xiển-đề* đều có tánh Phật, vì sao cũng phải đọa vào địa ngục?”

“Bạch Thế Tôn! Nếu những kẻ ấy có tánh Phật, vì sao lại nói rằng họ không có *thường, lạc, ngã, tịnh*?”

“Bạch Thế Tôn! Nếu như dứt mất căn lành mới gọi là *nhất-xiển-đề*, vậy khi dứt mất căn lành thì tánh Phật sẵn có sao không dứt mất? Nếu tánh Phật bị dứt mất, vì sao lại nói [tánh Phật] là *thường, lạc, ngã, tịnh*? Như tánh Phật không bị dứt mất, vì sao lại gọi đó là *nhất-xiển-đề*?”

“Bạch Thế Tôn! Phạm vào *bốn giới cấm nặng* gọi là không nhất định.¹ Phỉ báng kinh *Phương đẳng*, tạo năm tội nghịch và những kẻ *nhất-xiển-đề*, thảy đều là không nhất định. Những kẻ như thế nếu là nhất định thì làm sao được thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*? Bạc chứng đắc các quả vị *Tu-đà-hoàn* cho đến quả vị Phật *Bích-chi*² cũng đều là không nhất định. Nếu bậc *Tu-đà-hoàn* cho đến *Bích-chi* Phật là nhất định, thì lẽ ra không thể thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Bạch Thế Tôn! Nếu kẻ phạm *bốn tội trọng* là không nhất định, thì từ bậc *Tu-đà-hoàn* cho đến Phật *Bích-chi* cũng là không nhất định. [Nếu những quả vị này] đã là không nhất định như vậy, thì chư Phật Như Lai cũng là

¹ Nhất định: ở đây dùng để chỉ một tình trạng, trạng thái cố định, nghĩa là xác định chắc chắn như vậy và mãi mãi không thể thay đổi. Trong các đoạn tiếp theo đây, từ này cũng được dùng với nghĩa như vậy.

² Quả *Tu-đà-hoàn* cho đến quả *Bích-chi* Phật: chỉ chung tất cả các quả vị của Nhị thừa.

không nhất định. Nếu chư Phật là không nhất định, thì thể tánh của *Niết-bàn* cũng là không nhất định; cho đến tất cả pháp cũng là không nhất định. Vì sao không nhất định lại gọi là *nhất-xiển-đề*? Nếu trừ dứt [tánh] *nhất-xiển-đề* ắt sẽ thành Phật đạo. Chư Phật Như Lai lẽ ra cũng vậy, nhập *Niết-bàn* rồi cũng nên trở ra, chẳng nhập *Niết-bàn* [mãi mãi]. Nếu là như vậy, tánh của *Niết-bàn* ắt là không nhất định. Vì không nhất định nên phải biết là không có *thường, lạc, ngã, tịnh*. Vì sao lại nói rằng hạng *nhất-xiển-đề* rồi sẽ chứng đắc *Niết-bàn*?”

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Vì muốn lợi ích cho vô lượng chúng sanh, khiến cho họ được sự an vui; vì lòng từ niệm thương xót thế gian; vì muốn tăng trưởng sự phát tâm *Bồ-đề* của các vị Bồ Tát nên ông mới thưa hỏi như vậy.

“Thiện nam tử! Ông đã thân cận với vô lượng chư Phật Thế Tôn trong quá khứ; đã đối trước chư Phật ấy trông các căn lành, đã thành tựu công đức *Bồ-đề* từ lâu; đã hàng phục chúng ma khiến cho phải thối lui và tan rã; đã giáo hóa vô lượng, vô biên chúng sanh khiến cho tất cả đều đạt đến *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Từ lâu ông đã thông đạt kho tàng giáo pháp sâu kín thăm thẳm của chư Phật Như Lai. Ông đã từng thưa hỏi nghĩa lý sâu kín vi diệu này với vô số chư Phật Thế Tôn trong quá khứ, nhiều như số cát sông Hằng. Ta nhìn khắp trong thế gian, dù là loài người, chư thiên, *sa-môn* hay *bà-la-môn*, hoặc thiên ma hay Phạm thiên, cũng không thấy ai có khả năng thưa hỏi Như Lai nghĩa lý như vậy!

“Nay ông hãy thành tâm lắng nghe cho kỹ! Lắng nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng rõ.

“Thiện nam tử! Những kẻ *nhất-xiển-đề* cũng không phải là nhất định. Nếu là nhất định thì họ chẳng bao giờ có thể chứng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì không nhất định nên họ mới có thể chứng đắc [*A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*].

“Như ông hỏi rằng: Tánh Phật không dứt mất, vì sao kẻ *nhất-xiển-đề* dứt mất căn lành? Thiện nam tử! Căn lành có hai loại, một là ở trong, hai là ở ngoài. Tánh Phật là chẳng ở trong, chẳng ở ngoài. Vì nghĩa ấy nên tánh Phật không dứt mất. [Căn lành] lại có hai loại, một là *hữu lậu*, hai là *vô lậu*. Tánh Phật chẳng phải *hữu lậu*, chẳng phải *vô lậu* nên không dứt mất. [Căn lành] lại có hai loại: một là *thường*, hai là *vô thường*. Tánh Phật chẳng phải *thường*, chẳng phải *vô thường* nên không dứt mất. Nếu là dứt mất, ắt phải [có thể] có lại. Nếu không thể có lại thì gọi là không dứt mất. Nếu dứt mất rồi [có thể] có lại thì gọi là *nhất-xiển-đề*.

“Những kẻ phạm *bốn tội nặng* cũng là không nhất định. Nếu là nhất định thì họ không bao giờ có thể chứng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Những kẻ phỉ báng kinh *Phương đẳng* cũng là không nhất định. Nếu là nhất định thì những kẻ phỉ báng Chánh pháp không bao giờ có thể chứng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Những kẻ tạo *năm tội nghịch* cũng là không nhất định. Nếu là nhất định thì họ không bao giờ có thể chứng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“*Sắc và tướng của sắc*, hai thứ ấy đều là không nhất định. Các tướng của mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm, tướng sanh ra cho đến tướng vô minh, các tướng của *ám, nhập, giới, hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu*, bốn cách sanh,¹ cho đến tất cả pháp cũng đều là không nhất định.

“Thiện nam tử! Ví như nhà ảo thuật ở giữa công chúng hóa hiện ra bốn loại quân binh: quân dùng xe, quân đánh bộ, quân dùng voi, quân cưỡi ngựa. Người ấy cũng hóa ra mọi thứ râu chuỗi trang sức; hóa ra thành ấp, làng xóm, núi rừng, cây cối, ao, suối, sông, giếng... Trong số người xem có những trẻ con chưa đủ trí khôn, thấy vậy đều cho là thật, nhưng người trí đều biết rằng đó chỉ là chuyện hư dối, do nhà ảo thuật kia dùng kỹ xảo mà che mắt, dối gạt người xem đó thôi.

“Thiện nam tử! Hết thầy phàm phu cho đến hàng Thanh văn và Phật *Bích-chi* cũng là như vậy. Họ thấy tất cả các pháp đều có tướng nhất định; nhưng chư Phật, Bồ Tát đối với tất cả các pháp đều không thấy có tướng nhất định.

“Thiện nam tử! Ví như trẻ con, vào mùa hè nhìn thấy hơi nắng nóng bốc lên [lung linh] liền tưởng đó là nước. Người trí đối với hơi nắng nóng đó không bao giờ có ý tưởng cho rằng đó thật là nước, chẳng qua chỉ là những ảnh tượng hư dối do mắt nhìn thấy mà thôi, không phải thật là nước.

“Hết thầy phàm phu, Thanh văn, Duyên giác nhìn thấy

¹ Bốn cách sanh (tứ sanh): chỉ bốn phương cách, bốn hình thức mà tất cả chúng sanh theo đó được sanh ra. Một là sanh ra từ bào thai (thai sanh), hai là sanh ra từ trứng (noãn sanh), ba là sanh ra từ sự ẩm ướt (thấp sanh) và bốn là do sự biến hóa mà sanh ra (hóa sanh).

tất cả các pháp cũng giống như đứa trẻ con kia, đều cho đó là thật. Chư Phật, Bồ Tát đối với tất cả các pháp đều không thấy có tướng nhất định.

“Thiện nam tử! Ví như trong khe núi, nhân có âm thanh phát ra liền có tiếng vang dội lại. Trẻ con nghe tiếng vang đó cho là âm thanh thật. Người trí biết rằng đó không phải tướng thật nhất định, chỉ là tướng hư dối của âm thanh do tai nghe như vậy mà thôi.

“Thiện nam tử! Hết thấy phàm phu, Thanh văn, Duyên giác đối với tất cả các pháp cũng giống như đứa trẻ kia, đều thấy có tướng nhất định. Chư Bồ Tát hiểu rõ các pháp đều không có tướng nhất định, thấy được các tướng vô thường, rỗng không vắng lặng, không sanh không diệt. Vì nghĩa ấy, các vị Đại Bồ Tát thấy tất cả pháp đều là tướng vô thường.

“Thiện nam tử! Thật cũng có tướng nhất định. Vì sao là nhất định? [Vì có] *thường, lạc, ngã, tịnh*. Những tướng ấy ở đâu? Đó là nói [nơi cảnh giới] *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Quả *Tu-đà-hoàn* cũng là không nhất định. Vì không nhất định nên trải qua tám vạn kiếp sẽ được tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Quả *Tu-đà-hàm* cũng là không nhất định. Vì không nhất định nên trải qua sáu vạn kiếp sẽ được tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Quả *A-na-hàm* cũng là không nhất định. Vì không nhất định nên trải qua bốn vạn kiếp sẽ được tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Quả *A-la-hán* cũng là không nhất định. Vì không nhất định nên trải qua hai vạn kiếp sẽ được tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Quả Phật *Bích-chi* cũng là không nhất định. Vì không nhất định nên trải qua một vạn kiếp sẽ được tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Nay đức Như Lai ở tại thành *Câu-thi-na*, giữa hai cây *sa-la* mọc sóng đôi thị hiện nằm trên giường sư tử sắp nhập *Niết-bàn*, khiến cho những đệ tử chưa đắc quả *A-la-hán* và những người họ *Lục-sĩ* thấy đều sanh lòng đau buồn khổ não; lại cũng khiến cho chư thiên, nhân loại và các loài *a-tu-la*, *càn-thát-bà*, *ca-lâu-la*, *khẩn-na-la*, *ma-hầu-la-già* đều thiết lễ cúng dường long trọng, muốn dùng một ngàn khúc vải lụa mịn mà quấn quanh thân Phật, dùng bảy báu làm quan tài chứa đầy dầu thơm, dùng những cây gỗ thơm đốt lửa để thiêu cháy hết. Nhưng sẽ có hai khúc vải lụa không bị thiêu cháy, một khúc vải lụa quấn [trong cùng sát] quanh thân Phật và một khúc vải lụa quấn ở ngoài cùng. Lại sẽ vì chúng sanh mà phân chia *xá-lợi* của Phật ra làm tám phần. Khi ấy, tất cả hàng đệ tử Thanh văn của Phật đều nói: ‘Như Lai đã nhập *Niết-bàn*.’

“Nên biết rằng Như Lai cũng không nhất định là đã nhập *Niết-bàn*. Vì sao vậy? Vì Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi. Vì nghĩa ấy nên sự nhập *Niết-bàn* của Như Lai cũng là không nhất định.

“Thiện nam tử! Nên biết rằng Như Lai cũng là không nhất định. Như Lai chẳng thuộc hàng chư thiên. Vì sao vậy? Có bốn loại chư thiên: một là chư thiên ở thế gian.

Hai là sanh về các cõi trời thành chư thiên. Ba là tu hành thanh tịnh thành chư thiên. Bốn là hiểu nghĩa chân thật thành chư thiên.

“Chư thiên ở thế gian, đó là các vị vua chúa. Chư thiên sanh ở các cõi trời, đó là những chúng sanh được sanh về các cõi trời từ *Tứ thiên vương* cho đến cõi trời *Phi hữu tướng phi vô tướng*. Tu hành thanh tịnh thành chư thiên, đó là những vị chúng đắc từ quả vị *Tu-đà-hoàn* cho đến quả vị Phật *Bích-chi*. Hiểu nghĩa chân thật được thành chư thiên, đó là các vị Đại Bồ Tát ở hàng *Thập trụ*.

“Vì nghĩa gì mà các vị Bồ Tát *Thập trụ* được gọi là chư thiên hiểu nghĩa? Vì các vị thấu hiểu rõ ràng ý nghĩa của các pháp. Thế nào là ý nghĩa? Là thấy rõ hết thấy các pháp [rốt ráo] đều là nghĩa không.

“Thiện nam tử! Như Lai chẳng phải vua chúa, cũng chẳng phải sanh ở cõi trời *Tứ thiên vương* cho đến cõi trời *Phi hữu tướng phi vô tướng*, cũng chẳng phải *Tu-đà-hoàn* cho đến Phật *Bích-chi*, chẳng phải hàng Bồ Tát *Thập trụ*. Vì nghĩa ấy, Như Lai chẳng thuộc hàng chư thiên.

“Nhưng chúng sanh cũng xưng tụng Phật là bậc *Thiên Trung Thiên*.¹ Do đó, Như Lai tuy chẳng phải chư thiên cũng chẳng phải không là chư thiên; chẳng phải loài người cũng chẳng phải không là loài người; chẳng phải quý cũng chẳng phải không là quý; chẳng phải [chúng sanh ở các cảnh giới] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ cũng chẳng phải không là [chúng sanh ở các cảnh giới] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ; chẳng phải chúng sanh cũng chẳng phải không

¹ Thiên Trung Thiên: bậc cao quý nhất trong hàng chư thiên.

là chúng sanh; chẳng phải pháp cũng chẳng phải không là pháp; chẳng phải sắc cũng chẳng phải không là sắc; chẳng phải cao cũng chẳng phải không cao; chẳng phải thấp cũng chẳng phải không thấp; chẳng phải tướng cũng chẳng phải không là tướng; chẳng phải tâm cũng chẳng phải không là tâm; chẳng phải *hữu lậu* cũng chẳng phải *vô lậu*; chẳng phải *hữu vi* cũng chẳng phải *vô vi*; chẳng phải *thường*, chẳng phải *vô thường*; chẳng phải huyễn ảo cũng chẳng phải không huyễn ảo; chẳng phải danh xưng cũng chẳng phải không là danh xưng; chẳng phải *định* cũng chẳng phải *không định*; chẳng phải có cũng chẳng phải không có; chẳng phải không cũng chẳng phải không không; chẳng phải thuyết, chẳng phải không thuyết; chẳng phải Như Lai, cũng chẳng phải không là Như Lai. Vì nghĩa ấy, Như Lai là không nhất định.

“Thiện nam tử! Vì sao Như Lai không phải là chư thiên ở thế gian? Chư thiên ở thế gian tức là các vị vua chúa. Đức Như lai từ vô lượng kiếp lâu xa trước đây đã xả bỏ ngôi vị vua chúa nên không phải là vua. Nhưng ngài cũng chẳng phải không là vua, vì ngài thật là con vua *Tịnh-phạn*, sanh tại thành *Ca-tỳ-la*.

“Như Lai chẳng phải chư thiên sanh nơi các cõi trời, vì từ lâu ngài đã lìa bỏ các cảnh giới hiện hữu. Ngài cũng chẳng phải không là chư thiên sanh nơi cõi trời. Vì sao vậy? Vì ngài từng [sanh] lên cung trời *Đâu-suất*, từ đó rồi mới xuống cõi *Diêm-phù-đề*. Cho nên Như Lai cũng chẳng phải không là chư thiên sanh nơi cõi trời.

“Ngài cũng chẳng phải do [tu hành] thanh tịnh mà thành chư thiên. Vì sao vậy? Như Lai chẳng phải *Tu-đà-*

hoàn, cho đến chẳng phải Phật *Bích-chi*. Cho nên Như Lai chẳng phải do [tu hành] thanh tịnh mà thành chư thiên. Ngài cũng chẳng phải không do [tu hành] thanh tịnh mà thành chư thiên. Vì sao vậy? Vì tám pháp thế gian không thể ô nhiễm được ngài, như hoa sen không nhiễm bùn nhơ. Cho nên Như Lai chẳng phải không do [tu hành] thanh tịnh mà thành chư thiên.

“Như Lai cũng chẳng phải do hiểu nghĩa chân thật mà thành chư thiên. Vì sao vậy? Vì Như Lai chẳng phải là hàng Bồ Tát *Thập trụ*, nên Như Lai chẳng phải là do hiểu nghĩa chân thật mà thành chư thiên. Ngài cũng chẳng phải không do hiểu nghĩa chân thật mà thành chư thiên. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường tu *Mười tám nghĩa không*.¹ Cho nên Như Lai chẳng phải không do hiểu nghĩa chân thật mà thành chư thiên.

“Như Lai chẳng phải [thuộc loài] người. Vì sao vậy? Vì từ vô lượng kiếp lâu xa trước đây Như Lai đã lìa khỏi cõi người, cho nên ngài chẳng phải [thuộc về loài] người. Ngài cũng chẳng phải không thuộc loài người. Vì sao vậy? Vì ngài có sanh ra tại thành *Ca-tỳ-la-vệ*, nên cũng chẳng phải không [thuộc loài] người.

“Như Lai chẳng phải là quý. Vì sao vậy? Vì ngài không làm hại hết thấy chúng sanh, cho nên ngài chẳng phải là quý. Ngài cũng chẳng phải không là quý. Vì sao vậy? Vì

¹ Theo Đại thừa nghĩa chương (quyển 4) và Trí độ luận (quyển 20, quyển 31 và quyển 46) thì 18 nghĩa không gồm có: 1. Nội không, 2. Ngoại không, 3. Nội ngoại không, 4. Không không, 5. Đại không, 6. Đệ nhất nghĩa không, 7. Hữu vi không, 8. Vô vi không, 9. Tất cánh không, 10. Vô thủy không, 11. Tấn không, 12. Tánh không, 13. Tự tánh không, 14. Chư pháp không. 15. Bất khả đắc không, 16. Vô pháp không, 17. Hữu pháp không, 18. Vô pháp hữu pháp không.

ngài cũng dùng hình tượng quý để giáo hóa chúng sanh, nên ngài chẳng phải không là quý.

“Như Lai cũng chẳng phải [chúng sanh trong các cảnh giới] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Vì sao vậy? Vì Như Lai từ lâu đã lìa bỏ các nghiệp xấu ác, cho nên chẳng phải [chúng sanh trong các cảnh giới] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Ngài cũng chẳng phải không là [chúng sanh trong các cảnh giới] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Vì sao vậy? Vì Như Lai cũng thị hiện thọ sanh trong ba đường ác này để giáo hóa chúng sanh, cho nên ngài chẳng phải không là [chúng sanh trong các cảnh giới] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

“Như Lai cũng chẳng phải chúng sanh. Vì sao vậy? Vì từ lâu ngài đã lìa xa tánh chúng sanh, nên chẳng phải là chúng sanh. Ngài cũng chẳng phải không là chúng sanh. Vì sao vậy? Vì có khi ngài diễn thuyết trong hình tướng chúng sanh, cho nên chẳng phải không là chúng sanh.

“Như Lai chẳng phải pháp. Vì sao vậy? Vì các pháp mỗi mỗi đều có tướng khác biệt. Như Lai không phải thế, chỉ có một tướng duy nhất mà thôi, nên ngài chẳng phải pháp. Ngài cũng chẳng phải không là pháp. Vì sao vậy? Vì Như Lai là cõi pháp, nên chẳng phải là không phải pháp.

“Như Lai chẳng phải sắc. Vì sao vậy? Vì ngài không bị chi phối bởi *mười sắc nhập*,¹ nên chẳng phải sắc. Ngài

¹ Mười sắc nhập (Thập sắc nhập): bao gồm nhãn nhập, nhĩ nhập, tỉ nhập, thiệt nhập, thân nhập, sắc nhập, thanh nhập, hương nhập, vị nhập và xúc nhập. Nói một cách khái quát là các phạm vi thiệp nhập giữa năm căn và năm trần, nên không bao gồm ý căn và pháp trần.

cũng chẳng phải không là sắc. Vì sao vậy? Vì thân Phật có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, nên chẳng phải không phải sắc.

“Như Lai chẳng phải cao. Vì sao vậy? Vì đoạn trừ các sắc nên chẳng phải cao. Như Lai cũng chẳng phải không cao. Vì sao vậy? Vì hết thấy thế gian không ai có thể nhìn thấy được tướng đỉnh đầu của ngài, cho nên chẳng phải không cao.

“Như Lai chẳng phải thấp. Vì sao vậy? Vì từ lâu ngài đã lìa xa sự trói buộc của lòng kiêu mạn nên chẳng phải thấp. Như Lai cũng chẳng phải không thấp. Vì sao vậy? [Có lần] vì trưởng giả *Cồ-sư-la*¹ mà ngài hiện ra thân hình chỉ có một thước,² nên cũng chẳng phải không thấp.

“Như Lai chẳng phải tướng. Vì sao vậy? Vì từ lâu ngài đã lìa xa tướng của các tướng, nên chẳng phải tướng. Như Lai cũng chẳng phải không là tướng. Vì sao vậy? Vì ngài khéo rõ biết các tướng, cho nên cũng chẳng phải không là tướng.

“Như Lai chẳng phải tâm. Vì sao vậy? Vì là tướng như hư không nên chẳng phải tâm. Như Lai cũng chẳng phải không là tâm. Vì sao vậy? Vì ngài có tâm pháp *Mười sức*, lại có thể biết được tâm ý của hết thấy chúng sanh nên chẳng phải không là tâm.

“Như Lai chẳng phải hữu vi. Vì sao vậy? Vì Như Lai là

¹ Cồ-sư-la (瞿師羅): phiên âm từ Phạn ngữ là *Ghoṣira*, cũng đọc là Cự-sử-la (具史羅) Cù-tư-la (瞿私羅) hay Cù-sử-la (幼史羅), dịch nghĩa là Mỹ âm (美音) hay Diệu âm thanh (妙音聲).

² Bản Hán văn dùng “tam xích”, nghĩa là 3 thước, nhưng mỗi thước cổ chỉ hơn 3 tấc, nên 3 thước tương đương với khoảng 1 thước (mét) ngày nay mà thôi.

thường, lạc, ngã, tịnh nên chẳng phải *hữu vi*. Như Lai cũng chẳng phải *vô vi*. Vì sao vậy? Vì ngài có đến, có đi, có ngồi, có nằm, có thị hiện *Niết-bàn* nên cũng chẳng phải *vô vi*.

“Như Lai chẳng phải *thường tồn*. Vì sao vậy? Vì thân ngài có nhiều phần hợp lại nên chẳng phải là thường. Thế nào là chẳng phải thường? Là có sự nhận biết. Pháp thường thì không có sự nhận biết, giống như hư không. Như Lai có sự nhận biết nên chẳng phải thường. Thế nào là chẳng phải thường? Vì có lời nói. Pháp thường thì không có lời nói, cũng giống như hư không. Như Lai có lời nói nên chẳng phải là thường.

“Vì có tên họ nên gọi là *vô thường*; pháp không có tên họ mới gọi là thường. Hư không là thường nên không có tên họ. Như Lai có tên họ, thuộc dòng họ *Cồ-đàm*, nên là *vô thường*. Vì có cha mẹ sanh ra nên gọi là *vô thường*; không có cha mẹ mới gọi là thường. Vì hư không là thường nên không có cha mẹ sanh ra. Phật có cha mẹ, nên là *vô thường*.

“Có đi, đứng, nằm, ngồi nên gọi là *vô thường*; không có những việc đi, đứng, nằm, ngồi mới gọi là thường. Vì hư không là thường nên không có đi, đứng, nằm, ngồi. Phật có đi, đứng, nằm, ngồi, nên là *vô thường*.

“Pháp thường trụ không có nơi chốn, phương hướng. Vì hư không là thường nên không có nơi chốn, phương hướng. Như Lai xuất thế tại miền Trung Thiên Trúc, đến cư trú nơi thành *Xá-bà-đề*, hoặc thành *Vương Xá*, nên là *vô thường*. Vì những nghĩa ấy nên Như Lai chẳng phải là thường.

“Như Lai cũng chẳng phải *vô thường*. Vì sao vậy? Vì đã dứt trừ vĩnh viễn sự sanh ra. Pháp có sanh ra là vô thường, pháp không sanh ra mới là thường. Như Lai vốn không sanh ra, nên là thường.

“Pháp thường không có họ tên, pháp có họ tên gọi là vô thường. Như Lai vốn không sanh ra, không có họ tên. Vì không sanh ra, không có họ tên, nên là thường.

“Pháp thường thì có khắp mọi nơi, giống như hư không, không đâu là không có. Như Lai cũng như thế, ở khắp mọi nơi, cho nên là thường.

“Pháp vô thường thì nói rằng chỗ này có, chỗ kia không. Như Lai chẳng phải thế, không thể nói rằng chỗ này là có, chỗ kia là không, cho nên là thường.

“Pháp vô thường thì có lúc là có, có lúc là không. Như Lai chẳng phải như thế, cho nên là thường.

“Pháp thường trụ không có *danh*, không có *sắc*.¹ Vì hư không là thường nên không có *danh*, không có *sắc*. Như Lai cũng thế, không có *danh*, không có *sắc*, cho nên là thường.

“Pháp thường trụ không có nhân, không có quả. Vì hư không là thường cho nên không có nhân, không có quả. Như Lai cũng thế, không có nhân, không có quả, cho nên là thường.

“Pháp thường trụ không bị chi phối bởi ba đời: quá khứ, hiện tại và vị lai. Như Lai cũng thế, không bị chi phối bởi ba đời, cho nên là thường.

¹ Danh và sắc là hai yếu tố tạo thành chúng sanh. Sắc là những phần nhìn thấy được, sờ mó được, như các bộ phận thân thể; danh là những phần không thể nhìn thấy được, như tinh thần, cảm giác...

“Như Lai chẳng phải hư huyền. Vì sao vậy? Vì ngài đã dứt trừ vĩnh viễn hết thảy các tâm hư dối, cho nên chẳng phải hư huyền. Như Lai cũng chẳng phải không là hư huyền. Vì sao vậy? Có khi Như Lai phân một thân này thành vô số thân; rồi vô số thân lại trở về thành một thân, xuyên thẳng qua núi đồi, vách đá, không có gì chướng ngại; hoặc đi trên mặt nước giống như đất liền; đi xuyên vào đất như vào trong nước; đi trên hư không như trên mặt đất; từ nơi thân ngài phát ra khói lửa như đám cháy lớn; hoặc làm ra mây mưa sấm động, âm thanh khiến người khiếp sợ; hoặc hóa ra thành ấp, làng xóm, nhà cửa, núi sông, cây cối; hoặc hiện thân to lớn, hoặc hiện thân nhỏ bé, hoặc hiện làm đàn ông, đàn bà, trẻ con... Vì thế nên Như Lai cũng chẳng phải là không hư huyền.

“Như Lai không phải là nhất định. Vì sao vậy? Vì Như Lai ở thành *Câu-thi-na* này, thị hiện nhập *Niết-bàn* giữa hai cây *sa-la* mọc sòng đôi, cho nên không phải là nhất định. Như Lai cũng chẳng phải không nhất định. Vì sao vậy? Vì Như Lai là *thường, lạc, ngã, tịnh* nên cũng chẳng phải không nhất định.¹

“Như Lai chẳng phải *hữu lậu*. Vì sao vậy? Vì Như Lai đã dứt ba món lậu hoặc, nên ngài chẳng phải *hữu lậu*. Ba món lậu hoặc đó là: Trừ vô minh ra thì tất cả phiền não trong *Dục giới* gọi chung là *dục lậu*. Trừ vô minh ra thì tất cả phiền não trong *Sắc giới* và *Vô sắc giới* gọi chung là *hữu lậu*. Vô minh trong ba cõi *Dục giới*, *Sắc giới* và *Vô*

¹ Vì có đủ các yếu tố *thường, lạc, ngã, tịnh* là thường tồn bất biến nên không thể nói là không nhất định.

sắc giới gọi là *vô minh lậu*. Như Lai đã vĩnh viễn dứt trừ ba món lậu hoặc ấy nên chẳng phải là *hữu lậu*.

“Lại nữa, hết thấy phàm phu không thấy được *hữu lậu*. Vì sao phàm phu không thấy *hữu lậu*? Vì hết thấy phàm phu đối với đời vị lai đều có lòng nghi: “Trong đời vị lai, ta sẽ được thân chẳng? Hay chẳng được thân? Trong đời quá khứ thân vốn đã sẵn có hay chẳng? Hay vốn chẳng có? Trong đời hiện tại, thân này thật có hay chẳng? Hay là không thật có? Nếu thật có bản ngã, thì đó là sắc chẳng? Chẳng phải sắc chẳng? Vừa là sắc, vừa là chẳng phải sắc chẳng? Hay là chẳng phải sắc cũng không chẳng phải sắc? Hay là tưởng chẳng? Hay chẳng phải tưởng chẳng? Hay vừa là tưởng, vừa là chẳng phải tưởng? Hay là chẳng phải tưởng cũng không chẳng phải tưởng? Hay thân này phụ thuộc những đối tượng bên ngoài chẳng? Hay là không phụ thuộc những đối tượng bên ngoài? Hay vừa phụ thuộc vừa không phụ thuộc? Hay là không phụ thuộc cũng chẳng phải không phụ thuộc? Hay là có mạng sống nhưng không có thân chẳng? Hay là có thân nhưng không có mạng sống chẳng? Hay là vừa có thân, vừa có mạng sống? Hay là không có thân cũng không có mạng sống? Thân cùng với mạng sống có thường chẳng? Hay là vô thường? Hay là vừa thường vừa vô thường? Hay là chẳng phải thường, cũng chẳng phải vô thường? Thân và mạng sống được tạo thành một cách tự do tùy ý chẳng? Hay do những điều kiện bên ngoài tạo thành? Không có nhân mà tạo ra chẳng? Hay do tánh của thế gian tạo ra? Do bụi bặm tạo ra chẳng? Do pháp hoặc chẳng phải pháp tạo ra chẳng? Do thần thức tạo ra chẳng? Do phiền não tạo ra chẳng? Do cha mẹ tạo ra chẳng? Bản ngã trụ

nơi tâm chẳng? Trụ nơi mắt chẳng? Ở khắp trong thân chẳng? Từ đâu mà đến? Rồi sẽ đi về đâu? Ai là người sanh ra? Ai là người chết đi? Trong đời quá khứ ta là người thuộc dòng *bà-la-môn* chẳng? Thuộc dòng *Sát-lợi* chẳng? Thuộc dòng *Tỳ-xá* chẳng? Thuộc dòng *Thủ-đà*¹ chẳng? Về đời vị lai, ta sẽ làm người thuộc dòng tộc nào? Vào đời quá khứ, thân ta đây là nam chẳng? Hay là nữ chẳng? Hay là súc sanh chẳng? Nếu ta làm việc giết hại thì có tội chẳng? Hay là không có tội? Cho đến uống rượu là có tội chẳng?² Hay là không có tội? Mọi hành vi là do ta tự làm chẳng? Hay là do những điều kiện bên ngoài tạo thành? Bản ngã này thọ nhận nghiệp báo chẳng? Hay là thân này thọ nhận nghiệp báo?

“Những chỗ thấy biết nghi hoặc như thế tạo thành vô lượng phiền não che lấp trong tâm chúng sanh. Do những chỗ thấy biết nghi hoặc như thế mà sanh ra sáu thứ tâm: tâm kể chắc là *có bản ngã*; tâm kể chắc là *không có ngã*; tâm thấy rằng *bản ngã là ngã*; tâm thấy rằng *bản ngã là vô ngã*; tâm thấy rằng *vô ngã là ngã*; và tâm thấy rằng *bản ngã tạo tác, bản ngã lãnh chịu, bản ngã nhận biết*. Những tâm như thế gọi là *tà kiến*. Như Lai đã vĩnh viễn nhổ bật vô số cội gốc của những chỗ thấy biết *lậu hoặc* như vậy. Cho nên Như Lai chẳng phải *hữu lậu*.”

¹ *Bà-la-môn*, *Sát-lợi* (hay *Sát-đế-lợi*) *Tỳ-xá* (hay *Tỳ-xá-da*), *Thủ-đà* (hay *Thủ-đà-la*): Bốn giai cấp trong hệ thống phân biệt của xã hội Ấn Độ đã có từ trước thời đức Phật. Bà-la-môn chỉ chung các tu sĩ, giữ quyền cúng tế và thực hành các lễ nghi tôn giáo cho cả cộng đồng. Sát-lợi chỉ giai cấp nắm quyền cai trị, gồm vua chúa, tướng lãnh, quan chức... Tỳ-xá chỉ chung những người buôn bán, thương nhân, cũng gọi là Trưởng giả. Thủ-đà là giai cấp thấp hèn, nghèo khó.

² Đây chỉ kể ra từ việc giết hại cho đến uống rượu, là ý tóm gọn cả năm giới cấm căn bản, bao gồm giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối và uống rượu.

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát ở nơi Đại Niết-bàn tu tập Thánh hạnh cũng vĩnh viễn dứt trừ được những *lậu hoặc* như thế. Chư Phật Như Lai thường tu Thánh hạnh cho nên không có *lậu hoặc*.

“Thiện nam tử! Những kẻ phàm phu không chế ngự được *năm căn*¹ nên có ba sự *lậu hoặc*,² lôi kéo họ đi vào những cảnh giới bất thiện.

“Thiện nam tử! Ví như con ngựa dữ sẵn tánh hung hăng, ngỗ nghịch, có thể khiến cho người cưỡi phải gặp hiểm nguy, tai nạn. Người không khéo chế ngự *năm căn* cũng vậy, phải lìa xa con đường tốt là *Niết-bàn*, đi vào những nơi xấu ác.

“Ví như con voi dữ chưa được điều phục, nếu có ai cưỡi lên thì không thể tùy ý điều khiển được, phải lìa xa chỗ thành ấp, đến nơi hoang vắng. Người không khéo chế ngự *năm căn* cũng vậy, phải lìa xa thành ấp là *Niết-bàn*, đến những nơi hoang vắng là chốn sanh tử này.

“Thiện nam tử! Ví như kẻ nịnh thần xúi giục vua làm việc ác. *Năm căn* cũng giống như nịnh thần, thường xúi giục chúng sanh làm vô số việc ác.

“Thiện nam tử! Ví như đứa con xấu ác chẳng nghe theo lời dạy của cha mẹ và các bậc sư trưởng, ắt không có việc ác nào không làm. Người không điều phục *năm căn* cũng

¹ Năm căn: chỉ mắt, tai, mũi, lưỡi và thân. Năm căn nếu buông thả không chế ngự sẽ có khuynh hướng chạy theo năm trần là hình sắc, âm thanh, mùi thơm, vị nếm, sự xúc chạm. Những khoái cảm do năm căn tiếp xúc với năm trần tạo ra luôn thôi thúc chúng sanh tạo tác vô số ác nghiệp. Sự thiệp nhập giữa căn và trần như vậy tạo thành Mười sắc nhập, lôi cuốn chúng sanh xoay chuyển mãi trong luân hồi.

² Ba sự lậu hoặc: tức dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu vừa nói ở phần trước.

vậy, chẳng nghe theo lời tốt lành của bậc sư trưởng dạy bảo, nên không việc ác nào không làm.

“Thiện nam tử! Kẻ phàm phu không chế ngự *năm căn* thường phải chịu những sự tàn hại của [các cảnh giới] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, cũng giống như giặc cướp hung ác làm hại người hiền lành.

“Thiện nam tử! Kẻ phàm phu không chế ngự *năm căn*, buông thả chạy theo *năm trần*, giống như mục đồng chẳng khéo giữ trâu, để giẫm hại vào lúa mạ của người khác. Kẻ phàm phu không chế ngự *năm căn* thường phải ở trong *Ba cõi*, lãnh chịu nhiều khổ não.

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát khi tu tập Đại *Niết-bàn*, thực hành Thánh hạnh, thường khéo điều phục và giữ gìn, chế ngự *năm căn*, chán sợ những sự tham dục, sân khuể, ngu si, kiêu mạn, tật đố, vì muốn đạt được hết thảy mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Nếu người khéo biết giữ gìn *năm căn* thì chế ngự được tâm. Nếu chế ngự được tâm thì chế ngự được *năm căn*. Ví như người phò vua thì bảo vệ đất nước. Bảo vệ đất nước là phò tá cho vua. Đại Bồ Tát cũng vậy, nếu nghe kinh Đại *Niết-bàn* này thì được trí tuệ. Đạt được trí tuệ thì được sự niệm tưởng chuyên nhất. Nếu như *năm căn* tán loạn, nhờ vào niệm [chuyên nhất] có thể khiến cho dừng lại. Vì sao vậy? Vì có niệm là có trí tuệ.

“Thiện nam tử! Như người chăn trâu giỏi, nếu trâu bỏ chạy sang đông, sang tây mà ăn lúa mạ của người khác, liền chặn giữ lại, không để làm hư hại của người. Đại Bồ Tát cũng vậy, nhờ có *niệm* và *trí tuệ* làm nhân duyên nên

giữ gìn, chế ngự được *năm căn*, không để tán loạn. Đại Bồ Tát có niệm và trí tuệ không thấy tướng của mình, không thấy tướng những vật của mình, không thấy có chúng sanh cùng những vật thọ dụng; thấy hết thấy các pháp đều cùng một tướng pháp tánh, từ đó sanh ra các tướng đất, đá, ngói, sỏi... Ví như nhà cửa là do các duyên hợp lại mà sanh chứ không có tánh nhất định; thấy chúng sanh là do *bốn đại* và *năm ấm* hợp thành, xét cho cùng không có tánh nhất định.

“Vì không có tánh nhất định nên Bồ Tát ở trong các pháp không sanh tâm tham đắm, vướng mắc. Hết thấy phàm phu vì thấy có chúng sanh nên sanh khởi phiền não. Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại *Niết-bàn* có được niệm và trí tuệ nên đối với chúng sanh không sanh lòng tham đắm, vướng mắc. Lại nữa, Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại *Niết-bàn* không vướng mắc nơi tướng chúng sanh, tùy ý tạo ra đủ mọi tướng pháp.

“Thiện nam tử! Ví như người họa sĩ dùng đủ các màu vẽ nên mọi hình tượng, hoặc nam, hoặc nữ, hoặc trâu, hoặc ngựa. Kẻ phàm phu ngu si nhìn thấy liền sanh ra các tướng nam, nữ .v.v... Người họa sĩ thì biết rõ trong đó không hề có nam hay nữ.

“Đại Bồ Tát cũng vậy, đối với các tướng khác nhau của pháp đều quán là một tướng, chẳng bao giờ sanh ra tướng chúng sanh. Vì sao vậy? Vì có niệm và trí tuệ.

“Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại *Niết-bàn*, khi nhìn thấy mỹ nữ xinh đẹp cũng chẳng bao giờ sanh lòng tham đắm, vướng mắc. Vì sao vậy? Vì khéo quán xét hình tướng.

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát biết pháp *năm dục*¹ không có gì vui, liên tục đổi thay chẳng phút tạm dừng. Người mê đắm *năm dục* như con chó gặm khúc xương khô,² như người cầm lửa đi ngược gió,³ như con rắn độc nằm trong rương,⁴ như những thứ có được trong giấc mộng;⁵ như trái cây bên đường có nhiều người tranh nhau hái, lại cũng như miếng thịt, cả bầy chim tranh nhau;⁶ như bọt nổi trên mặt nước, như dấu vết vẽ lên mặt nước;⁷ như đường chỉ dẹt dẹt xong, như người tử tù bị đưa ra chợ;⁸ như vật tạm mượn chẳng dùng được lâu. Bồ Tát quán xét các dục như vậy, có rất nhiều sự xấu xa, tai hại, lầm lỗi.

“Lại nữa, Đại Bồ Tát quán xét thấy các chúng sanh do nơi các nhân duyên hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị

¹ Năm dục (ngũ dục): năm sự vui sướng, khoái lạc có được khi năm giác quan tiếp xúc với những đối tượng ưa thích, như mắt được ngắm những hình sắc thích ý, tai được nghe những âm thanh êm dịu, mũi được ngửi mùi hương ưa thích...

² Con chó gặm khúc xương khô: chỉ có cảm giác thích ý, khoái trá, mà thật ra là chẳng ăn được gì vào bụng cả. Ví dụ này cho thấy sự thỏa mãn năm giác quan thật ra chẳng giúp ích gì cho chúng ta ngoài việc tạo ra cảm giác hài lòng, thích ý. Vì chẳng giúp ích gì nên chúng hoàn toàn không thể nuôi dưỡng thân tâm chúng ta.

³ Người cầm lửa đi ngược gió: như mỗi nguy hiểm đang chờ, vì bất cứ lúc nào cũng có thể bị lửa tấp vào thân.

⁴ Con rắn độc nằm trong rương: cũng là chỉ mỗi nguy hiểm đang chờ người, vì chỉ cần mở rương là sẽ bị rắn cắn. Cả hai ví dụ tiếp nhau này cho thấy người mê đắm trong năm dục chỉ là vì không ý thức được những mối nguy hại mà chúng mang đến cho mình.

⁵ Những thứ có được trong giấc mộng: chỉ là hư ảo, nhưng vẫn tạo cho chúng ta cảm giác sung sướng, hài lòng, đến khi tỉnh thức mới biết là chẳng có gì cả. Năm dục trong cuộc sống của chúng ta cũng là như vậy.

⁶ Tuy năm dục không có giá trị thật nhưng hết thảy chúng sanh đều mê đắm, tranh giành lẫn nhau, vì chúng mà khởi nên mọi sự lỗi lầm.

⁷ Những ví dụ này cho thấy sự hư huyền, không thật có của năm dục.

⁸ Những ví dụ này cho thấy tính tạm bợ, không tồn tại lâu dài của năm dục. Đường chỉ dẹt dẹt xong thì không còn dẹt nữa, người tù bị đưa ra chợ là đã đến lúc thọ hình, không còn kéo dài được nữa.

nếm, sự xúc chạm¹ nên từ vô số kiếp trước cho đến nay thường chịu khổ não. Nếu lấy xương của mỗi chúng sanh trong một kiếp chất lại sẽ thành đồng to như núi *Tỳ-phú-la*² ở thành *Vương Xá*; lượng sữa đã bú nhiều như nước trong bốn biển, lượng máu từ thân chảy ra lại gấp nhiều lần so với nước trong bốn biển, lượng nước mắt đã khóc vì cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc qua đời cũng gấp nhiều lần so với nước trong bốn biển; nếu lấy hết cây cỏ trên mặt đất để làm thành những thẻ đếm dài bốn tấc, rồi dùng để tính đếm số cha mẹ đã qua cũng không thể tính hết; những nỗi khổ đã phải chịu đựng từ vô lượng kiếp cho đến nay hoặc trong các cảnh giới địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ là không thể kể xiết. [Ví như] vò trái đất này cho thành trái táo vẫn là dễ hơn nhiều so với việc dứt hết sanh tử! Đại Bồ Tát quán xét sâu xa như vậy, thấy rằng hết thảy chúng sanh đều do nhân duyên là các mối tham dục mà phải chịu vô số khổ não. Bồ Tát do quán xét kỹ những nỗi khổ trong sanh tử như thế nên không đánh mất *niệm* và *trí tuệ*.

“Thiện nam tử! Ví như có một đám đông tụ tập đầy trong khoảng đất hai mươi lăm dặm. Nhà vua truyền cho một bề tôi rằng: ‘Khanh hãy mang một bát đựng đầy dầu đi qua giữa đám đông ấy, đừng cho nghiêng đổ. Nếu để rớt một giọt dầu sẽ bị giết.’ Vua lại sai một người khác cầm đao theo sau đe dọa. Bề tôi ấy vâng lệnh vua, hết lòng giữ vững bát dầu trong khi đi qua đám đông, dù nhìn thấy

¹ Hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm: Tức là năm đối tượng của năm giác quan, gồm mắt, tai, mũi, lưỡi và thân.

² Núi *Tỳ-phú-la* (*Vipula*): Tên núi này có nghĩa là rộng lớn (quảng đại), thường được dùng để ví với những gì rất to lớn, không thể hình dung hết, không thể đo lường được (bất khả trắc lượng).

năm tà dục thích ý nhưng lòng luôn tự nghĩ rằng: ‘Nếu ta buông thả, vướng mắc vào các *tà dục* ấy thì sẽ làm rơi [hoặc nghiêng đổ] bát dầu đang cầm, ắt không giữ được toàn tính mạng!’

“Người ấy do nhân duyên sợ sệt mà không để rơi dù chỉ một giọt dầu! Đại Bồ Tát cũng vậy, ở trong chốn sanh tử chẳng để mất *niệm* và *trí tuệ*. Vì chẳng để mất [*niệm* và *trí tuệ*] nên nhìn thấy *năm dục* cũng không sanh lòng tham đắm vướng mắc. Dù thấy *sắc* trong sạch cũng không cho đó là tướng sắc, chỉ quán xét là tướng khổ. Cho đến đối với tướng của *thức* cũng vậy,¹ chẳng khởi tướng sanh, chẳng khởi tướng diệt, chẳng khởi tướng nguyên nhân, chỉ quán xét tướng hòa hợp.

“Khi ấy, *năm căn* của Bồ Tát đều thanh tịnh. Nhờ *năm căn* thanh tịnh nên giữ gìn căn bản của giới được trọn vẹn. Hết thấy phàm phu do *năm căn* không thanh tịnh nên không thể khéo giữ gìn, gọi là các căn có *lậu hoặc*. Bồ Tát vĩnh viễn dứt trừ nên gọi là không có *lậu hoặc*. Đức Như Lai đã vượt ra khỏi, vĩnh viễn dứt trừ cội gốc [của *lậu hoặc*] nên không phải là *hữu lậu*.

“Thiện nam tử! Lại có trường hợp lìa bỏ *lậu hoặc*. Vì muốn được món *cam lộ* vô thượng là quả vị Phật nên Bồ Tát lìa bỏ *lậu hoặc* xấu ác. Thế nào là lìa bỏ? Nếu có thể tu hành kinh Đại Niết-bàn, sao chép, thọ trì, tụng đọc, giảng thuyết, suy ngẫm nghĩa kinh, đó gọi là lìa bỏ.

“Vì sao vậy? Thiện nam tử! Ta hoàn toàn không thấy trong Mười hai bộ kinh [có một kinh nào khác] có thể

¹ Cho đến tướng của thức cũng vậy: Ở đây hàm ý tóm gọn cả năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành và thức, đều quán xét tướng tự như vậy.

giúp lìa bỏ lậu hoặc xấu ác như kinh Phương đẳng Đại *Niết-bàn* này.

“Thiện nam tử! Ví như bậc thầy hiền thiện dạy dỗ các đệ tử. Trong số các đệ tử ấy, có những người nghe theo lời dạy của thầy thì trong lòng không sinh khởi điều xấu ác. Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* cũng giống như vậy, trong lòng không sinh khởi điều xấu ác.

“Thiện nam tử! Ví như ở thế gian có câu thần chú rất linh nghiệm. Như ai được nghe qua một lần thì trong vòng bảy năm sau đó hết thảy các loại thuốc độc, rắn độc đều không thể làm hại. Nếu ai đọc tụng thần chú ấy thì trọn đời không gặp phải những điều xấu ác.

“Thiện nam tử! Kinh Đại *Niết-bàn* này cũng vậy. Nếu có chúng sanh nào chỉ được nghe qua một lần thì trong vòng bảy kiếp sau đó không phải rơi vào các đường ác. Nếu có ai sao chép, tụng đọc, giảng thuyết, suy ngẫm nghĩa kinh, ắt sẽ chứng đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, được thấy tánh Phật, cũng như vị Thánh vương kia được món *cam lộ*.

“Thiện nam tử! Kinh Đại *Niết-bàn* này có vô lượng công đức như vậy.

“Thiện nam tử! Nếu có ai sao chép kinh này, tụng đọc, giảng thuyết, vì người khác mà nói rộng, suy xét nghĩa kinh, nên biết rằng người ấy thật là đệ tử Phật, khéo vâng theo lời Phật dạy. Ta luôn nhìn thấy người ấy, nhớ nghĩ đến người ấy, người ấy cũng biết rõ rằng ta chẳng nhập *Niết-bàn*. Người như vậy dù ở nơi nào, hoặc thành ấp, xóm làng, hoặc rừng núi, nơi hoang vắng, trong nhà cửa, vườn ruộng, hay lâu các, cung điện, ta cũng đều có ở

nơi đó, thường trụ không dời chuyển. Ta đối với người ấy thường làm người thọ nhận sự cúng thí, hoặc hiện thân *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo ni*, *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di*, *bà-la-môn*, *Phạm-chí*¹ hay kẻ bần cùng đi xin ăn.

“Làm sao khiến cho người ấy biết rằng Như Lai thọ nhận những vật người ấy cúng thí?”

“Thiện nam tử! Người ấy hoặc khi nằm mộng trong đêm thấy hình tượng Phật, hoặc thấy các hình tượng chư thiên, *sa-môn*, quốc vương, thánh vương, chúa sư tử, hoa sen, hoa *ưu-đàm*; hoặc thấy những hình ảnh như núi lớn, nước biển cả, mặt trời, mặt trăng, hoặc thấy voi trắng, ngựa bạch; hoặc thấy cha mẹ, thấy được hoa, quả, vàng, bạc, lưu ly, pha lê.v.v... các loại vật báu, hoặc năm món ăn chế biến từ sữa.² Khi ấy liền biết được là Như Lai đã thọ nhận đồ cúng thí của mình. Khi tỉnh dậy liền thấy [trong lòng] vui sướng, dần dần có được mọi thứ cần dùng, lòng không nghĩ đến những việc xấu ác, luôn ưa thích việc tu tập các pháp lành.

“Thiện nam tử! Kinh Đại *Niết-bàn* này có thể thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy, không thể nghĩ bàn.

“Thiện nam tử! Nay ông nên tin nhận lời ta. Nếu có kẻ nam, người nữ nào phát khởi lòng lành muốn được nhìn thấy Phật, muốn cung kính Phật, muốn thể nhập tánh pháp để thấy Phật, muốn đạt được *Không định*, muốn thấy tướng chân thật, muốn được tu tập phép định *Thủ lãng nghiêm*, phép định *Sư tử vương*, muốn phá trừ tám

¹ Phạm-chí (*Brahmacārin*): danh từ này cũng được dùng để chỉ chung cho tất cả những tu sĩ ngoại đạo, cũng dịch là Tịnh hạnh giả, nghĩa là người tu tập giữ gìn hạnh thanh tịnh.

² Nguyên bản Hán văn dùng Ngũ chủng ngu vị, chỉ năm món ăn lấy từ con bò cái, tức là sữa và các món được chế biến từ sữa, cụ thể gồm: sữa, kem sữa, bơ sống, bơ chín và dê-hồ.

thứ ma – Tám thứ ma đó là: ma phiền não, ma năm ấm, ma chết, ma trời Tha hóa tự tại và [những sự] *vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh* –; hoặc muốn được những sự vui thích trong hai cõi trời, người, thì khi thấy có ai thọ trì kinh Đại *Niết-bàn* này, sao chép, tụng đọc, vì người khác giảng thuyết, suy xét nghĩa kinh, nên đến gần gũi, nương dựa theo người ấy, thưa hỏi và nhận lời dạy bảo, lại cúng dường cung kính, tôn trọng, xưng tán người ấy; vì người ấy mà rửa tay, rửa chân, sắp đặt giường chiếu, cung cấp đủ bốn thứ cần dùng¹ không để thiếu thốn. Nếu người ấy từ xa đến, nên cung kính nghênh tiếp từ xa, ngoài khoảng mười *do-tuần*. Vì kinh này mà nên mang những đồ vật quý trọng dâng hiến. Như không có gì để dâng hiến thì nên tự bán cả thân mình. Vì sao vậy? Vì kinh này còn khó gặp hơn cả hoa *ưu-đàm*!

“Thiện nam tử! Ta nhớ lại vào thuở quá khứ, cách nay vô lượng vô biên *na-do-tha*² kiếp. Thuở ấy, thế giới tên gọi là *Ta-bà*, có đức Phật Thế Tôn hiệu là *Thích-ca-Mâu-ni*, Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn, vì đại chúng mà tuyên thuyết kinh Đại *Niết-bàn* này.

“Khi ấy ta nhờ theo những người bạn tốt mà được nghe nói lại rằng đức Phật ấy sẽ vì đại chúng thuyết kinh Đại *Niết-bàn*. Nghe như vậy rồi, lòng ta lấy làm hoan hỷ, muốn dâng lễ cúng dường, nhưng đang trong cảnh nghèo túng không có vật chi sở hữu, liền muốn tự bán thân

¹ Bốn thứ cần dùng, tức là bốn nhu cầu tối thiểu của người tu hành, bao gồm: y phục, thức ăn uống, chỗ nằm ngồi và thuốc men trị bệnh.

² *Na-do-tha*: con số đo lường rất lớn, có nơi nói là một vạn ức, lại có nơi nói là một ngàn ức, hoặc một ngàn vạn ức. Chúng ta chỉ cần hiểu là sự tương trưng cho một con số rất lớn.

mình. Thật không may là chẳng có ai mua cả! Trên đường trở về nhà ta gặp một người, bèn hỏi người ấy: ‘Tôi muốn bán thân, ông có thể mua chăng?’

“Người ấy đáp: ‘Nhà tôi có một việc không ai làm nổi, nếu ông có thể làm thì tôi sẽ mua ông.’”

“Ta liền hỏi: ‘Ông có việc gì mà không ai làm nổi?’”

“Người ấy đáp: ‘Tôi có bệnh ác nghiệt, thầy thuốc dặn mỗi ngày phải ăn ba lượng¹ thịt người. Nếu ông có thể mỗi ngày lấy ba lượng thịt nơ thân mà cung cấp cho tôi thì nay tôi sẽ trao cho ông năm đồng tiền vàng.’”

“Ta nghe vậy rồi lấy làm hoan hỷ trong lòng, liền đáp ngay: ‘Ông hãy trao tiền cho tôi, hẹn trong bảy ngày tôi làm xong công việc sẽ trở lại gặp ông.’”

“Người ấy đáp: ‘Bảy ngày thì không được, hãy thỏa thuận thế này: Tôi để cho ông một ngày.’”

“Thiện nam tử! Khi ấy ta liền nhận tiền rồi tìm ngay đến chỗ Phật, cúi đầu lễ kính sát dưới chân Phật, đem hết những gì mình có mà phụng hiến; sau đó mới thành tâm lắng nghe và thọ nhận kinh này. Lúc bấy giờ ta thật ngu si tăm tối, tuy được nghe kinh nhưng chỉ có thể thọ trì được một bài kệ này mà thôi:

*Như Lai chứng Niết-bàn,
Trừ dứt vòng sanh tử;
Nếu ai hết lòng nghe,
Được vui chẳng thể lường.*

“Thọ nhận bài kệ này rồi, ta trở về tìm đến nhà của người bị bệnh kia.

¹ Theo đơn vị đo lường xưa thì mỗi cân có 16 lượng.

“Thiện nam tử! Khi ấy tuy mỗi ngày ta đều cắt xẻo cho người ấy ba lượng thịt trên thân mình, nhưng nhờ nhân duyên nhớ tưởng bài kệ trong kinh nên không lấy làm đau đớn, không một ngày nào bỏ sót, cho đến trọn cả một tháng.

“Thiện nam tử! Nhờ nhân duyên ấy nên bệnh của người kia được khỏi; mà thân ta cũng bình phục không có thương tích gì. Bây giờ, ta thấy thân thể được bình phục hoàn toàn, khỏe mạnh như trước, liền phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Sức [niệm tưởng] một bài kệ [trong kinh] còn được như vậy, huống chi việc thọ trì, đọc tụng trọn đủ bộ kinh? Bởi thấy kinh này có lợi ích như vậy nên ta lại phát tâm rộng lớn hơn, nguyện trong đời vị lai sẽ thành Phật đạo, hiệu là *Thích-ca Mâu-ni*.

“Thiện nam tử! Nhờ sức nhân duyên của một bài kệ ấy, cho nên ngày nay ta ở giữa đại chúng, vì hàng trời người mà tuyên thuyết trọn vẹn [kinh này].

“Thiện nam tử! Do nhân duyên ấy nên Đại *Niết-bàn* này là không thể nghĩ bàn; thành tựu vô lượng vô biên công đức, quả thật là kho tàng rất sâu kín của chư Phật Như Lai. Vì nghĩa ấy, người có thể thọ trì kinh này sẽ trừ bỏ, lìa xa mọi *lậu hoặc* xấu ác. Nói xấu ác tức là [những chỗ] như có voi dữ, ngựa dữ, trâu dữ, chó dữ, rắn độc, gai góc và đất đai độc hại, vách núi chơi vơi, đồi cao dốc hiểm, xoáy nước hung bạo, hoặc có những người ác, cõi ác, thành ác, nhà ác, bạn ác... Những điều như vậy, nếu là nhân sanh ra *lậu hoặc* thì Bồ Tát liền lìa bỏ; nếu không thì Bồ Tát không lìa xa. Nếu những điều ấy làm tăng thêm *lậu hoặc* thì Bồ Tát liền lìa bỏ, nếu không thì Bồ Tát không

lìa xa. Nếu những điều ấy tạo thành việc xấu ác, Bồ Tát liền lìa bỏ; nếu có thể tạo thành việc lành thì Bồ Tát không lìa xa.

“Thế nào lìa xa? [Đó là nói việc] không cầm dao gậy, thường dùng phương tiện là trí tuệ chân chánh mà lìa xa [những thứ ấy], nên gọi là lìa xa nhờ trí tuệ chân chánh. Vì muốn sanh khởi các pháp lành nên lìa xa các pháp xấu ác.

“Đại Bồ Tát tự quán xét [tướng trạng] thân mình như ghê độc, như ung nhọt, như kẻ oán thù, như mũi tên đâm vào thân. Đó là nơi các nỗi khổ lớn đều tụ họp, là cội gốc của hết thảy mọi sự thiện ác.

“Tuy xét nghĩ đến thân này là bất tịnh như vậy, nhưng Bồ Tát vẫn chăm sóc nuôi dưỡng. Vì sao vậy? Không phải vì tham tiếc cái thân, mà vì các pháp lành; vì *Niết-bàn*, chẳng vì sanh tử; vì *thường, lạc, ngã, tịnh*, chẳng vì *vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh*; vì đạo *Bồ-đề*, chẳng vì đạo trong ba cõi; vì một thừa duy nhất [là Phật thừa], chẳng vì ba thừa [phương tiện]; vì thân vi diệu có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thậm chí chẳng vì thân ở cõi trời *Phi hữu tướng phi vô tướng*; vì làm đấng *Pháp luân vương*, chẳng vì làm *Chuyển luân vương*.

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* thường nên gìn giữ, bảo vệ thân này. Vì sao vậy? Nếu chẳng giữ gìn, bảo vệ thân này thì không giữ được mạng sống. Nếu mạng sống không giữ được thì không thể sao chép kinh này, thọ trì, tụng đọc, vì người khác giảng rộng, suy xét nghĩa kinh. Vì thế, Bồ Tát nên khéo giữ gìn, bảo vệ thân thể. Vì nghĩa ấy, Bồ Tát lìa xa hết thảy các *lậu hoặc* xấu ác.

“Thiện nam tử! Như người muốn qua sông phải khéo giữ gìn, bảo vệ thuyền bè; kẻ sắp đi xa phải khéo bảo vệ ngựa

hay; người làm ruộng gieo giống phải khéo giữ gìn phân bón; như vì trị độc phải khéo giữ con rắn độc; như người vì của cải phải nuôi giữ kẻ *chiên-đà-la*; như vì trừ bọn giặc cướp phải nuôi dưỡng các dũng sĩ tráng kiện; lại cũng như kẻ bị lạnh thích giữ ngọn lửa; như kẻ bệnh hủi phải tìm món thuốc độc; Đại Bồ Tát cũng vậy, tuy thấy rõ thân này chất chứa đầy dẫy vô số những điều bất tịnh, nhưng vì muốn thọ trì kinh Đại *Niết-bàn* nên phải khéo giữ gìn nuôi dưỡng, không để cho có sự mỗi mọt, thiếu thốn.

“Vị Đại Bồ Tát quán xét con voi dữ và bạn xấu đều chẳng khác gì nhau. Vì sao vậy? Vì cả hai đều làm hại thân mình. Đại Bồ Tát đối với voi dữ không có lòng khiếp sợ, nhưng đối với bạn xấu lại sanh lòng sợ hãi. Vì sao vậy? Loài voi dữ chỉ làm hại thân thể, chẳng làm hại được tâm mình; người bạn xấu làm hại đến cả thân và tâm. Loài voi dữ chỉ làm hại được một thân trong kiếp này; người bạn xấu làm hại cả vô số thân lành, vô số tâm lành. Loài voi dữ chỉ có thể phá hoại thân thể hôi thối bất tịnh này thôi; người bạn xấu có thể làm hại cả thân trong sạch và tâm trong sạch. Loài voi dữ chỉ có thể phá hoại thân xương thịt này thôi; người bạn xấu có thể phá hoại cả pháp thân. Bị voi dữ giết chết không rơi vào ba đường ác; bị người bạn xấu hại chết ắt phải rơi vào ba đường ác. Loài voi dữ chỉ là kẻ thù của thân xác mà thôi; người bạn xấu là kẻ thù của các pháp lành. Vì thế nên Bồ Tát thường lìa xa những bạn xấu.

“Kẻ phạm phu chẳng lìa bỏ những *lậu hoặc* ấy nên sanh ra lậu hoặc. Bồ Tát lìa bỏ nên không sanh ra *lậu hoặc*. Vị Bồ Tát như vậy còn không có *lậu hoặc*, huống chi là đức Như Lai? Cho nên Như Lai chẳng phải là *hữu lậu*.

“Thế nào là gần gũi với *lậu hoặc*? Hết thấy phàm phu đều nhận giữ lấy y phục, thức ăn, giường ghế, thuốc thang. Vì sự vui sướng của thân tâm nên mong cầu những thứ như vậy, làm mọi việc xấu ác, không biết chỗ lỗi lầm, phải luân hồi trong *ba đường ác*. Vì thế nên gọi là *lậu hoặc*.”

“Đại Bồ Tát thấy rõ sự lỗi lầm như vậy nên lìa xa. Khi cần y phục liền nhận lấy y phục, chẳng phải vì thân mình, chỉ là vì pháp; chẳng nuôi lớn lòng kiêu mạn, tâm thường khiêm nhượng, hạ mình; chẳng vì sự trang điểm xinh đẹp, chỉ vì hổ thẹn, vì tránh sự nóng lạnh, vì ngăn cản gió độc, mưa dữ, trùng độc, muỗi mòng, ruồi nhặng, rắn rết, bò cạp [mà nhận lấy y phục].

“Bồ Tát tuy nhận lãnh các thức ăn uống nhưng lòng không tham đắm; chẳng vì thân mình, thường vì Chánh pháp; chẳng vì da thịt, chỉ vì chúng sanh; chẳng vì lòng kiêu mạn, chỉ vì sức khỏe; chẳng vì tâm oán hận, chỉ vì đỡ đói. Dù được món ăn ngon cũng không có lòng tham đắm.

“Bồ Tát khi nhận lãnh chỗ ở cũng vậy, chẳng để trong lòng có sự trói buộc của tham lam, kiêu mạn; lấy đó làm căn nhà *Bồ-đề* để ngăn dứt giặc phiền não; vì che chắn gió độc, mưa dữ mà nhận lãnh chỗ ở.

“Bồ Tát cầu được thuốc thang, trong lòng cũng không tham lam, kiêu mạn; chỉ vì Chánh pháp, chẳng phải vì mạng sống mà muốn sống lâu.

“Thiện nam tử! Ví như người có ung nhọt, dùng bột cám rang xộp đắp lên, lấy vải bó lại. Vì máu mủ chảy ra nên phải dùng bột cám rang xộp đắp lên để rút khô; vì muốn cho nhọt lành nên dùng thuốc rắc lên; vì tránh gió độc nên ở trong nhà kín.

“Đại Bồ Tát cũng vậy, quán xét thân là ung nhọt nên phải dùng y phục che kín; vì chín lỗ nơi thân chảy ra chất dơ nhớp nên phải cần món ăn thức uống; vì có gió độc, mưa dữ nên nhận lãnh chỗ trú ngụ; vì *bốn thứ độc*¹ phát ra nên phải tìm cầu thuốc thang. Bồ Tát nhận lãnh *bốn món cúng dường*² là vì đạo *Bồ-đề*, không vì mạng sống.

“Vì sao vậy? Đại Bồ Tát suy xét rằng: ‘Nếu ta không nhận *bốn món cúng dường* này, thân thể ắt phải hao mòn, diệt mất, không được bền chắc. Nếu thân này không được bền chắc, ắt không nhẫn chịu được khổ. Nếu không nhẫn chịu được khổ, ắt không thể tu tập vô lượng pháp lành. Nếu ta không nhẫn chịu được các nỗi khổ thì đối với những cảm thọ khổ liền sanh lòng giận tức; đối với những cảm thọ vui liền sanh lòng tham đắm, vướng mắc. Nếu cầu sự vui không được ắt sanh ra *vô minh*.’

“Vì thế nên phạm phu đối với *bốn món cúng dường* sanh ra lậu hoặc. Đại Bồ Tát có thể quán xét sâu xa nên không sanh ra *lậu hoặc*. [Vì thế,] Bồ Tát còn được gọi là *vô lậu*, làm sao Như Lai có thể là *hữu lậu*? Vì thế mà Như Lai không gọi là *hữu lậu*.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN HAI MƯƠI HAI

¹ Bốn thứ độc: chỉ Bốn đại (Tứ đại) gồm đất, nước, gió và lửa, được xem là các yếu tố cấu thành vật chất. Vì bốn đại do duyên hợp, không thường tồn, là cội gốc của khổ đau nên người tu hành xem đó là bốn thứ độc, cũng gọi là Bốn con rắn độc (Tứ độc xà).

² Bốn món cúng dường: chỉ việc cúng dường bốn nhu cầu thiết yếu, gồm thức ăn uống, y phục, chỗ ngủ nghỉ và thuốc thang.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN HAI MƯỜI BA

PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG

Phẩm thứ mười – Phần ba

Đại nữa, thiện nam tử! Hết thấy phàm phu tuy khéo giữ gìn, bảo vệ thân tâm, nhưng vẫn còn sanh ra ba loại tư tưởng xấu ác.¹ Vì nhân duyên ấy nên dù có dứt trừ được phiền não, sanh lên cõi trời *Phi tưởng phi phi tưởng*, rồi sau cũng vẫn rơi trở lại trong ba đường ác.²

“Thiện nam tử! Ví như có người vượt qua biển cả, đã gần đến bờ bên kia nhưng bị chìm xuống nước mà chết. Những

¹ Ba loại tư tưởng xấu ác: Nguyên bản Hán văn dùng “ác giác” (惡覺). Sách Đại thừa nghĩa chương có lời giải thích rằng: “Tà tâm tư tưởng danh chi vi giác; vi chánh lý cố xưng vi ác.” (Tâm ý, tư tưởng tà vậy gọi là giác; trái nghịch lẽ chân chánh nên gọi là xấu ác.) Vì thế chúng tôi dịch là “tư tưởng xấu ác”. Ba loại tư tưởng xấu ác được đề cập ở đây là: *dục giác*, tức tư tưởng tham dục, sanh ra sự ham muốn; hai là *sân giác*, tức tư tưởng nóng giận, bực tức; ba là *hại giác*, tức tư tưởng muốn xâm hại kẻ khác. Đối với những việc hài lòng thích ý thì sanh lòng tham đắm nên có *dục giác*; đối với những việc không ưa thích, trái ý thì sanh ra bực tức, ghét giận nên có *sân giác*; đối với những kẻ làm trái ý mình thì sanh tâm muốn làm hại, nên có *hại giác*. Kinh *Vô lượng thọ*, quyển thượng, dạy rằng hết thấy phàm phu đều có đủ ba loại tư tưởng xấu ác này.

² Ba nẻo ác (Tam ác đạo), cũng gọi là Tam đồ: 1. Địa ngục (Hỏa đồ): cảnh giới bị lửa thiêu đốt một cách mãnh liệt. 2. Súc sanh (Huyết đồ): cảnh giới súc sanh, thường bị người giết hại để ăn thịt, hoặc tự ăn thịt lẫn nhau. 3. Ngạ quỷ (Đao đồ): cảnh giới quỷ đói, thường xuyên đói khát mà còn bị bức bách, xua đuổi hoặc hành hạ bằng những khí cụ như dao, kiếm, trượng...

kẻ phàm phu cũng như vậy, họ vừa sắp vượt ra khỏi *Ba cõi* nhưng phải rơi trở lại trong ba đường ác. Vì sao vậy? Vì họ không có những tư tưởng hiền thiện. Những gì là tư tưởng hiền thiện? Đó là sáu chỗ *niệm tưởng*.¹ Kẻ phàm phu tâm thiện yếu ớt, tâm bất thiện mãnh liệt. Vì tâm thiện yếu ớt, nên tâm trí tuệ mỏng manh. Vì tâm trí tuệ mỏng manh nên các *lậu hoặc* tăng trưởng.

“Đại Bồ Tát có mắt tuệ thanh tịnh, thấy rõ lỗi lầm của ba loại tư tưởng xấu ác, biết rằng ba loại tư tưởng xấu ấy gây nhiều tai hại, thường khiến chúng sanh trở thành oán nghịch với *Ba thừa*. Do nhân duyên là ba loại tư tưởng xấu ác mà khiến cho vô lượng chúng sanh phàm phu không thấy được tánh Phật. Trong vô lượng kiếp sanh lòng điên đảo, cho rằng Phật Thế Tôn không có *thường, lạc, ngã, chỉ duy nhất có tịnh*; rằng Như Lai dứt bỏ hết tất cả mà nhập *Niết-bàn*.

“Hết thấy chúng sanh đều không có *thường, lạc, ngã, tịnh*, nhưng vì lòng điên đảo nên nói rằng có *thường, lạc, ngã, tịnh*. Thật không có *Ba thừa*, nhưng vì lòng điên đảo nên nói có *Ba thừa*. Thật có một đạo chân thật không hư dối, nhưng vì lòng điên đảo nên nói rằng không có.

“Chư Phật và Bồ Tát thường quả trách ba loại tư tưởng xấu ác này. Chúng thường gây hại cho bản thân hoặc cũng gây hại người khác. Nếu có ba loại tư tưởng xấu ác này thì hết thấy các việc ác thường theo đó mà sinh ra. Ba loại tư tưởng xấu ác này là ba sợi dây liên kết trói buộc

¹ Sáu chỗ niệm tưởng (Lục niệm xứ). 1. Niệm Phật, 2. Niệm Pháp, 3. Niệm Tăng, 4. Niệm giới, 5. Niệm Thí, 6. Niệm Thiên.

chúng sanh trong vòng sanh tử không bờ bến. Đại Bồ Tát thường quán sát như vậy về ba loại tư tưởng xấu ác.

“Nếu có lúc gặp những nhân duyên nên sanh khởi *duc giác*, Bồ Tát chỉ lặng lẽ không chấp nhận. Ví như người sạch sẽ, tinh khiết, ắt không nhận lấy các thứ phần dơ; như hòn sắt nóng chẳng có ai cầm lấy; như người thuộc dòng *bà-la-môn* không ăn thịt bò;¹ như người đã ăn no không ăn món ăn dở; như vua *Chuyển luân* không cùng ngồi với bọn *chiên-đà-la*; Bồ Tát cũng như vậy, khinh ghét ba loại tư tưởng xấu ác, không chấp nhận, không [sinh lòng] ưa thích.

“Vì sao vậy? Vì Bồ Tát suy xét rằng: ‘Chúng sanh đều biết ta là thửa ruộng tốt để họ gieo trồng phước lành, làm sao ta lại chấp nhận các pháp xấu ác này? Nếu ta chấp nhận các tư tưởng xấu ác, ắt không thể làm ruộng phước tốt đẹp cho chúng sanh. Tuy ta không tự xưng là ruộng phước tốt, nhưng chúng sanh nhìn thấy hình tướng [của ta] liền nói rằng ta là ruộng phước tốt. Nay nếu ta sanh khởi những tư tưởng xấu ác như vậy tức là đối gạt hết thảy chúng sanh.

“Thuở xưa, ta vì làm chuyện đối gạt mà phải trải qua vô lượng kiếp lưu chuyển trong sanh tử, rơi vào *ba đường ác*. Nếu ta đem tâm xấu ác mà thọ nhận sự tín thí của người, tất cả chư thiên và các vị tiên đã đạt năm thần thông ắt sẽ rõ biết mà quở trách. Nếu ta sinh khởi tư tưởng xấu ác mà thọ nhận sự tín thí của người thì sẽ khiến cho quả báo của người cúng thí phải giảm bớt, hoặc chẳng được quả

¹ Theo tín ngưỡng *bà-la-môn* thì bò là loại linh vật, nên người theo đạo *bà-la-môn* không bao giờ ăn thịt bò.

báo gì cả. Nếu ta đem tâm xấu ác mà thọ nhận vật cúng thí của *đàn-việt*, ắt ta sẽ thành kẻ oán thù của người cúng thí. Tất cả những người cúng thí đối với ta thường sanh lòng yêu kính như con đẻ, làm sao ta lại đối gạt họ mà sanh lòng thù oán?

“Vì sao [nói là] sanh lòng thù oán? Vì ta làm cho họ không được quả báo, hoặc chỉ được chút ít quả báo mà thôi.

“Ta thường tự xưng là người xuất gia. Người xuất gia thì không nên khởi lòng xấu ác; nếu khởi lòng xấu ác thì chẳng phải [người] xuất gia. Người xuất gia thì lời nói phải phù hợp với việc làm; nếu lời nói và việc làm không phù hợp nhau ắt không phải [người] xuất gia. Ta đã dứt bỏ cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè... xuất gia tu học đạo, chính là lúc tu tập các tư tưởng hiền thiện, không phải lúc tu tập các tư tưởng bất thiện.

“Ví như có người ra biển tìm châu báu nhưng chẳng lấy châu báu thật, chỉ lấy toàn thủy tinh; lại cũng như người từ bỏ nơi có âm nhạc vi diệu mà đến chơi chỗ có phần dơ; như kẻ dứt bỏ người con gái cao quý mà tư thông với con hầu gái; như kẻ vất bỏ chậu vàng mà dùng chậu sành; như người vất bỏ món *cam lộ* mà dùng món thuốc độc; như người bỏ vị lương y tài giỏi và thân thiết từ lâu mà theo thầy thuốc có oán thù, xấu ác để xin thuốc uống. Ta cũng như vậy, nếu khởi lòng xấu ác tức là lìa bỏ món pháp vị *cam lộ* của bậc đại sư Như Lai Thế Tôn mà dùng đủ mọi thứ tư tưởng xấu ác của bọn oán thù là ma!

“Thân người khó được như hoa *ưu-đàm*, mà nay ta đã được. Đức Như Lai khó gặp hơn cả hoa *ưu-đàm*, mà nay

ta đã gặp. Pháp bảo thanh tịnh khó được nghe, mà nay ta đã được nghe. Thật [hy hữu] chẳng khác nào con rùa mù gặp bông cây nổi.¹

“Đời người trôi qua nhanh chóng, nhanh hơn cả thác nước đổ xuống từ trên núi cao, chẳng lúc nào ngừng. Ngày nay tuy còn, ngày mai không dám chắc, vì sao lại buông thả tâm mình để rơi vào các pháp xấu ác? Tuổi xuân tráng kiện không dừng lại, đang qua nhanh như ngựa chạy, sao có thể dựa vào đó mà sanh lòng kiêu mạn?

“Ví như bọn ác quỷ luôn rình rập tìm kiếm lỗi lầm của người, ác ma bốn đại cũng vậy, thường rình rập tìm kiếm những chỗ sai lầm của ta, sao ta lại để cho các tư tưởng xấu ác sanh khởi? Ví như căn nhà mục nát sắp sụp đổ, mạng sống của ta cũng vậy, vì sao lại khởi lòng xấu ác?

“Ta mang danh là *sa-môn*, tức là người rõ biết các tri giác hiền thiện. Như nay ta sanh khởi những tư tưởng bất thiện, sao đáng gọi là *sa-môn*? Ta mang danh là người xuất gia, tức là người tu tập đạo lành. Như nay ta làm điều ác, sao đáng gọi là [người] xuất gia? Ta mang danh là *bà-la-môn* chân chánh, tức là người tu tập hạnh thanh tịnh. Như nay ta khởi tư tưởng xấu ác tức là điều bất tịnh, sao đáng gọi là *bà-la-môn*? Ta cũng mang danh thuộc dòng tộc lớn là *Sát-lợi*, tức là người có thể dẹp trừ những kẻ thù địch. Như nay ta không thể dẹp trừ kẻ thù địch là những điều xấu ác, sao đáng gọi là thuộc dòng tộc *Sát-lợi*?

¹ Con rùa mù gặp bông cây nổi: ví dụ để chỉ những điều rất khó xảy ra. Có con rùa mù ở giữa biển, cứ 100 năm mới nổi lên một lần, lại có khúc cây có lỗ bông, cứ 100 năm mới trôi ngang qua chỗ con rùa một lần. Nếu có khi nào con rùa tình cờ nổi lên đúng vào lúc khúc cây trôi qua, lại đúng vào chỗ bông cây để chui vào (vì rùa mù không nhìn thấy) thì thật là chuyện cực kỳ hiếm có.

Ta mang danh là *tỳ-kheo*, tức là người phá trừ phiền não. Như nay ta không phá trừ phiền não là tư tưởng xấu ác, sao đáng gọi là *Tỳ-kheo*?

“Ở đời có sáu điều khó gặp, khó được. Nay ta đã được rồi, vì sao lại để cho những tư tưởng xấu ác tồn tại trong lòng? Những gì là sáu điều khó gặp, khó được? Một là khó gặp lúc Phật ra đời. Hai là khó được nghe Chánh pháp. Ba là khó sanh khởi tâm lành. Bốn là khó được sanh ra giữa nơi văn minh hội tụ.¹ Năm là khó được thân người. Sáu là khó được đầy đủ các giác quan. Sáu việc ấy là khó được, nay ta đều đã được, vì vậy không nên sanh khởi các tư tưởng xấu ác.

“Bồ Tát khi ấy tu hành kinh Đại *Niết-bàn* này, thường chuyên cần quán sát các tâm xấu ác như vậy. Hết thấy phạm phu vì không thấy được sự nguy hại của các tâm xấu ác như vậy cho nên chấp nhận tùy theo ba loại tư tưởng xấu ác, đó gọi là nhận lấy *lậu hoặc*. Bồ Tát thấy rõ những sự nguy hại ấy nên không nhận chịu, không vướng mắc, buông bỏ không nắm giữ, y theo *Tám thánh đạo* mà loại bỏ, dứt trừ các tư tưởng xấu ác. Vì thế, Bồ Tát còn không nhận lấy *lậu hoặc*, sao lại nói là Như Lai có *lậu hoặc*? Do nghĩa ấy nên Như Lai Thế Tôn không phải là hữu lậu.²

“Lại nữa, thiện nam tử! Kẻ phạm phu khi gặp những sự khổ não nơi thân tâm liền khởi lên mọi điều xấu ác.

¹ Nguyên bản Hán văn dùng “trung quốc” với ý nghĩa đối lại với những nơi “biên địa hạ tiện”, tức là những vùng xa xôi, hẻo lánh, xa cách nếp sống văn minh tiến bộ. Vì thế, “trung quốc” được hiểu là ở giữa những nơi văn minh tiến bộ, được thụ hưởng lợi thế của nền văn hóa, văn minh tiến bộ của con người.

² Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 20, bắt đầu quyển 21, phẩm Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương, phần thứ 3 (Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát phẩm chi tam).

Do nơi thân có bệnh hay tâm có bệnh mà khiến cho thân, khẩu, ý của chúng sanh làm đủ mọi việc xấu ác. Do làm ác nên phải luân hồi trong *ba đường ác*, chịu đủ mọi sự khổ. Vì sao vậy? Vì kẻ phàm phu không có *niệm* và *tri tuệ*. Do đó mà sanh ra đủ mọi *lậu hoặc*. Đó gọi là *niệm lậu*.

“Đại Bồ Tát thường tự suy xét rằng: ‘Từ xưa đến nay, trải qua vô số kiếp, vì thân tâm này ta đã tạo mọi nghiệp ác. Bởi nhân duyên ấy, ta lưu chuyển sanh tử, ở trong *ba đường ác*, chịu đủ các nỗi khổ, xa cách con đường chân chánh *Ba thừa*.’

“Bởi nhân duyên ấy, Bồ Tát đối với thân tâm mình sanh ra rất sợ sệt, liền lìa bỏ mọi việc ác, noi theo đường lành.

“Thiện nam tử! Ví như có vị vua đem bốn con rắn độc nhốt trong một cái lồng, rồi sai một người trông nom nuôi dưỡng, mỗi khi ngủ dậy lại tắm rửa, kỳ cọ thân mình cho rắn. Vua ra lệnh rằng: ‘Nếu người chọc giận một con rắn, ta sẽ mang người ra hành hình giữa chợ.’

“Bấy giờ, nghe lệnh vua như thế, người ấy sợ quá liền bỏ lồng rắn mà chạy trốn. Vua liền sai năm tên *chiên-đà-la* cầm đao rượt theo. Người ấy ngoái lại thấy phía sau có năm người rượt đuổi, liền ra sức chạy nhanh. Năm tên *chiên-đà-la* dùng mưu chước xấu, giấu kín khí giới rồi bí mật sai một người giả vờ thân thiện, đến gần nói với người ấy rằng: ‘Ông nên quay trở lại.’

“Người ấy chẳng tin lời, chạy vào trốn trong một xóm nhà. Khi vào xóm rồi, hé nhìn ở các nhà đều không thấy người. Người ấy xem qua các đồ chứa, đều không thấy có

gì trong đó cả. Tìm không thấy người, cũng không thấy có vật dụng gì, người ấy liền ngồi bệt xuống đất.

“Bỗng nghe giữa không trung có tiếng rằng: ‘Hỡi ôi, chàng trai kia! Xóm nhà này trống vắng, không có dân cư. Đêm nay sẽ có sáu tên giặc cướp đến đây. Nếu ông gặp bọn cướp ấy ắt là không sống được. Ông biết làm sao thoát được?’

“Bấy giờ, người ấy càng thêm sợ sệt, liền bỏ nơi ấy mà đi. Trên đường, gặp một con sông nước chảy xiết, lại không có thuyền bè. Vì sợ hãi, người ấy liền thu nhặt nhiều thứ cỏ cây kết thành một chiếc bè, rồi suy nghĩ rằng: ‘Nếu ta ở lại đây, ắt sẽ bị hại bởi rắn độc, năm tên *chiên-đà-la*, một kẻ giả vờ thân thiện, cùng với bọn sáu tên giặc cướp. Nếu ta qua sông này mà chiếc bè không đủ sức chịu đựng, ắt phải chết chìm. Nhưng ta thà chết chìm chứ không để bị hại bởi rắn độc và bọn giặc cướp kia.’

“Người ấy liền đẩy bè cỏ xuống nước, nương mình trên bè, tay ôm, chân đạp, rẽ nước mà qua sông. Khi tới bờ bên kia, người ấy được an ổn, không còn tai họa, tâm ý vui sướng nhẹ nhàng, mọi nỗi sợ hãi không còn nữa!

“Đại Bồ Tát được nghe và thọ trì kinh Đại *Niết-bàn*, quán xét thân này như cái lồng nhốt bốn con rắn độc là *bốn đại: đất, nước, lửa, gió*. Rắn độc có bốn cách gây độc cho người: lầy mắt nhìn gây độc, thân đụng chạm gây độc, phun nọc gây độc và dùng răng cắn gây độc. Tất cả chúng sanh vì gặp bốn cách gây độc ấy nên phải mất mạng. *Bốn đại* của chúng sanh cũng vậy: hoặc nhìn thấy là xấu ác, hoặc đụng chạm là xấu ác, hoặc hơi thở là xấu ác, hoặc

cẩn xé là xấu ác. Vì những nhân duyên ấy mà lìa xa mọi điều lành.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát quán xét bốn con rắn độc có bốn chủng tánh: sát-lợi, bà-la-môn, tỳ-xá, thú-đà. Rắn bốn đại cũng vậy, có bốn tánh chất: tánh bền chắc, tánh ẩm ướt, tánh nóng ấm, tánh chuyển động. Cho nên Bồ Tát quán xét bốn đại với bốn rắn độc là đồng tánh chất.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* quán xét bốn đại như bốn rắn độc. Vì sao quán xét bốn đại là bốn rắn độc? Vì rắn độc thường rình rập để tìm lúc thuận tiện hại người. Chúng biết lúc nào nên nhìn để gây độc, lúc nào nên đung chạm, lúc nào nên phun nọc và lúc nào nên mổ cắn. Rắn độc bốn đại cũng vậy, thường rình rập chúng sanh để tìm chỗ thiếu sót, yếu kém mà gây hại.

“Người bị rắn độc giết hại không đọa vào *ba đường ác*, nhưng nếu bị bốn đại giết hại thì chắc chắn phải đọa vào *ba đường ác*, không còn nghi ngờ gì nữa.

“Bốn con rắn độc ấy dù được người chăm sóc nuôi dưỡng nhưng vẫn muốn giết hại người. Bốn đại cũng thế, dù được sự cung cấp [nuôi dưỡng] của người nhưng vẫn thường xúi giục người làm mọi điều ác.

“Trong bốn rắn độc ấy, nếu có một con bị chọc giận, nó có thể giết người. Tánh chất của bốn đại cũng vậy, nếu có một đại bộc phát cũng có thể hại người.

“Bốn rắn độc ấy tuy ở cùng nhau nhưng chẳng đồng lòng với nhau. Rắn độc bốn đại cũng vậy, tuy ở cùng một nơi nhưng là bốn tánh khác nhau.

“Bốn rắn độc ấy, dù có cung kính cũng khó mà gần gũi. Rắn độc *bốn đại* cũng vậy, dù có cung kính cũng khó gần gũi.

“Khi bốn rắn độc ấy hại người, nếu có vị *sa-môn* hay *bà-la-môn* nào dùng chú thuật hay thuốc thang thì có thể chữa trị được. *Bốn đại* nếu hại người, dù có thần chú hay thuốc hay của các vị *sa-môn* hoặc *bà-la-môn* cũng không thể chữa trị.

“Như người đang vui, nghe hơi hôi hám đáng ghét của bốn rắn độc liền tức thời lìa xa. Chư Phật và Bồ Tát cũng vậy, nghe hơi hôi hám của *bốn đại* liền tức thời lìa xa.

“Bấy giờ, Bồ Tát lại suy nghĩ rằng: ‘Rắn độc *bốn đại* thật rất đáng sợ!’ Liền quay lưng mà tránh xa, chuyên tâm tu tập *Tám thánh đạo*.

“Năm tên *chiên-đà-la* kia tức là *năm ám*.¹ Vì sao Bồ Tát quán xét *năm ám* như *chiên-đà-la*? *Chiên-đà-la* thường khiến cho những người thương yêu nhau phải chia lìa, những người oán ghét phải gặp gỡ nhau. *Năm ám* cũng thế, khiến cho con người ham muốn gần gũi những pháp bất thiện, lìa xa hết thảy mọi pháp thuần thiện.

“Lại nữa, thiện nam tử! Những kẻ *chiên-đà-la* tự trang bị đủ mọi thứ khí giới, như đao, như thuẫn, như cung tên, áo giáp, giáo mác... để có thể hại người. *Năm ám* cũng tự trang bị kiên cố bằng các phiền não, làm hại những kẻ ngu si phải chìm đắm trong *Ba cõi*.

¹ Năm ám (ngũ ám): Tức là sắc ám, thọ ám, tưởng ám, hành ám và thức ám. Cũng gọi là năm uẩn (ngũ uẩn).

“Thiện nam tử! Những kẻ *chiên-đà-la* bắt được người có tội liền làm hại. *Năm ám* cũng vậy, có thể làm hại những người có lỗi lầm phiền não. Vì lẽ ấy, Bồ Tát quán xét sâu xa *năm ám* cũng như *chiên-đà-la*.

“Lại nữa, Bồ Tát quán sát *năm ám* như *chiên-đà-la*, vì *chiên-đà-la* chẳng có lòng thương xót, làm hại cả kẻ oán lẫn người thân. *Năm ám* cũng vậy, không có lòng thương xót, làm hại cả người thiện lẫn kẻ ác.

“Như *chiên-đà-la* quấy rối tất cả mọi người. *Năm ám* cũng vậy, thường dùng các phiền não mà quấy rối tất cả chúng sanh trong sanh tử. Cho nên Bồ Tát quán xét *năm ám* như *chiên-đà-la*.

“Lại nữa, Bồ Tát quán sát *năm ám* như *chiên-đà-la*, vì *chiên-đà-la* thường ôm lòng gây hại. *Năm ám* cũng vậy, thường chất chứa trong lòng những phiền não trói buộc gây hại.

“Như một người không có chân để chạy, không có đao kiếm, gậy gộc, không có kẻ đi theo bảo vệ, nên biết rằng người ấy ắt sẽ bị kẻ *chiên-đà-la* giết hại. Chúng sanh cũng vậy, nếu không có chân để chạy, không có đao kiếm, không có kẻ đi theo bảo vệ thì sẽ phải bị *năm ám* làm hại. *Chân* đó là giới luật, *đao kiếm* đó là trí tuệ, *kẻ đi theo bảo vệ* tức là các vị thiện tri thức, bạn tốt. Vì không có ba điều ấy nên mới bị *năm ám* làm hại. Vì thế, Bồ Tát quán xét *năm ám* như *chiên-đà-la*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát quán xét *năm ám* còn đáng sợ hơn cả *chiên-đà-la*. Vì sao vậy? Chúng sanh bị *năm* kẻ *chiên-đà-la* giết hại không phải đọa vào địa

ngục, nhưng nếu bị *năm ấm* giết hại thì ắt phải đọa vào địa ngục. Vì nghĩa ấy nên Bồ Tát quán sát *năm ấm* còn đáng sợ hơn cả *chiên-đà-la*. Quán xét như vậy rồi, Bồ Tát bèn lập nguyện rằng: ‘Ta thà trọn đời ở gần kẻ *chiên-đà-la* chứ không gần gũi *năm ấm* dù chỉ trong phút chốc.’

“*Chiên-đà-la* chỉ có thể làm hại người ngu si ở *Dục giới* mà thôi; còn giặc *năm ấm* có thể làm hại chúng sanh phạm phu khắp trong *Ba cõi*: *Dục giới*, *Sắc giới* và *Vô sắc giới*.

“*Chiên-đà-la* chỉ có thể làm hại người có tội mà thôi; còn giặc *năm ấm* không phân biệt chúng sanh là có tội hay không có tội, đều làm hại tất cả.

“*Chiên-đà-la* không làm hại những người già yếu, phụ nữ, trẻ con; còn giặc *năm ấm* không phân biệt chúng sanh nào là già yếu, trẻ con hay phụ nữ, đều làm hại tất cả.

“Cho nên Bồ Tát quán xét sâu xa thấy *năm ấm* còn đáng sợ hơn cả *chiên-đà-la*. Vì thế, Bồ Tát phát nguyện rằng: ‘Ta thà trọn đời ở gần kẻ *chiên-đà-la* chứ không gần gũi với *năm ấm* dù chỉ trong phút chốc.’

“Lại nữa, thiện nam tử! *Chiên-đà-la* chỉ làm hại người khác mà thôi, chẳng bao giờ tự hại mình. Giặc *năm ấm* làm hại cả mình và người khác, đáng sợ hơn cả *chiên-đà-la*.

“Kẻ *chiên-đà-la* có thể dùng lời khéo léo, tiền của, vật quý mua chuộc để cầu được thoát. *Năm ấm* chẳng phải vậy, không thể gượng dùng lời khéo léo dẫn dụ, hoặc tiền của, vật quý để cầu được thoát.

“Kẻ *chiên-đà-la* không phải trong bốn thời đều luôn giết hại. *Năm ấm* chẳng phải vậy, trong từng khoảnh khắc vẫn thường làm hại chúng sanh.

“Kẻ *chiên-đà-la* chỉ ở tại một nơi mà thôi nên có thể trốn tránh đi nơi khác. *Năm ấm* chẳng phải vậy, khắp nơi đều có nên không thể nào trốn tránh được.

“Kẻ *chiên-đà-la* tuy làm hại người, nhưng đã hại rồi thì không đuổi theo. *Năm ấm* chẳng phải vậy, đã giết hại chúng sanh rồi lại còn bám theo mãi mãi không rời.

“Cho nên Bồ Tát thà trọn đời [phải] ở gần kẻ *chiên-đà-la* chứ cũng không gần gũi với *năm ấm*, dù chỉ trong phút chốc.

“Người có trí tuệ dùng phương tiện khéo léo mà thoát khỏi *năm ấm*. Phương tiện khéo léo đó tức là *Tám Thánh đạo*, *Sáu Ba-la-mật*, *Bốn tâm vô lượng*. Nhờ phương tiện ấy mà được giải thoát, thân tâm chẳng bị *năm ấm* làm hại. Vì sao vậy? Vì thân như kim cương, tâm như hư không, nên khó bị hư hoại.

“Do những nghĩa ấy, Bồ Tát quán xét các ấm gây ra đủ mọi pháp bất thiện, sanh ra nỗi sợ lớn, bèn lo tu tập *Tám Thánh đạo*. Cũng giống như người bỏ trốn kia, vì sợ bốn con rắn độc, năm kẻ *chiên-đà-la* nên băng đường mà chạy đi, không dám quay đầu nhìn lại.

“Kẻ thù oán giả vờ thân thiện kia tức là tham ái. Đại Bồ Tát quán xét sâu xa sự trói buộc của tham ái giống như kẻ thù oán giả vờ thân thiện. Nếu rõ biết sự thật thì kẻ ấy chẳng làm gì được; nếu không rõ biết thì sẽ bị hại. Tham ái cũng vậy. Nếu biết được tánh thật của tham ái

thì chúng sanh không còn bị luân chuyển trong biển khổ sanh tử; nếu không biết được tánh thật của tham ái thì phải luân hồi trong sáu nẻo, chịu đủ mọi nỗi khổ. Vì sao vậy? Vì tham ái là bệnh, rất khó buông bỏ xa lìa, cũng như kẻ thù oán giả vờ thân thiện, rất khó lìa xa.

“Kẻ thù oán giả vờ thân thiện thường rình rập tìm chỗ thuận tiện để khiến cho những người thương yêu nhau phải chia lìa, những người oán ghét phải gặp gỡ nhau. Tham ái cũng vậy, khiến cho người ta xa cách hết thấy pháp lành, gần gũi hết thấy các pháp bất thiện. Vì nghĩa ấy nên Bồ Tát quán xét sâu xa thấy tham ái như kẻ thù oán giả vờ thân thiện, vì [khiến cho người ta] thấy [cũng như] không thấy, nghe [cũng như] không nghe. Như kẻ phạm phu tuy có trí tuệ thấy được lỗi lầm của sanh tử, nhưng vì sự ngu si che lấp nên cũng như không thấy. Hàng Thanh văn, Duyên giác cũng vậy, tuy thấy [cũng như] không thấy, tuy nghe [cũng như] không nghe. Vì sao vậy? Vì có tâm tham ái.

“Thế nào là vì có tâm tham ái? Vì thấy chỗ lỗi lầm của sanh tử nhưng không thể nhanh chóng đạt đến quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Do nghĩa ấy, Đại Bồ Tát quán xét sự trói buộc của tham ái giống như kẻ thù oán giả vờ thân thiện.

“Thế nào là biểu hiện của kẻ thù oán giả vờ thân thiện? Kẻ thù oán là không chân thật nhưng giả vờ ra vẻ chân thật; không thể gần gũi nhưng giả vờ ra vẻ gần gũi; thật là bất thiện nhưng giả vờ ra vẻ hiền thiện; thật không có lòng thương yêu nhưng giả vờ ra vẻ thương yêu. Vì sao vậy? Vì muốn rình rập tìm chỗ thuận tiện để làm hại.

“Tham ái cũng vậy, thường đối với chúng sanh giả vờ ra vẻ chân thật, giả vờ ra vẻ gần gũi, giả vờ ra vẻ hiền thiện, giả vờ ra vẻ thương yêu, thường đối gạt tất cả chúng sanh, khiến họ luân hồi sanh tử. Vì nghĩa ấy, Bồ Tát quán xét tham ái như kẻ thù oán giả vờ thân thiện.

“Với kẻ thù oán giả vờ thân thiện, ta chỉ thấy được hành vi và lời nói, không thấy được trong lòng nên bị đối gạt. Tham ái cũng vậy, chỉ là hư dối, thật không có được, nên có thể đối gạt tất cả chúng sanh.

“Kẻ thù oán giả vờ thân thiện thì có lúc khởi đầu, có lúc kết thúc, nên dễ lìa xa. Tham ái không phải vậy, không có khởi đầu, không có kết thúc, nên rất khó xa lìa.

“Kẻ thù oán giả vờ thân thiện khi ở xa thì khó rõ biết, nhưng khi ở gần mình thì dễ biết được. Tham ái không phải vậy, dù khi ở gần cũng khó rõ biết, huống chi là lúc ở xa?

“Vì những lẽ ấy nên Bồ Tát quán xét tham ái còn đáng sợ hơn cả kẻ giả vờ thân thiện. Vì sự trói buộc của tham ái, tất cả chúng sanh đều xa cách Đại *Niết-bàn*, gần gũi sanh tử; xa cách *thường, lạc, ngã, tịnh*, gần gũi *vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh*. Cho nên ở nhiều nơi trong các kinh, Phật đều có dạy về ba sự như nhớp là tham ái, sân hận và si mê. Chúng sanh đối với những sự việc trong hiện tại, do vô minh che lấp nên không thấy được những lỗi lầm nguy hại, không thể buông bỏ, xa lìa.

“Tham ái như kẻ oán giả vờ thân thiện, chẳng bao giờ làm hại được người có trí. Vì thế, Bồ Tát quán xét sâu xa tham ái, sanh ra nỗi sợ lớn, bèn lo tu tập *Tám Thánh*

đạo. Cũng như người bỏ trốn kia vì sợ bốn con rắn độc, năm tên *chiên-đà-la* và kẻ giả vờ thân thiện nên băng đường mà chạy đi không dám quay lại.

“Xóm nhà trống không kia tức là *sáu nhập*.¹ Đại Bồ Tát quán xét *sáu nhập* bên trong là trống trơn, thật không có gì, như xóm nhà trống không. Như kẻ hoảng sợ kia, khi vào xóm nhà rồi chẳng thấy có người dân nào cả, tìm xem hết mọi thứ đồ chứa cũng chẳng thấy có món vật dụng gì. Bồ Tát cũng vậy, quán xét kỹ *sáu nhập* không thấy có gì cả, không thấy có chúng sanh, không thấy có một vật gì là thật! Vì thế, Bồ Tát quán xét *sáu nhập* bên trong không có gì cả, như xóm nhà trống không.

“Thiện nam tử! Xóm nhà trống không kia, bọn giặc cướp từ xa trông đến không hề có ý nghĩ rằng đó là trống không. Những kẻ phạm phu cũng vậy, đối với cái xóm nhà *sáu nhập* không hề có ý nghĩ rằng đó là trống không. Vì không thể nghĩ rằng *sáu nhập* là trống không nên phải luân hồi sanh tử, chịu vô số nỗi khổ.

“Thiện nam tử! Khi bọn giặc cướp đến nơi rồi liền sanh khởi ý tưởng đó là trống không. Bồ Tát cũng vậy, quán xét *sáu nhập* thường sanh ý tưởng cho là trống không. Vì sanh ý tưởng trống không nên không bị sanh tử luân hồi, không phải chịu khổ. Bồ Tát đối với *sáu nhập* ấy thường không điên đảo. Vì không điên đảo nên chẳng còn trở lại sanh tử luân hồi.

¹ Sáu nhập (lục nhập): ở đây chỉ sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý), tức là sáu nhập bên trong (nội lục nhập). Còn có sáu nhập bên ngoài (ngoại lục nhập) tức là sáu trần (hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm và các pháp). Sáu căn bên trong thiệp nhập với sáu trần bên ngoài sanh ra sáu thức, nên gọi là nhập.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có giặc cướp vào trú trong xóm nhà trống không ấy sẽ được yên ổn. Giặc phiên não cũng vậy, vào trú trong *sáu nhập* sẽ được yên ổn. Như giặc cướp trú nơi xóm nhà trống không thì lòng không sợ sệt. Giặc phiên não cũng vậy, trú nơi *sáu nhập* cũng không còn sợ sệt.

“Như xóm nhà trống không kia chính là chỗ trú ngụ của sư tử, cọp, sói và mọi giống thú dữ. *Sáu nhập* bên trong cũng vậy, chính là chỗ trú ngụ của tất cả bọn thú dữ phiên não xấu ác. Cho nên Bồ Tát quán xét sâu xa thấy *sáu nhập* là trống không, không có gì cả, chỉ là chỗ trú ngụ của tất cả những điều bất thiện.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát quán xét *sáu nhập* bên trong là trống không, không có gì cả, như xóm nhà trống không kia. Vì sao vậy? Vì là hư dối không chân thật. Xóm nhà trống không kia thật là trống không, không có gì, [người không hiểu biết] lại sanh ra ý tưởng cho là thật có; thật không có gì là vui, lại sanh ra ý tưởng cho là vui; thật không có người ở, lại sanh ra ý tưởng là có người. *Sáu nhập* bên trong cũng vậy, vốn là trống không, không có gì cả, [người không hiểu biết] lại sanh ra ý tưởng cho là thật có; thật không có gì là vui, lại sanh ra ý tưởng cho là vui; thật không có người ở, lại sanh ra ý tưởng là có người. Chỉ người trí mới biết rõ như vậy, đạt đến sự chân thật.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như xóm nhà trống không kia cũng có lúc có người, có lúc vắng người. *Sáu nhập* không như vậy, lúc nào cũng là không. Vì sao vậy? Vì tánh [của chúng] thường là không. Đó là chỗ biết của người trí, chẳng phải do mắt thấy. Cho nên Bồ Tát quán xét *sáu*

nhập bên trong chứa nhiều oán thù tai hại, liền lo tu tập *Tám Thánh đạo* không lúc nào dừng, như người kia vì sợ bốn con rắn độc, năm tên *chiên-đà-la*, một kẻ giả vờ thân thiện và sáu tên giặc cướp mà hoảng hốt bỏ chạy theo con đường lớn.

“Sáu tên giặc cướp kia tức là *sáu trần* bên ngoài.¹ Đại Bồ Tát quán xét *sáu trần* ấy như sáu tên giặc cướp. Vì sao vậy? Vì có thể cướp giết tất cả các pháp lành. Như sáu tên giặc cướp có thể cướp giết của cải và vật quý của tất cả mọi người. Giặc cướp *sáu trần* này cũng vậy, có thể cướp giết những điều lành quý báu của tất cả chúng sanh.

“Như sáu tên giặc cướp nếu vào trong nhà người ắt có thể cướp giết tài sản hiện có trong nhà, không phân biệt là tốt hay xấu, khiến cho người rất giàu có bỗng chốc hóa ra nghèo túng. Giặc cướp *sáu trần* cũng vậy, nếu thiệp nhập với *sáu căn* ắt có thể cướp giết tất cả pháp lành. Pháp lành mất hết thì trở nên nghèo túng trợ trợ, làm kẻ *nhất-xiển-đê*. Cho nên Bồ Tát quán xét kỹ thấy *sáu trần* cũng như sáu tên giặc cướp.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như sáu tên giặc cướp khi muốn cướp của người cần phải có kẻ nội ứng. Nếu không có kẻ nội ứng, ắt chúng phải quay về. Giặc cướp *sáu trần* cũng vậy, nếu muốn cướp đoạt pháp lành cần phải nhân nơi bên trong có sự thấy biết của chúng sanh,² như các tướng

¹ Sáu trần (Lục trần): hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm và các pháp.

² Sự thấy biết của chúng sanh (chúng sanh tri kiến): sự thấy biết không chân thật, sai lệch, khiến cho chúng sanh phải chìm đắm trong sanh tử, trái lại với sự thấy biết chân thật của bậc giác ngộ (Phật tri kiến). Sự thấy biết sai lệch này cũng gọi là diên đảo (diên đảo kiến).

thường, lạc, ngã, tịnh, chấp hữu. Nếu bên trong không có những tướng ấy, giặc cướp *sáu trần* không thể cướp giật hết thấy pháp lành. Người có trí thì bên trong không có những tướng như vậy, còn kẻ phàm phu ắt là phải có, nên *sáu trần* thường đến cướp đoạt của cải là pháp lành. Vì không khéo léo giữ gìn nên bị cướp mất. Sự giữ gìn đó gọi là trí tuệ. Người có trí tuệ khéo léo đề phòng và gìn giữ nên không bị cướp. Cho nên Bồ Tát quán xét *sáu trần* cũng như *sáu tên* giặc cướp, thật không khác nhau.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như *sáu tên* giặc cướp có thể làm cho thân tâm người dân khổ não. Giặc cướp *sáu trần* cũng vậy, thường làm cho thân tâm chúng sanh khổ não.

“*Sáu tên* giặc cướp chỉ cướp được tài sản hiện có của người ta mà thôi, nhưng giặc cướp *sáu trần* thường cướp đoạt tài sản là điều lành của chúng sanh trong cả ba đời.¹

“*Sáu tên* giặc cướp kia, khi đêm tối lấy làm vui vẻ. Giặc cướp *sáu trần* cũng vậy, ở trong sự tăm tối của vô minh lấy làm vui vẻ.

“*Sáu tên* giặc cướp kia, chỉ có vua quan mới ngăn cản được chúng. Giặc cướp *sáu trần* cũng vậy, chỉ có Phật và Bồ Tát mới ngăn dừng được chúng.

“*Sáu tên* giặc cướp kia, khi muốn cướp đoạt thì không phân biệt dòng họ, người đoan chánh hay thông triết, nghe nhiều, học rộng hay sang quý, hèn hạ. Giặc cướp *sáu trần* cũng vậy, khi muốn cướp đoạt pháp lành thì cũng không phân biệt từ người đoan chánh cho đến kẻ hèn hạ.

¹ Ba đời: quá khứ, hiện tại và tương lai.

Sáu tên giặc cướp kia, dù vua quan có chặt đứt tay chân cũng không thể khiến cho bọn chúng dứt bỏ lòng giặc cướp. Giặc cướp *sáu trần* cũng vậy, dù các vị *Tu-đà-hoàn*, *Tu-đà-hàm*, *A-na-hàm*¹ có chặt đứt tay chân của chúng cũng không thể làm cho chúng từ bỏ không cướp đoạt pháp lành.

“Như người khỏe mạnh, uy dũng mới có thể khuất phục sáu tên giặc cướp. Chư Phật và Bồ Tát cũng vậy, các ngài mới có đủ khả năng khuất phục bọn giặc cướp *sáu trần*.”

“Ví như người có thân tộc đông đảo, bè phái vững mạnh, ắt không bị bọn sáu tên giặc kia cướp giật. Chúng sanh cũng thế, nếu có đủ bạn tốt, thiện tri thức thì không bị bọn giặc *sáu trần* cướp đoạt.”

“Sáu tên giặc kia nếu thấy được tài sản của người ta liền có thể trộm cướp. Giặc *sáu trần* không phải vậy, hoặc thấy, hoặc biết, hoặc nghe, hoặc ngửi, hoặc xúc chạm, hoặc nhận biết, thấy đều có thể cướp đoạt.”

“Sáu tên giặc kia chỉ có thể cướp đoạt tài sản của người ở *Dục giới* mà thôi, không thể cướp đoạt ở các cõi *Sắc giới* và *Vô sắc giới*. Giặc cướp *sáu trần* không phải vậy, chúng có thể cướp đoạt tất cả của báu là pháp lành trong *Ba cõi*.”

“Cho nên Bồ Tát quán xét *sáu trần* còn đáng sợ hơn cả sáu tên giặc cướp kia. Quán xét như vậy rồi liền tu tập *Tám Thánh đạo*, thẳng tiến không thối lui; cũng như người kia vì sợ bốn con rắn độc, nắm tên *chiên-đà-la*, một

¹ *Tu-đà-hoàn*, *Tu-đà-hàm*, *A-na-hàm*: ba quả vị Tiểu thừa thấp hơn quả vị A-la-hán.

kẻ giả vờ thân thiện và sáu tên giặc cướp mà vội bỏ xóm nhà không người, băng đường chạy đi.

“Trên đường gặp một dòng sông, đó là phiền não. Vì sao Bồ Tát quán xét phiền não như dòng sông lớn? Như dòng sông nước chảy xiết có thể cuốn trôi cả con voi to đang sung sức. Dòng sông phiền não chảy xiết cũng vậy, có thể cuốn trôi cả hàng Duyên giác. Cho nên Bồ Tát quán xét sâu xa thấy phiền não cũng như dòng sông chảy xiết.

“Nước sâu khó dò tới đáy nên gọi là *sông*, bờ xa không vượt sang được nên gọi là *lớn*. Trong dòng nước lại có đủ mọi thứ cá dữ. Sông lớn phiền não cũng vậy, chỉ có Phật và Bồ Tát mới dò được tận đáy, nên gọi là rất sâu; chỉ có Phật và Bồ Tát mới sang được tới bờ bên kia, nên gọi là rộng lớn. Thường làm hại tất cả chúng sanh ngu si, nên gọi là cá dữ. Vì thế Bồ Tát quán xét phiền não như dòng sông lớn [có nhiều cá dữ].

“Như nước sông lớn có thể làm tăng trưởng tất cả cỏ cây, rừng rậm. Sông lớn phiền não cũng vậy, có thể làm tăng trưởng chúng sanh trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu.¹ Cho nên Bồ Tát quán xét phiền não cũng như dòng sông lớn.

“Ví như có người rơi xuống dòng nước sông lớn, không có gì là hổ thẹn. Chúng sanh cũng thế, chìm trong dòng sông phiền não không hề hổ thẹn. Như người rơi xuống sông, chưa chìm tới đáy đã mất mạng rồi. Chúng sanh trong dòng sông phiền não cũng vậy, chưa chìm tới đáy

¹ Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu (nhị thập ngũ hữu): Chỉ tất cả những cảnh giới trong Ba cõi.

đã phải xoay vòng luân chuyển trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu.

“Nói đáy sông đó là chỉ cho tướng *Không*. Nên biết rằng, nếu ai không tu tập tướng *Không* này thì không thể ra khỏi hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Vì tất cả chúng sanh không khéo tu tập lẽ *Không*, *Vô tướng*, nên thường bị dòng sông phiền não cuốn trôi, nhận chìm.

“Như dòng sông lớn kia chỉ có thể làm hại xác thân, không thể nhận chìm hết thủy pháp lành. Dòng sông lớn phiền não không phải vậy, vì có thể làm hư hoại hết thủy các pháp lành của thân và tâm.

“Dòng sông hung hãn kia cũng chỉ cuốn trôi, nhận chìm người trong cõi *Dục giới*. Dòng sông lớn phiền não có thể cuốn trôi, nhận chìm cả loài người và chư thiên trong *Ba cõi*.

“Như dòng sông lớn ở thế gian, có thể ôm phao nổi mà đạp chân sang đến bờ bên kia. Với dòng sông lớn phiền não, chỉ có Bồ Tát nhờ nơi sáu pháp *ba-la-mật* mới có thể vượt qua được.

“Như nước sông lớn thật khó mà lội được sang bờ bên kia. Sông lớn phiền não cũng vậy, thật khó mà vượt sang đến bờ bên kia.

“Vì sao nói rằng khó vượt sang được? Cho đến các vị Đại Bồ Tát đạt địa vị *Mười trụ* vẫn còn chưa thể rốt ráo vượt sang, chỉ có chư Phật mới rốt ráo vượt sang mà thôi. Vì thế nên nói rằng khó vượt sang được.

“Ví như có một người bị dòng sông cuốn trôi, không thể tu tập chút pháp lành nào. Chúng sanh cũng vậy, bị dòng

sông phiền não cuốn trôi, nhấn chìm, cũng không thể tu tập được pháp lành.

“Như người rớt xuống sông, bị nước cuốn trôi, người đủ sức mạnh có thể cứu vớt lên được. Nhưng người bị chìm trong dòng sông phiền não, làm *nhất-xiển-đề* thì dù là Thanh văn, Duyên giác cho đến chư Phật cũng không thể cứu vớt được.

“Vào thuở kiếp tận sẽ có bảy mặt trời cùng chiếu xuống dòng sông lớn ở thế gian, khiến cho khô cạn. Sông lớn phiền não không phải như vậy, hàng Thanh văn, Duyên giác tuy tu tập *Bảy giác chi*¹ cũng không thể làm cho khô cạn được. Vì thế, Bồ Tát quán xét các phiền não giống như dòng sông hung bạo.

“Ví như người kia vì sợ bốn con rắn độc, năm tên *chiên-đà-la*, một kẻ giả vờ thân thiện và sáu tên giặc cướp mà rời bỏ xóm nhà trống không để theo đường chạy trốn. Khi đến bờ sông liền kết cỏ làm bè qua sông. Bồ Tát cũng vậy, vì sợ rắn độc là *bốn đại*, *chiên-đà-la* là *năm ám*, kẻ giả vờ thân thiện là *tham ái*, xóm nhà trống không là *sáu nhập*, giặc cướp là *sáu trần*, liền chạy tới bờ sông *phiền não*, tu tập *giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sáu ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo*, dùng đó làm thuyền bè để nương theo mà vượt qua sông lớn phiền não, đến được bờ bên kia là cảnh giới *Niết-bàn* an vui.

¹ Bảy giác chi (Thất giác chi): cũng gọi là Bảy phần *Bồ-đề* (Thất Bồ-đề phần), vì đây là những yếu tố tạo thành sự giác ngộ. Bảy giác chi bao gồm: Niệm giác chi, Trạch Pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an giác chi, Định giác chi và Xả giác chi.

“Vị Bồ Tát tu hành Đại *Niết-bàn* có suy nghĩ rằng: ‘Nếu ta không nhẫn chịu được những nỗi khổ của thân, của tâm như thế này, ắt không thể giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua được dòng sông phiền não.’ Suy nghĩ như vậy, nên dù có những nỗi khổ nào trong thân tâm, [vị Bồ Tát] cũng lặng lẽ nhẫn chịu. Vì nhẫn chịu được nên không sanh ra *lậu hoặc*.”

“Vị Bồ Tát như vậy còn không có các lậu hoặc, huống chi đức Phật Như Lai làm sao có *lậu hoặc*? Cho nên chư Phật không thể gọi là *hữu lậu*.”

“Vì sao Như Lai cũng không phải *vô lậu*? Vì đức Như Lai thường hành đạo trong cõi *hữu lậu*, tức là hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Vì thế nên hàng Thanh văn và những kẻ phàm phu nói rằng Phật là *hữu lậu*; nhưng chư Phật Như Lai chân thật là *vô lậu*.”

“Thiện nam tử! Do những nhân duyên ấy nên chư Phật Như Lai không hề có tướng nhất định.”

“Thiện nam tử! Vì thế nên kẻ phạm *bốn giới cấm nặng*, phỉ báng kinh *Phương đẳng* cùng với kẻ *nhất-xiển-đề*, thấy đều là không nhất định.”

Lúc ấy, Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Đúng vậy, đúng vậy! Quả như lời Phật dạy, hết thấy các pháp đều là không nhất định. Vì lẽ không nhất định ấy, nên biết rằng Như Lai không phải dứt bỏ hết tất cả mà nhập *Niết-bàn*.”

“Như trước đây Phật có dạy: ‘Đại Bồ Tát tu hành Đại *Niết-bàn* nghe được những điều không [thể] nghe: có *Niết-*

bàn, có Đại *Niết-bàn*.’ [Bạch Thế Tôn!] Thế nào là *Niết-bàn*? Thế nào là Đại *Niết-bàn*?”

Bấy giờ, Phật ngợi khen Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Chỉ có Bồ Tát nào đã được *niệm tổng trì* mới có thể thưa hỏi như vậy.

“Thiện nam tử! Như người đời nói có biển, có biển lớn; có sông, có sông lớn; có núi, có núi lớn; có cõi đất, có cõi đất lớn; có thành, có đại thành; có chúng sanh, có đại chúng sanh; có tiểu vương, có đại vương; có chư thiên, có đại thiên; có đạo, có đại đạo. *Niết-bàn* cũng thế, có *Niết-bàn*, có Đại *Niết-bàn*.

“Thế nào là *Niết-bàn*? Thiện nam tử! Như có người đang đói, nếu được chút cơm ăn thì cho là vui sướng. Sự vui sướng như vậy cũng gọi là *Niết-bàn*. Như người bệnh được khỏi thì cho là vui sướng. Sự vui sướng như vậy cũng gọi là *Niết-bàn*. Như người đang sợ sệt gặp chỗ nương dựa, ắt được vui sướng. Sự vui sướng như vậy cũng gọi là *Niết-bàn*. Như người nghèo túng được vật bằng bảy báu, ắt được vui sướng. Sự vui sướng như vậy cũng gọi là *Niết-bàn*. Như người quán tưởng bộ xương, dứt lòng tham muốn, ắt được an vui. Sự an vui như vậy cũng gọi là *Niết-bàn*.

“*Niết-bàn* như vậy không gọi là Đại *Niết-bàn*. Vì sao vậy? Vì có được là do đói khát, do bệnh tật, do sợ sệt, do nghèo túng, do tham đắm vướng mắc, nên gọi là *Niết-bàn*, không phải Đại *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Như kẻ phạm phu và hàng Thanh văn, hoặc do nơi pháp thế gian, hoặc nhân nơi Thánh đạo mà

dứt trừ được phiền não trói buộc ở *Dục giới*, ắt sẽ được an vui. Sự an vui như vậy cũng gọi là *Niết-bàn*, không gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Nếu có thể dứt được phiền não trói buộc từ cảnh *Sơ thiên* cho đến cảnh *Phi tướng phi phi tướng* ắt được an vui. Sự an vui như vậy cũng gọi là *Niết-bàn*, không gọi là Đại *Niết-bàn*. Vì sao vậy? Vì còn có tập khí¹ [làm] sanh khởi phiền não trở lại.

“Thế nào là *phiền não tập khí*? Hàng Thanh văn, Duyên giác đều có những thói quen phiền não, như là những ý niệm: thân của ta, y phục của ta; ta đi, ta lại, ta nói, ta nghe; chư Phật Như Lai nhập *Niết-bàn*, tánh của *Niết-bàn* là *vô ngã, vô lạc*, chỉ có thường hằng thanh tịnh mà thôi. [Những ý niệm sai lầm] như thế gọi là *phiền não tập khí*.

“[Hoặc có những ý niệm như là:] Phật, Pháp, Tăng là những tướng khác biệt nhau, Như Lai rốt cùng dứt bỏ tất cả mà nhập *Niết-bàn*, chỗ chứng đắc *Niết-bàn* của hàng Thanh văn, Duyên giác với chư Phật Như Lai không có gì khác biệt. Do có những ý niệm [sai lầm] như thế nên chỗ chứng đắc của hàng *Nhị thừa*² không phải là Đại *Niết-bàn*.

“Vì sao vậy? Vì không có *thường, lạc, ngã, tịnh*. Có *thường, lạc, ngã, tịnh* mới được gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Ví như nơi có thể dung chứa [tất cả] các dòng nước nên gọi là biển lớn. [Cũng vậy,] nơi mà hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát và chư Phật Như Lai đều

¹ Tập khí: những tập quán, thói quen xấu được tích lũy qua một thời gian dài, thậm chí là trong rất nhiều đời nhiều kiếp quá khứ, nên thường rất khó nhận ra.

² Nhị thừa: chỉ Thanh văn thừa và Duyên giác thừa.

đạt đến thì gọi là Đại Niết-bàn. Bốn cảnh giới thiên,¹ Ba pháp Tam-muội,² Tám bội xả,³ Tám pháp thắng xứ,⁴ Mười pháp nhất thiết xứ,⁵ nơi nào có thể dung chứa vô số các thiện pháp như vậy thì gọi là Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Ví như có dòng sông mà con voi tơ khỏe nhất cũng không thể lặn tới đáy, ắt phải gọi là sông lớn. Hàng Thanh văn, Duyên giác, cho đến Bồ Tát đã đạt đến địa vị Mười trụ nhưng không thấy tánh Phật, chỉ gọi là Niết-bàn, không phải Đại Niết-bàn. Nếu ai có thể thấy rõ ràng tánh Phật, ắt phải được gọi là Đại Niết-bàn. Như dòng sông lớn chỉ có voi chúa mới lặn được thấu đáy. Voi chúa ấy chính là chư Phật, mới có khả năng thấu suốt Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Nếu như voi chúa dừng kiện⁶ cùng với các vị thần bát-kiện-đà,⁷ các đại lực sĩ cùng leo lên một ngọn núi, trải qua thời gian rất lâu vẫn không tới được

¹ Bốn cảnh giới thiên: từ Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên đến Tứ thiên.

² Ba pháp Tam-muội: cũng gọi là Tam định, Tam đẳng trì, Tam không. Gồm có: Không Tam-muội, Vô tướng Tam-muội và Vô ngụyện Tam-muội.

³ Tám bội xả: cũng gọi là Tám giải thoát.

⁴ Tám pháp thắng xứ, hay tám phép quán tưởng, được kể ra như sau: 1. Nội hữu sắc tưởng quán ngoại sắc thiếu thắng xứ, 2. Nội hữu sắc tưởng quán ngoại sắc đa thắng xứ, 3. Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc thiếu thắng xứ, 4. Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc đa thắng xứ, 5. Thanh thắng xứ, 6. Hoàng thắng xứ, 7. Xích thắng xứ, 8. Bạch thắng xứ. Theo Trí độ luận thì bốn pháp sau (quán bốn màu xanh, vàng, đỏ, trắng) được thay bằng bốn đại (đất, nước, gió, lửa), nhưng nội dung không khác.

⁵ Mười pháp nhất thiết xứ (Thập nhất thiết xứ, cũng gọi là Thập biến xứ): Hành giả quán mười pháp là: xanh, vàng, đỏ, trắng, đất, nước, gió, lửa, không và thức, thấy các pháp này châu biến khắp pháp giới, nên gọi là nhất thiết xứ.

⁶ Voi chúa dừng kiện: nguyên bản Hán văn dùng ma-ha-na-già, phiên âm từ Phạn ngữ *Mahānāgā*, Hán dịch là đại hương tượng, chỉ con voi sung sức, khỏe mạnh nhất trong đàn voi.

⁷ Bát-kiện-đà, phiên âm Phạn ngữ là *Pakkhandin*, cũng đọc là bát-kiện-đê: tên gọi một loại thần có sức mạnh.

đỉnh núi, như vậy mới gọi là núi lớn. Nếu như các voi chúa đứng kiện, các đại lực sĩ là Thanh văn, Duyên giác và chư Bồ Tát đều không thể thấy được, cảnh giới ấy mới được gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nơi vị tiểu vương cư trú gọi là tiểu thành. Nơi vị *Chuyển luân Thánh vương* cư trú mới gọi là đại thành. Nơi an trụ của tám vạn, sáu vạn, bốn vạn, hai vạn, một vạn Thanh văn, Duyên giác gọi là *Niết-bàn*. Nơi an trụ của bậc Thánh vương là Vô thượng Pháp vương mới được gọi là Đại Bát *Niết-bàn*. Do những nghĩa ấy nên gọi là Đại Bát *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Như có người nhìn thấy bốn loại quân binh¹ mà không sanh lòng sợ sệt, nên biết rằng người ấy đáng gọi là bậc đại nhân. Nếu người nào đối với các cảnh giới xấu ác, phiền não, nghiệp ác không sanh lòng sợ sệt mà có thể ở trong đó để rộng độ chúng sanh, nên biết rằng người ấy thật chứng đắc Đại *Niết-bàn*.

“Nếu ai biết cúng dường cha mẹ, cung kính *sa-môn*, *bà-la-môn*, biết tu tập giữ gìn pháp lành, nói ra lời thành thật, không có sự dối gạt, khinh miệt, có thể nhẫn chịu mọi sự xấu ác, rộng lòng bố thí cho kẻ nghèo đói, người ấy đáng gọi là bậc đại trượng phu. Bồ Tát cũng vậy, có lòng từ bi lớn, thương xót tất cả, lòng thương yêu chúng sanh như các bậc cha mẹ, có thể đưa chúng sanh vượt qua sông sanh tử, chỉ bày cho tất cả chúng sanh đạo chân thật duy nhất. Như vậy gọi là Đại Bát *Niết-bàn*.

¹ Bốn thứ binh (Tứ chủng binh): Binh voi, binh ngựa, binh xe, binh bộ. Bốn thứ binh của các nhà vua thuở xưa.

“Thiện nam tử! *Đại*, đó gọi là không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn, nên là chỗ mà tất cả chúng sanh không đủ sức tin. Như thế gọi là *Đại Bát Niết-bàn*.

“Vì là cảnh giới chỉ có Phật và Bồ Tát mới thấy được nên gọi là *Đại Niết-bàn*. Vì nhân duyên gì lại gọi là *đại*? Vì phải có vô lượng nhân duyên rồi mới đạt được nên gọi là *đại*.

“Thiện nam tử! Như người thế gian, việc gì phải có nhiều nhân duyên mới đạt được thì gọi là *đại*. *Niết-bàn* cũng vậy, vì phải có nhiều nhân duyên mới đạt được nên gọi là *đại*.

“Vì sao lại gọi là *Đại Niết-bàn*? Vì có *đại ngã* nên gọi là *Đại Niết-bàn*. *Niết-bàn* không có *ngã*, vì được hoàn toàn tự tại tùy ý nên gọi là *đại ngã*. Thế nào gọi là hoàn toàn tự tại? Vì có tám đức tự tại, nên gọi là *đại ngã*.¹ Những gì là tám [đức tự tại]?

“Thứ nhất, có thể dùng một thân mà thị hiện nhiều thân. Số thân lớn hoặc nhỏ nhiều như số hạt bụi nhỏ, đầy khắp vô lượng thế giới trong mười phương.

“Thân Như Lai thật ra chẳng phải nhiều như số hạt bụi nhỏ, nhờ được hoàn toàn tự tại nên [có thể] hiện ra số thân nhiều như số hạt bụi nhỏ. Sự hoàn toàn tự tại tùy ý như vậy gọi là *đại ngã*.

“Thứ hai, có thể dùng một thân nhỏ như hạt bụi mà thị hiện [lớn lên] choán đầy cõi thế giới *Tam thiên đại thiên*.

Thân Như Lai thật ra không [lớn lên] choán đầy cõi thế giới *Tam thiên đại thiên*. Nhưng vì sao vậy? Vì không

¹ Nguyên bản Hán văn chỗ này chỉ nói là *ngã* (*tác danh vi ngã*) nhưng hàm ý rõ ràng là *đại ngã*, vì trong văn cảnh tám đoạn theo sau đều dùng *đại ngã*. Để tránh sự nhầm lẫn với khái niệm *ngã* trong *vô ngã* vừa nói trên, nên ở đây chúng tôi vẫn dịch là *đại ngã*.

có sự ngăn ngại, và chính là nhờ được hoàn toàn tự tại mà [có thể thị hiện lớn lên] choán đầy khắp cõi thế giới *Tam thiên đại thiên*. Sự hoàn toàn tự tại như vậy gọi là *đại ngã*.

“Thứ ba, có thể dùng cái thân rộng lớn choán đầy khắp cõi thế giới *Tam thiên đại thiên* này mà nhẹ nhàng bay trên hư không, vượt qua các cõi thế giới của chư Phật nhiều như số cát hai mươi con sông Hằng, không có sự chướng ngại nào cả.

“Thân Như Lai thật ra không có nặng nhẹ, nhưng do được hoàn toàn tự tại nên có thể hóa hiện thành nhẹ hay nặng. Sự hoàn toàn tự tại như vậy gọi là *đại ngã*.

“Thứ tư, do sự tự tại mà được tự tại. Thế nào là tự tại? Như Lai đạt đến sự nhất tâm, trụ yên không xao động. Tâm ấy có thể thị hiện hóa ra vô số hình loại, mỗi hình loại đều khiến cho có tâm thức. Có khi Như Lai tạo ra một sự việc mà khiến cho tất cả chúng sanh đều thành tựu đầy đủ. Thân Như Lai thường trụ ở một cõi mà khiến cho tất cả chúng sanh ở các cõi khác đều nhìn thấy được. Sự hoàn toàn tự tại như vậy gọi là *đại ngã*.

“Thứ năm, do nơi *căn tự tại*. Thế nào gọi là *căn tự tại*? Mỗi một căn của Như Lai đều có thể nhìn thấy hình sắc, nghe âm thanh, ngửi mùi, nếm vị, xúc chạm, biết pháp. Cả sáu căn của Như Lai lại cũng không thấy hình sắc, không nghe âm thanh, không ngửi mùi, không nếm vị, không xúc chạm, không biết pháp. Vì hoàn toàn tự tại nên khiến cho các căn đều được tự tại. Sự hoàn toàn tự tại như vậy gọi là *đại ngã*.

“Thứ sáu, do hoàn toàn tự tại nên chứng đắc tất cả các pháp. Trong tâm Như Lai cũng không hề có ý tưởng chứng

đắc. Vì sao vậy? Vì không có chỗ chứng đắc. Nếu là có mới gọi là chứng đắc. Thật không gì là có, làm sao gọi là chứng đắc? Nếu Như Lai có ý tưởng cho là có chứng đắc, ắt chư Phật không thật chứng đắc *Niết-bàn*. Vì không có chỗ chứng đắc nên mới gọi là chứng đắc *Niết-bàn*. Vì hoàn toàn tự tại nên chứng đắc tất cả các pháp. Vì chứng đắc [tất cả] các pháp nên gọi là *đại ngã*.

“Thứ bảy, do nơi sự giảng thuyết tự tại nên Như Lai [có thể] giảng thuyết rộng ý nghĩa của một bài kệ mà trải qua vô lượng kiếp cũng không hết nghĩa. Như là nói về *giới*, hoặc nói về *định*, hoặc về *bố thí*, hoặc về *trí tuệ*. Như Lai trong lúc ấy chẳng hề sanh khởi ý niệm rằng có người thuyết giảng, có người nghe, cũng không sanh khởi ý tưởng là có bài kệ.

“Người đời lấy hình thức bốn câu gọi là một bài kệ. Như Lai vì tùy thuận thế gian nên thuyết giảng gọi là kệ. Nhưng tánh thật của tất cả các pháp cũng không có sự giảng thuyết. Vì được hoàn toàn tự tại nên Như Lai giảng thuyết. Vì giảng thuyết nên gọi là *đại ngã*.

“Thứ tám, Như Lai biến hiện khắp cả mọi nơi, giống như hư không. Tánh của hư không là không thể nhìn thấy được. Như Lai cũng thế, không thể nhìn thấy được. Nhưng nhờ sự tự tại nên khiến cho tất cả [chúng sanh] đều nhìn thấy. Sự hoàn toàn tự tại như vậy nên gọi là *đại ngã*.

“*Đại ngã* như vậy gọi là *Đại Niết-bàn*. Do những nghĩa ấy nên gọi là *Đại Niết-bàn*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như kho tàng châu báu có nhiều vật quý hiếm, đầy đủ hàng trăm loại nên gọi là kho tàng lớn. Kho tàng rất sâu xa uyên áo của chư Phật Như

Lại cũng vậy, có nhiều sự vật lạ kỳ, đầy đủ không thiếu sót, nên gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Sự vật không có giới hạn mới gọi là *đại*. *Niết-bàn* không có giới hạn nên gọi là *đại*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Vì có niềm vui sướng lớn lao nên gọi là Đại *Niết-bàn*. *Niết-bàn* thật không có vui. Vì có đủ bốn niềm vui [lớn lao] nên gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Những gì là bốn niềm vui [lớn lao]?”

“Thứ nhất là dứt trừ sự vui. Nếu không dứt trừ sự vui ắt gọi là khổ.¹ Nếu có khổ thì không gọi là niềm vui lớn lao. Nhờ dứt trừ sự vui nên không có khổ. Không khổ không vui mới gọi là niềm vui lớn lao.

“Tánh của *Niết-bàn* là không khổ, không vui. Cho nên *Niết-bàn* gọi là niềm vui lớn lao. Vì nghĩa ấy nên gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Vui có hai loại: một là sự vui của phàm phu, hai là niềm vui của chư Phật. Sự vui của phàm phu là vô thường, bại hoại, nên không thật là vui. Chư Phật thường vui, không có sự biến chuyển thay đổi nên gọi là niềm vui lớn lao.

“Lại nữa, thiện nam tử! Có ba loại *cảm thọ*, một là *cảm thọ khổ*, hai là *cảm thọ vui*, ba là *cảm thọ không khổ không vui*.

“*Cảm thọ không khổ không vui* của phàm phu [thật ra] cũng chính là [cảm thọ] khổ. *Niết-bàn* tuy cũng là không khổ không vui, nhưng gọi là niềm vui lớn lao. Vì là niềm vui lớn lao nên gọi là Đại *Niết-bàn*.

¹ Ở đây đang nói đến các niềm vui thế tục, của phàm phu. Về sự vui này, văn Quy Sơn cảnh sách nói rõ: “Vui chính là nguyên nhân của khổ.” (Lạc thị khổ nhân.)

“Thứ hai là vì hết sức tĩnh lặng nên gọi là niềm vui lớn lao. Tánh của *Niết-bàn* là hết sức tĩnh lặng. Vì sao vậy? Vì liả xa tất cả các pháp rối rắm ồn ào. Vì là hết sức tĩnh lặng nên gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Thứ ba là vì rõ biết tất cả nên gọi là niềm vui lớn lao. Nếu không phải là rõ biết tất cả thì không gọi là niềm vui lớn lao. Vì chư Phật Như Lai rõ biết tất cả nên gọi là niềm vui lớn lao. Vì có niềm vui lớn lao nên gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Thứ tư là vì thân không hư hoại nên gọi là niềm vui lớn lao. Nếu thân có sự hư hoại, ắt không gọi là vui. Thân Như Lai [bền chắc] như kim cang, không thể hư hoại, chẳng phải thân phiền não, chẳng phải thân vô thường, cho nên gọi là niềm vui lớn lao. Vì có niềm vui lớn lao nên gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Những tên gọi ở thế gian, hoặc có nhân duyên, hoặc không có nhân duyên.

“Những trường hợp có nhân duyên là như tên ông *Xá-lợi-phất*. Vì mẹ tên là *Xá-lợi*, nhân theo mẹ mà đặt tên nên gọi là *Xá-lợi-phất*; hoặc như đạo nhân *Ma-du-la* sanh ở *Ma-du-la*, nhân theo nơi [sanh] ấy mà đặt tên nên gọi là đạo nhân *Ma-du-la*; hoặc như *Mục-kiền-liên*, *Mục-kiền-liên* là họ, nhân theo họ mà đặt tên nên gọi là *Mục-kiền-liên*; hoặc như ta sanh trong dòng họ *Cồ-đàm*, nhân theo họ mà đặt tên nên gọi ta là *Cồ-đàm*; hoặc như bà đưa tin *Tỳ-xá-khư*,¹ *Tỳ-xá-khư* là tên một ngôi sao, nhân theo tên sao mà đặt tên nên gọi là *Tỳ-xá-khư*; hoặc như người có

¹ *Tỳ-xá-khư* (*Viśākhā*) là một vị *ưu-bà-di* (nữ cư sĩ) ở thành *Xá-vệ*. Đức Phật giao cho bà nhiệm vụ thông tin qua lại giữa các vị trong tăng đoàn *tỳ-kheo* và *tỳ-kheo* ni. Bà cũng là người đề đạt ý nguyện của các vị *ưu-bà-di* khác lên đức Phật.

sáu ngón tay, nhân theo sáu ngón tay ấy mà gọi tên là *Lục chỉ*; hoặc như những danh xưng *Phật nô* là tôi tớ của Phật, *Thiên nô* là tôi tớ của chư thiên, đều là nhân nơi Phật, nơi chư thiên mà có; hoặc như những loài từ chỗ ẩm ướt mà sanh ra, người ta bèn gọi là *thấp sanh*; hoặc nhân theo tiếng kêu của các giống vật mà đặt tên như *ca-ca-la*,¹ *cứu-cứu-la*,² *đát-đát-la*...³ Những tên gọi như vậy đều là do nhân duyên mà có.

“Những trường hợp không do nhân duyên là như các tên gọi hoa sen, đất, nước, lửa, gió, hư không... Như tên gọi *mạn-đà-bà* có hai nghĩa, một là chỉ cung điện, hai là chỉ việc uống nước. Chỉ riêng cung điện, không nói việc uống nước cũng gọi là *mạn-đà-bà*. Như tên gọi *tát-bà-xa-đa* nghĩa là cái dù che con rắn,⁴ thật chẳng phải là cái dù che rắn. Đó gọi là không có nguyên nhân mà gượng ép đặt thành tên. Như tên gọi *để-la-bà-di* có nghĩa là ăn dầu, nhưng thật không có việc ăn ăn dầu, gượng ép đặt tên gọi là ăn dầu. Đó gọi là không có nhân duyên mà gượng ép đặt thành tên gọi.

“Thiện nam tử! Đại *Niết-bàn* này cũng là như vậy, không có nhân duyên, chỉ gượng ép đặt thành tên gọi.

¹ Ca-ca-la (*kākāla*): con quạ, nhân theo tiếng kêu của quạ mà tiếng Phạn gọi là ca-ca-la.

² Cứu-cứu-la (*kaukkuṭika*), cũng đọc là *cứu-cứu-trá*: con gà, nhân theo tiếng kêu của gà mà tiếng Phạn gọi là cứu-cứu-la.

³ Đát-đát-la: tên khác chỉ con gà, vì nghe theo tiếng kêu mà đặt tên nên thành hai tên khác nhau. Huyền ứng âm nghĩa, quyển 2 viết: “Đát-đát-la, thị kê thanh dã.” (Đát-đát-la là tiếng kêu của con gà.). Tuệ Lâm âm nghĩa, quyển 26 viết: “Đát-đát-la, dụng thanh đặc danh.” (Đát-đát-la, dùng tiếng kêu mà đặt tên.) Theo cả hai sách này thì biết đát-đát-la đúng là tên gọi để chỉ con gà.

⁴ Chỉ cái mang rắn khi phùng lớn ra.

“Thiện nam tử! Ví như hư không, chẳng phải nhân nơi khoảng không nhỏ mà gọi là đại không. *Niết-bàn* cũng vậy, chẳng phải nhân nơi tướng nhỏ nhất mà gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Ví như sự vật không thể cân lường, không thể nghĩ bàn nên gọi là *đại*. *Niết-bàn* cũng vậy, vì không thể cân lường, không thể nghĩ bàn nên được gọi là Đại *Niết-bàn*. Vì thanh tịnh thuần khiết nên gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Thế nào là thanh tịnh thuần khiết? Thanh tịnh có bốn loại.

“Những gì là bốn?

“Thứ nhất, *hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu* gọi là không thanh tịnh, vì có thể dứt trừ mãi mãi nên được gọi là thanh tịnh. Thanh tịnh tức *Niết-bàn*. *Niết-bàn* như vậy cũng được gọi là hiện hữu. Nhưng *Niết-bàn* ấy thật chẳng phải là hiện hữu. Chư Phật Như Lai vì tùy thuận thế tục nên nói rằng *Niết-bàn* hiện hữu. Ví như người đời, chẳng phải cha gọi là cha, chẳng phải mẹ gọi là mẹ, thật chẳng phải cha mẹ mà gọi là cha mẹ. *Niết-bàn* cũng như thế, vì tùy thuận thế tục nên nói rằng chư Phật có Đại *Niết-bàn*.

“Thứ hai là do nghiệp thanh tịnh. Tất cả phàm phu, vì nghiệp không thanh tịnh nên không có *Niết-bàn*. Chư Phật Như Lai vì nghiệp thanh tịnh nên gọi là thanh tịnh thuần khiết. Vì thanh tịnh thuần khiết nên gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Thứ ba là do thân thanh tịnh. Nếu thân vô thường thì gọi là không thanh tịnh. Thân Như Lai thường tồn nên gọi là thanh tịnh thuần khiết. Vì thanh tịnh thuần khiết nên gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Thứ tư là do tâm thanh tịnh. Nếu tâm có lậu hoặc ắt gọi là không thanh tịnh. Tâm Phật không có lậu hoặc nên gọi là thanh tịnh thuần khiết. Vì thanh tịnh thuần khiết nên gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Như vậy gọi là thiện nam tử, thiện nữ nhân tu tập và hành trì theo kinh Đại Bát *Niết-bàn* này được thành tựu đầy đủ phần công đức thứ nhất.”¹

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN HAI MƯỜI BA

¹ Công đức thứ nhất: Ở đầu quyển 21 Phật dạy rằng Bồ Tát tu hành kinh Đại *Niết-bàn* này sẽ được mười công đức. Trong mười công đức ấy, công đức thứ nhất có năm điều: Một là những điều không [thể] nghe có thể được nghe. Hai là được nghe rồi có thể làm lợi ích. Ba là có thể trừ dứt lòng nghi hoặc. Bốn là tâm sáng suốt ngay thẳng không tà vạy. Năm là có thể biết được tạng sâu kín của Như Lai. Từ đầu quyển 21 cho đến hết quyển 23 này là giảng xong phần công đức thứ nhất.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN HAI MƯƠI BỐN¹

PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG

Phẩm thứ mười – Phần bốn

Đại nữa, thiện nam tử! Thế nào là Đại Bồ Tát tu tập hành trì kinh Đại *Niết-bàn* thành tựu đầy đủ công đức thứ nhì?²

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập hành trì kinh Đại *Niết-bàn*, những chỗ trước đây không chứng đắc thì nay chứng đắc, trước đây không nhìn thấy thì nay được thấy, trước đây không nghe thì nay được nghe, trước đây không đến thì nay đạt đến, trước đây không biết thì nay được biết.

“Sao gọi là chỗ trước đây không chứng đắc thì nay chứng đắc? Như nói về thần thông, trước đây không chứng đắc thì nay chứng đắc.

¹ Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 21, bắt đầu quyển 22, phẩm Bồ Tát Quang Minh Cao Quý Đức Vương, phần thứ tư (Quang Minh Cao Quý Đức Vương Bồ Tát phẩm chi tứ).

² Ở đầu quyển 21, Phật dạy rằng Bồ Tát tu hành Kinh Đại *Niết-bàn* sẽ được 10 công đức. Từ quyển 21 đến cuối quyển 23 đã giảng xong phần công đức thứ nhất. Quyển 24 này giảng giải từ công đức thứ nhì cho đến công đức thứ sáu.

“Thần thông có hai loại, một là *nội thông*, hai là *ngoại thông*. *Ngoại thông* là những thần thông mà ngoại đạo cũng có. *Nội thông* là những thần thông chỉ có trong đạo Phật, lại phân thành hai loại. Một là thần thông của hàng *Nhị thừa*, hai là thần thông của hàng Bồ Tát.

“Bồ Tát tu tập hành trì kinh Đại *Niết-bàn* chứng đắc những thần thông mà hàng Thanh văn và Phật *Bích-chi* đều không có được.

“Vì sao nói là Thanh văn và Phật *Bích-chi* không cùng có được? Hàng *Nhị thừa* khi hiện thần thông biến hóa, mỗi một tâm chỉ hóa hiện được một phép, không hóa hiện được nhiều. Bồ Tát không phải vậy, chỉ trong một tâm có thể hóa hiện đầy đủ các thân trong *Năm đường*.¹ Vì sao vậy? Vì có được thế lực của kinh Đại *Niết-bàn* này. Đó gọi là chỗ trước đây không chứng đắc thì nay chứng đắc.

“Lại nữa, sao gọi là chỗ trước đây không chứng đắc thì nay chứng đắc? Như nói về thân được tự tại, tâm được tự tại. Vì sao vậy? Thân tâm của tất cả phàm phu đều không được tự tại: hoặc tâm tùy theo thân, hoặc thân tùy theo tâm.

“Thế nào là tâm tùy theo thân? Ví như người say rượu, trong thân có rượu. Khi ấy thân chuyển động thì tâm cũng theo đó mà động. Lại như thân mỗi mọt thì tâm cũng theo đó mà mỗi mọt. Như thế gọi là tâm tùy theo thân.

“Lại như đứa trẻ thơ, thân thể bé nhỏ, tâm cũng theo đó mà nhỏ. Người trưởng thành rồi thân lớn, tâm cũng

¹ Năm đường: Tức năm cảnh giới thọ sanh của chúng sanh, bao gồm cõi trời, cõi người, cõi ngạ quỷ, cõi súc sanh và cõi địa ngục. Cũng tương tự như khi nói về Lục đạo, nhưng không có cảnh giới a-tu-la.

theo đó mà lớn. Lại như có người thân thể thô nhám, tâm thường nghĩ nhớ, ao ước có được loại thuốc mỡ để thoa trên thân cho được trơn láng. Như thế gọi là tâm tùy theo thân.

“Thế nào là thân tùy theo tâm? Như nói về những việc đến, đi, ngồi, nằm, tu hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn... Người sâu não thì thân thể gầy yếu tiêu tụy, người vui vẻ thì thân thể mập mạp tươi nhuận; người hốt hoảng thì thân thể run rẩy, người chú tâm nghe thuyết pháp thì thân thể vui nhẹ, thoải mái; người đau thương khóc lóc thì nước mắt tuôn trào. Như thế gọi là thân tùy theo tâm.

“Bồ Tát không phải vậy, đối với thân và tâm đều được tự tại. Như thế gọi là chỗ trước đây không chứng đắc thì nay chứng đắc.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát hóa hiện thân tướng như hạt bụi nhỏ, dùng những thân như bụi nhỏ ấy mà có thể hiện đến khắp vô lượng vô biên cõi thế giới Phật nhiều như cát sông Hằng, không có gì chướng ngại, nhưng trong tâm vẫn thường an định không hề xao động. Như thế gọi là tâm không tùy theo thân. Như thế gọi là chỗ trước đây không chứng đắc thì nay chứng đắc.

“Thế nào là chỗ trước đây không đến mà nay đạt đến? Chỗ mà tất cả Thanh văn và Phật *Bích-chi* đều không thể đạt đến, Bồ Tát có thể đạt đến. Vì thế gọi là chỗ trước đây không đến mà nay đạt đến.

“Tất cả hàng Thanh văn và Phật *Bích-chi* tuy dùng thân thông cũng không thể biến thân như hạt bụi cực nhỏ mà

hiện đến khắp vô lượng thế giới Phật nhiều như cát sông Hằng. Hàng Thanh văn và Duyên giác, khi thân động thì tâm cũng theo đó mà động. Bồ Tát không phải thế, tuy tâm không hề xao động nhưng thân biến hiện đến khắp mọi nơi. Như thế gọi là Bồ Tát tâm không tùy theo thân.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát hóa thân lớn như cõi thế giới *Tam thiên đại thiên*, rồi dùng thân to lớn ấy đi vào trong thân nhỏ bé như hạt bụi, nhưng lúc bấy giờ tâm không theo đó mà nhỏ lại. Hàng Thanh văn, Duyên giác tuy có thể hóa thân lớn như cõi thế giới *Tam thiên đại thiên*, nhưng không thể dùng thân to lớn như vậy đi vào trong thân nhỏ bé như hạt bụi. Việc như thế còn không thể làm được, huống chi lại có thể giữ cho tâm không tùy động theo thân? Như thế gọi là Bồ Tát tâm không tùy theo thân.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát dùng một âm thanh có thể khiến cho chúng sanh trong khắp cõi thế giới *Tam thiên đại thiên* đều nghe được, nhưng trong tâm không hề nghĩ rằng mình khiến cho âm thanh ấy vang đến các thế giới, làm cho các chúng sanh chưa từng nghe mà nay được nghe. Bồ Tát từ trước cũng không hề nói rằng: ‘Ta làm cho chúng sanh từ trước chưa nghe nay được nghe.’

“Nếu người nói rằng: ‘Nhờ sự thuyết pháp của ta nên chúng sanh chưa nghe nay được nghe.’ Nên biết rằng người ấy không thể chứng đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì sao vậy? Vì nếu nghĩ rằng: ‘Ta vì những chúng sanh chưa được nghe mà thuyết pháp’, thì tâm như vậy chính là tâm sanh tử. Tâm ấy đã dứt mất nơi tất cả

các vị Bồ Tát. Vì nghĩa ấy nên thân tâm của Đại Bồ Tát chẳng tùy theo nhau.

“Thiện nam tử! Thân tâm của tất cả phàm phu đều tùy theo nhau. Bồ Tát không phải vậy. Vì hóa độ chúng sanh nên tuy hiện thân nhỏ bé nhưng tâm không vì thế mà nhỏ bé. Vì sao vậy? Vì tâm tánh của chư Bồ Tát thường rộng lớn. Tuy hóa hiện thân to lớn nhưng tâm cũng không theo đó mà lớn.

“Thế nào là thân to lớn? Là thân lớn như cõi thế giới *Tam thiên đại thiên*. Thế nào là tâm nhỏ? Là việc làm như đứa trẻ con. Do những nghĩa trên nên Bồ Tát tâm chẳng tùy theo thân.

“Đại Bồ Tát trải qua vô số kiếp đã xa lìa việc uống rượu, nhưng tâm vẫn xao động; tâm không đau thương khổ não nhưng thân vẫn rơi lệ; thật không hoảng hốt nhưng thân vẫn run rẩy. Vì những nghĩa ấy, nên biết rằng thân tâm của Bồ Tát tự tại, không tùy theo nhau. Đại Bồ Tát chỉ hóa hiện một thân nhưng mỗi chúng sanh đều nhìn thấy khác nhau.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là Đại Bồ Tát tu tập hành trì kinh Đại *Niết-bàn*, chỗ trước đây không nghe thì nay được nghe? Đại Bồ Tát trước hết dùng tướng trạng của các âm thanh như tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng người, tiếng tù và, tiếng trống, tiếng các loại tiêu, sáo... tiếng ca hát, tiếng cười đùa... mà tu tập. Nhờ tu tập nên có thể nghe được âm thanh ở các cảnh giới địa ngục trong vô lượng thế giới *Tam thiên Đại thiên*. Lại tiếp tục tu tập nên được *nhĩ căn* khác lạ, khác với *thiên nhĩ* của

hàng Thanh văn, Duyên giác. Vì sao vậy? Chỗ được nhĩ căn thanh tịnh của hàng *Nhị thừa* nếu nương theo bốn đại thanh tịnh mâu nhiệm của *Sơ thiên* thì chỉ nghe được âm thanh trong cảnh giới *Sơ thiên* mà thôi, không nghe được âm thanh trong cảnh giới *Nhị thiên*. Cho đến *Tứ thiên* cũng là như vậy. Tuy có thể nhất thời nghe được âm thanh trong cõi thế giới *Tam thiên đại thiên*, nhưng không thể nghe được âm thanh trong vô lượng vô biên thế giới nhiều như số cát sông Hằng. Vì nghĩa ấy nên chỗ được *nhĩ căn* của Bồ Tát khác với chỗ được *nhĩ căn* của hàng Thanh văn, Duyên giác. Vì nghĩa ấy nên chỗ trước đây không nghe thì nay [tu tập kinh *Đại Bát Niết-bàn* này rồi sẽ] được nghe.

“Tuy nghe âm thanh nhưng trong tâm không hề có tướng nghe âm thanh, không khởi các tướng hiện hữu, *thường, lạc, ngã, tịnh*, tướng tự chủ, tướng nương theo, tướng tạo tác, tướng nguyên nhân, tướng nhất định, tướng kết quả. Vì nghĩa ấy nên những chỗ trước đây các vị Bồ Tát không nghe thì nay được nghe.”

Bấy giờ, Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Nếu Như Lai dạy rằng không khởi các tướng nhất định, tướng kết quả thì nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Trước đây Như Lai có dạy: ‘Nếu ai nghe được một câu, một chữ trong kinh *Đại Niết-bàn* này thì nhất định sẽ được thành tựu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì sao nay Như Lai lại nói rằng không nhất định, không kết quả? Nếu [quả thật sẽ] được thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thì đó tức là tướng

nhất định, là tướng kết quả. Vì sao nói rằng không [có các tướng] nhất định, tướng kết quả? Do nơi việc nghe tiếng xấu ác nên sanh lòng xấu ác. Vì sanh lòng xấu ác, ắt phải rơi vào *ba đường ác*. Nếu rơi vào *ba đường ác* thì đó chính là [tướng] nhất định, là [tướng] kết quả. Vì sao lại nói rằng không [có tướng] nhất định, không [có tướng] kết quả?”

Lúc ấy, đức Như Lai ngợi khen [Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương]: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử, ông khéo có thể thưa hỏi được lời như thế! Giả sử chư Phật dạy rằng các âm thanh có tướng nhất định, có tướng kết quả, ắt đó không phải là tướng của chư Phật Thế Tôn, chính là tướng của *Ma vương*, tướng sanh tử, tướng xa cách *Niết-bàn*.

“Vì sao vậy? Chỗ diễn thuyết của tất cả chư Phật đều không có tướng nhất định, tướng kết quả.

“Thiện nam tử! Ví như trong lưỡi đao sáng phản chiếu khuôn mặt người, dựng đứng lưỡi đao thì thấy mặt dài, đặt nằm ngang thì thấy mặt rộng. Nếu có tướng nhất định, vì sao có việc dựng đứng lưỡi đao thì thấy mặt dài, đặt nằm ngang thì thấy mặt rộng? Vì nghĩa ấy, chỗ diễn thuyết của chư Phật Thế Tôn đều không có tướng nhất định, không có tướng kết quả.

“Thiện nam tử! *Niết-bàn* thật chẳng phải là kết quả của âm thanh. Nếu như *Niết-bàn* là kết quả của âm thanh thì *Niết-bàn* không phải pháp thường tồn.

“Thiện nam tử! Ví như ở thế gian, do có nguyên nhân mà sanh ra sự vật. Có nhân ắt có quả, không nhân thì không quả. Vì nhân là vô thường nên quả cũng là vô thường. Vì sao vậy? Vì nhân tạo thành quả, quả cũng tạo thành nhân. Vì nghĩa ấy nên tất cả các pháp đều không có tướng nhất định. Nếu như *Niết-bàn* do nhân mà sanh, thì nhân là vô thường nên quả cũng phải vô thường.

“Nhưng *Niết-bàn* chẳng phải do nhân sanh, nên bản thể của *Niết-bàn* không phải là kết quả, vì thế nên thường tồn.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên bản thể của *Niết-bàn* là không nhất định, không kết quả.

“Thiện nam tử! Nhưng *Niết-bàn* đó cũng có thể nói là nhất định, cũng có thể nói là kết quả. Thế nào là nhất định? *Niết-bàn* của tất cả chư Phật đều *thường, lạc, ngã, tịnh*, cho nên là nhất định; đều không có sanh, già, hư hoại, cho nên là nhất định. Những kẻ *nhất-xiển-đề*, phạm *bốn trọng cấm*, phỉ báng kinh *Phương đẳng*, tạo *năm tội nghịch*, [nếu] buông bỏ tâm ấy thì nhất định sẽ chứng đắc *Niết-bàn*, cho nên là nhất định.

“Thiện nam tử! Như ông vừa nói, nếu người nào được nghe Phật thuyết giảng một câu, một chữ trong kinh Đại *Niết-bàn* này, sẽ được thành tựu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Đối với nghĩa ấy ông chưa thật hiểu rõ. Hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói rõ hơn.

“Thiện nam tử! Như có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe được một chữ, một câu trong kinh Đại *Niết-bàn* này mà không khởi thành tướng chữ nghĩa văn tự, không khởi thành tướng [được] nghe, không khởi thành tướng Phật, không khởi thành tướng thuyết giảng, ý nghĩa như vậy gọi là tướng *vô tướng*. Do tướng *vô tướng* nên được thành tựu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Như ông có nói, vì nghe âm thanh xấu ác nên rơi vào *ba đường ác*. Nghĩa này không đúng. Vì sao vậy? Không phải do âm thanh xấu ác mà rơi vào *ba đường ác*. Nên biết rằng kết quả ấy là do *tâm xấu ác*.

Vì sao vậy? Có nhiều người tuy nghe âm thanh xấu ác nhưng trong tâm chẳng sanh khởi điều xấu ác. Cho nên phải biết rằng âm thanh xấu ác không phải nguyên nhân sanh vào *ba đường ác*. Đó là chúng sanh do phiền não trói buộc, tâm xấu ác phát triển thêm nhiều nên phải sanh vào *ba đường ác*, thật chẳng phải do âm thanh xấu ác.

“Nếu như âm thanh có tướng nhất định thì tất cả những người nghe lẽ ra đều phải sanh tâm xấu ác. Nhưng có người sanh tâm xấu ác, có người lại không sanh tâm xấu ác, vậy nên phải biết rằng âm thanh không có tướng nhất định. Vì không có tướng nhất định nên cũng nhân nơi đó mà có người không sanh tâm xấu ác.”

[Lúc ấy, Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương lại thưa hỏi:] “Bạch Thế Tôn! Nếu âm thanh là không nhất định, vì sao Bồ Tát trước đây không nghe mà nay được nghe?”

[Phật dạy:] “Thiện nam tử! Âm thanh không có tướng nhất định, chỗ trước đây không nghe, nay khiến cho các Bồ Tát được nghe. Vì nghĩa ấy nên ta dạy rằng: ‘Chỗ trước đây không nghe mà nay được nghe.’

“Thiện nam tử! Sao gọi là chỗ trước đây không thấy mà nay được thấy?

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn*, trước hết dùng các tướng của ánh sáng như là mặt trời, mặt trăng, tinh tú, đèn đuốc, ánh sáng của các loại minh châu, được thảo... mà tu tập. Nhờ tu tập nên đạt được *nhãn căn* khác lạ, khác với chỗ đạt được của hàng Thanh văn, Duyên giác.

“Thế nào là khác? Chỗ đạt được *thiên nhãn* thanh tịnh của hàng *Nhị thừa* nếu dựa vào *nhãn căn* bốn đại ở *Dục giới* thì không thấy được cảnh giới *Sơ thiên*. Nếu dựa vào *Sơ thiên* thì không thấy được những cảnh giới cao hơn. Thậm chí không thể tự thấy được con mắt của mình. Nếu muốn nhìn thấy nhiều thì tối đa cũng chỉ được hết cõi thế giới *Tam thiên đại thiên*.

“Đại Bồ Tát không tu *thiên nhãn*, nhìn thấy những thân tướng hình sắc tốt đẹp đều là tướng xương trắng. Tuy nhìn thấy tướng hình sắc của các thế giới phương khác nhiều như cát sông Hằng, nhưng không khởi tướng hình sắc, không khởi tướng thường tồn, tướng hiện hữu, tướng sự vật, tướng danh tự... [Bồ Tát] khởi tướng nhân duyên,¹ không khởi tướng thấy, không cho rằng con mắt

¹ Khởi tướng nhân duyên: thấy biết rằng hết thấy mọi hình sắc đều do nhân duyên hợp thành mà có.

này là tướng thanh tịnh vi diệu. Chỉ thấy có tướng nhân duyên và chẳng phải nhân duyên mà thôi.

“Thế nào là nhân duyên? Hình sắc là nhân duyên của con mắt. Nếu như hình sắc không phải nhân duyên thì tất cả phàm phu lẽ ra không sanh khởi tướng thấy sắc. Vì nghĩa ấy nên gọi hình sắc là nhân duyên.

“Nói chẳng phải nhân duyên, đó là Đại Bồ Tát tuy cũng nhìn thấy nhưng không sanh khởi tướng sắc, nên chẳng phải nhân duyên. Vì nghĩa ấy nên thiên nhãn thanh tịnh mà Bồ Tát đạt được khác với chỗ đạt được của hàng Thanh văn, Duyên giác. Do nghĩa ấy mà trong cùng một lúc Bồ Tát có thể nhìn thấy khắp các thế giới của chư Phật hiện tại trong mười phương. Đó gọi là Bồ Tát trước kia không thấy mà nay được thấy.

“Cũng vì nghĩa ấy, Bồ Tát có thể nhìn thấy đến những hạt bụi nhỏ mà Thanh văn, Duyên giác không thể nhìn thấy. Cũng vì nghĩa ấy, tuy tự thấy được mắt mình nhưng không hề khởi tướng thấy, chỉ thấy tướng *vô thường*, thấy rõ thân phàm phu chất chứa ba mươi sáu thứ,¹ đầy đầy những sự bất tịnh, cũng [rõ ràng] như nhìn trái *a-ma-lặc* đặt trong lòng bàn tay. Vì nghĩa ấy nên trước đây không thấy mà nay được thấy.

“Nếu Bồ Tát nhìn thấy tướng hình sắc của mỗi chúng sanh liền biết ngay được căn cơ của người ấy là *Đại thừa*

¹ Ba mươi sáu thứ (Tam thập lục vật): Một cách liệt kê tượng trưng các chi tiết hợp thành thân người, bao gồm: 12 thứ ngoài thân: tóc, lông, móng, răng, dử ghèn, nước mắt, nước miếng, dăm dãi, phần, nước tiểu, cáu ghét, mồ hôi; 12 thứ trong thân: da, da non, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, mỡ trong, mỡ ngoài, não, mạc; 12 cơ quan nội tạng: gan, mật, ruột, dạ dày, lách, cật, tim, phổi, sanh tạng (tam tiêu), thực tạng (bàng quang), dăm trắng, dăm đỏ.

hay *Tiểu thừa*. Bồ Tát chạm vào y phục của chúng sanh cũng biết được những căn tánh khác biệt, hoặc thiện, hoặc ác. Vì nghĩa ấy nên có chỗ trước đây không biết mà nay được biết. Một khi nhìn thấy thì [những điều] trước kia không biết nay liền được biết. Do biết như vậy nên trước kia không thấy mà nay được thấy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Sao gọi là chỗ trước đây Bồ Tát không biết mà nay được biết? Đại Bồ Tát tuy rõ biết các tâm *tham, sân, si* của phàm phu nhưng không hề khởi các tướng *tâm* cùng *tâm sở*,¹ không khởi tướng chúng sanh cùng tướng sự vật; tu tập theo *Đệ nhất nghĩa*² nên thấy được tất cả rốt cùng đều là *tướng không*.

“Vì sao vậy? Vì tất cả Bồ Tát thường khéo tu tập *tánh không, tướng không*. Nhờ tu tập pháp *không* nên chỗ trước đây không biết mà nay được biết.

“Thế nào là biết? Đó là biết rằng không thật có *ta* và *vật của ta*; biết rằng tất cả chúng sanh đều có *tánh Phật*. Vì có *tánh Phật* nên những kẻ *nhất-xiển-đề* nếu buông bỏ tâm [*nhất-xiển-đề*] thì nhất định sẽ được thành tựu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Những điều như vậy đều là chỗ mà hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được, Bồ Tát có thể biết. Vì nghĩa ấy nên chỗ trước đây không biết mà nay được biết.

¹ Tướng tâm và tâm sở: Tướng trạng của tâm và những hình thái cảm xúc, tâm trạng khác nhau. Nguyên bản dùng *tâm số* (心數) là một cách dùng cũ mà ngày nay đã được thay bằng *tâm sở* (心所).

² Đệ nhất nghĩa: chân lý hay sự thật tuyệt đối, rốt ráo, để phân biệt với Thế đế, Tục đế hay sự thật tương đối. Khi ta nhìn thấy và mô tả sự vật theo hiện trạng của nó như được nhìn thấy, đó là sự thật tương đối. Bồ Tát quán xét thấy được bản thể tuyệt đối, rốt ráo của sự vật, đó là Đệ nhất nghĩa hay Đệ nhất nghĩa đế.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là chỗ trước đây không biết mà nay được biết? Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* nhớ lại được đời quá khứ của tất cả chúng sanh, như sanh ra trong dòng họ nào, hoặc cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè, kẻ thù oán... Chỉ trong khoảnh khắc của một ý niệm liền đạt được trí tuệ hết sức khác lạ, khác với trí tuệ của hàng Thanh văn, Duyên giác.

“Thế nào là khác lạ? Chỗ được trí tuệ của hàng Thanh văn, Duyên giác là nhớ biết được đời quá khứ của chúng sanh như dòng họ, cha mẹ... cho đến kẻ thù oán, nhưng có khởi các tướng dòng họ... cho đến tướng kẻ thù oán. Bồ Tát không phải vậy, tuy nhớ biết dòng họ, cha mẹ... cho đến kẻ thù oán trong đời quá khứ nhưng chẳng hề khởi những tướng dòng họ, tướng cha mẹ, cho đến tướng kẻ oán thù, [chỉ] thường khởi tướng pháp, tướng rỗng không vắng lặng. Như thế gọi là chỗ trước đây Bồ Tát không biết mà nay được biết.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là chỗ trước đây không biết mà nay được biết? Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* chúng đắc *Tha tâm trí* khác với chỗ chúng đắc của hàng Thanh văn, Duyên giác. Thế nào là khác? Hàng Thanh văn, Duyên giác dùng trí trong một niệm tưởng biết được tâm ý của con người thì không thể biết được tâm ý ở các cảnh giới địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chư thiên. Bồ Tát không phải vậy, trong một niệm tưởng có thể biết được khắp tâm ý của chúng sanh trong sáu đường.¹ Đó gọi là chỗ trước đây Bồ Tát không biết mà nay được biết.

¹ Sáu đường: chỉ các cảnh giới chư thiên, a-tu-la, người, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

“Lại nữa, thiện nam tử! Lại còn chỗ biết khác lạ nữa: Đại Bồ Tát chỉ trong một niệm tưởng biết được tâm của *Tu-đà-hoàn*, từ tâm khởi đầu tuần tự cho đến đủ mười sáu tâm.¹ Vì nghĩa ấy nên chỗ trước đây không biết mà nay được biết.

“Như vậy là Bồ Tát tu tập Đại *Niết-bàn* thành tựu đầy đủ công đức thứ nhì.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là Đại Bồ Tát tu tập Đại *Niết-bàn* thành tựu đầy đủ công đức thứ ba?

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập Đại *Niết-bàn* buông xả tâm từ và đạt được tâm từ. Khi đạt được tâm từ, không phải do nhân duyên.

“Thế nào là buông xả tâm từ và đạt được tâm từ? Thiện nam tử! Tâm từ của phàm phu thuộc về *Thế đế*,² Đại Bồ Tát buông xả tâm từ đó, đạt được tâm từ thuộc về *Đệ nhất nghĩa*.³ Tâm từ *Đệ nhất nghĩa* đó không phải do nhân duyên mà có được.

“Lại nữa, thế nào là buông xả tâm từ và đạt được tâm từ? Tâm từ nếu có thể buông xả, gọi là tâm từ của phàm phu. Tâm từ nếu có thể đạt được, tức là tâm từ của Bồ Tát không do nhân duyên mà có. Buông xả tâm từ của kẻ

¹ Mười sáu tâm (Thập lục tâm): Người mới vào địa vị kiến đạo (Thấy đạo), nhờ quán Tứ Thánh đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo) mà sanh ra mười sáu tâm, hợp thành bởi tám pháp nhãn vô lậu và tám pháp trí vô lậu: 1. Khổ pháp nhãn, 2. Khổ pháp trí, 3. Khổ loại nhãn, 4. Khổ loại trí, 5. Tập pháp nhãn, 6. Tập pháp trí, 7. Tập loại nhãn, 8. Tập loại trí, 9. Diệt pháp nhãn, 10. Diệt pháp trí, 11. Diệt loại nhãn, 12. Diệt loại trí, 13. Đạo pháp nhãn, 14. Đạo pháp trí, 15. Đạo loại nhãn, 16. Đạo loại trí.

² Thế đế: sự thật được nhận biết trong thế gian, qua khả năng nhận biết của người thế gian, cũng gọi là Tục đế, hay sự thật tương đối.

³ Đệ nhất nghĩa, hay Đệ nhất nghĩa đế: chỉ chân lý tuyệt đối, rốt ráo, thấu suốt bản thể của sự vật, tức là cách nhìn nhận sự vật qua trí tuệ giác ngộ.

nhất-xiển-đê, tâm từ của kẻ phạm *bốn trọng cấm*, tâm từ của kẻ phỉ báng kinh *Phương đẳng*, tâm từ của kẻ tạo *năm tội nghịch*; đạt được tâm từ thương xót, tâm từ của Như Lai, tâm từ của đức Thế Tôn, tâm từ không do nhân duyên mà có.

“Sao lại gọi là buông xả tâm từ và đạt được tâm từ? Buông xả tâm từ của kẻ tật khuyết nam căn,¹ tâm từ của những kẻ không có giới tính hoặc lưỡng tính,² tâm từ của nữ nhân, tâm từ của những hạng người đồ tể, thợ săn, chăn nuôi gà, heo... Cũng buông xả tâm từ của hàng Thanh văn, Duyên giác; đạt được tâm từ của hàng Bồ Tát không do nhân duyên, không thấy có tâm từ của mình, không thấy có tâm từ của người khác; không thấy có việc trì giới, không thấy có sự phá giới. Tuy tự thấy có lòng thương xót nhưng không thấy có chúng sanh. Tuy biết có những *cảm thọ khổ* nhưng không thấy có người nhận chịu [khổ]. Vì sao vậy? Vì tu tập nghĩa lý chân thật đệ nhất. Đó gọi là Bồ Tát tu tập Đại *Niết-bàn* thành tựu đầy đủ công đức thứ ba.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là Đại Bồ Tát tu tập Đại *Niết-bàn* thành tựu đầy đủ công đức thứ tư?

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập Đại *Niết-bàn* thành tựu đầy đủ công đức thứ tư có mười điều. Những gì là mười?

¹ Tật khuyết nam căn: nguyên bản Hán văn dùng *hoàng môn*, (黃門) Phạn ngữ là *paṇḍaka*, chỉ chung những kẻ do tật khuyết nam căn (dương vật) nên không thể làm việc hành dâm, hoặc do có bệnh tật, hoặc do bị thiếu...

² Vô căn, nhị căn: Không giới tính, chỉ người sanh ra không có cơ quan sanh dục (vô căn), lưỡng tính, chỉ người sanh ra có cả cơ quan sanh dục nam và nữ (nhị căn).

“Thứ nhất, cội gốc sâu vững khó có thể bị lay chuyển. Thứ hai, đối với tự thân sanh khởi tư tưởng quyết định. Thứ ba, không quán xét phân biệt *phước điền*¹ với chẳng phải *phước điền*. Thứ tư là tu tập thanh tịnh cõi Phật. Thứ năm là diệt mất *hữu dư*.² Thứ sáu là dứt trừ nghiệp duyên. Thứ bảy là tu tập thân thanh tịnh. Thứ tám là rõ biết các duyên. Thứ chín là lìa khỏi mọi sự thù oán đối nghịch. Thứ mười là dứt trừ cả hai bên.

“Thế nào là cội gốc sâu vững khó có thể bị lay chuyển? Cội gốc ở đây là nói đức tánh *không phóng dật*.³ Không phóng dật là cội gốc của điều gì? Đó là nói cội gốc của quả *A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Cội gốc các điều lành của tất cả chư Phật đều là *không phóng dật*. Nhờ không phóng dật mà các căn lành khác dần dần tăng trưởng. Vì có thể làm tăng trưởng các căn lành, cho nên đức không phóng dật là cao trổi hơn hết trong mọi điều lành.

“Thiện nam tử! Như dấu chân voi là lớn nhất trong các dấu chân. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trổi hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như ánh sáng mặt trời là hơn hết trong các thứ ánh sáng. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trổi hơn hết trong mọi pháp lành.

¹ Phước điền, nghĩa đen là ruộng phước, chỉ những bậc đức độ xứng đáng nhận sự cúng dường của người khác, vì như thế là tạo điều kiện để họ gieo trồng phước đức nên xem như đám ruộng phước.

² Hữu dư: còn tồn tại, vẫn còn sót lại, được dùng để chỉ hết thảy những sự vật và lý lẽ chưa đạt đến chỗ rốt ráo, cùng cực, cho nên đối nghĩa với vô dư.

³ Phóng dật: buông thả, phóng túng, không giữ mình theo các pháp lành, cũng không có sự tinh tấn nỗ lực tu tập.

“Thiện nam tử! Như vị *Chuyển luân Thánh vương* là cao trổi hơn hết trong các vị vua. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trổi hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như bốn con sông lớn¹ là hơn hết trong tất cả các dòng sông. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trổi hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như núi chúa *Tu-di* là cao nhất trong các núi. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trổi hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như hoa sen xanh là hơn hết trong các loài hoa sống dưới nước. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trổi hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như hoa *bà-lợi-sư*² là cao trổi hơn hết trong các loài hoa sống trên đất. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trổi hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như sư tử là cao trổi hơn hết trong loài thú. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trổi hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như chim *kim sí*³ là hơn hết trong loài chim. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trổi hơn hết trong mọi pháp lành.

¹ Bốn con sông lớn (Tứ đại hà): thường được nhắc đến ở các ví dụ trong kinh điển, chỉ bốn con sông lớn nhất ở Ấn Độ, đều phát nguyên từ dãy núi Hy-mã-lạp, gồm có: sông Hằng, sông Tân-đầu, sông Tư-dà và sông Bác-xoa.

² Bà-lợi-sư, phiên âm từ Phạn ngữ là *vāṛṣika*, cũng đọc là bà-sư, bà-su-ca hay bà-lợi-sư-ca, dịch nghĩa là vũ thời sanh hay hạ sanh, vì hoa này có vào mùa mưa hoặc mùa hạ. Hoa đẹp, màu trắng, rất thơm, tên khoa học là *jasminum sambac*, mọc ở vùng Ấn Độ.

³ Kim sí: loài chim lớn cánh vàng được nhắc đến trong thần thoại, tên Phạn ngữ là *garuḍa*, dịch âm là ca-lâu-la. Loài chim này được mô tả như là chúa của các loài chim, thân hình rất to lớn, nên cũng gọi là kim sí điều vương.

“Thiện nam tử! Như thân hình vị *La-hầu*, vua của loài *a-tu-la* là to lớn nhất trong các thân hình to lớn. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trổi hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như đức Như Lai là cao trổi hơn hết trong tất cả chúng sanh, dù là loài hai chân, bốn chân, nhiều chân hay không có chân. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trổi hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như tăng chúng của Phật là cao trổi hơn hết trong các chúng hội. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trổi hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như pháp Đại *Niết-bàn* là cao trổi hơn hết trong pháp Phật. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trổi hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên cội gốc không phóng dật là sâu vững, chắc chắn, rất khó nhổ bật.

“Thế nào là nhờ không phóng dật mà được tăng trưởng? Đó là nói về các căn lành như đức tin, trì giới, bố thí, trí tuệ, nhẫn nhục, nghe biết, tinh tấn, nhớ nghĩ, định tâm, thiện tri thức. Các căn lành này nhờ không phóng dật mà được tăng trưởng. Nhờ tăng trưởng nên sâu vững, chắc chắn, khó bị lay chuyển.

“Vì những nghĩa ấy nên gọi là Đại Bồ Tát tu tập Đại *Niết-bàn* được cội gốc sâu vững rất khó lay chuyển.

“Thế nào là đối với tự thân sanh khởi tư tưởng quyết định? Đối với thân thể sanh khởi tâm quyết định rằng: ‘Thân này của ta hôm nay, trong đời vị lai chắc chắn sẽ

là công cụ để đạt đến *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.¹ Đối với tâm cũng sanh khởi tâm quyết định rằng: [Ta quyết] không khởi tâm nhỏ hẹp, không khởi tâm biến đổi, không khởi tâm Thanh văn, tâm Phật *Bích-chi*, không khởi tâm ma cùng tâm tự vui thú, tâm ưa thích sanh tử; [ta quyết] thường vì chúng sanh cầu được tâm từ bi.² Đó gọi là Bồ Tát đối với tự thân sanh khởi tâm quyết định rằng: “Trong đời vị lai nguyện sẽ là món khí cụ để đạt đến *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.” Do những nghĩa ấy nên Đại Bồ Tát tu tập Đại *Niết-bàn* đối với tự thân sanh khởi tư tưởng quyết định.

“Thế nào là Bồ Tát không quán xét phân biệt *phước điền* với chẳng phải *phước điền*? Thế nào là *phước điền*? Từ những người ngoại đạo giữ giới¹ lên đến chư Phật, đều gọi là *phước điền*. Nếu khởi lên ý nghĩ rằng: ‘Những người như thế này mới là *phước điền* chân thật’, nên biết rằng tâm tưởng như vậy là nhỏ hẹp.

“Đại Bồ Tát quán xét hết thấy vô lượng chúng sanh không đâu không là *phước điền*. Vì sao vậy? Vì khéo tu tập niệm tưởng khác biệt.² Người khéo tu tập niệm tưởng khác biệt quán xét chúng sanh không thấy có việc giữ giới cùng phá giới, thường quán xét chỗ giảng thuyết của chư Phật Thế Tôn: ‘Việc bố thí tuy phân làm bốn trường hợp nhưng tất cả đều được quả báo thanh tịnh.’

¹ Ngoại đạo giữ giới: Tuy những người này tu hành theo ngoại đạo, nhưng nhờ giữ giới nên vẫn có được đức độ, cũng xứng đáng nhận cúng dường, nên cũng là *phước điền*.

² Niệm tưởng khác biệt (dị niệm xứ): liả bỏ những chỗ nhận thức phân biệt, chia chẻ, thấy biết đúng theo sự quán xét chân chánh, theo lý trung đạo. *Niết-bàn kinh* số viết: “Dị niệm xứ giả, dị ư nhị biên, chánh quán trung đạo.”

Bốn trường hợp bố thí đó là gì? Thứ nhất là người cho thanh tịnh, người nhận không thanh tịnh. Thứ hai là người cho không thanh tịnh, người nhận thanh tịnh. Thứ ba là người cho và người nhận đều thanh tịnh. Thứ tư là người cho và người nhận đều không thanh tịnh.

“Sao gọi là người cho thanh tịnh, người nhận không thanh tịnh? [Đó là trường hợp] người bố thí có đủ giới hạnh, nghe nhiều, trí tuệ, rõ biết là có việc bố thí và quả báo của việc bố thí; nhưng người thọ nhận lại phá giới, hoàn toàn đắm vào tà kiến, cho rằng không có việc bố thí và quả báo của việc bố thí. Như thế gọi là người cho thanh tịnh, người nhận không thanh tịnh.

“Sao gọi là người cho không thanh tịnh, người nhận thanh tịnh? [Đó là trường hợp] người bố thí phá giới, hoàn toàn đắm vào tà kiến, cho rằng không có việc bố thí và quả báo của việc bố thí; nhưng người nhận thì giữ giới, nghe nhiều, trí tuệ, rõ biết là có việc bố thí và quả báo của việc bố thí. Như thế gọi là người cho không thanh tịnh, người nhận thanh tịnh.

“Sao gọi là người cho và người nhận đều thanh tịnh? [Đó là trường hợp] người bố thí và người nhận bố thí đều có giữ giới, nghe nhiều, trí tuệ, đều rõ biết là có việc bố thí và quả báo của việc bố thí. Như thế gọi là người cho và người nhận đều thanh tịnh.

“Sao gọi là người cho và người nhận đều không thanh tịnh? [Đó là trường hợp] người bố thí và người nhận bố thí đều phá giới, tà kiến, cho rằng không có việc bố thí và quả báo của việc bố thí. Như thế gọi là người cho và người nhận đều không thanh tịnh.”

[Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương liền thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn!] Nếu là như vậy, vì sao lại nói rằng được quả báo thanh tịnh?”

[Phật dạy:] “Vì [quán chiếu thật tánh] không [thấy] có việc bố thí, không [thấy] có quả báo, nên gọi là thanh tịnh.

“Thiện nam tử! Nếu có người [quán chiếu thật tánh] không thấy có việc bố thí cùng với quả báo của việc bố thí, nên biết rằng người ấy không phải là phá giới, không phải hoàn toàn đắm vào tà kiến. Nếu y theo pháp Thanh văn mà nói rằng ‘không thấy có việc bố thí và quả báo của việc bố thí’ thì gọi là phá giới, tà kiến; [nhưng] nếu y theo kinh Đại *Niết-bàn* này mà không thấy có việc bố thí và quả báo của việc bố thí thì gọi là giữ giới, là chánh kiến.

“Đại Bồ Tát có niệm tưởng khác biệt, do sự tu tập nên không thấy chúng sanh có trì giới, phá giới; không có kẻ bố thí, người nhận bố thí và quả báo của việc bố thí. Do đó được gọi là giữ giới, là chánh kiến.

“Do những nghĩa ấy nên Đại Bồ Tát không quán xét phân biệt *phước điền* với *chẳng phải phước điền*.

“Thế nào là tu tập thanh tịnh cõi Phật?

“Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* vì cầu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hóa độ chúng sanh nên lìa bỏ tâm giết hại. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho chúng sanh được tuổi thọ lâu dài, có sức mạnh và oai thế, được thân thông lớn. Nhờ oai lực của nhân duyên thế nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, tất cả chúng

sanh trong cõi Phật ấy đều được tuổi thọ lâu dài, có sức mạnh và oai thế, được thần thông lớn.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn*, vì cầu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hóa độ chúng sanh nên liả bỏ tâm trộm cắp. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho mặt đất nơi các cõi Phật đều thuần bằng bảy báu, chúng sanh được giàu có, sung túc, chỗ mong cầu đều được như ý. Nhờ oai lực của nhân duyên thế nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, cõi Phật ấy thuần bằng bảy báu, chúng sanh được giàu có, sung túc, chỗ mong cầu đều được như ý.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn*, vì cầu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hóa độ chúng sanh nên liả bỏ tâm dâm dục. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho tất cả chúng sanh trong các cõi Phật đều không có tâm tham dục, sân khuể, ngu si, cũng không có những nỗi khổ vì đói khát. Nhờ oai lực của nhân duyên thế nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, chúng sanh trong cõi Phật ấy thấy đều liả xa tâm tham dục, sân khuể, ngu si, cũng không có những nỗi khổ vì đói khát.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn*, vì cầu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hóa độ chúng sanh nên liả bỏ tâm nói dối. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho nơi các cõi Phật thường có nhiều cây cối trở hoa, kết trái, tỏa hương thơm, tất cả chúng sanh đều được tiếng nói có âm thanh vi diệu. Nhờ oai lực của nhân duyên thế

nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, cõi Phật ấy thường có nhiều cây cối trở hoa, kết trái, tỏa hương thơm, tất cả chúng sanh nơi cõi ấy đều được tiếng nói có âm thanh hết sức vi diệu thanh tịnh.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn*, vì cầu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hóa độ chúng sanh nên liả bỏ tâm nói lời hai lưỡi. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho tất cả chúng sanh trong các cõi Phật thường cùng nhau sống hòa hợp, giảng thuyết Chánh pháp. Nhờ oai lực của nhân duyên thế nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, tất cả chúng sanh trong cõi Phật ấy đều cùng nhau sống hòa hợp, giảng thuyết bàn luận những lẽ cốt yếu trong Chánh pháp.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn*, vì cầu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hóa độ chúng sanh nên liả bỏ tâm nói lời độc ác. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho mặt đất ở các cõi Phật đều bằng phẳng như lòng bàn tay, không có những thứ cát, sỏi, ngói, đá, gai góc, mũi nhọn; chúng sanh trong các cõi ấy đều có tâm bình đẳng. Nhờ oai lực của nhân duyên thế nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, cõi Phật ấy có mặt đất bằng phẳng như lòng bàn tay, không có những thứ cát, sỏi, ngói, đá, gai góc, mũi nhọn; chúng sanh đều có tâm bình đẳng.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn*, vì cầu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hóa độ chúng sanh nên liả bỏ tâm nói lời vô nghĩa. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng

sanh, nguyện cho tất cả chúng sanh trong các cõi Phật đều không có khổ não. Nhờ oai lực của nhân duyên thệ nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, tất cả chúng sanh trong cõi Phật ấy đều không có khổ não.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn*, vì cầu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hóa độ chúng sanh nên lìa bỏ tâm tham lam, ganh ghét tật đố. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho tất cả chúng sanh trong các cõi Phật đều không có tham lam, tật đố, não hại, tà kiến. Nhờ oai lực của nhân duyên thệ nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, tất cả chúng sanh trong cõi Phật ấy đều không có tham lam, tật đố, não hại, tà kiến.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn*, vì cầu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, hóa độ chúng sanh nên lìa bỏ tâm não hại. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho tất cả chúng sanh trong các cõi Phật đều cùng nhau tu tập tâm đại từ, đại bi, đạt được địa vị *Nhất tử*.¹ Nhờ oai lực của nhân duyên thệ nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, tất cả chúng sanh trong cõi Phật ấy đều cùng nhau tu tập tâm đại từ, đại bi, đạt được địa vị *Nhất tử*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn*, vì cầu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu*

¹ Nhất tử địa: cũng gọi là Cực ái nhất tử địa, địa vị tu chứng khi Bồ Tát tu tập hạnh đại từ, đại bi, thương yêu tất cả chúng sanh đều như đứa con duy nhất của mình.

Tam-bô-đê, hóa độ chúng sanh nên lìa bỏ tâm tà kiến. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho tất cả chúng sanh trong các cõi Phật đều đạt được pháp *Đại Bát-nhã ba-la-mật*. Nhờ oai lực của nhân duyên thệ nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, tất cả chúng sanh trong cõi Phật ấy đều được thọ trì pháp *Đại Bát-nhã ba-la-mật*.

“Như thế gọi là Bồ Tát tu tập thanh tịnh cõi Phật.

“Thế nào là Đại Bồ Tát diệt mất *hữu dư*? *Hữu dư* có ba loại. Thứ nhất là quả báo còn lại của phiền não, thứ hai là nghiệp báo còn lại, thứ ba là *chấp hữu* còn lại.

“Thiện nam tử! Sao gọi là quả báo còn lại của phiền não? Như có những chúng sanh quen thói tham dục. Khi quả báo đến kỳ phải đọa vào địa ngục. Đến khi ra khỏi địa ngục lại phải thọ thân súc sanh, như các loài chim bồ câu, se sẻ, uyên ương, kết, chim cộng mạng,¹ chim *xá-lợi*, thanh tước... hoặc cá, rùa, khỉ, hươu, nai... Nếu được thân người lại phải chịu khuyết tật nam căn, hoặc thọ thân nữ, hoặc bán nam bán nữ, hoặc không có giới tính, hoặc làm phụ nữ dâm loạn... Nếu được xuất gia, lại phạm vào trọng giới thứ nhất.² Đó gọi là quả báo còn sót lại.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có chúng sanh đắm sâu trong sân khuể nặng nề. Khi quả báo đến kỳ phải đọa vào địa ngục. Đến khi ra khỏi địa ngục lại phải thọ thân súc sanh, như các loài rắn độc có đủ bốn cách gây độc là: mắt nhìn gây độc, đụng chạm gây độc, miệng cắn gây độc, phun nọc gây độc; hoặc sanh làm sư tử, cọp, sói, beo, gấu,

¹ Nguyên bản dùng *kỳ-bà-kỳ-bà*, phiên âm từ tiếng Phạn là *jivajivaka*, tức là chim *cộng mạng* có nói đến trong kinh A-di-đà.

² Trọng giới thứ nhất: tức là giới sát, giết hại.

mèo, chồn, chim ưng, điều hâu... Nếu được thân người lại phạm đủ 16 điều xấu ác trong luật nghi.¹ Nếu được xuất gia lại phạm vào trọng giới thứ hai.² Đó gọi là quả báo còn sót lại.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có những kẻ quen tập tánh ngu si. Khi quả báo đến kỳ phải đọa vào địa ngục. Đến khi ra khỏi địa ngục lại phải thọ thân súc sanh, như các loài voi, heo, dê, trâu, bọ chét, chí, rận, muỗi, mòng, kiến... Nếu được thân người lại phải chịu tật nguyên như điếc, đui, ngọng, câm, bệnh già, lưng còng, lưng gù... thiếu khuyết các căn không thể xuất gia. Nếu được xuất gia thì các căn tối tăm, ngu độn, vui thích mà phạm vào các trọng giới, thậm chí [chỉ vì mỗi lợi] rất ít ỏi.³ Đó gọi là quả báo còn sót lại.

¹ Thập lục ác luật nghi, mười sáu việc xấu ác mà người học Phật phải tránh xa, bao gồm: 1. Vì lợi dưỡng mà nuôi dê con cho béo mập rồi đem bán, 2. Vì lợi dưỡng mà bán dê cho người ta giết hại, 3. Vì lợi dưỡng mà nuôi lợn con cho béo mập rồi đem bán, 4. Vì lợi dưỡng mà bán lợn cho người ta giết hại, 5. Vì lợi dưỡng mà nuôi trâu, bò con cho béo mập rồi đem bán, 6. Vì lợi dưỡng mà bán trâu, bò cho người ta giết hại. 7. Vì lợi dưỡng mà nuôi gà cho béo mập rồi đem bán, 8. Vì lợi dưỡng mà bán gà cho người ta giết hại. 9. Câu cá, 10. Đi săn, 11. Cướp đoạt, 12. Mò bắt các loài cua, ốc... 13. Giăng lưới bắt chim, 14. Nói lời hai lưỡi, nói lời ly gián, trêu chọc người khác, 15. Làm cai ngục, 16. Dùng chú thuật.

² Trọng giới thứ hai: tức là giới trộm cắp.

³ Chỉ vì mỗi lợi rất ít ỏi: nguyên bản Hán văn dùng “hỷ phạm trọng giới nãi chí ngũ tiền”; trong Nam bản khắc là “hỷ phạm trọng giới nãi chí ti tiện”. Cụm từ “nãi chí ngũ tiền” có liên quan đến một khái niệm trong giới luật vào thời Phật mới chế định, chỉ một số tiền rất ít. Trong văn thọ giới có câu: “...佛制極少乃至五錢若五錢直。 - ... Phật chế cực thiểu nãi chí ngũ tiền nhược ngũ tiền trị.” (... Phật chế định mức độ nhỏ nhất, thậm chí chỉ là năm tiền, hoặc [vật có] giá trị tương đương năm tiền...) Đây là khi nói về giới không trộm cắp. Như vậy, hai chữ “ngũ tiền” không sai, nhưng Nam bản sửa lại là “ti tiện” có lẽ để cho dễ hiểu hơn. Chúng tôi chuyển dịch là “mỗi lợi ít ỏi” cũng là nhằm diễn tả khái niệm này theo cách dễ hiểu hơn. Mặt khác, cũng theo khái niệm vừa được nhắc đến thì người trộm cắp món vật có giá trị dưới năm tiền tuy cũng là phạm giới nhưng chưa xem là trọng giới. Vì thế ở đây không thể nói đến việc trộm cắp năm tiền, mà chỉ có thể là vì tham năm tiền, một số tiền rất ít ỏi, mà phạm vào các trọng giới. Đây cũng đúng là bản chất của người ngu si vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có những kẻ tập quen tánh kiêu căng, ngạo mạn. Khi quả báo đến kỳ phải đọa vào địa ngục. Đến khi ra khỏi địa ngục lại phải thọ thân súc sanh, như các loài giòi phân, hoặc lạc đà, lừa, chó, ngựa... Nếu được sanh làm người phải chịu thân phận nô tỳ, nghèo túng, ăn xin... Nếu được xuất gia lại thường bị chúng sanh khinh khi, chê trách, phạm vào trọng giới thứ tư.¹ Đó gọi là quả báo còn sót lại.

“Những điều như trên gọi là quả báo còn sót lại của phiền não. Những quả báo còn sót lại như vậy, Đại Bồ Tát nhờ tu tập [kinh điển] Đại *Niết-bàn* nên diệt hết tất cả.

“Thế nào là nghiệp báo còn sót lại? Đó là nói nghiệp báo của tất cả phàm phu, nghiệp của tất cả hàng Thanh văn. Như vị *Tu-đà-hoàn* chịu nghiệp còn bảy lần thọ sanh; vị *Tu-đà-hàm* chịu nghiệp còn hai lần thọ sanh; vị *A-na-hàm* chịu nghiệp còn một lần thọ sanh ở *Sắc giới*. Như vậy gọi là nghiệp báo còn lại.

“Những nghiệp báo còn sót lại như vậy, Đại Bồ Tát nhờ có thể tu tập [kinh điển] Đại *Niết-bàn* nên dứt trừ được tất cả.

“Thế nào là *chấp hữu* còn sót lại? Vị *A-la-hán* chứng đắc quả *A-la-hán*, vị Phật *Bích-chi* chứng đắc quả Phật *Bích-chi*. [Tuy cả hai trường hợp đều là] không còn nghiệp báo, không còn phiền não, nhưng lại chuyển hóa thành hai quả [khác nhau]. Như thế gọi là *chấp hữu* còn sót lại.

¹ Trọng giới thứ tư: tức giới đại vọng ngữ, nghĩa là chưa chứng thánh quả mà nói dối rằng mình đã chứng quả.

“Ba pháp *hữu dư* vừa kể trên, Đại Bồ Tát nhờ tu tập kinh điển Đại thừa Đại *Niết-bàn* nên diệt trừ được tất cả. Như thế gọi là Đại Bồ Tát diệt mất *hữu dư*.”

“Thế nào là Bồ Tát tu thân thanh tịnh?” Đại Bồ Tát tu tập giới không giết hại [tuần tự] khởi đủ năm loại tâm, đó là [tâm] bậc thấp, [tâm] bậc vừa, [tâm] bậc cao, [tâm] bậc cao vừa và [tâm] bậc rất cao. Cho đến việc tu tập theo Chánh kiến cũng giống như vậy.²

“Năm mươi tâm tu tập này gọi là phát tâm ban đầu. Khi tu tập trọn vẹn các pháp lành, mỗi tâm như vậy đều trở thành tâm quyết định, tức thành tựu đủ năm mươi tâm nữa.”

“Một trăm tâm như trên gọi là đầy đủ một trăm phước đức. Đầy đủ trăm phước đức thì thành tựu được một tướng tốt. Cứ như vậy mà dần dần thành tựu đầy đủ *ba mươi hai tướng tốt*, gọi là thân thanh tịnh.”

“Bồ Tát lại tu tập thêm tám mươi vẻ đẹp nơi thân, vì thế gian có những chúng sanh thờ phụng tám mươi vị thần.”

“Tám mươi vị thần là những vị nào? Đó là mười hai vị thần mặt trời, mười hai vị Đại thiên, năm vị tinh tú lớn, thần Bắc đẩu, các vị trời như Mã thiên, Hành đạo thiên,

¹ Ở đây không thấy nói đến phần thứ sáu là “Đoạn trừ nghiệp duyên”, như đã nêu trong mười phần công đức ở đoạn kinh văn trước.

² Cho đến ... tu tập theo Chánh kiến: Ở đây nói tóm việc tu tập Mười pháp lành (Thập thiện chánh pháp), kể đủ ra gồm có: 1. Không giết hại, 2. Không trộm cắp, 3. Không tà dâm, 4. Không nói dối, 5. Không nói lời ác độc, 6. Không nói lời hai lưỡi, đâm thọc, ly gián, 7. Không nói lời vô nghĩa, 8. Không tham lam, 9. Không sân khuể, 10. Không tà kiến. Bồ Tát tu tập mỗi một pháp lành này đều tuần tự khởi đủ 5 tâm, nên cả thấy 10 pháp có đủ 50 tâm.

Bà-la-đọa-bạt-xà thiên, Công đức thiên, cùng với hai mươi tám vì sao, các vị thần đất, thần gió, thần nước, thần lửa, Phạm thiên, *Lâu-đà* thiên, *Nhân-đề* thiên, *Câu-ma-la* thiên, Bát tý thiên, *Ma-hê-thủ-la* thiên, *Bán-xà-la* thiên, Quỷ tử mẫu thiên, Bốn vị Thiên vương, Tạo thư thiên, *Bà-tấu* thiên. Đó gọi là tám mươi vị thần.

“Vì những chúng sanh ấy nên Bồ Tát tu tập tám mươi vẻ đẹp để tự trang nghiêm thân mình. Như vậy gọi là thân thanh tịnh của Bồ Tát.

“Vì sao vậy? Vì có nhiều chúng sanh tin theo tám mươi vị thiên thần ấy, nên Bồ Tát tu tám mươi vẻ đẹp, dù Bồ Tát chẳng động thân nhưng có thể khiến cho các chúng sanh kia tùy theo lòng tin mà thấy đều nhìn thấy vị thần của họ. Thấy được rồi bèn đem lòng tôn kính, thấy đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì nghĩa ấy nên Đại Bồ Tát tu tập để làm thanh tịnh thân.

“Thiện nam tử! Ví như có người muốn thỉnh vị đại vương, cần phải trang hoàng, dọn dẹp nhà cửa hết sức sạch sẽ, sắm sửa đủ mọi món ăn thức uống ngon lành, rồi vua mới ngự đến theo lời mời thỉnh. Đại Bồ Tát cũng vậy, muốn thỉnh vị *Pháp luân vương A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, trước phải tu thân cho thật thanh tịnh rồi vị *Pháp vương Vô thượng* mới đến ngự. Vì nghĩa ấy, Đại Bồ Tát cần phải tu tập thân thanh tịnh.

“Thiện nam tử! Ví như có người muốn uống *cam lộ*, trước hết phải giữ thân cho thanh tịnh. Đại Bồ Tát cũng vậy, muốn uống chất *cam lộ* pháp vị vô thượng là *Bát-nhã Ba-la-mật* thì trước hết phải dùng tám mươi vẻ đẹp để làm cho thân được thanh tịnh.

“Thiện nam tử! Ví như dùng những đồ chứa tốt đẹp bằng vàng bạc đựng nước sạch thì cả trong lẫn ngoài đều sạch. Thân thanh tịnh của Đại Bồ Tát cũng vậy, dùng chứa nước *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thì cả trong lẫn ngoài đều sạch.

“Thiện nam tử! Như loại áo lụa trắng ở *Ba-la-nại* rất dễ nhuộm màu. Vì sao vậy? Vì trắng tinh sạch sẽ. Đại Bồ Tát cũng vậy, nhờ thân thanh tịnh nên mau chóng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì nghĩa ấy, Đại Bồ Tát tu tập để làm cho thanh tịnh thân.

“Thế nào là Bồ Tát rõ biết các duyên? Đại Bồ Tát không thấy có tướng của sắc, không thấy có duyên của sắc, không thấy có thể của sắc, không thấy có sự sanh ra của sắc, không thấy có sự diệt mất của sắc, không thấy có một tướng duy nhất, không thấy có nhiều tướng khác nhau, không thấy có kẻ thấy, không thấy có tướng mạo, không thấy có người nhận chịu.

“Vì sao vậy? Vì hiểu rõ nhân duyên. Đối với tất cả các pháp cũng đều giống như với sắc. Đó gọi là Bồ Tát rõ biết các duyên.

“Thế nào là Bồ Tát lìa bỏ mọi thù oán đối nghịch? Tất cả phiền não chính là thù oán đối nghịch của Bồ Tát. Đại Bồ Tát thường lìa xa phiền não, cho nên gọi là Bồ Tát lìa bỏ mọi thù oán đối nghịch.

“Hàng Bồ Tát trụ ở địa vị thứ năm¹ trở xuống không

¹ Bồ Tát trụ ở địa vị thứ năm (Ngũ trụ Bồ Tát): địa vị thứ năm trong Thập trụ của hàng Bồ Tát. Thập trụ chỉ mười địa vị tu chứng mà vị Bồ Tát lần lượt trải qua trước khi đạt được quả vị Phật, vì thế có thể xem như tương đương với Thập địa. Kinh luận đề cập đến mười địa vị này không hoàn toàn giống nhau, nhưng tựu trung đều là để tạm hình dung được con đường tu tập mà vị Bồ Tát phải trải qua. Địa vị thứ năm ở đây có thể là Phương tiện cụ túc trụ, tương đương với Cực nan

xem các phiền não là thù oán đối nghịch. Vì sao vậy? Vì nhân nơi phiền não, Bồ Tát mới có thọ sanh. Nhờ có thọ sanh mới có thể tuần tự giáo hóa chúng sanh. Vì nghĩa ấy nên chẳng gọi phiền não là oán.¹ Vậy những gì là thù oán? Đó là nói việc phỉ báng kinh Phương đẳng. Bồ Tát tùy duyên thọ sanh, chẳng sợ các cảnh giới địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chỉ sợ việc phỉ báng kinh *Phương đẳng*. Tất cả Bồ Tát đều có kẻ thù oán là *tám thứ ma*.² Lìa xa *tám thứ ma* ấy tức là lìa khỏi kẻ thù oán. Đó gọi là Bồ Tát lìa bỏ mọi thù oán đối nghịch.

“Thế nào là Bồ Tát dứt trừ cả hai bên? Hai bên đó là hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu và phiền não tham ái. Bồ Tát thường lìa xa hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu và phiền não tham ái, đó gọi là Bồ Tát dứt trừ hai bên.

“[Như vừa nói trên] đó là Đại Bồ Tát tu tập Đại *Niết-bàn* thành tựu đầy đủ công đức thứ tư.”

Bấy giờ, Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Như Phật có dạy, nếu Bồ Tát tu tập Đại *Niết-bàn* sẽ được đủ mười việc công đức như vừa

thắng địa trong hệ thống Thập địa. Tuy có sự khác biệt về tên gọi, nhưng tất cả các kinh luận đều thống nhất trong cách mô tả về mười địa vị của Bồ Tát. Theo đó, từ địa vị thứ sáu trở lên, Bồ Tát không còn chịu sự ràng buộc của sanh tử, có thể hoàn toàn tự do tự tại trong việc hóa thân độ sanh tùy ý muốn.

¹ Ở đây, Bồ Tát từ địa vị thứ năm trở xuống chưa đạt được sự tự tại hóa sanh nên còn phải xem phiền não như một nhân duyên giúp mình có thể thực hiện công việc độ sanh. Từ địa vị thứ sáu trở lên, Bồ Tát hoàn toàn tự tại trong việc hóa thân độ sanh nên các ngài dứt bỏ hoàn toàn mọi phiền não. Vì thế mà đoạn trên có nói: Tất cả phiền não là thù oán đối nghịch của Bồ Tát.

² Tám thứ Ma (bát chủng ma, hay bát ma): đã nói ở quyển 22 (xem lại trang 404, 405), gồm có: ma phiền não, ma năm ám, ma chết, ma trời Tha hóa tự tại và vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Bốn thứ ma: ma phiền não, ma năm ám, ma chết, ma trời Tha hóa tự tại là ma nào hại tất cả phàm phu; bốn thứ ma: vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh là ma nào hại hàng Nhị thừa.

nói. Vì sao đức Như Lai chỉ tu được chín việc mà không tu tập cõi Phật thanh tịnh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Thuở xưa ta cũng thường tu tập đủ mười việc ấy. Tất cả các vị Bồ Tát và Như Lai, không có ai là không tu tập đủ mười việc ấy. Nếu như cõi thế giới đầy dẫy mọi sự bất tịnh mà chư Phật Thế Tôn lại xuất hiện trong đó thì là việc hoàn toàn vô lý.

“Thiện nam tử! Nay ông chớ nên nói rằng chư Phật ra đời ở cõi thế giới không thanh tịnh. Nên biết rằng tâm niệm như thế là bất thiện, là hẹp hòi, là kém cỏi. Nay ông nên biết rằng ta thật không có ra đời ở cõi *Diêm-phù-đề* này.

“Ví như có người nói rằng riêng ở thế giới này mới có mặt trời, mặt trăng, các thế giới phương khác không có. Lời nói như vậy thật là vô nghĩa. Nếu Bồ Tát nói rằng cõi Phật này là uestrợc, xấu ác, bất tịnh, các cõi Phật ở phương khác là thanh tịnh, trang nghiêm tráng lệ. Như vậy cũng là lời nói vô nghĩa.

“Thiện nam tử! Từ thế giới *Ta-bà* này đi về phương tây, vượt qua số cõi Phật nhiều như số cát của bốn mươi hai con sông Hằng, có một thế giới tên là Vô Thắng. Vì sao cõi ấy có tên là Vô Thắng? Vì những sự trang nghiêm tráng lệ của thế giới ấy đều bình đẳng, không có gì khác biệt so với thế giới An Lạc² ở phương tây, lại cũng giống như thế giới Mãn Nguyệt ở phương đông. Ta ra đời ở

¹ Tu tập cõi Phật thanh tịnh: tức là phần thứ tư trong mười việc công đức vừa giảng trên. Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương nêu ý này vì cho rằng cõi thế giới Ta-bà của đức Phật Thích-ca hiện nay là không thanh tịnh.

² Thế giới An Lạc: cũng gọi là Cực Lạc, là nơi có đức Phật A-di-đà.

thế giới ấy, nhưng vì giáo hóa chúng sanh nên thị hiện chuyển bánh xe pháp ở cõi *Diêm-phù-đề* này. Cũng không chỉ riêng một thân ta hiện ra ở cõi này chuyển bánh xe pháp, mà tất cả chư Phật cũng đều chuyển bánh xe pháp ở cõi này. Vì nghĩa ấy nên tất cả chư Phật Thế Tôn không có vị nào là không tu hành đủ mười việc như trên.

“Thiện nam tử! Vì có lời thệ nguyện nên trong tương lai Bồ Tát Từ Thị¹ sẽ khiến cho thế giới này trở nên thanh tịnh trang nghiêm. Vì nghĩa ấy nên tất cả thế giới của chư Phật đều là trang nghiêm thanh tịnh.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* thành tựu đầy đủ công đức thứ năm?

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh Đại *Niết-bàn* thành tựu đầy đủ công đức thứ năm có năm việc.

“Những gì là năm? Thứ nhất, các căn đều đầy đủ. Thứ hai, không sanh ra ở những nơi xa xôi hẻo lánh.² Thứ ba, được chư thiên yêu mến, nhớ nghĩ đến. Thứ tư, thường được sự cung kính của hàng *thiên ma, sa-môn, sát-lợi, bà-la-môn*. Thứ năm, chứng đắc *Túc mạng trí*.³ Bồ Tát nhờ

¹ Bồ Tát Từ Thị: tức là Bồ Tát Di-lặc, do phiên âm từ tiếng Phạn là Maitreya. Bồ Tát Di-lặc được thọ ký là sẽ thành Phật ở thế giới Ta-bà này, tiếp theo sau Phật Thích-ca.

² Xa xôi hẻo lánh: nguyên bản Hán văn dùng biên địa, chỉ những vùng đất ở xa nơi trung tâm văn hiến (trung quốc). Vì thế nên những người sanh ra ở đây có nhiều bất lợi trong việc tu học: điều kiện vật chất thiếu thốn, điều kiện tu tập và hành trì cũng đều khó khăn, lại rất khó gặp được những vị thầy giỏi, bạn tốt. Đây được xem là một trong tám nạn, khiến chúng sanh khó tu học Phật pháp.

³ Túc mạng trí, cũng chính là Túc mạng thông, một trong Ngũ thông, Lục thông. Người chứng đắc *Túc mạng trí* có thể biết được hết thấy những việc đời quá khứ của chính mình và của chúng sanh.

sức nhân duyên của kinh Đại *Niết-bàn* nên có đầy đủ năm việc công đức như vậy.”

Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương lại thưa hỏi: “Như Phật có dạy, nếu ai tu tập bố thí sẽ được đầy đủ năm việc công đức. Nay vì sao lại nói rằng nhân nơi [kinh điển] Đại *Niết-bàn* mà được năm việc như vậy?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Những việc như vậy có ý nghĩa khác nhau. Nay ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng thuyết.

“Tính chất của năm việc công đức do tu bố thí là không cố định, không thường tồn, không thanh tịnh, không cao trổi, không khác lạ. Vì thế đó không phải là *vô lậu*, không thể làm lợi ích, an vui, thương xót tất cả chúng sanh.

“Nếu nương theo kinh Đại *Niết-bàn* này mà được năm việc công đức thì đó là cố định, thường tồn, thanh tịnh, cao trổi, khác lạ. Như thế là *vô lậu*, nên có thể làm lợi ích, an vui, thương xót tất cả chúng sanh.

“Thiện nam tử! Người tu bố thí thì được lìa khỏi sự đói khát. Kinh Đại *Niết-bàn* có thể khiến cho chúng sanh lìa khỏi bệnh khát khao tham ái trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu.

“Nhân duyên bố thí khiến cho sanh tử tiếp nối không dứt. Kinh Đại *Niết-bàn* có thể khiến cho sanh tử dứt mất, không còn tiếp nối.

“Do nhân là bố thí nên thọ nhận các pháp phạm phu. Do nhân là kinh Đại *Niết-bàn* nên được làm Bồ Tát.

“Nhân duyên bố thí có thể dứt được mọi sự khổ não vì nghèo túng. Kinh Đại *Niết-bàn* có thể dứt được tất cả mọi sự thiếu thốn pháp lành.

“Nhân duyên bố thí tạo nên số phận, quả báo. Nhân nơi kinh Đại *Niết-bàn* mà chúng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề* thì không còn số phận, không còn quả báo.

“Nhu thế gọi là Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* thành tựu đầy đủ công đức thứ năm.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* thành tựu đầy đủ công đức thứ sáu?

“Đại Bồ Tát tu tập Đại *Niết-bàn* được pháp *Tam-muội Kim cang*. Trụ yên trong pháp *Tam-muội* ấy có thể phá trừ tất cả các pháp, thấy được tất cả các pháp đều là vô thường, đều là tướng chuyển động, là nhân duyên của sự sợ sệt, bệnh khổ, trộm cướp, liên tục hoại diệt trong từng niệm tưởng, không có gì là chân thật. Tất cả đều là cảnh giới của ma, không một tướng nào thật có thể nhìn thấy.

“Đại Bồ Tát trụ yên trong pháp *Tam-muội* ấy, tuy làm việc bố thí cho chúng sanh nhưng không thấy thật có một chúng sanh nào. Vì chúng sanh mà tinh cần tu tập các pháp *Trì giới Ba-la-mật* cho đến *Bát-nhã Ba-la-mật* cũng đều như vậy.¹ Nếu Bồ Tát thấy có một chúng sanh nào thì không thể rớt ráo thành tựu trọn vẹn pháp *Bố thí Ba-la-mật*, cho đến không thể thành tựu trọn vẹn pháp *Bát-nhã Ba-la-mật*.

¹ Cho đến *Bát-nhã ba-la-mật*: *Bát-nhã ba-la-mật* cũng chính là Trí tuệ *ba-la-mật*. Đây nói tóm cả việc tu tập sáu pháp *ba-la-mật*, bao gồm: bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định và trí tuệ.

“Thiện nam tử! Ví như chất kim cương đem đối chọi với vật khác thì không vật nào không tan nát, nhưng chất kim cương thì không tổn hại chút nào. Pháp *Tam-muội Kim cương* cũng vậy, đem so với các pháp khác thì không pháp nào không tan rã, nhưng pháp *Tam-muội* này không tổn hại chút nào.

“Thiện nam tử! Như kim cương là quý nhất trong các vật báu. Pháp *Tam-muội Kim cương* mà Bồ Tát đạt được cũng vậy, là bậc nhất trong các pháp *Tam-muội*. Vì sao vậy? Khi Đại Bồ Tát tu tập pháp *Tam-muội* ấy, tất cả các pháp *Tam-muội* khác đều theo về.

“Thiện nam tử! Như các vị tiểu vương đều theo về quy thuận *Chuyển luân Thánh vương*; tất cả các pháp *Tam-muội* cũng vậy, thấy đều theo về quy thuận pháp *Tam-muội Kim cương*.

“Thiện nam tử! Ví như có kẻ là thù địch của cả nước, làm cho mọi người đều căm ghét và lo sợ. Nếu có người giết chết kẻ ấy, thì mọi người không ai là không ca ngợi công lao ấy. Pháp *Tam-muội Kim cương* cũng vậy, Bồ Tát tu tập pháp *Tam-muội* ấy có thể phá tan tất cả những điều thù oán đối nghịch của chúng sanh, cho nên thường được sự tôn kính của tất cả các pháp *Tam-muội* khác.

“Thiện nam tử! Ví như có kẻ sức lực mạnh mẽ, cường tráng không ai địch nổi. Sau lại có người đủ sức khuất phục kẻ ấy. Nên biết rằng người này sẽ được người đời khen ngợi. Pháp *Tam-muội Kim cương* cũng vậy, có đủ sức tột phục những pháp khó tột phục. Vì nghĩa ấy nên tất cả các *tam-muội* khác đều theo về quy thuận.

“Thiện nam tử! Ví như có người tắm trong biển lớn, nên biết là người ấy đã dùng nước của các dòng sông, suối, khe rạch... Đại Bồ Tát cũng vậy, khi tu tập pháp *Tam-muội* Kim cang này, nên biết rằng đó là đã tu tập tất cả các pháp *Tam-muội* khác.

“Thiện nam tử! Như ở Hương sơn có một dòng suối tên là *A-na-bà-đạp-đa*.¹ Nước suối ấy có đủ tám vị, người uống vào thì không có các bệnh khổ. Pháp *Tam-muội* Kim cang cũng vậy, có đủ *Tám chánh đạo*, Bồ Tát tu tập pháp này dứt trừ các thứ bệnh nặng ung nhọt phiền não.

“Thiện nam tử! Như người cúng dường vị *Ma-hê-thủ-la*,² nên biết rằng đó là đã cúng dường tất cả chư thiên. Pháp *Tam-muội* Kim cang cũng vậy, nếu ai tu tập pháp ấy, nên biết rằng đó là đã tu tập tất cả các pháp *Tam-muội* khác.

“Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát nào trụ yên trong pháp *Tam-muội* Kim cang, sẽ thấy rõ được tất cả các pháp, không có chướng ngại, cũng như nhìn trái *a-ma-lặc* để trong lòng bàn tay. Bồ Tát tuy thấy rõ được như vậy nhưng không hề khởi lên ý tưởng thấy tất cả các pháp.

“Thiện nam tử! Ví như người ngồi nơi ngã tư đường, thấy rõ được những người đi đường qua lại. Pháp *Tam-muội* Kim cang cũng vậy, thấy rõ được những sự sanh, diệt, hiện ra, mất đi của tất cả các pháp.

“Thiện nam tử! Ví như người lên đỉnh núi cao, nhìn ra các hướng đều thấy sáng rõ. Ngọn núi *Tam-muội* Kim

¹ A-na-bà-đạp-đa: phiên âm từ tiếng Phạn là Anavatapta, cũng đọc là A-nậu-đạt, dịch nghĩa là Vô nhiệt hay Vô não nhiệt.

² Ma-hê-thủ-la, phiên âm từ tiếng Phạn là *Maheśvara*, dịch nghĩa là Đại Tự tại thiên, tức là vị Thiên vương cao nhất trong hai cõi Dục giới và Sắc giới.

cang cũng vậy, Bồ Tát lên đỉnh núi ấy nhìn ra các pháp đều thấy sáng rõ.

“Thiện nam tử! Ví như trong tháng xuân, trời đổ mưa lành, những giọt mưa đan khít với nhau không có kẽ hở, nhưng người có mắt sáng vẫn nhìn thấy được rõ ràng. Bồ Tát cũng vậy; tu tập pháp định Kim cang, được mắt thanh tịnh, nhìn xa về các thế giới ở phương đông, trong đó như có các thế giới hình thành hay hoại diệt đều thấy rõ, không có chướng ngại. Cho đến nhìn khắp mười phương cũng đều như vậy.

“Thiện nam tử! Như khi bầy mặt trời cùng lúc hiện ra từ núi *Càn-đà*, những cây cối rừng rậm ở núi ấy thảy đều khô rụi. Bồ Tát tu tập pháp *Tam-muội* Kim cang cũng vậy, hết thảy những cây cối phiền não đều tức thời diệt mất.

“Thiện nam tử! Ví như chất kim cang, tuy có thể phá vỡ được tất cả mọi vật, nhưng chẳng bao giờ sanh ý tưởng rằng: ‘Ta có thể phá vỡ.’ Pháp *Tam-muội* Kim cang cũng vậy, Bồ Tát tu tập rồi có thể phá trừ phiền não, nhưng chẳng hề sanh ra ý tưởng rằng: ‘Ta có thể phá trừ mọi phiền não trời buộc.’

“Thiện nam tử! Ví như mặt đất có thể giữ vững vạn vật, nhưng chẳng hề sanh ra ý tưởng rằng: ‘Sức ta có thể giữ vững mọi vật.’ Ngọn lửa cũng chẳng hề sanh ra ý tưởng rằng: ‘Ta có thể đốt cháy mọi vật.’ Nước cũng chẳng hề sanh ra ý tưởng rằng: ‘Ta có thể làm ướt tất cả.’ Gió cũng chẳng hề sanh ra ý tưởng rằng: ‘Ta có thể làm lay động mọi vật.’ Hư không cũng chẳng hề sanh ra ý tưởng rằng: ‘Ta có thể dung chứa tất cả.’ *Niết-bàn* lại cũng chẳng hề

sanh ra ý tưởng rằng: ‘Ta khiến cho chúng sanh được diệt độ.’ Pháp *Tam-muội* Kim cang cũng vậy, tuy có thể diệt trừ tất cả phiền não, nhưng chưa từng có tâm niệm rằng: ‘Ta có thể diệt trừ phiền não.’

“Nếu Bồ Tát trụ yên nơi pháp *Tam-muội* Kim cang, chỉ trong một ý niệm có thể biến hóa ra thân như Phật, số nhiều đến vô lượng, hiện đầy khắp các thế giới của chư Phật trong mười phương nhiều như số cát sông Hằng. Tuy Bồ Tát ấy biến hóa như vậy nhưng trong tâm không hề có ý tưởng kiêu căng, ngạo mạn. Vì sao vậy? Bồ Tát luôn nghĩ rằng: ‘Ai là người có phép định này, có thể thực hiện việc biến hóa như thế này? Duy chỉ có Bồ Tát trụ yên nơi pháp *Tam-muội* Kim cang này mới có thể làm được như thế.’

Đại Bồ Tát trụ yên nơi pháp *Tam-muội* Kim cang, chỉ trong một ý niệm có thể hiện đến khắp các thế giới của chư Phật trong mười phương, nhiều như số cát sông Hằng, rồi trở về chỗ cũ. Tuy có năng lực như vậy, nhưng Bồ Tát cũng chẳng nghĩ rằng: ‘Ta có thể làm như vậy.’ Vì sao vậy? Vì đó là nhờ sức nhân duyên của pháp *Tam-muội* này.

“Đại Bồ Tát trụ yên nơi pháp *Tam-muội* Kim cang này, trong một ý niệm có thể dứt trừ phiền não của chúng sanh trong các thế giới mười phương nhiều như số cát sông Hằng, nhưng trong lòng không hề có ý tưởng là [mình đã] dứt trừ phiền não của chúng sanh. Vì sao vậy? Vì đó là nhờ sức nhân duyên của pháp *Tam-muội* này.

“Bồ Tát trụ yên ở pháp *Tam-muội* Kim cương này, chỉ dùng một âm thanh để diễn thuyết, nhưng tất cả chúng sanh thuộc mọi loài đều nghe hiểu được rõ ràng; chỉ thị hiện một thứ hình sắc nhưng tất cả chúng sanh đều nhìn thấy đủ mọi tướng hình sắc; chỉ trụ yên một chỗ, thân không dời chuyển nhưng có thể khiến cho chúng sanh ở các phương khác nhau đều nhìn thấy được; chỉ diễn thuyết một pháp duy nhất, hoặc thuyết về các *giới*,¹ hoặc về các *nhập*,² nhưng tất cả chúng sanh đều tùy theo chỗ hiểu mà được nghe.

“Bồ Tát trụ yên ở *Tam-muội* này, tuy nhìn thấy chúng sanh nhưng không hề có tướng chúng sanh. Tuy nhìn thấy kẻ nam người nữ nhưng không hề có tướng nam, tướng nữ. Tuy nhìn thấy *sắc* nhưng không có tướng sắc, cho đến nhìn thấy *thức*³ cũng không có tướng thức. Tuy thấy ngày và đêm nhưng không có tướng ngày và đêm. Tuy thấy tất cả, nhưng không có tất cả tướng. Tuy thấy tất cả các mối phiền não trói buộc nhưng không có tất cả tướng phiền não. Tuy thấy *Tám Thánh đạo* nhưng không có tướng *Tám Thánh đạo*. Tuy thấy *Bồ-đề* nhưng không có tướng *Bồ-đề*. Tuy thấy *Niết-bàn* nhưng không có tướng *Niết-bàn*. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Vì tất cả các pháp vốn không có tướng. Nhờ sức của pháp *tam-muội* này, Bồ Tát thấy tất cả các pháp như thật, vốn là không có tướng.

¹ Giới: chỉ 18 giới, gồm 6 căn ở trong, 6 trần ở ngoài và 6 thức ở giữa.

² Nhập: chỉ 12 nhập, gồm sáu căn thiệp nhập với sáu trần, sáu trần thiệp nhập với sáu căn.

³ Từ sắc cho đến thức: chỉ năm ấm, tức là sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

“Vì sao gọi là pháp *Tam-muội* Kim cang? Thiện nam tử! Ví như kim cang ở giữa ánh sáng ban ngày thì màu sắc không nhất định. Pháp *Tam-muội* Kim cang cũng vậy, ở giữa đại chúng không có màu sắc nhất định. Cho nên gọi là *Tam-muội* Kim cang.

“Thiện nam tử! Ví như kim cang, tất cả người đời không thể định giá trị. Pháp *Tam-muội* Kim cang cũng vậy, tất cả loài người và chư thiên đều không thể ước lượng biết được công đức của nó. Cho nên gọi là *Tam-muội* Kim cang.

“Thiện nam tử! Ví như người nghèo được của quý là kim cang, ắt lìa xa cảnh nghèo túng khốn khổ, tà độc của ác quỷ. Đại Bồ Tát cũng vậy, đạt được pháp *tam-muội* này ắt có thể lìa xa các khổ phiền não, các tà độc của ma. Cho nên lại gọi là *Tam-muội* Kim cang.

“Đó gọi là Bồ Tát tu tập Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ sáu.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN HẾT QUYỂN HAI MƯƠI BỐN

HẾT TẬP IV